VĂN HỌC

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

hương thổ văn học
tạ quốc tuấn
trích sổ tay (di cảo)
trần dần
phỏng vấn nhà văn phùng nguyễn
triều hoa đại
đọc thơ nguyễn nam an
nguyễn vy khanh

tin văn
thế quân ● nguyễn quảng tuân

truyện
phạm hải anh ● lê hữu ● ngô viết trọng
nguyễn hoài phương ● đỗ tử hậu ● ninh hạ

thơ
tô thùy yên ● lê cần sơn ● trần thiện hiệp
ngô nguyên dũng ● trần hồng châu ● thận nhiên

182
THÁNG 6 2001

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Ban Chủ biên: Mai Kim Ngọc, Thạch Hãn,
Châu văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác

Chủ Nhiệm: Châu văn Thọ
Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper # 22 Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

❖

Đại diện Văn Học ở New Orleans, Louisiana
Nguyễn Khánh Hòa
2025 La Quinta Via, Harvey, LA 70058
Phone: (504) 368-4728

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: vanhoc@saigonline.com
Homepage trên Internet: http://www.saigonline.com/vanhoc/
Phone: **(714) 894-8535**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Văn Học

số 182 ● tháng 6, 2001

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
NGUYỄN VĂN TRUNG	3	văn chương hiện sinh
TÔ THÙY YÊN	16	*gặp gỡ giữa đường*
TẠ QUỐC TUẤN	18	hương thổ văn học
LÊ CẦN SƠN	30	*làm thơ như giữ đức tin*
NGUYỄN QUẢNG TUÂN	32	trao đổi với ông hồng huy về quyển 'đọc kỹ truyện kiều'
TRẦN THIÊN HIỆP	40	*gặp lại tháng giêng*
TRẦN DẦN	41	nhật ký (trích)
NGÔ NGUYÊN DŨNG	58	*thời khánh tận của đất*
PHẠM HẢI ANH	61	chiếc giỏ giấc mơ
TRẦN HỒNG CHÂU	64	*độc ẩm hoài cố nhân*
LÊ HỮU	65	giọt lệ chelsea
TRIỀU HOA ĐẠI	83	phỏng vấn nhà văn phùng nguyên
NGUYỄN VY KHANH	92	thơ nguyễn nam an
NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG	101	trí tuệ
THẬN NHIÊN	111	*dòng đầu ngày*
NGÔ VIẾT TRỌNG	112	con đò ma
NINH HẠ - NGUYỄN ĐỨC TÂM	117	margarita
ĐỖ TỬ HẬU	134	chứng nhân lửa luyện tội
THẾ QUÂN	141	tin văn
VĂN HỌC	143	giới thiệu sách mới
VĂN HỌC	155	hộp thư

Copyright by authors and Văn Học, 2001
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 2001

Thư tòa soạn
Văn Học

Văn Học tháng Sáu là một tuyển tập văn chương, hy vọng sẽ có trong hành lý quí bạn mang theo trong những ngày nghỉ hè, cho nên Ban Chủ biên cố ý giảm bớt những bài khảo cứu và gia tăng số trang cho phần sáng tác.

Các bạn sẽ đọc được những trang nhật ký trích từ cuốn *Ghi* của Trần Dần, để thấy những khổ đau, lo âu, sức mạnh chịu đựng lẫn những yếu đuối chao đảo của những nạn nhân vụ đàn áp Nhân Văn Giai Phẩm hồi thập niên 50 ở Miền Bắc. Qua lời ghi trung thực của Trần Dần, những văn nghệ sĩ nổi tiếng như Văn Cao, Phùng Quán, Trần Dần, Đặng Đình Hưng...hiện ra trọn vẹn như những con người bình thường của đời sống bình thường, và chính nhờ những lời chứng trung thực này mà vụ đàn áp Nhân Văn Giai Phẩm của chính quyền trở nên bi đát hơn, tàn nhẫn hơn. Các bạn cũng sẽ đọc được những truyện ngắn mới viết của nhiều nhà văn từng được yêu mến trên Văn Học, như Lê Hữu, Phạm Hải Anh, Nguyễn Hoài Phương; và ba người viết vừa cộng tác với Văn Học là Đỗ Từ Hậu, Ninh Hạ - Nguyễn Đức Tâm và Ngô Viết Trọng. Như bạn đọc sẽ nhận ra, ba nhà văn vừa góp bài cho Văn Học không phải là những nhà văn trẻ tuổi. Kinh nghiệm đời, bao nhiêu thăng trầm trải qua đã là chất liệu quí báu để văn chương của quí vị đó có sự thâm trầm đầy sức thuyết phục. Đồng thời, phần thơ của số báo này cũng phong phú với đóng góp của các nhà thơ Tô Thùy Yên, Lê Cẩn Sơn, Trần Thiện Hiệp, Ngô Nguyên Dũng, Trần Hồng Châu, Thận Nhiên.

Chúc các bạn một mùa Hè hứng thú và đầy ắp kỷ niệm đẹp.

Văn chương hiện sinh

Nguyễn văn Trung

(tiếp theo kỳ trước)

Nhân vấn đề chủ nghĩa hiện sinh, minh xác một vài điều về sự du nhập và phổ biến những trào lưu tư tưởng Tây phương ở VietNam trước 75.

Ở miền Nam trước đây, cho đến ngày 30-4-75 văn hóa Pháp vẫn giữ địa vị hầu như độc quyền trong giới trí thức thành thị. Trên các lãnh vực giáo dục (đại học, trung học, trường Tây, trường đạo dạy chương trình Pháp), và văn hóa (thư viện, nhà sách...) chủ yếu chỉ thông dụng sách báo Pháp. Những người làm công tác giảng dạy, biên khảo, sáng tác, dịch thuật, tuyệt đại đa số đều được đào tạo trong các trường chịu ảnh hưởng văn hóa Pháp, hoặc ở trong nước hoặc đi du học về. Ngoài ra, còn phải kể cả một đội ngũ giáo sư người Pháp thuộc "Phái bộ văn hóa Pháp" giảng dạy văn học, tiếng Pháp ở các trường trung học và đại học Văn khoa (1).

Tiếng Pháp vẫn là tiếng giao dịch, ngay cả giữa người Mỹ và người Việt, nhất là vào thời kỳ đầu. Vì thế, những người Mỹ nào sang làm việc ở miền Nam mà biết tiếng Pháp kể như có thêm một lợi điểm. Cho nên thật dễ hiểu khi thấy trong nhà trường, sách báo xuất bản, những tác giả văn học Pháp hiện đại như Sartre, Camus được những người làm công tác giảng dạy, biên khảo kể trên, người Việt và người Pháp nói đến...

Người trí thức miền Nam được đào tạo trong các trường thuộc văn hóa Pháp thường có một quan niệm coi việc làm văn hóa, văn học như một công trình thuần túy văn hóa, văn học, phi chính trị: giới thiệu trình

bày một tác giả, một trào lưu văn học, có thế nào nói thế, mà không cần thiết phải chủ trương theo hoặc chống. Nếu họ có thích mà theo, hay ghét mà chống, thì cũng tự mình làm, chẳng cần ai hoặc chịu để ai xúi giục... Nhưng một cách sâu xa hơn, người trí thức Việt Nam sống trong hoàn cảnh lệ thuộc nước ngoài bấy giờ cũng như thời xưa thường phân biệt sự thống trị về chính trị của Trung Hoa, Pháp... với văn hóa của những nước đó. Họ chống sự thống trị của phong kiến Trung Hoa, thực dân Pháp, nhưng chấp nhận về phương diện ý thức hệ, nền văn hóa của những nước thống trị mình vì coi những giá trị văn hóa là phổ biến (văn nho, nho học, tuy viết bằng chữ nho, xuất phát từ Trung Quốc, nhưng không phải là của riêng Trung Quốc, vì nó là chân lý giá trị). Hơn nữa đôi khi còn nhân danh chính những giá trị văn hóa của nước thống trị để chống lại sự thống trị về chính trị của nước đó. Cho nên, nền văn học cổ điển Việt Nam đã không thể tách rời văn nho và nho học cũng như văn học cận đại không thể tách rời Pháp văn và Tây học, vì mọi nhà văn ít nhiều đều chịu ảnh hưởng một tác giả, một trường phái Trung Hoa, Pháp về tư tưởng hay cốt truyện, bút pháp... Chẳng hạn văn chương Pháp có trào lưu lãng mạn, tả chân, thì văn học cận đại Việt Nam cũng có lãng mạn, tả chân. Trước đây mê Gide, Rimbaud, Verlaine, Bergson, thì bây giờ mê Sartre, Camus, Malraux...

Giới trí thức Việt Nam cảm thấy gần gũi về văn hóa, với những tác giả Pháp, Tây phương tuy ở cách xa họ hàng vạn cây số và xa lạ với những tác phẩm Miên, Lào, Thái (thực ra không biết có ai nữa) tuy nó ở ngay bên cạnh, là hàng xóm láng giềng. Sự kiện trên bày tỏ một hoàn cảnh thuộc địa, đế quốc văn hóa vì sự giao lưu chỉ có một chiều: Người Việt Nam đọc, chịu ảnh hưởng văn hóa Pháp, ngược lại người Pháp rất ít để ý đến văn hóa Việt Nam. Hoàn cảnh thuộc địa này có thể tồn tại lâu dài sau khi sự thống trị kinh tế, chính trị không còn nữa. Lúc đó, nó có tác dụng tạo điều kiện thuận lợi cho việc thiết lập những quan hệ hữu nghị, hai bên đều có lợi về kinh tế, giữa nước thực dân và thuộc địa cũ vì cả hai đều ở trong một gia đình, cộng đồng ngôn ngữ và như có người đã nói: về ngoại giao, nếu nói cùng một thứ tiếng kể là đã đồng ý được một nửa rồi.

Người Pháp rất hiểu tầm quan trọng của thứ đế quốc ngôn ngữ này, nhưng trước đây đã chỉ chú ý tranh thủ thiểu số trí thức dựa vào quan niệm coi người trí thức là kẻ lãnh đạo tinh thần như kẻ sĩ thời xa xưa. Tranh thủ được giới này là nắm được quần chúng. Những người làm văn hóa, văn học trong thời kỳ Pháp thuộc đã tạo ra một nền văn học chịu ảnh hưởng văn hóa Pháp và nền văn học đó vẫn còn kéo dài đến ngày

30-4-75. Từ sau năm 1954, sự thống trị về chính trị của người Pháp chấm dứt ở miền Nam, nhưng văn hóa Pháp vẫn tiếp tục chi phối mọi sinh hoạt văn hóa qua trung gian giới trí thức thành thị đã và vẫn còn được đào tạo trong các trường học chịu ảnh hưởng văn hóa Pháp.

Người Mỹ cũng rất hiểu những lợi ích của "cộng đồng ngôn ngữ" và cũng muốn thực hiện đế quốc ngôn ngữ. Vì thế, họ phát huy mạnh mẽ việc dạy tiếng Anh. Nhưng khác với người Pháp, họ không chú trọng chủ yếu nhằm tranh thủ thiểu số trí thức vì giới này càng ngày càng bị phá sản. Dân chúng mất tin tưởng, thất vọng, oán trách, đả kích trí thức như đã thấy phản ánh thường xuyên trên báo chí hằng ngày trước 1975.

Căn cứ vào việc phá sản của tầng lớp trí thức, người Mỹ thay đổi "chính sách chinh phục tinh thần" của thực dân, không đi từ trên xuống dưới như người Pháp đã làm, mà đi từ dưới lên, nghĩa là nhằm tranh thủ đại đa số quần chúng thuộc các tầng lớp dưới.

Chẳng hạn về giáo dục, họ chú trọng trước hết đến ngành tiểu học. Trên đại học, đặc biệt lo phát triển y khoa vì cho rằng chỉ người thày thuốc chữa bệnh mới gần gũi quần chúng bình dân và do đó có khả năng tác động vào quần chúng. Khả năng tác động này sẽ chứng tỏ sự lợi ích hiệu nghiệm của nó khi những người thày thuốc gần dân được khuyến khích làm chính trị.

Người Mỹ không mở những trường học dạy văn hóa Mỹ như người Pháp, cũng ít chú trọng việc phổ biến văn học Mỹ. Hội Việt Mỹ, ngoài việc tổ chức dạy tiếng Anh, nếu có sinh hoạt văn hóa lại chỉ nói đến văn hóa Việt Nam. Số sách báo, phim ảnh tiếng Anh nhập cảng thật không đáng kể so với sách báo tiếng Pháp hoặc phim ảnh Ấn Độ (2).

Tóm lại, trong lãnh vực sinh hoạt văn hóa của giới trí thức thành thị, người Mỹ chưa thể chi phối mạnh mẽ vì chưa đào tạo được một lớp trí thức mới thay thế lớp trí thức chịu ảnh hưởng văn hóa Pháp vẫn còn hầu như độc quyền nắm giữ những hoạt động văn hóa và giáo dục (Đại học Văn khoa, Luật khoa vẫn là thành trì của văn hóa Pháp; số trí thức ở Mỹ về, đã ít lại chỉ lo kinh doanh nhiều hơn là làm văn hóa).

Nhưng lý do chính ở tại người Mỹ chủ trương một đường lối chi phối văn hóa khác.

*

Thực dân cũ dùng những chính sách ngu dân, bưng bít, cấm đoán để ngăn chặn sự phát huy văn hóa của quần chúng, vì chỉ chú trọng nhằm tranh thủ giới thượng lưu trí thức, hoặc những rượu ty, thuốc phiện, mê tín dị đoan để đầu độc, nghĩa là dùng cái xấu, cái tiêu cực nhằm bảo vệ duy trì sự bóc lột, thống trị.

Tìm hiểu chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam trước đây, mà chỉ thấy những tệ đoan xã hội (xì ke, ma túy, mãi dâm...) như những hậu quả của chính sách thực dân mới thì e rằng chưa làm nổi bật lên được những đặc điểm thực sự của nó. Nước ngọt Coca Cola, sữa tươi, cam táo, thuốc lá thơm, kẹo chewing-gum, quần din (jeans), tivi, tủ lạnh, nhạc kích động, sách báo loại phổ thông đại chúng (digest) v.v... nếu có đầu độc, chắc hẳn không giống rượu ty, thuốc phiện thời Pháp thuộc; vì một dàng bản thân phương tiện là xấu, tai hại và cách cưỡng bách thật thô bạo, vô nhân đạo, còn một dàng, bản thân phương tiện thường là tốt, tự nó đã cám dỗ, mời gọi không cần ép buộc, chỉ một cách dùng nào đó có khả năng đầu độc thôi. Thực dân cũ thực hiện sự bóc lột, thống trị bằng cách làm cho người dân càng ngày càng nghèo đi, ngu dốt, ốm yếu cả về tinh thần lẫn thể xác. Trái lại thực dân mới bằng cách chia sẻ ít nhiều sự giàu có thịnh vượng cho kẻ bị trị, làm cho con người của họ mạnh khỏe, có trình độ năng lực vì có lành mạnh, khả năng, làm việc mới có năng suất. Tóm tắt, thực dân mới nói đến phát triển, tiến bộ, khoa học kỹ thuật, hiện đại hóa v.v... Khi người Mỹ dùng báo chí, vô tuyến truyền thanh truyền hình, để giới thiệu việc người Mỹ lên mặt trăng, họ tin rằng bản thân việc giới thiệu hoàn toàn có tính cách khoa học, kỹ thuật đã có một khả năng thuyết phục lớn lao về văn hóa, chính trị nơi người xem, nghe, đọc, làm cho họ phải nhận Hoa Kỳ là một nước giàu mạnh nhất thế giới, về kinh tế cũng như về văn hóa, vì nếu không có trình độ khoa học kỹ thuật cao không thể phát triển mạnh về kinh tế. Khán giả, độc giả phục một khuôn mẫu phát triển, do đó coi Hoa Kỳ như miền Đất Hứa, mơ ước đi Hoa Kỳ, bắt chước trở thành Hoa Kỳ như Johnson đã tự hào tuyên bố trong một chuyến công du: "Máy bay của tôi dậu trên 30 nước khác nhau, và trên những khuôn mặt đứng đón tôi bên cầu thang máy bay, bao giờ tôi cũng đọc thấy ước muốn trở thành một công dân Mỹ".

Thực ra để sự cảm phục trên được dễ dàng chấp nhận, những tư tưởng đồ dùng, vật dụng tiêu biểu cho một nền văn hóa phải có vẻ như phi ý thức hệ, phi chính trị, phi giai cấp, chỉ xuất hiện như những gì là hay, đẹp, đúng, tốt, bền, rẻ, giúp cho đời sống tinh thần và vật chất thêm thoải mái, dễ chịu, giải trí lành mạnh, không đụng chạm đến tự ái dân tộc, tuy chính việc sử dụng những tư tưởng, đồ dùng đó bao hàm một lựa chọn ý thức hệ.

Những tư tưởng, vật dụng văn hóa này cũng nhằm phục vụ số đông, không phải chỉ một thiểu số ưu đãi, trí thức. Lấy một ví dụ: chẳng hạn quần din (jeans). Lúc đầu quãng 15 năm trước đây, ở miền Nam, chỉ những người rất trẻ, táo bạo, "chịu chơi" mới mặc quần din, còn được

gọi là quần cao bồi, và chỉ mặc lúc đi chơi. Nhưng đàn đà về sau, những người đứng tuổi cũng mặc quần din và mặc cả trong những lúc không phải đi chơi, như ở nhà trường, văn phòng. Mặc quần din trở thành một mốt thịnh hành và được chấp nhận như một lối mặc quen thuộc, vì tiện lợi: có thể giặt bằng nước lã, không cần ủi, hoặc bận quần din làm cho có cảm tưởng trẻ lại mà không phải thiếu đứng đắn. Tại Sài Gòn, trước đây nhiều nhà may nổi tiếng về nghề may quần din như Adam, Việt Dũng, Xuân... Tuần báo Newsweek hồi 1973 có bài nói về quần din và được tờ "Triển Vọng", tập san xuất bản 2 tháng một số của Sở Thông Tin Hoa Kỳ tại Sài Gòn dịch và in lại (số đề 74/3).

Theo tác giả bài báo, quần din dĩ nhiên được chấp nhận khắp nơi trên nước Mỹ và khắp nơi trên thế giới. Quần có nhiều kiểu: có thể là kiểu thẳng ống, hoặc mỏng bó tròn như cái chuông, gấu có thể lớn nhỏ, xổ gấu hoặc cắt ống, quần có thể xệ rốn hay cao tới nửa ngực, mầu có thể xanh dậm, xanh nhạt hoặc rực rỡ nhiều mầu chói mắt; có thể kẻ ô, in hoa hay dệt chữ: Thoạt đầu, quần din là thứ quần riêng của những người lao động đi tìm vàng trong những hầm mỏ ở California bên Mỹ, những người cần những cặp quần thật bền, thật chắc. Bây giờ quần din đã biến thành quần của mọi hạng người, người trẻ và người không còn trẻ lắm, nam và nữ, người thợ và ông vua (Công chúa Anne nước Anh và vua Hassan II nước Maroc đều thích bận quần din), người chuyên viên và người đi biểu tình chính trị; như thế là quần din đã "trở thành một thứ đồng phục cho nhân dân thế giới". Người ta mặc để che thân, hoặc để được dễ chịu, hoặc để cho đẹp, trẻ, hợp thời trang. Quần din do công ty Lévi-Strauss độc quyền sản xuất đã 100 năm nay, cha truyền con nối. Hiện nay công ty có văn phòng ở 35 quốc gia và nhà máy ở 12 nước khắp Âu châu, Nam Mỹ, Bắc Mỹ, Á châu... Chỉ ở Âu châu, một năm, các nhà hàng bán quần din đã thu được 2 triệu Mỹ kim. Tính trung bình cả thế giới một năm tiêu thụ 500 triệu cặp quần din. Công ty cũng tính tới cả việc mở rộng thị trường ở các nước xã hội chủ nghĩa như ở Tiệp Khắc, Hungari, Liên Xô. Người ta tin tưởng khi được phép, quần din sẽ bán chạy ở Liên Xô vì hiện nay quần din mang nhãn hiệu Lévi bán chợ đen tới 90 Mỹ kim một chiếc ở Liên Xô.

Ở nơi này, quần din là hình thức biểu lộ sự phản đối nền nếp xã hội của giới trẻ như nhà xã hội học Mac Luhan đã nhận định: "Quần din tượng trưng cho thái độ chống đối của con người trước những gì đã trở thành khuôn khổ nhất định"; chỗ khác, quần din là một cách biểu lộ "tinh thần biên cương của những người không có biên cương" như nhà tâm lý học J.P. Soubrier đã nói. Nhưng ý nghĩa nổi bật, phổ biến mà

quần din mang nhãn hiệu Hoa Kỳ muốn bày tỏ đó là một kiểu y phục làm cho xã hội thế giới trở thành bình đẳng, đồng nhất vì một khi "nhà tỷ phú Gianni Agnelli (chủ hãng xe hơi Fiat) đã mặc quần din, ông ta sẽ chẳng khác gì những công nhân trong xưởng xe hơi Fiat của ông". Quần din biểu lộ sự bình đẳng, xóa bỏ giai cấp vì chủ thợ đều mặc quần một kiểu. Quần din như thế đưa dủ hạng người vào một thứ mê hồn trận sâu rộng. Nó quả là một hình thức đầu độc, nhưng không phải thứ đầu độc làm hại lộ liễu như rượu ty, thuốc phiện, mà là một thứ đầu độc tinh vi, làm tê liệt khả năng đối kháng nhằm thực hiện mẫu người nhất loạt (l'homme standard) vô danh cùng một nếp sống, ăn mặc, suy tưởng, mẫu người của đế quốc văn hóa và kinh tế hiện đại...

Do đó muốn tìm hiểu những hình thức xâm nhập, chi phối về văn hóa của đế quốc, thiết tưởng nên để ý đến chẳng hạn những chương trình truyền hình của đài Mỹ trước đây, những loại tạp chí phổ thông thuộc loại "digest" bằng tiếng Anh, Pháp hoặc bằng tiếng Việt bắt chước tạp chí Anh-Mỹ - cái gọi là "văn hóa đại chúng".

Còn thơ văn của những tác giả như Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Vũ Khắc Khoan, của những tạp chí, nhà xuất bản như *Sáng Tạo, Văn, Vấn Đề, Văn Học* v.v... chỉ lưu hành trong giới trí thức trẻ ở các đô thị, và ngay cả trong giới nhỏ hẹp đó, không phải tất cả đều đọc hoặc biết đến những tác giả, tạp chí kể trên; nếu nói đến ảnh hưởng còn bị hạn chế hơn nữa... Tuyệt đại đa số dân chúng ở các tầng lớp, môi trường xã hội khác không hẳn đã biết đến Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền là ai. Cho nên văn hóa thực dân mới chú ý tới nhiều hơn những người giúp việc trong gia đình của Vũ Khắc Khoan, Thanh Tâm Tuyền, nghĩa là chú ý thỏa mãn nhu cầu đọc, xem của đông đảo quần chúng vô danh bằng một nền văn hóa phục vụ đại chúng, vì những khán giả, độc giả là quần chúng này bao giờ cũng chỉ tìm thấy những món ăn tinh thần đã được dọn thật thích hợp với yêu cầu của họ.

Không phải chỉ những nước chậm tiến, trực tiếp nằm trong quỹ đạo của đế quốc mới chịu sự chi phối của văn hóa đại chúng mang nhãn hiệu Hoa Kỳ, mà cả những nước thực dân cũ như Pháp cũng phải chịu sự chi phối càng ngày càng nặng nề của nền văn hóa đại chúng trên (3).

Chiến lược toàn cầu (chiến lược này đã bắt đầu áp dụng ở miền Nam) của đế quốc văn hóa chủ yếu dựa vào chủ trương phổ biến nền văn hóa đại chúng không cần đến thứ văn hóa đồi trụy, tiêu cực vì thứ văn hóa này không thích hợp với những mục tiêu đề ra. Còn hiện sinh dích thực không dính líu gì với văn hóa đồi trụy. Nhưng ngay cả hiện sinh như một trào lưu triết học, văn học, người Mỹ cũng không có chủ trương

du nhập phổ biến nó, vì họ không chú trọng nhiều đến loại văn học bác học, như đã nói ở trên (văn hóa Mỹ ít được giới thiệu qua sách báo), và nhất là vì văn hóa Mỹ không có trào lưu triết học, văn học đó.

Những trào lưu triết học hiện sinh, cơ cấu luận rất xa lạ, không thích hợp với truyền thống tư tưởng, tôn giáo, văn hóa Anh-Mỹ vốn có đặc điểm thực dụng, không sinh biến những vấn đề thuộc chuyên môn, phương pháp khoa học (như phương pháp cơ cấu của nhân chủng học, dân tộc học...) dành cho những người chuyên môn, thành những triết thuyết, trào lưu văn chương gây ra những tranh luận vượt khỏi lãnh vực khoa học, những "mốt" suy tư có tính thời trang, ồn ào mà đôi khi chẳng đi đến đâu (4).

Trong những phúc trình phê phán nền đại học Việt Nam (chẳng hạn như phúc trình của phái đoàn Đại học Wisconsin hồi 1967) có điểm chỉ trích nền đại học này là lý thuyết viển vông, xa rời thực tế và nêu đích danh những ảnh hưởng văn hóa Pháp như một nguyên nhân chính.

Những cơ quan USAID, ASIA FOUNDATION thường chỉ tài trợ cho đi tu nghiệp dự hội nghị văn hóa trong vùng thuộc khu vực đô la, nghĩa là không phải Âu châu.

Nói như trên không phải cho rằng đế quốc không có ý đồ gì về văn hóa, mà chỉ muốn nói: nếu đế quốc có ý đồ thì không hẳn ở chỗ chủ trương du nhập, phổ biến chủ nghĩa này, trào lưu kia, mà là ở chỗ cho du nhập mọi chủ nghĩa, trào lưu kể cả của đối phương, xuyên tạc nó cũng có, mà giới thiệu nghiêm chỉnh cũng có, để cho người theo cứ theo, nhưng cũng để ai muốn chống, được chống, nghĩa là ở chỗ nhằm thực hiện ý thức hệ tự do (tự do buôn bán, kinh doanh, tự do giao lưu văn hóa) tạo tư tưởng xác tín vào một chế độ để cho con người tự do theo hay không theo trong sinh hoạt cảm nghĩ, sáng tác, biên khảo, giảng dạy văn học, triết học... và do đó trở thành đối kháng, khó chịu (allergique) với một chế độ mà sự du nhập văn hóa có lựa chọn và sinh hoạt văn hóa có chỉ đạo chặt chẽ.

Tuy nhiên, ý thức hệ tự do trên không hoàn toàn được thực hiện vì bị những hạn chế của các chính quyền Sài Gòn, nhất là chính quyền Ngô Đình Diệm. Người Mỹ miễn cưỡng chấp nhận những hạn chế tự do dân chủ kiểu Tây phương vì hai lý do:

1. Truyền thống khắc kỷ đạo đức Á Đông còn mạnh.

2. Trình độ học thức và giác ngộ chính trị của dân chúng còn thấp.

Chính vì thế mà ở miền Nam trước đây, chưa có tự do du nhập phổ biến các tư tưởng, sách báo, phim ảnh thuộc ý thức hệ Cộng Sản và khối các nước xã hội chủ nghĩa (hạn chế về chính trị) và về luân lý, chính

quyền Sài Gòn, các tổ chức, báo chí văn hóa chống Cộng đều chống những khuynh hướng văn học mà họ coi là đồi trụy (trong đó có văn chương hiện sinh mà họ cũng hiểu lầm là đồi trụy). Việc kết án này dựa vào lý do văn chương đồi trụy gây tác dụng xấu, ru ngủ làm cho thanh niên quên lãng thực tại đất nước đang bị Cộng Sản đe dọa xâm lăng, xa rời đạo lý là nền tảng kiên cố chống Cộng Sản bị coi là vô luân (5).

Thiết tưởng muốn phê phán đúng chủ nghĩa thực dân mới về văn hóa xuất phát từ nhận thức nó có những đặc điểm khác, thâm độc hơn thực dân cũ, phải tìm hiểu chiến lược toàn cầu của đế quốc văn hóa và ở Việt Nam. Chiến lược đó đã được áp dụng thế nào, đến mức độ nào để tránh gán cho đế quốc những gì nó không chủ trương và vì gán cho nó làm những gì nó không làm nên không còn thấy được những gì nó muốn làm thật sự là thâm độc, hiệu nghiệm.

Trong viễn tượng trên, chúng tôi đề nghị dặt công việc tìm hiểu cái gọi là "Văn hóa đại chúng dựa vào những phương tiện truyền thông hiện đại".

Riêng về việc du nhập, phổ biến trào lưu hiện sinh, như chúng tôi đã trình bày ở trên, người Mỹ không chủ trương du nhập, phổ biến, còn các chính quyền Sài Gòn đều chống về mặt gán ghép nó một cách sai lầm với văn chương đồi trụy, và ngay cả về mặt triết học nghiêm chỉnh (tinh thần phản kháng và khuynh hướng vô thần của nó).

*

Để tìm hiểu việc phổ biến trào lưu hiện sinh và những tác động của nó, chúng tôi xin gợi một vài hướng chính như sau:

Trước hết, cần lưu ý sự hiểu biết và sử dụng triết học hiện sinh tùy thuộc vào người nói, viết và vào hoàn cảnh, chính trị xã hội của từng thời kỳ. Do đó có những xu hướng khác nhau, không thể gom tất cả vào một và cũng có những thời kỳ khác nhau, tuy sự phân chia này không rõ rệt dứt khoát, thời kỳ sau nối tiếp thời kỳ trước chấm dứt, và có thể cả hai vẫn tồn tại song song...

Về xu hướng lớn, có thể chia thành hai:

1. Xu hướng giới thiệu, trình bày.

a/ Xu hướng nhà trường, giáo khoa: Hầu hết do những nhà giáo giới thiệu theo tinh thần đại học: Có sao nói vậy hoặc giảng trong lớp học hoặc viết sách báo. Chú trọng nhiều về mặt triết học, ít chú ý đến mặt văn học và chính trị (chẳng hạn Tạp chí *Đại Học*).

b/ Xu hướng viết báo: Giới thiệu những biến cố văn học, có ý nghĩa triết học hay tác dụng chính trị, theo dõi thời sự văn nghệ, vì thế chú trọng nhiều hơn về mặt văn học, chính trị của trào lưu này (*Bách*

Khoa, Văn, Văn Học...)

2. Xu hướng tiếp thu, áp dụng vào thực tế Việt Nam

Chúng tôi thấy có mấy hướng lớn như sau:

a/ Hiện sinh và Phật giáo.- Tìm hiểu đối chiếu xem cái gì là tương đồng dị biệt và cái gì tiếp thu được hoặc có thể sử dụng để diễn tả (dùng khái niệm hiện sinh diễn tả khái niệm Phật học).

b/ Hiện sinh và Phê bình văn học. Có một vài cố gắng như của Đặng Tiến "Cuộc gặp gỡ giữa Ôn Như Hầu và Camus" (Văn số 15/1/1964) và Lê Tuyên "Chinh Phụ Ngâm và Tâm thức lãng mạn của kẻ lưu đày" (nhà xuất bản Đại Học); Thời gian hiện sinh trong Đoạn Trường Tân Thanh (Tạp chí *Đại Học* số 9).

c/ Sáng tác văn chương. Chúng tôi chưa có thời giờ để tìm hiểu và xác định xem có những tác phẩm tiểu thuyết, kịch nào thực sự mang tính chất hiện sinh, nhưng thứ văn chương của Chu Tử, Nguyễn Thị Hoàng, Lệ Hằng v.v... mà người ta gọi là hiện sinh, sa đọa đồi trụy chỉ là mạo nhận hoặc gán ghép. Sự kiện này không có gì là lạ. Ngay ở Pháp cũng có thời (1945-50) Sartre bị vu khống chụp mũ vì hiện sinh của ông được hiểu là chán đời, tự tử, phóng đãng như các báo hằng ngày thường loan truyền.

d/ Hiện sinh và thực tế chính trị, xã hội Việt Nam (1945-1975). Hồi đầu chiến tranh Việt Pháp, dư luận Pháp ngay cả những người thiện cảm với Việt Nam cũng hoang mang trước những luận điệu của thực dân, nhà cầm quyền Pháp. Ông Trần Đức Thảo đã viết một bài báo đăng trong Tạp chí *Les Temps Modernes* do Sartre chủ trương. Ông dùng ngôn ngữ, những khái niệm của triết học hiện sinh, lúc đó đang bắt đầu thịnh hành, để diễn tả, giải thích "nguồn gốc tranh chấp Pháp-Việt". Bài báo đã giúp nhiều người Pháp, Việt hiểu vấn đề và có một tác dụng rất tốt bênh vực chính nghĩa Việt Nam (6).

Riêng phần chúng tôi, từ 1964 trở đi, cũng thử dùng một số khái niệm, lối nhìn hiện tượng học và hiện sinh để đặt và diễn tả những vấn đề chiến tranh, cộng sản, đế quốc... Chẳng hạn đề tài Thân xác, Tha nhân, Ngụy tín, đòi hỏi chân thực (authenticité) (7).

Về thời kỳ, có thể phân chia:

Từ 1961-1963: giới thiệu nhiều về mặt triết học (xu hướng nhà trường)

Từ 1963-1970: một loạt những tác phẩm tiểu thuyết của Chu Tử, Nguyễn Thị Hoàng... bị gán ghép là hiện sinh, đồi trụy xuất hiện.

Từ 1963-1975: xu hướng giới thiệu về mặt văn học, chính trị (xu

hướng viết báo)

Từ 1965-1973: xu hướng áp dụng hiện sinh vào thực tế chính trị

Từ 1965-1975: xu hướng đối chiếu Phật giáo và hiện sinh.

Về tác động, nếu tạm gác những hậu quả của thứ văn chương mạo nhận hay bị gán ghép là hiện sinh, và chỉ xét những hậu quả của sự tiếp xúc chịu ảnh hưởng thực sự của thuyết hiện sinh, chúng tôi thấy có hai hướng:

1/ Hướng tiêu cực: một số có khiếu nghệ sĩ, lựa chọn thái độ tiêu cực (phủ nhận chính trị mà họ cho là xấu, phức tạp) để làm văn nghệ viển mơ, văn nghệ phi chính trị. Một số thái độ có tác dụng chính trị tiêu cực, quan niệm "luân lý hoàn cảnh", ảo tưởng về sự sáng suốt (Sartre) hoặc do quan niệm bi đát về cách mạng tất yếu biến thành thể chế (institution) trong lịch sử (như Camus đã minh chứng trong "l'homme révolté") v.v...

2/ Hướng tích cực: Tham gia các phong trào tranh đấu. Ở đây có thể tìm hiểu tác động của những khái niệm: dấn thân, tự quyết định lấy số phận của mình, ý thức trách nhiệm liên đới, đòi hỏi chân thực, chống ngụy tín về chính trị. Về mặt tích cực này, cũng có những điểm có thể gây khó khăn, cản trở cho sự tham gia tranh đấu. Chẳng hạn thái độ trước vấn đề cứu cánh và phương tiện như Sartre đã trình bày trong vở kịch "Les Mains Sales": theo Hugo, người trí thức tham gia dè dặt ngần ngại, hay theo Hoederer, người đảng viên không ngần ngại dùng mọi phương tiện để đạt cứu cánh là lý tưởng cách mạng? (8)

Ghi chú

1. Phái bộ Văn hóa Pháp thường tổ chức những buổi diễn thuyết về hiện sinh do các học giả từ Pháp sang hay do các giáo sư thuộc phái bộ, cộng tác ở miền Nam. Đặc biệt có giáo sư Pierre Ansart, người Mác xít, bà con với Gustave Ansert, ủy viên trung ương đảng C.S. Pháp, thường chọn Sartre và Camus làm đề tài giảng khóa và diễn thuyết nói về hai người trên với rất nhiều thiện cảm. Ông hay được đài Hà Nội lúc đó nhắc tới (trước 1963).

2. Xem "Thuyết trình của Bộ Thông tin" "Tình hình xuất bản và nhập cảng sách từ 1957 đến nay và sở thích của độc giả. Hội thảo về hiện trạng và chiều hướng phát triển sách tại Việt Nam" (Sài Gòn 1972).

3. Xem *Le Monde diplomatique* số 249, tháng 12/1974. Tài liệu đặc biệt về "Đế quốc văn hóa" trình bày và chứng minh văn hóa Pháp đang bị Mỹ-hóa thế nào qua sự chấp nhận mô phỏng những tiêu chuẩn, lề lối Mỹ trong việc dịch, biên khảo, sáng tác, thông tin, làm báo v.v...

4. Để giải thích tại sao thuyết hiện sinh chỉ có ở Pháp, Đức, Đan Mạch mà

không có ở các xứ Anh-Mỹ, Paul Tillich, một nhà thần học đã viết: "L'angleterre est le seul pays d'Europe où le problème existentiel de trouver un nouveau sens à la vie ne signifie absolument rien parce que le positivisme religieux et la tradition religieuse y ont vécu côte à côte, unis par un conformisme social qui a écarté les questions radicales relatives au sens de l'existence humaine. Il est important de noter que le seul pays depourvu de philosophie existentialiste, est celui dans lequel au cours de la période qui va de 1830 à 1930 la tradition religieuse était la plus forte. Cela fait ressortir une fois de plus la dépendance de la philosophie existentialiste à l'égard des problèmes crées par "l'effrondement de la tradition religieuse sur le continent européen" trong *Theology of Culture* (1959) tr. 108, trích lại trong Foi chrétienne et Autres croyances. Stephen Neil, nxb. Mame, tr. 283.

5. Hồi 1960, Tuần báo **Văn Đàn**, được sự bảo trợ của Phủ Tổng Thống đã mở một loạt bài đả kích dữ dội những truyện ngắn, biên khảo đăng trong "Sáng Tạo" bị gán ghép là văn chương hiện sinh bị kết án là đồi trụy, sa đọa, bất lợi cho chính nghĩa chống Cộng: "Trong khi chính quyền do Ngô Tổng Thống lãnh đạo muốn phục hưng ngay cả kỷ cương truyền thống, trong khi chủ nghĩa vô thần Cộng Sản đe dọa, mà họ reo rắc những hoài nghi như vậy vào tai con em, thì công cuộc kiến thiết liệu có đi đến kết quả không? Đương lúc chúng ta cần chấn chỉnh phục hưng xây dựng, cần có kỷ luật, đường lối thì những người viết văn kia lia lịa ném vào quần chúng những sự độc hại kia, Cộng Sản có mong gì hơn đâu? Cộng Sản chỉ mong cho có hạng tiếp tay nối giáo như vậy, để phá gia đình, phá kỷ luật chung". Văn Đàn số 27, 17/12/1960.

Tạp chí *Quần Chúng*, của một nhóm trí thức, văn nghệ trẻ, chủ trương cách mạng chống Cộng triệt để cũng kịch liệt đả kích thứ văn chương sa đọa bị gán ghép với hiện sinh. Xem Cao Thế Dung trong bài "Tiểu thuyết Nguyễn Thị Hoàng, sự buồn lậu tư tưởng trong một con bệnh đâm thành phố" số tháng 6/1968.

Ngay cả hiện sinh như một triết học cũng bị đố kỵ chống đối. Một số người (trong đó có tác giả hài này) đã bị dàn áp (như không cho dạy học) vì bị kết tội là cổ võ cho chủ nghĩa hiện sinh, nhất là dưới thời Ngô Đình Diệm.

6. Bài báo của ông Thảo (số tháng 2/1946) được Hội Liên hiệp Việt kiều ở Pháp in ronéo phổ biến. Chúng tôi biết bài trên qua bản in ronéo. Trong "Vietnam, sociologie d'une guerre", Paul Mus đã viết: "Nul ne l'a mieux dit, dès 1946 que ce penseur de grand avenir, par la sincéreté et l'exigence qui porte sa remarquable dialectique, Trần Đức Thảo. Son langage est parfois dépassé par l'évènement... mais son analyse psychologique, dans cet article publié par les "Temps Modernes" et à mes yeux un acquis définitif," tr. 185...

7. Những ai đã làm quen với những phân tích của Sartre, sẽ dễ dàng nhận ra những khái niệm, lối nhìn của Sartre trong một số bài viết của chúng tôi trước đây.

Chẳng hạn việc sử dụng khái niệm "hoàn cảnh" để trình bày thực tế Việt Nam đòi hỏi phải có Cách mạng. Chấp nhận tha nhân, giải thích những đố kỵ

bắt nguồn từ những hoàn cảnh có thể thay đổi trong bài "Cộng Sản, người anh em tôi" (*Đất Nước* số 3). Phê phán gạt bỏ những thái độ chính trị dựa vào mặc cảm "Cái xấu là ở nơi người khác". Nêu lên đòi hỏi "Chân thực" tạo ra một bầu khí "chân thực" về suy tưởng chính trị là mục đích chính của tờ *Hành Trình*...

Mượn đề tài "Thân xác" trong bài: Thân xác và nghệ thuật nhân cái chết của M. Monroe (*Nhận Định* 3), Ảo ảnh Thanh Thúy (*Hành Trình* số 1 hay *Nhận Định 4*), *Ca tụng thân xác* (Nam Sơn xb. 1966) để tố cáo một chế độ duy tâm, duy linh nhưng thực ra là duy vật (theo nghĩa xấu: duy tiền, duy xác thịt, chiến tranh diệt chủng và những hình thức bóc lột, thống trị của thực dân cũ, mới; dùng khái niệm "Ngụy tín" (mauvaise foi) để giải thích thái độ chính trị của Phạm Quỳnh (Nam Sơn xb. 1974). Bài phê bình "Ca tụng thân xác" của Tam Điểm trong "Sinh Viên" (tiếng nói của *Sinh Viên Sài Gòn*, số 6, 15/11/1967) đã thấy được dụng ý trên "Chính phương pháp triết học đó cho phép triết học mới, cho chủ nghĩa hiện sinh đi vào đời và gắn liền với cuộc đời: khẩu hiệu ca tụng thân xác chỉ là kết quả sự triển khai cái hàm chứa thâm sâu nông hậu trong cách thể hiện sinh của thân xác con người, của những người xương thịt, người da đen, người da vàng, người thương phế binh, người mù hay người nam nữ trong động tác ái ân...".

Trong một tài liệu của Khóa Huấn luyện Thanh tra và Kiểm tra của Tổng Bộ Thông tin - Chiêu hồi tháng 3/1967 nhan đề "Vấn đề hòa bình thương thuyết và nội tình Việt Nam hiện tại", cũng nhận ra tính chất hiện sinh trong lập trường chính trị của nhóm trí thức tiến bộ lúc đó:

"Thứ nhứt chúng ta phải thấy có nhóm Sống Đạo với một tờ nguyệt san mệnh danh là *Hành Trình* chủ trương một sự bắt tay với Cộng Sản, nhóm chủ trương này gồm có các giáo sư đại học Nguyễn Văn Trung, Lý Chánh Trung cùng các kỹ sư Võ Long Triều, và nhóm kinh tế gia Âu Trường Thanh, lấy thế dựa trên nhóm Liên trường qua sự trung gian của Nguyên Văn Trường. Hai giáo sư Công giáo Nguyễn Văn Trung và Lý Chánh Trung có rất nhiều liên hệ mật thiết với Đại học Louvain ở Bỉ, và đã có những quan điểm đi xa hơn nhóm Công giáo ở Bỉ về vấn đề thỏa hiệp với Cộng Sản, đặc biệt là với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Họ dựa trên một lý thuyết căn bản của tư tưởng hiện sinh: là không thể phủ nhận được sự có mặt của tha nhân (Cộng Sản) và vì tha nhân là đối phương đang có đó, cho nên muốn Hòa bình là phải chấp nhận sự có mặt của tha nhân Cộng Sản. Phân tách chiến tranh họ cho là một cuộc chiến tranh để giành quyền lãnh đạo, vậy chỉ có cách là phối hợp sự lãnh đạo, đặt lại vấn đề lãnh đạo không riêng tư, và chịu trách nhiệm lãnh đạo! Lý thuyết có vẻ quyến rũ, nhưng họ quên từ căn bản là "Cộng Sản luôn tiêu diệt tha nhân, chủ trương của Cộng Sản là tiêu diệt đối lập để giành độc quyền lãnh đạo" thì khi chúng ta chấp nhận Cộng Sản là tự chấp nhận lấy cái chết tự sát của mình, chấp nhận sự phân trách nhiệm lãnh đạo là chấp nhận cho một ngày nào đó Cộng Sản nắm độc quyền lãnh đạo như trường hợp của Tổng Thống Bénès ở Tiệp Khắc trước đây..."

8. Ở đây chúng tôi chỉ xin đính chính một nhận xét về ảnh hưởng chính trị của thuyết hiện sinh: Phê phán chủ nghĩa tư bản, chống đế quốc, nhưng lại chủ

trương tự do tuyệt đối, phủ nhận chuyên chính, sự lãnh đạo của Đảng.

Thực ra những người đọc và chịu ảnh hưởng của Sartre về điểm này lại thấy khác hẳn: Trên lý thuyết, Sartre chủ trương không chống Cộng nhưng cũng không theo hẳn Cộng Sản vì những hạn chế về tự do phê phán. Nhưng trong thực tế, thái độ cụ thể của Sartre thay đổi tùy theo thời cuộc. Chẳng hạn vào thời kỳ chiến tranh lạnh, chiến tranh Cao Ly. Liên Xô bị đe dọa tiêu diệt và do đó cả chế độ xã hội chủ nghĩa, Sartre lên tiếng bênh vực Liên Xô, vì coi là quê hương của xã hội chủ nghĩa và các đảng Cộng Sản, hiện thân duy nhất của phong trào Cách mạng, mặc dầu có những lệch lạc, độc tài, trại tập trung...

Ông đã viết nhiều câu biểu lộ ý tưởng trên:

"Chúng tôi vừa chống với trào lưu theo Staline vì chúng tôi chỉ trích những phương pháp của nó, vừa ủng hộ nó vì chúng tôi hiểu rằng biết đâu Cách mạng đích thực chỉ là ảo tưởng, và biết đâu công cuộc cách mạng trước hết phải đi qua con đường đó để rồi mới thiết lập được sau này một trật tự xã hội nhân đạo hơn".

hoặc "Có thể chủ nghĩa Mác bị thoái hóa, những khó khăn nội bộ và áp lực bên ngoài làm lệch lạc chế độ, những thể chế, hoặc bẻ quặt hướng tiến của chủ nghĩa xã hội: Nước Nga vẫn không thể so sánh với các nước khác; chỉ được phép phán đoán nó nếu như chấp nhận công trình của nó và nhân danh công trình đó" (*Situation IV*, tr. 227).

Còn đối với chiến tranh giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở các nước chậm tiến, cựu thuộc địa, ngay từ đầu Sartre đã dứt khoát và triệt để ủng hộ và không bao giờ thay đổi thái độ.

Chẳng hạn trong bài trả lời Camus, Sartre trách thái độ lúng túng của Camus trước chiến tranh Đông Dương vì nghĩ rằng ủng hộ người Việt Nam là người thuộc địa nô lệ thì được, nhưng vì họ là Cộng Sản nghĩa là bạo tàn, chuyên chế, thì không được (*Situation IV*, tr. 107).

Chúng tôi cũng đã viết về sự cần thiết Chuyên chính giai cấp trong bài "Độc tài hay Dân chủ".

Theo chỗ chúng tôi biết, Sartre ủng hộ tận tình cách mạng Việt Nam và chưa hề có một phê phán nào. Chắc không phải vì cách mạng Việt Nam không có gì để phê phán, nhưng có lẽ Sartre nghĩ rằng trong lúc kẻ yếu, kẻ bị áp bức đang chiến đấu, không thể tạo bất cứ lý do gì cho Đế quốc có thể lợi dụng. Ngược lại, hình như có những bài viết về hiện sinh, về Sartre nhận định nhiều điều chưa đúng và hơn nữa có phần bất công đối với một người đã ủng hộ có thể nói là vô điều kiện cuộc chiến đấu chống Thực dân Đế quốc của Cách mạng Việt Nam.

Tìm mua, tìm đọc:
GHI (nhật ký, di cảo) của nhà thơ *Trần Dần*.
Nhà văn *Phạm thị Hoài* hiệu đính, sắp xếp thành sách.
TD Memories & Văn Nghệ (USA) xuất bản, phát hành.
Sách dày gần 500 trang. Giá 18 MK. Liên lạc: Nhà xb. Văn Nghệ

Gặp gỡ giữa đường

Tô Thùy Yên

1.
Ghé vào chung chỗ nhân tình,
Thương nhau vì nỗi lộ trình bất minh.
Rủi may thôi cứ dấn mình,
Một ngày vượt sức bình sinh một ngày.
Cũng thì dâu biển xưa nay,
Nẻo nhà mất dấu lạc loài hỏi han.
Lát dây, mảng gió tách đàn,
Bút đi coi cuộc hoang đàng tới dâu.

2.
Vào đây, có lửa, có người,
Có cây rộng lượng che trời hộ ta,
Có câu thăm hỏi quê nhà,
Đường qua thế ấy, đường xa thế nào?
Giờ lâu, liệu lửa tiêu hao,
Quơ thêm tâm sự cho vào chuyện chung,
Giữ ta sáng ấm mặt lòng,
Rõ đêm nhân thế vốn cùng loại đêm.

3.
Đơn thân, trồng giữa mênh mông,
Ngóng người đi tới động lòng dừng qua.
Rằng tôi vốn ở nơi xa,
Lỡ đường từ độ theo ra chính mình.
Nắm tay trấn tĩnh ngoại hình,
Lụa chiều ổn định nội tình hoang mang.
Biết ai ngẫu nhĩ sẵn sàng,
Chung vai chia nỗi bất an dưới trời.

4.
Mấy hôm trời trải mưa phùn.
Sáng nay hiển hiện một vùng dậy xuân.
Đất bồng cỏ trổi lâng lâng...
Nhớ ra, ta cũng có lần trẻ trung.
Đi nhu đi tới tương phùng,
Coi đâu là chỗ tuyệt cùng của tâm.
Gặp hoa như nguyệt đang rằm,
Sao lòng đã sớm khuyết thầm hộ hoa?

5.
Sân ngoài xao rộn tiếng chờ,
Dùng dằng không níu được giờ rời nhau.
Đứng lên, thu tóm nghẹn ngào,
Rượu còn, xin khất trời nào một mai.
Buông tay rồi lại cầm tay,
Nhắc lời bảo trọng, dặn ngày đào bông.
Buông tay, thôi chẳng cầm lòng,
Người chưa khuất, đã đào bông trăm mùa.

Hương thổ văn học: Nền văn học để kháng hướng về đồng quê

Tạ-quốc-Tuấn

Trong ba thập niên 1960-1980 ở Đài-loan đã xuất hiện một dòng văn học đặc biệt và không mang ảnh hưởng của bất cứ khuynh hướng văn học ngoại lai nào. Dòng văn học này có người gọi là Địa Phương Văn Học (Regional Literature), lại có người gọi là Thổ Địa Văn Học (Literature of the Soil), Thổ Trước Văn Học (Nativist Literature), Bản Thổ Văn Học (Homeland Literature). Tuy nhiên, đại đa số đồng ý gọi là Hương Thổ Văn Học và khi cần diễn tả bằng Anh ngữ, từ "Hương Thổ" không được dịch mà chỉ được dùng nguyên âm Hoa ngữ của nó là "Hsiang-t'u" (viết theo phương pháp ghi âm Wade-Giles) hay "Xiangtu" (viết theo phương pháp phanh âm, tức pinyin), và gọi là "Hsiang-t'u Literature" hay "Xiangtu Literature".

Hương Thổ Văn Học được định nghĩa là dòng văn học hướng về đồng quê, vốn được coi là thành trì của nền văn hóa cổ truyền Trung-quốc, lấy đồng quê làm bối cảnh, làm đề tài, đồng thời tìm cảm hứng ở đấy cho những sáng tác văn học. Nó cũng là dòng văn học chuyên viết về những người bình dân nhà quê, hay, nói cho đúng hơn, những "tiểu dân" ở đồng quê, và những phong tục tập quán của đồng quê. Vì thế nó khác với loại văn học viết cho giới học sinh sinh viên, giới các bà nội trợ, giới quân nhân, v.v.

Trong các tác phẩm văn học Hương Thổ, các nhân vật tìm về đồng quê mưu cầu bình an tâm hồn và nâng cao đạo đức. Tuy nhiên, sự quay trở về đồng quê không phải chỉ duy vì mục đích này mà còn là một hình

thức để kháng, một phương thức tạo dựng đạo sống làm người mới sau khi đã trải qua hay chứng kiến những đổi thay trong xã hội qua những sự thất bại về chính trị, về ngoại giao mà Đài-loan đã phải đương đầu cùng những sự kỹ nghệ hóa, hiện đại hóa và thành thị hóa hòn đảo này quá nhanh mà kết quả là đã đem lại nhiều bất hạnh về tinh thần cũng như là suy đồi về đạo đức.

Hương Thổ Văn Học Phát Sinh Trong Thời Nhật Thuộc

Thực ra, ở Đài-loan không phải mãi đến các thập niên 1960-1980 mới xuất hiện dòng Hương Thổ Văn Học. Trước đó, khi Đài-loan còn bị người Nhật đô hộ (từ năm 1895 đến năm 1945), trong thập niên 1930, Hương Thổ Văn Học đã xuất hiện lần đầu tiên.

Dòng văn học này đã lấy đồng quê làm bối cảnh và đề tài để diễn tả những oán thán về số phận của Đài-loan cùng là những nỗi nhục nhã, đau khổ mà người dân Đài-loan phải chịu đựng dưới ách đô hộ của người Nhật-bản. Nói cách khác Hương Thổ Văn Học là sự phản kháng bằng phương tiện văn học chính sách đô hộ hà khắc, sự đàn áp dã man, sự bóc lột vô nhân đạo và nhất là âm mưu đồng hóa Đài-loan, ít nhất là về phương diện văn hóa, của người Nhật-bản.

Trong thời Nhật thuộc, người Đài-loan đã hơn 100 lần nổi dạy chống lại chính quyền đô hộ Nhật-bản, phần lớn là trước năm 1919, nhưng không lần nào thành công. Từ năm 1920 trở đi, người Nhật-bản đã củng cố được các cơ cấu đô hộ và dẹp tan hầu hết các nhóm chính trị và xã hội cấp tiến Đài-loan, kể cả Đảng Cộng Sản Đài-loan. Đến lúc này người Đài-loan biết rằng họ không thể nào chống lại Nhật-bản về chính trị và quân sự được.

Mặt khác, nhờ sự đóng góp của kỹ thuật tân tiến mà người Nhật-bản sử dụng ở đây nên mức sản xuất của Đài-loan đã gia tăng nhanh chóng. Thôn quê Đài-loan cũng được cải thiện nhờ việc kỹ nghệ hóa lãnh vực canh nông, tuy là có giới hạn. Ngoài ra, các luật lệ về thương mại được nới lỏng khiến các doanh nhân Đài-loan có thể tham dự vào các khu vực thương mại. Tuy nhiên, phương thức sản xuất rập theo khuôn mẫu chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa tư bản, hai chủ nghĩa bóc lột con người lại do người Nhật-bản, những con người sắt đá không con tim, áp dụng nên đã khiến cho con người Đài-loan đã mất đi nhân tính mà chỉ còn là những cái xác không hồn, những cái máy sản xuất vô tri vô giác. Nói cách khác, thôn quê Đài-loan dưới ách thống trị của người Nhật-bản đã trở thành tụ điểm của mọi va chạm xã hội và kinh tế.

Về phương diện văn học, chính sách đồng hóa Đài-loan của Nhật-bản được áp dụng rất triệt để qua ba sự kiện: thứ nhất, rập khuôn hệ thống giáo dục ở Đài-loan theo hệ thống giáo dục Nhật-bản; thứ hai, dùng Nhật ngữ làm chuyển ngữ chính trong suốt thời kỳ đô hộ của người Nhật-bản và giảng dạy trong các trường học các cấp; thứ ba, từ thập niên 1930 trở đi, cấm xuất bản và phổ biến các ấn loát phẩm bằng Hoa ngữ. Kết quả là các nhà văn học bản xứ phải sáng tác bằng Nhật ngữ nếu muốn tác phẩm của mình được đăng báo hay xuất bản. Ngoài ra, vì chỉ có văn học Nhật-bản mới được giảng dạy ở Đài-loan nên nó đã có ảnh hưởng trực tiếp đối với các nhà văn học bản xứ.

Sau hết, với sự thống trị của người Nhật-bản, các nhà trí thức bản xứ không thể tiếp tục truyền thống hàng nghìn năm của họ là dù ở trong hay ngoài chính quyền họ có bổn phận phải lãnh đạo các hoạt động của quốc gia về chính trị cũng như xã hội để thực hiện những khát vọng của nhân dân. Một mặt, họ không muốn làm những tên Hán gian cộng tác với ngoại bang; mặt khác, cho dù họ có muốn người Nhật-bản cũng không dùng họ. Vì vậy họ phải quay sang hoạt động về văn học để trình bày quan niệm của mình và để xả hơi những ấm ức, những tức giận của họ.

Vì thế, từ năm 1930 trở đi, để chống lại chính sách đồng hoá về văn hóa của nhà cầm quyền đô hộ Nhật-bản, các nhà văn học bản xứ đề xướng việc miêu tả thực trạng của Đài-loan. Hơn nữa, họ còn cổ xúy việc dùng thổ ngữ Đài-loan làm ngôn ngữ của các sáng tác văn học và đồng thời để làm giàu cho kho ngữ vựng của Đài ngữ. Đồng thời họ cũng bắt đầu tổ chức nhiều hiệp hội văn học. Khi áp lực đồng hóa văn hóa của người Nhật-bản gia tăng thì sự đề kháng bằng văn học càng trở nên công khai và quyết liệt hơn. Họ thành lập Đài-loan Văn Học Hiệp Hội với hơn 400 hội viên ở nhiều nơi trong toàn đảo.

Từ đó phát sinh Hương Thổ Văn Học. Dòng văn học mới này phát sinh bên cạnh Hiện Thực Văn Học là dòng văn học được mến chuộng trong giai đoạn sơ khai của nền văn học hiện đại Đài-loan và lúc đó vẫn tiếp tục phát triển.

Mới đầu người ta đã hiểu lầm Hương Thổ Văn Học. Vì chưa phân biệt được hai từ "hương thổ" và "hương thôn" nên dựa vào bối cảnh cũng như nội dung các truyện, các bài thơ người ta đã cho rằng đây chỉ là dòng văn học mang tính cách điền viên, thôn dã và địa phương và vội kết luận rằng nó chỉ là hương thôn văn học thôi. Thực ra Hương Thổ Văn Học mang một sứ mệnh lịch sử. Việc Hương Thổ Văn Học tập trung vào đồng quê và vào việc sử dụng Đài ngữ không thể coi là có tính cách khu vực và tách biệt mà phải coi nó có tính cách quốc gia và chống đối.

Nó mang một yếu tố phản kháng và, như lời Diệp Thạch-đào, đã để lại truyền thống để kháng cho các thế hệ sau.(1)

Công cụ phát triển Hương Thổ Văn Học trong thời Nhật thuộc là thi xã. Vào đầu thế kỷ thứ 20, Đài-loan có khoảng 100 thi xã, một con số đáng kể trong một xã hội vào năm 1886 dân số mới chỉ là 2.545.731 người. Về sau con số thi xã còn gia tăng mãi cho đến giữa thập niên 1920.

Chúng ta không nên coi các thi xã trong thời Nhật thuộc như các tổ chức văn học thông thường trong thời độc lập. Việc tham gia các thi xã chính là một hình thức chống đối Nhật-bản đô hộ, chống đối việc Nhật-bản ép buộc người Đài-loan phải dùng Nhật ngữ làm chuyển ngữ chính mà mục đích cốt là để tiêu diệt ý thức chủng tộc của họ, chống đối chính sách giáo dục Nhật-bản thi hành ở Đài-loan, theo đó chỉ có một thiểu số người bản xứ mới được theo học.

Trong các thi xã này, quan trọng nhất là Diêm Điền Thi Xã (Thi Xã Ruộng Muối), được thành lập ở thị trấn Giai-lý thuộc huyện Đài-nam, quan trọng là vì các thi sĩ xã viên đều đã hấp thụ nền giáo dục Nhật-bản, nói và viết thông thạo Nhật ngữ, nên họ có thể làm thơ hoàn toàn bằng Nhật ngữ, nhất là loại thơ hài cú đặc biệt của Nhật-bản. Tuy nhiên, họ không bao giờ quên mình là người Đài-loan. Thơ của họ phần lớn mô tả cuộc sống ở Đài-loan dưới ách đô hộ của Nhật-bản, phơi bày sự tham nhũng và bóc lột của nhà cầm quyền thực dân Nhật-bản, và tính cách áp bức của chủ nghĩa thực dân Nhật-bản. Vì thông thạo Nhật ngữ, các thi sĩ Diêm Điền có đủ khả năng ngôn ngữ đánh thẳng vào trận tuyến văn hóa của Nhật-bản. Họ thường họp nhau lại tìm cách gây bối rối cho chính quyền đô hộ qua bằng cách làm văn học chống đối Nhật-bản bằng Nhật ngữ. Các tác phẩm của Diêm Điền Thi Xã biểu lộ rõ ràng khuynh hướng hiện thực hương thổ của thi ca Đài-loan trong thập niên 1930.

Đáng tiếc là sự lớn mạnh của Hương Thổ Văn Học không được trường thọ. Năm 1937 ở Hoa-lục xảy ra biến cố Lưu-cầu Kiều, mở đầu cho cuộc Trung-Nhật Chiến Tranh kéo dài 8 năm (1937-1945).

Khi cuộc chiến tranh bắt đầu, ở Đài-loan nhà cầm quyền đô hộ Nhật-bản triệt để áp dụng chính sách kìm chế trên toàn đảo Đài-loan để dàn áp mọi phong trào chống Nhật-bản. Họ tái lập chế độ tổng trấn quân sự đã được bãi bỏ trong thập niên 1920, chế độ kiểm duyệt nghiêm ngặt, tìm cách tiêu diệt các vết tích cũng như cảm nghĩ về chủng tộc và chủ nghĩa dân tộc Trung-quốc, áp dụng chính sách quốc dân hóa (kominka) để cưỡng bách đồng hóa người Đài-loan, gia tăng chính sách chỉ dùng Nhật ngữ trong các trường học, trong các giao dịch công cũng như tư.

Kết quả là trong suốt thời gian chiến tranh, số các văn thi sĩ có tác phẩm xuất bản đã giảm đi rất nhiều so với hai thập niên 1920-1930. Trong khi chiến tranh càng ngày càng gia tăng thì càng ngày càng có nhiều tác giả ngưng xuất bản các tác phẩm của mình hay chỉ viết những tác phẩm trào phúng thôi. Đấy là chưa kể nạn khan hiếm giấy và mực in đã khiến cho các tạp chí văn học nào còn sống đến cuối năm 1943 cũng phải tự đình bản, hoặc nhiều tờ báo phải nhập lại làm một để có thể tiếp tục hoạt động, dù là èo uột.

Hương Thổ Văn Học cũng chịu chung số phận với các khuynh hướng văn học khác. Tuy nhiên, nó không chết hẳn. Cho đến khi chiến tranh chấm dứt năm 1945, người ta vẫn ngấm ngầm truyền tay nhau các tác phẩm văn học Hương Thổ. Vì thế dòng văn học này đã ảnh hưởng không ít đến nền văn học Đài-loan sau ngày quang phục. Trong thập niên 1950 Hương Thổ Văn Học đã trải qua một thời kỳ yểm phục để rồi lại nở rộ vào các thập niên 1960-1980.

Hương Thổ Văn Học Tái Sinh Trong Thời Độc Lập

Sau khi Nhật-bản đầu hàng Đồng-minh (ngày 15.8.1945), chấm dứt cuộc Trung-Nhật Chiến-Tranh cũng như là Thế Chiến thứ II, Đài-loan được trao hoàn cho chính phủ Trung-hoa Dân Quốc ngày 25.10.1945 theo quyết định của Hội nghị Potsdam tháng 7 năm 1945 (giữa các quốc gia đồng minh Anh, Hoa-kỳ, Nga-Sô, Pháp, và Trung-hoa Dân Quốc) và Tổng Lệnh Số I của Nhật hoàng Chiêu-hòa (Hirohito). Tiếp theo đó là cuộc nội chiến giữa hai phe Trung-quốc Quốc Dân Đảng và Trung-quốc Cộng Sản Đảng kéo dài 4 năm và chỉ chấm dứt khi Đảng Cộng Sản hoàn toàn làm chủ Hoa-lục và tuyên bố thành lập chế độ Nhân Dân Cộng Hòa ngày 1.10.1949, còn chính phủ Trung-hoa Dân Quốc cùng với 2 triệu người Hoa lục chạy sang Đài-loan. Đó chính là thời cơ và môi trường thích hợp cho sự phát triển một nền văn học bản thổ sau này.

A. *Nguyên Nhân Đưa Đến Sự Tái Sinh của Hương Thổ Văn Học*

Chẳng may trong thời gian 4 năm nói trên đã có nhiều biến cố xảy ra ở Đài-loan khiến cho nhân dân Đài-loan phải chịu biết bao lầm than khổ cực, đến nỗi thi sĩ người Đài-loan Lâm Hanh-thái đã phải thốt lên: "Chúng tôi là người Nhật trong những ngày đen tối nhất của Nhật-bản và là người Hoa trong những thời kỳ tuyệt vọng nhất của Trung-quốc!"

Mới đầu, sau khi quang phục, nền kinh tế của Đài-loan, vốn tương đối

phát triển trong thời Nhật thuộc, đã bị hủy hoại, nhiều công xưởng bị gỡ hết sạch máy móc chở sang Hoa-lục để cung ứng nhu cầu của cuộc nội chiến tại đấy. Vì vậy nạn lạm phát ở Đài-loan không còn phương cách nào kiểm soát nổi. Riêng năm 1948 vật giá gia tăng 1145%.

Trong khi đó, tình hình chính trị ở Đài-loan ngày một tồi tệ.

Ngày 28.2.1947 lại xảy ra vụ xung đột có vũ trang giữa những người mới từ Hoa lục chạy sang và người bản xứ.

Hai năm sau, khi chính phủ Quốc Dân Đảng vừa tới Đài-loan đã liền ban hành ngay tình trạng thiết quân luật trên toàn đảo (mãi đến cuối thập niên 1980 mới hủy bỏ), tiếp theo là chiến dịch nhằm ổn định tình hình chính trị tại đây.

Tháng 2 năm 1949 có hai sinh viên bản xứ bị cảnh sát đánh đập. Biến cố này bùng nổ dữ dội khi sinh viên ba trường đại học ở Đài-bắc đi biểu tình đến sở cảnh sát Đài-bắc để phản đối, mở đầu cho cuộc truy lùng khắp toàn đảo ngày 6.4.1949 để diệt các phần tử bị nghi ngờ là tả phái và các sinh viên đã tham dự các cuộc biểu tình phản đối chính phủ.

Về phương diện văn học, từ năm 1946 chính phủ Quốc Dân Đảng ra lệnh cấm sử dụng Nhật ngữ khiến các văn thi sĩ Đài-loan lâm cảnh khó khăn, vì, như đã nói ở một đoạn trên, trong thời Nhật thuộc họ chỉ được giáo dục bằng Nhật ngữ và chỉ được phép xuất bản những tác phẩm sáng tác bằng ngôn ngữ này, nên vốn Hoa ngữ của họ không có gì. Họ thấy xấu hổ vì tuy là người Trung-hoa nhưng lại không biết viết văn, làm thơ bằng Hoa ngữ. Một số ngưng sáng tác hẳn. Cũng có nhiều người, hầu hết hãy còn trẻ tuổi, cố gắng học Hoa ngữ.

Do đó, trong thập niên 1950 phần lớn văn thi sĩ hãy còn chập chững. ngập ngừng. Họ ngập ngừng vì vẫn còn nuối tiếc quá khứ, chưa muốn đoạn tuyệt hẳn. Còn họ chập chững là vì bỡ ngỡ, lúng túng, nhất là khi phải dùng bạch thoại, một thứ ngôn ngữ trước kia chỉ được dùng một phần nào trong tiểu thuyết và kịch thôi, chứ không được dùng trong thơ. Mặt khác, khi còn sử dụng Nhật ngữ, các thi sĩ Đài-loan quen làm thơ theo phương thức của người Nhật, nhất là thơ tự do và hài cú. Đến khi làm thơ bằng Hoa ngữ, họ phải dương đầu với các vấn đề niêm luật, vận điệu, thể loại của thơ cổ điển Trung-hoa.

Bước sang thập niên 1960 đa số văn thi sĩ Đài-loan đã có thể hoàn toàn sử dụng Hoa ngữ. Tuy họ đã biết giải phóng thi ca khỏi những gò bó của niêm, luật, vần, thể, đối, v.v., trong thơ cũng như là đã can đảm đoạn tuyệt với quá khứ trong văn, nhưng lại bị ám ảnh về vấn đề thân phận, vấn đề cũ mới, vấn đề truyền thống và hiện đại, cùng những đổi thay trong xã hội, trong gia đình và ngay cả trong tâm tình mỗi người.

Nét đặc biệt trong thời kỳ từ ngày quang phục Đài-loan cho đến thập niên 1960 là các văn thi sĩ ở Đài-loan, dù là từ Hoa-lục qua hay thổ sinh, thấy mình hết sức bị cô lập và vô căn.

"Vô căn" là một danh từ thường được dùng để diễn tả trạng thái tâm lý của giới trí thức thành thị trong các xã hội đô thị hóa và kỹ nghệ hóa. Tuy nhiên, ở Đài-loan, các điều kiện khách quan phát động trạng thái tâm lý đó lại khác rất nhiều.

Đối với những người từ Hoa lục chạy nạn sang Đài-loan năm 1949, họ thấy không thể nào tạo ngay được mối liên hệ tình cảm với Đài-loan. Vì thế những người ở thế hệ một (nhất đại) này cảm thấy mình bơ vơ, lạc lõng và mất cơ sở chẳng khác những kẻ vong bản mà thời gian không thể nào xóa đi nổi. Không những thế, chính các nhà văn học sinh trưởng ở Đài-loan, dù là gốc Hoa lục sang đây trước hoặc trong thời Nhật thuộc hay là người bản xứ, cũng thấy mình thuộc "thất khứ thế hệ" (thế hệ mất mát) này.

Do đó hiện tượng vô căn không phải là hoàn toàn do sự chuyển vị địa dư về phần các người Hoa lục mà ra. Căn nguyên cơ bản của hiện tượng này có thể tìm thấy ở trong các vấn đề tự tri và sứ mệnh xã hội mà giới trí thức Trung-hoa, trong đó văn thi sĩ là một nhóm quan trọng, cho là họ phải gánh vác, đảm nhiệm. Thế mà các nhà trí thức từ Hoa lục đến cũng như thổ sinh cảm thấy chẳng những là họ đã bị cắt đứt mất vai trò truyền thống của mình mà còn như bị tách rời khỏi xã hội đương thời. Vì thế, họ không thể xác định được vai trò xã hội mới cho chính quyền khi mà những giá trị cũ không còn thích đáng và các giá trị mới thì chưa được tạo ra.

Trước hoàn cảnh này các nhà trí thức nói chung và văn thi sĩ nói riêng mới cảm thấy mình lạc lõng bơ vơ. Họ coi họ là những kẻ có tài nhưng vô dụng, cái học của họ là cái học trống rỗng. Lẽ dĩ nhiên, trong hoàn cảnh đó, họ dễ bị Siêu Thực Chủ Nghĩa và Thực Tồn Chủ Nghĩa (tức Hiện Sinh Chủ Nghĩa) của Tây phương lôi cuốn. Họ coi tiểu thuyết như một trò chơi chữ, trong đó họ cố gắng làm giảm nỗi thống khổ của tâm hồn.

Cái ý thức vô căn và hư ảo của các nhà văn nhà thơ đó đã đưa đến một thứ văn học được mệnh danh là "Cơ Trường Văn Học" (nhiều học giả Trung-hoa dịch từ này sang Anh ngữ là "Airport Literature") vì nó thoảng qua như phi cơ bay vụt qua ở phi trường, với hai nét đặc biệt là hữu quan tồn tại (existential) và tự ngã nghi hoặc (self-doubting).

Dù vậy, ý thức vô căn của giới trí thức Đài-loan rất khác với ý thức vô căn của giới trí thức Tây phương. Trong khi giới trí thức Tây phương bị

ám ảnh bởi ý niệm mệt mỏi, buồn sầu, lười biếng và lạc lõng trong một xã hội hoàn toàn kỹ nghệ hóa thì ý thức vô căn của giới trí thức Đài-loan bắt nguồn từ tình trạng chính trị và lịch sử của thời đại. Trong hai thập niên 1950-1960 Đài-loan là một xã hội bán kỹ nghệ hóa. Ý thức "thất khứ thế hệ" của giới trí thức Đài-loan một mặt là do cái ám ảnh về thiên chức truyền thống lãnh đạo quốc gia dân tộc của mình và mặt khác do tình trạng bất lực, thấy không thể hòa mình một cách có ý nghĩa vào môi trường xã hội và chính trị đương thời.

Tuy nhiên, căn bệnh "thất khứ" này của giới trí thức Đài-loan đã tạm bớt đi khi nền kinh tế và kỹ nghệ của đảo quốc phát triển, tiến bộ nhanh chóng mà kết quả là sự xuất hiện của một giai cấp trung lưu thành thị mới.

Sự xuất hiện này bắt nguồn từ sự gia tăng nhanh chóng các công ty thương mại cỡ nhỏ và cỡ trung sau hiện tượng 1963 do chiến tranh Việt-nam tạo nên.

Trước năm 1963, các ngành kỹ nghệ quan trọng của Đài-loan là kỹ nghệ dệt, kỹ nghệ xi măng và các loại kỹ nghệ nhẹ. Sau năm 1963, nhờ việc cung cấp nguyên liệu, vật liệu cho cuộc chiến tranh ở Việt-nam, các thương gia, doanh nhân Đài-loan đã đem lại thịnh vượng, trù phú cho Đài-loan. Tình trạng này chẳng khác chi cuộc chiến tranh ở Triều-tiên năm 1950-1954 đã đem lại sự trù phú kinh tế cho Nhật-bản. Theo thống kê trong một báo cáo kinh tế năm 1973 của chính phủ Trung-hoa Dân quốc, các công ty thương mại cỡ nhỏ và cỡ trung Đài-loan tới năm đó đã chiếm 83% tổng số các công ty của Đài-loan.

Giai cấp trung lưu thành thị mới ở Đài-loan do đó mau chóng được hình thành. Họ là sản phẩm của một xã hội kỹ nghệ hóa mới. Các doanh nhân, tiểu thương gia và chuyên viên đã đoàn kết với nhau trong việc gánh trách nhiệm xây dựng một xã hội kỹ nghệ hóa. Cùng với mực sống tài chính lên cao, họ đặc biệt chú ý đến việc trau giồi kiến thức, nhất là kiến thức kỹ thuật thuật mới. Vì thế từ sau năm 1968 ở Đài-loan đã xuất hiện nhiều tạp chí về quảng cáo, kinh doanh, gia đình, nhiếp ảnh, phát minh, v.v., viết bằng Hoa ngữ, hoặc ấn bản Hoa ngữ của các tạp chí chuyên ngành của Tây phương như Discovery Magazine, Advertising Age, Homes Magazine, Business World, Photography Magazine, và ngay cả Reader's Digest nữa, để đáp ứng nhu cầu học hỏi của giai cấp trung lưu thành thị mới này.

Mặt khác, tuy tầm mắt nhìn của những người trong giai cấp trung lưu thành thị mới trong lĩnh vực kinh tế có tính cách hướng về tương lai nên lạc quan, họ lại không phải là một nhóm xã hội vô căn. Họ có các

nhu cầu văn hóa và một sự tự giác mới. Song song với nhu cầu trau giồi kiến thức kỹ thuật chuyên nghiệp là nhu cầu có một loại văn học mới có thể diễn tả, đáp ứng hay giải quyết những vấn đề tâm lý phức tạp của xã hội mới. Trong khi đó, phương thức hữu quan tồn tại và tự ngã nghi hoặc của Cơ Trường Văn Học không còn thích hợp với thái độ lạc quan và tiến thủ của giai cấp trung lưu thành thị mới trong giai đoạn đầu của sự kỹ nghệ hóa.

Ngoài ra giai cấp trung lưu thành thị mới còn có nhu cầu tâm lý là đi tìm một cái cọc trong một thế giới nông nghiệp để bám cho khỏi bị vong bản. Cái cọc đó đã được các tác giả Hương Thổ như Vương-Thác, Dương Thanh-súc, Hoàng-xuân-minh, Vương Trinh-hòa, v.v., nêu ra, trình bày, đề cập tới trong các tác phẩm của họ, qua các nhân vật toàn là những con người bé nhỏ, hèn mọn, những tiểu dân, những nạn nhân của các đổi thay trong xã hội kỹ nghệ hóa.

Đến lúc này giới trí thức Đài-loan nhận thấy là họ có thể trở thành những phát ngôn nhân và là đại biểu những quyền lợi của giai cấp trung lưu thành thị mới. Họ không còn có cảm giác mình là những con người lạc lõng nữa. Họ phải trình bày một loạt những hình tượng mới.

Mặt khác, với sự suy thoái của các làng xóm nhỏ bé và sự mất dần các tập quán cổ truyền, người dân Đài-loan, giờ đây tập trung ở một số thành phố lớn, bắt đầu mang tâm trạng hoài niệm lối sống của thời xa xưa. Đi kèm theo sự nổi dậy của giai cấp trung lưu thành thị mới là sự suy đồi tinh thần và đạo đức của xã hội Đài-loan, cũng do sự phát triển kinh tế rất nhanh chóng trong ba thập niên kể từ sau khi chính phủ Trung-hoa Dân quốc chạy lánh nạn Cộng sản sang đây năm 1949, nhất là từ sau năm 1963.

Thực vậy, sự phát triển kinh tế đó đã làm thay đổi rất nhiều bộ mặt của xã hội Đài-loan. Tuy kỹ nghệ và thương mại đã đem lại cho Đài-loan một lợi tức quốc gia tính theo đầu người rất cao ở Á-châu, chỉ sau có Nhật-bản, nhưng đồng thời lại tạo ra biết bao nhiêu bất công xã hội và là đầu mối của những vấn đề phân phối lợi tức, những xung đột giữa hai giới tư bản và công nhân, những phó sản của Tư Bản Chủ Nghĩa chẳng những đã gia tăng nhanh chóng mà lại còn bị những cái xấu, cái ác của Tân Thực Dân Chủ Nghĩa và Đế Quốc Chủ Nghĩa làm thêm gia trọng. Vì thế "ý thức xã hội" không còn là những chữ mơ hồ trên giấy tờ, nó đòi hỏi phải được thực hiện.

Hơn nữa, trong thập niên 1970 Đài-loan đã liên tiếp trải qua một số thất bại ngoại giao: biến cố Điếu-ngư Đài (Tiaoyu Tai) do Nhật-bản gây ra năm 1970, việc Trung-hoa Dân quốc mất ghế sáng lập viên tại Liên-

hiệp-quốc vào tay Trung-hoa Nhân dân Cộng hòa quốc (Trung-Cộng) năm 1971, việc Tổng thống Hoa-kỳ Richard M. Nixon sang thăm viếng chính thức Hoa-lục năm 1971, việc Nhật-bản và nhiều quốc gia khác chấm dứt quan hệ ngoại giao với Trung-hoa Dân quốc năm 1971 và những năm kế tiếp, việc Hoa-kỳ năm 1978 thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung-hoa Nhân dân Cộng hòa quốc và đồng thời cắt bỏ quan hệ này với Trung-hoa Dân quốc cùng là đơn phương thủ tiêu Hiệp ước Phòng thủ Hỗ tương mà Hoa-kỳ năm 1954 đã ký với Trung-hoa Dân quốc, v.v.

Tuy nhiên, động cơ chính trị chỉ là một phần của nguyên động lực tạo ra sự tái sinh của dòng Hương Thổ Văn Học. Nguyên nhân chính vẫn là sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế Đài-loan trong ba thập niên 1960-1980 đã lên tới tột đỉnh vào lúc Trung-hoa Dân quốc hầu như đã mất quân cờ cuối cùng trên bàn cờ chính trị quốc tế. Tuy sự thịnh vượng kinh tế đã làm giảm bớt mối nhục Đài-loan phải chịu đựng về ngoại giao, nhưng mặt khác đã đem lại những đổi thay về mặt tinh thần và đạo đức của xã hội Đài-loan.

Tất cả đưa đến kết quả là từ thập niên 1970 nở rộ thi ca, tiểu thuyết, tản văn thuộc đủ các trường phái, quan trọng nhất là trường phái Hương Thổ. Đề tài chủ yếu là các vấn đề chính trị, xã hội và sứ mệnh của các nhà văn học.

B. *Các Đặc Điểm của Hương Thổ Văn Học Tái Sinh*

Từ khi tái xuất hiện, Hương Thổ Văn Học đã hấp dẫn rất nhiều độc giả, nhất là những người thuộc giai cấp trung lưu thành thị mới. Nó nhắc nhở họ đừng quên gốc gác thôn dã của mình mà đắm mình dưới ánh đèn muôn màu trong các thành phố lớn.

Giống như dòng Hương Thổ Văn Học tiên khu thời Nhật thuộc trong thập niên 1930, dòng Hương Thổ Văn Học tái sinh cũng hoàn toàn hướng về đồng quê Đài-loan. Cái khác là, sau khi đã thừa hưởng gia tài văn học Hương Thổ kháng Nhật, các nhà văn học Hương Thổ trong hai thập niên 1950 và 1960 đã xóa bỏ giọng điệu chính trị tự vệ và tạo ra một biến chuyển khác.

Các tác phẩm văn học Hương Thổ trong hai thập niên 1950-1960 mang màu sắc địa phương, với thôn quê bị kẹt trong những cơn lốc biến đổi kinh tế, xã hội và nhằm vào một thực thể rõ ràng là những con người bình thường nhưng lại muôn màu muôn vẻ thuộc tầng lớp xã hội thấp kém, những con người đau khổ, những con người yêu đương, những con

người tranh đấu trên một dải đất hầu như là rời vụn, những con người không còn chút xúc động trước những tà ác xã hội đầy đọa họ. Hình ảnh các nhân vật này được đặt trong bối cảnh thôn quê đầy phong thổ tính. Phong cảnh, dân tục, và ngay cả những sự ngây ngô, ngu ngốc, mê tín địa phương đều được cứu xét, được sơn phết lại bằng một lớp sơn hoài cựu. Việc khéo sử dụng hương âm trong các câu chuyện trò cũng gợi nhớ lại dòng Hương Thổ Văn Học tiên khu thời Nhật thuộc.

Tuy nhiên, Hương Thổ Văn Học trong giai đoạn quá độ này lại trái ngược với dòng văn học chính thống đương thời là Phản Cộng Văn Học mang tính cách tuyên truyền nhiều hơn là văn học. Nó còn tách khỏi đòng văn học hướng nội được thí nghiệm trong nửa đầu thập niên 1960.

Mặt khác, Hương Thổ Văn Học tiên khu thời Nhật thuộc đã chứa một tinh thần đề kháng. Giờ đây cái tinh thần ấy lại được thể hiện trong các tác phẩm thuộc dòng Hương Thổ Văn Học tái sinh.

Tự coi mình là những phát ngôn nhân của giai cấp trung lưu thành thị mới, các nhà văn học Hương Thổ tái sinh đôi khi trực tiếp gây ra một đáp ứng hỗn hợp nơi các độc giả trung lưu thành thị mới. Trong khi các độc giả này hoan nghênh một dòng văn học thỏa mãn được ước muốn đi tìm gốc rễ của mình, thái độ đề kháng hầm ngụ trong các tác phẩm của các nhà văn học Hương Thổ tái sinh đôi khi đã bị các độc giả trung lưu thành thị mới nghi ngờ hay thờ ơ, bởi vì họ không muốn bị nhắc nhở đến những người đã bị họ gạt sang một bên, trà đạp, đày xéo, trong lúc họ theo đuổi con đường kỹ nghệ hóa.

Vì thế, giữa Hương Thổ Văn Học tái sinh và độc giả trung lưu thành thị mới có mối tương quan khá mơ hồ và lắm khi mâu thuẫn. Công cuộc kỹ nghệ hóa Đài-loan càng tiến triển bao nhiêu thì giai cấp trung lưu thành thị mới lại càng xa rời thôn quê bấy nhiêu. Cuối cùng thì ước nguyện mơ hồ quay trở lại lối sống hạnh phúc đơn giản của họ chẳng còn gì khác hơn là một tiếng thở dài bất lực. Có một giới hạn rõ ràng đối với mức độ mà giai cấp trung lưu thành thị mới có thể tiếp thụ Hương Thổ Văn Học.

Mặt khác, trong khi các nhà trí thức đòi hỏi cải cách mọi địa hạt xã hội thì các nhà văn học, bất kể thuộc ý thức hệ nào, đã không chú trọng mấy đến việc khai triển bút pháp, kỹ thuật sáng tác, văn thể, của mình mà chỉ cố gắng miêu tả một cách linh động thực tế của cuộc sống hàng ngày của dân chúng, nhất là quần chúng thôn dã.

Họ trách các nhà văn học của các thập niên trước quá nhấn mạnh đến thị kiến, đến quan điểm cá nhân của mình mà quên đi thực tế. Do đó, các nhà văn học của hai thập niên 1970-1980 chọn sứ mệnh tranh

đấu cho những người nghèo khổ, những con người bị áp bức. Anh hùng của họ là những bác nông phu, những lão ngư phủ, những em học sinh, những dân sơn địa thổ trước, những công nhân, v.v. Họ bắt đầu coi văn học là chứng nhân lịch sử. Họ từ bỏ những cuộc hành trình vào nội tâm; trái lại, họ hướng ra xã hội, phô bày những khốn khó, những tân khổ, những mâu thuẫn của xã hội kỹ nghệ hóa.

Kết Luận

Hương Thổ Văn Học nhờ đó tái phát triển sau gần 40 năm bất động và trở nên dòng văn học chủ lưu của hai thập niên 1970-1980. Các nhà văn học Hương Thổ có một lập trường cấp tiến hơn và chính trị hơn khi viết về người dân Đài-loan. Văn chương của họ là loại văn chương truyền bá một thực thể riêng biệt cho Đài-loan và cho những người sinh ở Đài-loan.

Vì thế "hương thổ" dần dần biến thành một danh từ chia tách các nhà văn học ra làm những người từ Hoa-lục sang và những người Đài-loan thổ sinh. Đồng thời nó cũng đưa đến việc bùng nổ một cuộc tranh luận dữ dội vào năm 1977(2), cùng là mở đường cho một phong trào cấp tiến hơn, nhấn mạnh vào sự hòa đồng giữa nhà văn và công nhân, nông dân và một thực thể riêng biệt cho Đài-loan.

Chúng ta có thể nói được rằng Hương Thổ Văn Học là một trong hai động lực trọng yếu nhào nặn ý thức dân tộc của người Trung-hoa ở Đài-loan(3). Nó là động mạch chính của nền văn học dân tộc này, bởi vì nó bắt nguồn trên đất Đài-loan.

Chú Thích

(1) "Phản Trách đích Niên Đại - Diệp Thạch-đào Phỏng Vấn Ký", đăng trong *Thư Bình Thư Mục*, tập 19, th. 11/1974, tr. 49.

(2) Nếu có dịp chúng tôi sẽ trình bày trong một bài riêng.

(3) Động lực kia là Lãng Tử Văn Học, đã được chúng tôi trình bày trong bài "Lãng Tử Văn Học: Dòng Văn Học Tìm Về Nguồn", *Văn Học*, số 180, th. 4/2001, tr. 3-8.

Lê Cần Sơn
Lời ở trang cuối:
Làm thơ như giữ đức tin

1
Khi ai nói mỗi người Việt Nam là một thi sĩ
Thì họ đã biết đất nước ta được thượng đế
ưu ái biết chừng nào
Thậm chí trong những năm cuối thế kỷ hai mươi
Người-làm-thơ-việtnam đã mở chân trời mới
coi thơ là một nhân sinh quan cần thiết
Mỗi thi sĩ tự phong là một thượng đế
Dù đã giật gấu vá vai
Đủ thứ hình thái
Hiện thực, siêu hình
Thần tiên, ma quái
Hoặc đơn giản hơn là tự mình viết bài khen mình
Hay thuê người khác khen mình
Cho nên
Làm thơ như giữ đức tin
Và mai kia mốt nọ
Con cháu cần học lại tiếng Việt
Mong biết thêm nền thi ca tiếng mẹ
Chúng sẽ không còn ngạc nhiên
Sao đất nước tám mươi triệu đau khổ triền miên
có tám mươi triệu thi sĩ

2
Tôi là con ếch thích làm thơ
sống quanh năm dưới đáy giếng Jacob
luôn nhìn lên khung trời hẹp
mà ca tụng tình yêu mọi vật mọi loài.
Cho đến ngày tôi không còn nghĩ vẩn vơ
rằng tôi sẽ nhảy lên mặt đất
để ca tụng vũ trụ muôn sắc muôn màu
Bởi lẽ, đã một lần, tự xa xưa
tôi đã nghe trăm ngàn tiếng gọi quanh
Chào bà thi sĩ, chào nhà thi hào lớn v.v..
Tôi sợ hãi và cảm thấy mình như người đàn bà bị ném đá
Giữa trời ô nhiễm môi sinh
Từ đấy, tôi tự hỏi
Ngôn ngữ thơ đã đày đọa con người
Hay con người làm thui chột ngôn ngữ thơ ?

3
Hãy cho tôi cốc nước lạnh
Tôi uống và đứng lên
Vì mỗi lần ngồi vào bàn tròn
Tôi hay bị chóng mặt
Chẳng bởi những hiện tại hay quá khứ bất tài
Mà bởi những ngón tay ngắn hay chỉ thẳng vào mặt nhau
không nắm keo sơn nhau được
Xin lỗi
Những trang cuối gần mục lục
Chúng ta chỉ thấy vài trang quảng cáo
Và giá tiền chào hàng

Trao đổi thêm với ông Hồng Huy về quyển "Đọc Kỹ Truyện Kiều"

Nguyễn Quảng Tuân

Trên *Văn Học* số 175 ra tháng 11 năm 2000, chúng tôi đã có bài viết nêu ra *"Vài nhận xét nhân đọc quyển Đọc Kỹ Truyện Kiều của Hồng Huy"*.

Chúng tôi cũng đã có lời thưa trước là trong thời gian chúng tôi còn đang đi du lịch, chưa có thì giờ để đọc kỹ quyển sách kể trên nên chỉ nói về một điểm sai lầm quan trọng trong việc phiên âm bản nôm của Lâm Nọa Phu (1) sao chép.

Ông Hồng Huy đã căn cứ vào bài viết của giáo sư Đàm Quang Hưng "Giải đáp một số nghi vấn trong Truyện Kiều qua một bản Kiều nôm cổ" để cho rằng hai câu:

Ra vào thui thủi chiếc thân,
Tiểu thư trông mặt, xa gần hỏi tra.

thêm vào kia là đúng.

Ông đã viết:

"Hai câu này chen vào giữa câu 1885 và 1888 của những bản thông dụng, thành một đoạn:

Sớm khuya hầu hạ đài doanh,
Nét sầu khôn cưỡng, lệ tình khôn ngăn.
Ra vào thui thủi chiếc thân,
Tiểu thư trông mặt, xa gần hỏi tra.

Giáo sư Hưng cho rằng Lâm Nọa Phu đã chép *đúng*, vì phải như thế mới *có lý*.

Đúng. Ai đọc kỹ văn bản truyện Kiều, cũng đều nhận thấy ở chỗ ấy, ý không liên tục. Không lý nào, trong khi hầu hạ chủ, Thúy Kiều không có thái độ gì khác lạ, mà Hoạn Thư lại cứ "chạm mặt thì hỏi tra"?

Cũng nhận thấy như thế, nên vua Tự Đức và các văn thần đã chữa:

Sớm khuya hầu trước dài doanh,
Nét sầu khôn gượng, giọt tình khôn hoen.
Tiểu thư trông thấy quở liền:
"Sa mày nặng mặt bởi duyên có gì?"

So ra thì hai câu của bản Lâm Nọa Phu gọn và hay hơn."

Ông Hồng Huy đã nhận xét như vậy và cho rằng hai câu thơ thêm vào kia là *đúng* nhưng ở bản Lâm Nọa Phu không làm gì có hai câu đó.

Tiếc rằng ông Hồng Huy đã không kiểm tra lại bản nôm mà chỉ căn cứ vào bài viết của giáo sư Đàm Quang Hưng để xác định là hai câu của bản Lâm Nọa Phu *gọn* và *hay hơn*.

Chúng tôi xin chụp lại đoạn thơ trong quyển *Đoạn Trường Tân Thanh* (từ câu 1882 đến câu 1900) của Lâm Nọa Phu sao chép để các độc giả xem lại:

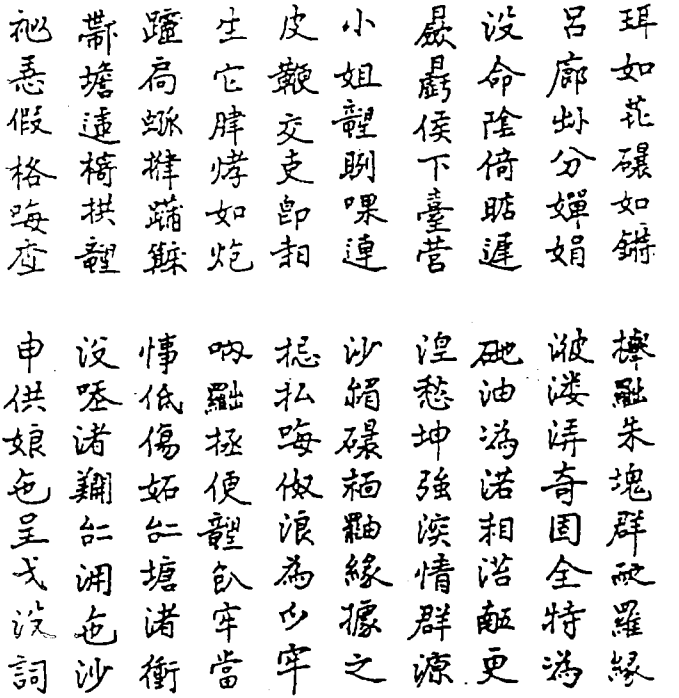

Nhẹ như bấc, nặng như chì,
Gỡ ra cho khỏi còn gì là duyên.
Lỡ làng chút phận thuyền quyên,
Bể sâu sóng cả có tuyền được vay.
Một mình âm ỉ đêm chầy,
Đĩa dầu vơi, nước mắt đầy năm canh.
Sớm khuya hầu hạ đài doanh,
Nét sầu khôn gượng, lệ tình còn nguyên.
Tiểu thư trông liếc quở liền:
Sa mày nặng mặt bởi duyên cớ gì?
Bì tiên giao lại tức thì,
Cậy chàng hỏi nó rằng vì làm sao?
Sinh đà ruột héo như bào,
Nói ra chẳng tiện, trông vào sao đang.
Loanh quanh cua lọt bò sàng,
Sợ đây thương đó hai đàng chưa xong.
Dưới thềm trên kỷ cùng trông,
Một lời chưa mở, hai dòng đã sa.
Lấy lòng giả cách hỏi tra,
Thân cung nàng đã trình qua một tờ.

(câu 1882 - câu 1900)

Rõ ràng không có hai câu:

Ra vào thui thủi chiếc thân,
Tiểu thư trông mặt xa gần hỏi tra.

mà ông Hồng Huy đã chép theo giáo sư Đàm Quang Hưng và đã nhận xét là *"đúng"*, là *"gọn"*, là *"hay hơn"* và phải chép như thế *"mới có lý"*.

Chúng tôi xin được trình bày lại cho được rõ ràng như vậy để tránh sự ngộ nhận cho các độc giả trước khi đi vào phần nhận xét về quyển *Đọc Kỹ Truyện Kiều*.

Chúng tôi nhận thấy quyển sách của ông Hồng Huy đã được biên khảo công phu dựa vào nhiều tài liệu tham khảo giá trị.

Chúng tôi đã lần lượt đọc các mục: Văn bản *Truyện Kiều* của Nguyễn Du (tr.15), *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân và *Truyện Kiều* của Nguyễn Du (tr.93), Nguyễn Du: Gia đình, hành trạng, tác phẩm (tr.118), Từ nguyên cảo *Đoạn Trường Tân Thanh* đến văn bản *Truyện Kiều* ngày nay (tr.126), Triết thuyết và tâm lý *Truyện Kiều* (tr.129), Vần điệu ràng buộc (tr.142), Những điều không thỏa đáng (tr.144), Nghe cũng hơi lạ (tr.171), Chữ cổ chữ lạ (tr.177), Chữ giống nghĩa khác (tr.230),

Tranh luận (tr.240), Kỹ thuật hành văn của *Truyện Kiều* (tr.332), Chú giải (tr.353), *Truyện Kiều* và những tác phẩm cổ văn (tr.475) và phần phụ lục gồm có bốn bài: Chữ nghĩa *Truyện Kiều* (tr.483), Vương Quan là chữ và Gươm đàn nửa gánh (tr.499), Hà Đông sư hống (tr.503) và Trong bóng hoàng hôn (tr.513).

Qua Mục lục (2) ấy chúng tôi tạm chia ra làm hai phần:

- Phần thứ nhất gồm các mục thuộc về nguồn gốc *Truyện Kiều* và văn bản *Truyện Kiều*.

- Phần thứ hai gồm các mục về văn chương và chữ nghĩa *Truyện Kiều*.

Trong bài viết này chúng tôi xin được trình bày trước về nguồn gốc và văn bản *Truyện Kiều*.

1. Nguồn gốc *Truyện Kiều*

Truyện Kiều đã được Nguyễn Du viết dựa theo quyển *Kim Vân Kiều Truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân. Quyển truyện ấy, theo ông Hồng Huy, "không phải đến bây giờ mà đã từ lâu rồi, tại nước ta cũng như bên Tàu, các nhà nghiên cứu không tìm ra được một bản nguyên truyện bằng chữ Hán in."

Do đó ông đã đặt câu hỏi: "Có một nguyên truyện gốc Trung Quốc tức là *Kim Vân Kiều*, tác giả là Thanh Tâm Tài Nhân không?"

Chúng tôi xin thưa là ở bên ta và bên Tàu đều tìm ra được nguyên truyện bằng chữ Hán bản in.

Ở nước ta, năm 1941, giáo sư Dương Quảng Hàm có mượn được một bộ của giáo sư Hoàng Xuân Hãn. Sách in theo lối mộc bản, khổ 12cm5 x 21cm2 gồm có 4 tập:

Tập I: thiếu mất tờ đầu

Tập II: tờ đầu ghi "Quán Hoa đường bình luận. Kim Vân Kiều truyện. Quyển chi nhị. Thánh Thán ngoại thư. Thanh Tâm Tài Nhân biên thứ."

Tập III: tờ đầu ghi "Quán Hoa đường bình luận. Kim Vân Kiều truyện. Quyển chi tam. Thánh Thán ngoại thư. Thanh Tâm Tài Nhân biên thứ."

Tập IV: tờ đầu ghi: "Ngũ Vân lâu bình luận. Kim Vân Kiều truyện. Quyển chi tứ. Thánh Thán ngoại thư. Thanh Tâm Tài Nhân biên thứ."

Quyển truyện ấy nay còn hai bản khắc in: một bản lưu trữ tại Nhật Bản Thiển Thảo thư ốc và một bản lưu trữ tại Trung Quốc Liên Đồ thư quán.

Năm 1983, Xuân Phong Văn Nghệ xuất bản xã đã cho in lại quyển

Kim Vân Kiều của Thanh Tâm Tài Nhân do Lý Trí Trung hiệu đính, chủ yếu dựa vào bản ở Đại Liên đồ thư quán.

Năm 1993, Hoa Hạ xuất bản xã ở Bắc Kinh cũng cho in lại quyển *Kim Vân Kiều truyện* trong bộ *Minh Thanh ngôn tình tiểu thuyết đại quan*, nhờ vậy quyển truyện ấy của Thanh Tâm Tài Nhân mới được phổ biến trở lại.

Xưa kia vào thời Nguyễn Du quyển truyện ấy rất hiếm nên người ta đã phải sao chép lại và các bản sao chép ấy cũng chỉ còn một bản được lưu trữ tại Thư viện của Pháp Quốc Viễn Đông học viện, mang số hiệu A.953 và có nhan đề là *Kim Vân Kiều* do Thanh Tâm Tài Tử (3) biên thứ.

Sau khi Nguyễn Du đã dựa vào quyển truyện của Thanh Tâm Tài Nhân để viết ra quyển *Truyện Kiều* (Đoạn Trường Tân Thanh) thì một nhà nho ẩn danh ở nước ta đã dịch quyển truyện nôm ra Hán văn và đặt tên là *Kim Vân Kiều lục*. Quyển này đã được khắc in ba lần ở Hà Nội vào các năm 1876, 1888 và 1896.

Vấn đề nguồn gốc *Truyện Kiều* đã rõ ràng như vậy không còn gì phải nghi vấn nữa.

2. Bản dịch Kim Vân Kiều truyện.

Về bản dịch *Kim Vân Kiều truyện* sang quốc ngữ, ông Hồng Huy cho rằng:

"Tại miền Bắc, hình như cho đến nay vẫn không có bản dịch nào được phổ biến. Bản dịch của Nguyễn Duy Ngung trước kia, nay không còn tìm được nữa."

Viết như vậy là không được xác thực vì ở miền Bắc, quyển *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân đã được Nguyễn Khắc Hanh (1893-1966) và Nguyễn Đức Vân (1900-1974) dịch sang quốc ngữ nhưng mới chỉ được in ronéo năm 1962 để làm tài liệu nghiên cứu cho Viện Văn học. Đến năm 1994, nhà xuất bản Hải Phòng đã cho in thành sách, dày 336 trang và đến năm 1999, nhà xuất bản Đại Học Quốc Gia Hà Nội đã cho tái bản, dày 372 trang.

3. Nhận xét về bản dịch của Nguyễn Đình Diệm.

Ông Hồng Huy đã nêu ra một số nhược điểm của bản dịch và đã có những nhận xét khá xác đáng.

Thí dụ như ở trang 101 ông đã viết:

"Đọc bản dịch, ngay đầu hồi 16 (trang 347) thấy viết: "Nhắc lại

Thúy Kiều sau khi ở Chiêu Ẩn am trốn đi rồi, hai tên thị nữ Xuân Hoa và Thu Nguyệt sáng hôm sau thức dậy thấy cửa lầu mở tung..." tôi ngạc nhiên, và đoán có lẽ dịch giả viết lầm "Quan Âm các" thành "Chiêu Ẩn am", hoặc giả nguyên truyện viết lầm như vậy, rồi dịch giả vô ý giữ nguyên chăng.

Nhưng không phải. Nguyên truyện chỗ ấy như vầy: "Thả thuyết Thúy Kiều tại Chiêu Ẩn am trung đào trụ. Thả thuyết Xuân Hoa, Thu Nguyệt thứ tảo khởi lai, kiến lâu môn đại khai..." (Hãy nhắc chuyện Thúy Kiều đang trốn tại Chiêu Ẩn am. Hãy nhắc chuyện sáng hôm sau Xuân Hoa, Thu Nguyệt thức dậy thấy cửa lầu mở rộng...)

Ông Hồng Huy đã có nhận xét đúng về bản dịch của Nguyễn Đình Diệm là thiếu chính xác khiến người đọc phải ngỡ ngàng. Ông có dịch lại nhưng cũng chưa được rõ nghĩa như trong bản dịch của Nguyễn Đức Vân và Nguyễn Khắc Hanh:

"Đây hãy tạm gác chuyện Thúy Kiều trốn ở am Chiêu Ẩn. Nhắc lại sáng hôm ấy, hai thị nữ Xuân Hoa và Thu Nguyệt ngủ dậy thấy cửa lầu mở rộng..."

Ông Hồng Huy chỉ nêu ra một số chỗ dịch sai hoặc chưa rõ nghĩa của bản dịch Nguyễn Đình Diệm mà đã không để ý đến một chỗ dịch thiếu rất quan trọng ở đoạn cuối hồi XII, nguyên văn như sau:

"Tri phủ khiếu tả hữu tu thái kỳ cổ nhạc, hoa hồng hỷ kiệu, song song tống hồi Thúc trạch. Thúc sinh, Thúy Kiều bái tạ tri phủ ngọc thành chi ân, thượng liễu kiệu qui gia, hảo bất hứng đâu."

Nguyễn Du đã theo đúng nguyên văn viết là:

Kíp truyền sắm sửa lễ công,
Kiệu hoa cất gió, đuốc hồng ruổi sao.
Bày hàng cổ xúy xôn xao,
Song song đưa tới trướng đào sánh đôi.
(c.1465 - c.1468)

Nguyễn Đức Vân và Nguyễn Khắc Hanh cũng có dịch là:

"Quan phủ hối tả hữu sửa soạn cờ quạt, cổ nhạc, kiệu hoa có chữ Hỷ đỏ, đưa hai người song song về nhà. Hai người lạy tạ tri phủ, cảm ơn tác thành rồi lên kiệu trở về rất là vui sướng."

Nguyễn Đình Diệm đã không dịch đoạn này, chắc là dựa theo ý kiến của Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu cho rằng:

"Như quan phủ có rộng lượng thời tha cho đã là tốt; không lẽ lại vì những kẻ bị kiện mà làm lễ cưới hộ cho. Huống "Phủ đường" đó, một ông quan "mặt sắt", đâu có "kíp truyền" nhằm như thế? mà theo lẽ cũng không truyền cho nha thuộc "sắm lễ" như thế được. Cho nên theo ngụ ý

riêng nghĩ, bốn câu này chỉ nên cắt bỏ."

Vì Nguyễn Đình Diệm đã cắt bỏ, không dịch đoạn văn trên của nguyên truyện nên trong quyển Truyện Kiều đối chiếu, ông Phạm Đan Quế đã nhầm khi cho rằng đoạn thơ từ câu 1465 đến câu 1468 chính là do Nguyễn Du thêm vào chứ trong nguyên truyện không có.

Nếu ông Hồng Huy có nêu thêm điểm này thì phần nhận xét của ông về "Dịch phẩm của Nguyễn Đình Diệm" sẽ đầy đủ hơn.

4. Văn bản Truyện Kiều.

Trong mục "Từ nguyên cảo *Đoạn Trường Tân Thanh* đến văn bản *Truyện Kiều*" ông Hồng Huy đã có nhận xét tổng quát về văn bản *Truyện Kiều* từ các bản Phường đến bản Kinh mà Đào Nguyên Phổ đã đem từ kinh đô Huế về tặng cho Kiều Oánh Mậu năm 1898.

Bản Kinh này ông Hồng Huy cho rằng: "Theo Kiều Oánh Mậu tổng số câu khác nhau giữa bản Kinh và các bản Phường là 152".

Con số này thực ra đã không được chính xác. Có thể ông đã căn cứ vào sự ghi chép của Nguyễn Thạch Giang và Đào Duy Anh.

Nguyễn Thạch Giang trong quyển *Truyện Kiều* (4) đã ghi:

"Bản Kiều Oánh Mậu có 3256 câu. Trừ chỗ khác nhau về số câu như đã nói thì bản Kiều Oánh Mậu so với bản Quan Văn đường Thành Thái Bính ngọ không khác nhau là mấy trừ những chỗ Kiều Oánh Mậu có chú rõ là bản Kinh.

Như đã nói ở phần bản Kinh và bản Phường thì cho đến nay, chúng ta chỉ bằng vào các lời chú trên một số bản Kiều (chủ yếu là bản Kiều Oánh Mậu) mà biết được tổng số câu bản Kinh khác bản Phường là 152 câu."

Đào Duy Anh trong quyển *Truyện Kiều* (5) cũng đã ghi:

"Bản họ Kiều (Kiều Oánh Mậu) chỉ lấy của bản Kinh có 23 câu. Tuy nhiên, do sự chú thích khảo dị kỹ càng của bản ấy, người ta nhận thấy rằng so với bản Phường thì bản Kinh đã sửa lại 152 câu."

Qua các lời ghi chú ấy của Nguyễn Thạch Giang và Đào Duy Anh, chúng tôi nhận thấy con số trên đã không chính xác.

Chúng tôi đã lấy bản Kiều Oánh Mậu ra, đếm đi đếm lại các câu do họ Kiều ghi là "Kinh bản cải" thì chỉ có 42 câu thôi. Có thể bản Kinh mà Đào Nguyên Phổ đem từ kinh đô về tặng cho Kiều Oánh Mậu đã khác với bản Kinh mà Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim đã mượn được. (6)

Chúng tôi chỉ xin dẫn ra một trường hợp như sau:

Ở trang 46b, bản Kiều Oánh Mậu sau hai chữ "ai rồi" (câu 1826) đã

ghi "Kinh bản cải":

Thương ôi mảnh sắt vào lò,
Bấy lâu nay biết giày vò đến đâu!
Nỗi lòng chẳng đánh mà đau,
Đang cười nói bỗng mặt rầu lệ sa.

Bản Bùi Kỷ - Trần Trọng Kim chép tới 12 câu ghi là của bản Kinh:

Sợ uy ruột rối tơ vò,
Tủi duyên đôi giọt tuôn mưa khôn hàn.
Rụt rè theo lũ liễu hoàn,
Cúi đầu cùng lạy một đoàn xa xa.
Trông tường chàng ngả cổ ra,
Thực nàng Kiều đó sao mà ở đây?
Nhân làm sao đến thế này?
Thôi thôi hẳn đã mắc tay mặt thù.
Thương ôi! Mảnh sắt vào lò,
Bấy lâu nay biết giày vò đến đâu!
Nỗi lòng chẳng đánh mà đau,
Đương cười nói bỗng mặt rầu lệ sa.

Chúng ta thấy chỉ trong một đoạn này, bản Bùi Kỷ - Trần Trọng Kim đã chép dài hơn 8 câu so với bản Kiều Oánh Mậu ghi là "Kinh bản cải".

Ông Hồng Huy chắc là không kiểm lại bản Kiều Oánh Mậu nên đã chép sai theo Nguyễn Thạch Giang và Đào Duy Anh.

*

Qua bốn phần sơ lược trình bày ở trên, chúng tôi mới trao đổi được đôi điều về "văn bản học" còn về những mục "văn chương và chữ nghĩa Truyện Kiều" chúng tôi sẽ có một bài viết khác để trao đổi thêm với ông Hồng Huy sau.

(1) Chữ (侽) đọc là nọa mới đúng. Quyển *Hình âm nghĩa tổng hợp đại tự điển* và các đại tự điển khác đều phiên thiết là nộ + ngọa = nọa. Nọa phu chi lược xưng viết nọa.

Nọa có nghĩa là yếu ớt. Quyển Hán Việt tự điển của Đào Duy Anh có ghi:

Nọa phu: người đàn ông không có khí tiết. Đây là một cách nói khiêm nhường.

(2) Quyển *Đọc Kỹ Truyện Kiều* của ông Hồng Huy không có mục lục để tiện tra cứu cho độc giả.

(3) Người sao chép đã sửa lại là Thanh Tâm Tài Tử còn nguyên truyện bản khắc in đề rõ ràng là Thanh Tâm Tài Nhân.

(4) *Truyện Kiều*. Nguyễn Thạch Giang khảo đính và chú thích. Nhà xuất

Gặp lại tháng giêng
TRẦN THIỆN HIỆP

Tôi gặp lại quê hương tôi
Trong từng hơi thở
Trong từng chiếc lá me bay
Trong tia nắng đầu ngày
Trên cỏ trên cây
Trên đồng lúa vàng màu da dân tộc

Tôi gặp lại em
Bến nước phù sa cây xanh trái ngọt
Hàng dừa nghiêng gió trở sang mùa
Đồi trà chập chùng mờ mờ sương sớm
Tiếng chim rừng thức giấc cao nguyên
Tôi gặp lại em
Chân lấm tay bùn tháng giêng cấy mạ
Áo ngắn sờn vai em nói, cười chân chất
Số phận mình với cây cỏ quê yêu
Tôi gặp lại em
Trong nắng chiều, gió sớm
Trong câu hò mái đẩy đêm trăng
Âm diệu ngàn đời vẫn dậm dà tha thiết
Như lịch sử mình trăm trứng Tiên-Long

Tôi hạt cát trôi về biển mẹ
Mây lãng du tìm lại núi Ngũ Hành
Cất tiếng thơ giữa sơn hà cẩm tú
Cho em, cho tôi, cho dằm thắm tình người
Cho trẻ thơ hy vọng, tiếng cười
Cho sớm mai mặt trời lại mọc.

bản Đại Học và Trung Học Chuyên Nghiệp Hà Nội - 1973.

(5) *Truyện Kiều*. Đào Duy Anh chú giải. Nhà xb. Văn Học - Hà Nội - 1979.

(6) Bùi Kỷ - Trần Trọng Kim cho biết khi khảo đính và chú giải quyển *Truyện Thúy Kiều* có mượn được một bản Kinh. Hai ông đã ghi nhận được 144 câu của bản Kinh khác với bản Phường.

Nhật ký Trần Dần

Nhà xuất bản TD Memories phối hợp cùng nhà xuất bản Văn Nghệ vừa phát hành cuốn ***Ghi*** *(nhật ký, di cảo của nhà văn Trần Dần, do nhà văn Phạm thị Hoài căn cứ vào những cuốn sổ tay Trần Dần để lại cho gia đình, đoán các chữ khó đọc, hiệu đính và sắp xếp lại) dày trên 500 trang, bán giá 18 MK. Đây là một tư liệu quí để tìm hiểu thêm vụ đàn áp Nhân Văn Giai Phẩm xảy ra ở Miền Bắc những năm 1958-1960, mà Trần Dần là một trong những nạn nhân chính.*

Văn Học xin trích đăng một đoạn nhật ký của Trần Dần, viết vào thời gian đang có vụ đàn áp Nhân Văn xảy ra.

.....3-3 đến 14-4 -58

Lớp nghiên cứu 2 văn kiện.

Một lớp học lộn đảo tất cả, từ con ngươi mắt, đến từng tế bào óc! Do đó mà rồi văn học chung cho đến cuộc đời riêng từng người cũng sẽ lộn đảo tung lên hết, từ nay trở về sau.

Từ chỗ khẳng định thế giới bây giờ là ở thời kỳ quá độ chủ nghĩa tư bản tiến sang chủ nghĩa xã hội, đến chỗ khẳng định được, ở nước ta 3 đoạn tiến lên xã hội chủ nghĩa đã bắt đầu từ ngày hoà bình, những nhận thức chính trị cơ bản và rất giản dị đó giúp cho mỗi người nhận thấy rõ vị trí của mình trong 3 năm qua đã đứng ở đâu, ủng hộ ai, phản đối cái gì?

Nhân Văn Giai Phẩm thế là đã đứng về phe tư bản chủ nghĩa, phản đối xã hội chủ nghĩa; hơn thế, lớp học trình bày sự thực, làm cho tất thảy

đều thấy rõ chân tướng bọn cầm đầu Nhân Văn Giai Phẩm (NVGP), đó là một công ty phá hoại bao gồm những kẻ phản cách mạng, đứa là phần tử Quốc Dân Đảng cũ (Phan Khôi), đứa là mật thám trước (Trần Duy), đứa là tên bất mãn chống Đảng có lịch sử, đi đến chủ nghĩa trotskisme (Nguyễn hữu Đang), ... chúng ngoặc với bọn trotskistes Trương Tửu,Trần Đức Thảo, và với bọn gián điệp vẫn liên lạc với Sainteny, là Thụy An.

Nhìn rõ được chân tướng những ông bạn quý của tôi đó rồi, tất nhiên chân tướng của tôi nó cũng phải lộ ra, không còn có thể che đậy được nữa. Nói thì giản đơn, song quá trình tỉnh ngộ của tôi nó đã là một kết quả hết sức là phải căng não ra, phải có sự trấn áp của khách quan, phải có bàn tay kiên quyết của chân lý cách mạng. Mà tư tưởng thù địch của tôi nó còn chống đánh kỳ cùng, giữ từng căn nhà, từng góc phố, khác gì một cuộc chiến đấu trong thành phố.

Tôi là cái gì?

Trước Cách Mạng, tôi là một thứ hổn lốn phản động của những tư tưởng tư sản địa chủ: hưởng lạc đến đồi trụy, hám danh to đến bệnh "vĩ đại cuồng", vô chính phủ đến phá phách mọi trật tự, thoát ly đến rơi vào sinh hoạt sa đoạ, và đi vào các trường phái nghệ thuật vị nghệ thuật, tượng trưng, lập thể, siêu thực... và vào triết học ru ngủ tối phản động của Bergson.

Trong Kháng Chiến, con người phản động đó bị trấn áp, hoàn cảnh chiến tranh và chân lý vô sản đè cổ nó xuống, nạo rửa mới chỉ được một phần nào.

Trở về Hoà Bình, nhân cơ hội cách mạng gặp khó khăn khắp thế giới và trong nước, lại gặp hoàn cảnh một thành phố "Mỹ hoá" như Hà Nội, tức thì con người phản động cũ của tôi nó lộn lại. Nó không hiện nguyên hình như cũ, mà khoác áo mới, những "chống công thức", "đi tìm cái mới", thực chất đó chỉ là cái vỏ che đậy cho cái ruột thối của chủ nghĩa xét lại và tư tưởng trotskiste. Con người phản cách mạng như thế phát triển với tốc độ "tử vì đạo", nó phá phách khi hung hãn khi tinh vi mọi cản trở, tức là mọi nguyên tắc và lý luận cách mạng, nó húc đầu bướng bỉnh và tàn nhẫn vào quy luật phát triển khách quan của lịch sử. Nó đấu tranh ở bộ đội, ra *Giai Phẩm Mùa Xuân*, làm thơ phá hoại, đứng cùng hàng ngũ bọn NVGP, bắn lại cách mạng, bắn lại Đảng, trong khi Đảng vẫn dang lớn hai cánh tay kêu gọi nó lộn về, ngực Đảng hở, vô tình, bị viên đạn nhẫn tâm nó bắn đến bị thương.

Không thể đếm hết những viên đạn ròng rã 3 năm qua tôi đã bắn vào Đảng, khi thẳng mặt, khi bắn sau lưng, lợi dụng tình thương của Đảng mà phản bội. Cứ thế, đối Đảng, đối nhân dân, đối bạn bè, đối gia

đình, đối văn học, tôi đã gây biết bao tình tội, mà suốt một cuộc đời còn lại, làm việc và ăn năn hết lòng, cũng khó mà xóa đi cho hết.

Tôi đã tự lừa dối là một người có óc suy nghĩ độc lập. Song sự thực chứng tỏ tôi chỉ là một con rối mà những dường dây tư tưởng thù địch nó đã giật cho múa may tùy thích.

Tôi đã tự lừa dối tôi là một *martyr* của Đảng quan liêu, song sự thực chứng tỏ dối Đảng, đối nhân dân tôi là một kẻ tội đồ mà dân ta, Đảng ta hãy còn chưa trừng trị.

Tôi đã tự lừa dối tôi là tôi đi một con đường cao quý, con đường chịu tội cho loài người (chemin de calvaire). Song sự thực chứng tỏ con đường tôi chỉ là con đường phản bội, con đường phá hoại nhơ bẩn và tàn nhẫn.

Tôi đã tự lừa dối là tôi tử vì đạo vì mục đích đi tìm cái mới cho xã hội, cho văn học, cho con người. Song sự thực chứng tỏ tôi đã là đứa tay sai muốn chết cho bọn tư sản phản động, cho chủ nghĩa xét lại, cho tư tưởng trotskiste, và cho bọn đế quốc chúng dứng trên cao hết, chăng ra một bức mạng nhện những tư tưởng hiểm nghèo và độc địa.

15-4

Báo Nhân Dân với một sinh viên

– cuộc nói chuyện của nhà văn Liên Xô ra, tôi đi với Tử Phác.

Tử Phác thấy phen này là cả một sự đảo lộn trong cuộc đời. Tôi khuyên Tử Phác nên nhân lúc này mà sống mạnh dạn hơn.

Qua nhiều câu chuyện, Tử Phác kể lại chuyện báo Nhân Dân chữa cái bài do một sinh viên viết về Trần Dần ăn cắp Maia. Tử Phác bảo: tay sinh viên đó là học trò Hữu Loan, kỳ này bị truy tợn, mới viết một bài gửi báo Nhân Dân, đại ý chỉ có nói đến những réminiscences thơ Maia còn ở trong thơ Trần Dần. Báo Nhân Dân mới chữa và đặt tít thành: *ăn cắp thơ Maia*. Dưới lại thêm rằng, cả Hoàng Cầm, Lê Đạt, Hữu Loan vv... cũng là bọn dùng thủ đoạn đánh cắp đó cả... Anh sinh viên kia hốt quá, đến phân minh báo Nhân Dân, yêu cầu cải chính, không được, bèn đến xin lỗi Hữu Loan, kể tình đầu như vậy. Hữu Loan lại kể với Tử Phác, và dặn chớ nói với Phùng Quán, Lê Đạt, sợ nó bô bô nói đi.

Tôi nghe câu chuyện, cười xoà, nói:

- Kể ra, bọn mình còn vu cho Đảng những vố cay hơn, nên cũng không nên coi những chi tiết đó làm trọng nữa.

Tử Phác cũng gật đầu. Giá trước lớp học thì câu chuyện không thể có một cái kết luận vui vẻ như vậy được.

16-4
[...]

Đi đâu? Làm gì?

Vấn đề đặt ra với tôi là cải tạo lao động, nhưng tôi còn có một gia đình, cũng vấn đề ấy, nó bao hàm thêm một ý nữa: cải tạo lao động thế nào mà có thể dỡ đần thêm chút ít cho vợ con nữa.

Vợ yếu quá, đã mổ ruột, việc nặng không kham nổi; lại còn con nhỏ, vài tháng đã thêm một đứa, là 2, con trước con sau, vợ cứ xoay vào với chúng nó là đã đủ kiệt sức rồi. Nuôi con là một thứ lao động mệt nhọc bậc nhất trong các thứ lao động, chỉ có cái là nó không thể gọi là "lao động sản xuất", trừ phi muốn chơi chữ thì gọi vậy mới được mà thôi... Vậy lấy gì nuôi vợ con? Một gia đình 4 người, chỉ có tôi tương đối còn sức lao động, phải đóng vai lao động chính! Mà viết thì phải ách lại rồi, còn hai bàn tay vô nghề, đi học việc thì lương sẽ khoảng 2 vạn 7! Vợ thì biết làm y tá, khâu khíu bít tất, đệt một chút, máy chữ một chút vv..., cũng muốn làm, mong làm, song không có việc; vả nếu được việc thì phải nuôi người làm trông con, lỗ hà ra lỗ hổng, lại chỉ còn trông độc vào lương tôi mà thôi.

Thật là khó. Tôi chưa biết tính sao? Cho nên bàn với vợ giả nốt cái nhà phố Trần Phú, một tháng thu được 6 vạn, tôi cũng bàn suông vậy, muốn từ bỏ cái nhục ăn bám đó đi nữa mà không có lối cụ thể! Vả lại giả nhà, phải giả cả tiền thu lợi suốt mấy năm qua, trên 2 triệu, thì lấy đâu ra?

Mà vấn đề cải tạo lao động là một vấn đề khẩn thiết bức bách lắm rồi. Không thể dừng được. Tôi có cảm giác phải vượt qua một ngọn Hy Mã Lạp Sơn! Cuộc sống có những lúc thử thách con người ta một cách hết sức nghiêm nghị. Cuộc sống có khi buộc người ta phải sống cho ra sống. Tôi không muốn làm một kẻ hèn nhát. Cái sàng lớn của xã hội chủ nghĩa sàng không thương sót, tôi không muốn làm một kẻ bị sàng đi. Ôi chao, phải nhận chân một sự thật: lòng quyết tâm cải tạo xã hội chủ nghĩa của tôi nó còn ít tự giác quá. Nó còn như bị bó buộc. Cái mới chưa tin hoàn toàn, cái cũ chưa gột cho hết. Một con người thảm hại tột độ.

Lý Đăng Cao và tình hình

Ban tối Lý Đăng Cao đến chơi, với một người nữa không giới thiệu tên, chỉ bảo là: "bạn"!

Vợ tôi sửa soạn đi Nam Định, đi đòi nợ lũ em gái, lấy dăm vạn tiêu

xài. Lý Đăng Cao có vẻ nghi, nói xa nói xôi rằng: không nên đi lại "khác quy luật", rằng bây giờ công an người ta phải theo dõi, vv...

Tôi cười xoà. Một kẻ như tôi thì nhất cử nhất động, người ta đều có quyền đặt vấn đề cả. Tất nhiên.

Người bạn Lý Đăng Cao còn khuyên tôi nên giữ gìn. Vì địch nó còn đang tung tin hoang mang ghê lắm: bắt người này, người kia tự vẫn vv... Và có thể nó thủ tiêu tôi đi, hoặc khiêu khích quần chúng đánh tôi, hòng để bôi xấu chế độ ta.

Tôi nghe làm phải. Đó cũng là cái ý đã có lúc đến trong đầu óc tôi.

Hiện nay, Nguyễn hữu Đang, Thụy An, Minh Đức đã bị bắt, chẳng bao lâu sẽ ra toà. Báo chí vẫn tiếp tục diệt đánh Nhân Văn, một chiến dịch cần thiết, (mà trước kia tôi lại cho là một sự bơm phồng chế tạo!) Bộ 6 Giai phẩm mùa xuân đã buông tha nhau ra. Bọn NVGP cũng ôrơvoa nhau hết. Sỹ Ngọc (theo lời Văn Giáo) đóng kín cửa, miễn tiếp khách!

Bản thân tôi, do chỗ đã tự giác đình bản tư tưởng thù địch (phải nói là một thứ tự giác kết quả của áp lực khách quan!) nên về mọi mặt khác, tôi cũng đình bản cả giao du, đình bản cả việc viết lách! Có cái thú là: đình bản những idées noires, đình bản luồng cảm nghĩ bi thảm cũ! Từ dưng, tôi cảm thấy có cái gì đã nới ra quanh tôi: đất dai cho tôi sống nó rộng thêm nhiều, rất nhiều! Vòng vây do tôi tự tạo nó ra, nay hầu như đã giải toả đi, còn lại ít nhiều cũng chỉ là trong phạm vi sự cảnh giác cách mạng cần thiết mà thôi.

Có nên đi gặp những đồng chí lãnh dạo, để hỏi những việc cần phải làm không? Đi thì lại sợ bị hiểu lầm. Nhưng nếu ngồi nhà, tiêu cực dợi, có khi còn bị hiểu lầm hơn gấp bội: Người ta dễ hiểu những biểu hiện tích cực, hơn là những biểu hiện ngấm ngầm, tiêu cực.

19-4
Tình hình

Lớp học đảng viên trước Tết, lớp 304 cán bộ văn nghệ văn hoá, nghiên cứu 2 văn kiện đã bế mạc rồi. Đó là 2 lớp đấu tranh tư tưởng.

Hiện nay cuộc đấu tranh đang chuyển sang một bước cao hơn: đấu tranh chính trị. Bọn Đang - Minh Đức - Thụy An, thân thì bị cầm tù, tội ác thì đem bêu đầu trên báo chí. Vai trò của bọn chúng trong các vụ phá hoại 3 năm qua đang được vạch trần, mà mới chỉ vạch về mặt hành động, còn mặt bùa mê tư tưởng thì chưa vạch.

Phan Khôi thì đóng cửa, nằm khàn, không đọc báo, tức là trốn cuộc đấu tranh, chỉ đọc các truyện và sách vớ vẩn giải trí. Trương Tửu, Trần

Đức Thảo làm gì?

Còn bọn loại B chúng tôi hiện ra sao? Làm gì?

Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt đang tiếp tục kiểm thảo ở cơ quan (lớp học 10 ngày) cùng với những Quang Dũng, Trần Lê Văn Văn, Thanh Châu, Huy Phương, Yến Lan, Nguyễn Thành Long vv... Chúng tôi đi sâu vào kiểm điểm sáng tác hơn nữa. Kiểm điểm sáng tác cho sâu mới thật là khó sao! Cứ như phải rứt bỏ một mảng thịt của mình, cứ như ly dị một người yêu. Lê Đạt được mình nhắc cái "Cha tôi" (mon père) thì cười, và rồi cũng đành hạ bút mà hạ thủ nó cho rồi. Bản thân tôi mới tiếc cái "Việt Bắc" làm sao chứ!

Quang Dũng thì thú thực là: ở lớp học nói chữ *phản động* không sao, bây giờ đặt cho mình chữ ấy, nó cứ thế nào ấy! Anh ta kêu: trưa nay vợ cãi nhau với một anh hàng xóm về chuyện cống rãnh vớ vẩn, mà anh kia thì hoàn toàn là trái rồi, thế mà Quang Dũng không dám nói gì. Hì! Vì cái thằng cha ấy nó chả xem báo nhiều, lỡ ra cãi nhau với nó, nó lại chửi móc phản động này nọ thì khổ! Lát sau Quang Dũng lại kể chuyện ấy một lần nữa, và nói thêm: nếu nó làm quá mình sẽ đưa ra công an.

Nguyễn Thành Long thì cứ thắc mắc về những hiện tượng phát hiện sai, như cái bếp điện Thụy An cho, như chuyện Lê Đạt, Trần Dần đi lại tụ tập ở nhà anh ta! vv... Làm gì có?

Không hiểu Văn Cao, Đặng Đình Hưng, Tử Phác nay ra sao? Đôi lúc qua nhà Văn Cao nghe thấy tiếng đàn, chắc anh bạn buồn lắm đấy. Vì anh mất cái vương quốc rộn rịp của anh rồi! Anh như người còn lại một mình trên một căn nhà cháy, ôm lấy một cái cột than, trong khi mọi người đã đi hết cả rồi! Khổ thân anh chàng!

Lê Đạt nhìn xa

Chết vẫn chưa chừa cái lối lý luận suy diễn vớ vẩn, Lê Đạt nói: "Trước kia giáo điều chả là một sự cản trở, người ta chống lại, quá đi thành ra xét lại! Bây giờ đánh xét lại là đúng rồi, nhưng nhất định chủ nghĩa giáo điều sẽ nhân cơ hội này mà ngóc dậy. Contrepoids mà! Sẽ giáo điều một thời kỳ lâu. Cho đến khi chủ nghĩa xét lại đã thành một vấn đề lịch sử thì người ta lại sẽ thấy chủ nghĩa giáo điều là một cản trở cần phải chống nó! Đúng như thế đấy!"

Dạo này anh chàng "nhũn" tợn! Anh ta cứ bầu mình lên làm "ông anh tư tưởng" của anh ta! Có bao giờ anh ta chịu cái nước dàn em một cách thực sự như bây giờ đâu?

Phùng Quán kể

Hôm bế mạc lớp học, các tổ trưởng họp bàn xem nên cho ai phát biểu. Rất là gay. Có người nêu: không nên cho Nhân Văn nói! Xong bàn đi bàn lại, thấy rằng lớp học là lớp học chung cả, thì nên để cho họ phát biểu, mới là có kết quả chứ.

Nhưng rồi lại bàn: chọn ai? Bàn mãi, rồi quyết định là chọn: 1) Trần Dần (vì đâu sỏ loại B) 2) Phùng Quán (vì là một anh bị ảnh hưởng)

Nhưng rồi lại sợ nó nói bố láo câu gì, cuối lớp rồi, thì phiền. Xong bàn là: cho nó viết ra, thông qua trước xem có được không hãy.

Nhưng rồi lại sợ nó lên nó nói mồm thêm ra ngoài cái đã viết. Xong bàn là: gài người bên cạnh, gài người thật cứng, để lỡ ra nó có nói gì láo thì còn dập lại được!

Nhưng rồi Trần Dần, Phùng Quán phát biểu, cũng đường được cả thôi.

Kể ra thì khách quan cũng có cái quyền cảnh giác như thế, vì chủ quan tôi và bè lũ, mấy năm qua đã tỏ ra là một lũ người bất trắc, không thể nào có thể dễ tin ngay được!

29-4

Phùng Cung

- Nhục lắm. Mẹ nó. Mình xin về nhà có được không nhỉ? Mẹ nó. Có những thằng nó không bằng một thằng đô gàn phong kiến nữa! Phan Khôi chẳng hạn. Hắn cho vợ hắn gặp tôi, nhắn rằng: "Tôi đã nói gì với anh, anh cứ tố ra hết đi. Vì tôi thì già rồi, mà anh thì còn trẻ!" Mẹ nó, nhục quá. Anh bảo nên thế nào? Có nên xin ra biên chế không?

Tôi nhìn Phùng Cung, ái ngại cho anh quá. Đâu như trong khi học tập, anh ta "hỗn" quá, bị đuổi khỏi lớp làm sao ấy... Tôi khuyên anh, rằng nên đầu hàng đi; rằng chỉ có một con đường, "họ" là chân lý, mình đầu hàng, là phải; rằng không nên xin ra biên chế, lúc này việc ấy có thể là một sự tiến công của tư tưởng thù địch; rằng không nên coi là nhục, oan ức gì nữa, mà cứ nghĩ lại xem tổng cộng cái bồ chữ mình đã chửi vào lãnh đạo nó to như thế nào, còn oan và nhục gì nữa?

Phùng Cung xem ý không thông gì lắm. Tôi thấy khổ! Một con người có cái gan "tử vì đạo" là Phùng Cung, than ôi, cái đạo anh định chết vì nó chính là cái đạo phản cách mạng, sao mà anh chưa tỉnh ngộ ra hử anh?

Văn Cao

Ít ngày trước qua nhà Văn Cao, dưới thấy vắng xe đạp, trên gác thì

buông ra những nốt dàn, nó lơi bơi và lăn lóc lỏng chỏng trong bầu không, tôi tự dưng cứ nghĩ đến một cái miếu hoang, nghĩ đến nét mặt rầu rĩ của người nghệ sĩ "tiên chỉ" đó. Và nghĩ đến cái đại dương cầm Văn Cao đã tự hào tuyên bố rằng: nó sẽ là một vật quý viện bảo tàng, vì có bàn tay Văn Cao đã đặt trên clavier đó!

Cách đây vài ngày, ở cơ quan về, buổi sáng, tôi thấy nhà Văn Cao mở rộng cửa, có một cái thang bắc từ gác anh xuống dưới đất, bên hè có một cái xe bò to nằm chờ, nhìn lên trên, thấy mấy người ra vào cầm dây, xem hướng, chỉ chỉ, bàn tán nhau: họ đang tính cách giòng cái đại dương cầm xuống, chở đi!...

Chắc không phải là chở đi để đặt vào viện bảo tàng.

Nguyễn Hữu Đang kêu oan

Lê Đạt kể. Đạt gặp công an, về việc phát hiện thêm về Đang và Thụy An. Đồng chí công an cho biết: Thụy An hắn đã nhận là *haute police* của địch.

Còn Đang thì hắn cũng nhận là hắn có âm mưu lật đổ Trung Ương, bằng phương pháp hoà bình. Về vấn đề tổ chức đảng phái chính trị, hắn khai là chưa có.

Xong hắn lại kêu oan! Rằng: báo chí cứ bảo hắn là đầu sỏ, oan hắn quá; sự thực, đầu sỏ là bộ ba Đang, Đạt, Cầm, chứ không riêng gì hắn! về nội dung số 6 , hắn khai có bàn với Đạt và Cầm. Hắn còn khai có bàn với Đạt và Cầm sẽ ra những số đặc biệt về Cải cách ruộng đất, về công thương nữa.

Theo Đạt nói thì: Hoàng Cầm cũng biết nội dung số 6 thật, chỉ có cái là bây giờ cu cậu chối! Còn những số đặc biệt về Cải cách ruộng đất, công thương, thì Đang hắn chưa hề bàn với ai sốt!

7-5

Kiểm thảo sáng tác

Đảng đoàn Hội Nhà Văn để cả một tuần này, để cho Nhân Văn viết lại cái phần kiểm thảo sáng tác! Theo như đồng chí Nguyễn Xuân Sanh nói, thì tuần trước, phần đó viết chưa sâu, vì thiếu thời giờ, thì tuần này viết lại cho kỹ. Mà phải viết sao cho có thể dùng in công khai được.

Sau khi mọi người đã nộp cái của quốc cấm, nghĩa là cả một đống những *Nhân Văn Giai Phẩm* rồi, thì tập trung cả ở một phòng, viết kiểm thảo.

Hoàng Tố Nguyên thì cứ thắc mắc: Sáng tác mình, bảo là khuyết điểm tiểu tư sản, giả tạo gì đó thì có, chứ còn đánh dấm phản động gì thì thiệt là hổng có!

Quang Dũng cũng không nhận thấy tư tưởng phản dộng đánh dấm gì trong tác phẩm. Anh chàng vẫn cái điệu pha trò kiểu Sạclô, tiếng cười đồng nghĩa với tiếng thở dài. Chẳng hạn "Là người rõ ràng mà hoá ra là élément! élément Nhân Văn! Phần tử Nhân Văn mà lị! Hi hi (khe khẽ)"

Cụ Đại thì muốn được nói chuyện một chút: "Hàng mấy tháng rồi chưa được nói chuyện với nhau, thèm hẳn đi chứ lị!"

Anh nào anh nấy lăn vào viết. Lấm hình dung từ, lấm tiếng tự phê dao búa! Ví dụ Lê Đạt, có mỗi câu mở đầu bài "mấy người tự tử" là câu "Nhân đọc báo Nhân Dân số 822", mà Lê Đạt lại tự phê là: "đó là một âm mưu của tôi dùng Đảng để đánh Đảng"!... Nghe mà khó tin thay! Mỗi ngày anh chàng lại có vẻ xích lại gần giống "Thiều Quang"!

Hoàng Cầm tự phê cũng gớm, đúng là bác phó vữa, rất nhiều chữ nghĩa trang kim lóng lánh. Nào: *dán nhãn hiệu dân tộc*, nào: *thuốc độc tẩm đường*, nào: *bôi đen bọc giấy bóng kính* vv...

Tôi cũng không kém. Bao nhiêu hình dung từ *phản cách mạng, phản động, phản Đảng, phản bội, chống chế độ, xét lại, tờ-rốt-kít*. Không còn thiếu chữ gì. *Giặc-bút, viên đạn xét lại, mũi tên độc địa của chủ nghĩa cá nhân đồi trụy, chủ nghĩa vô chính phủ và đầu óc làm phản* vv..., tôi sáng tác thêm nhiều chữ nữa để mà miêu tả chân tướng mình, cho nó hết lòng một thể.

Chắc các đồng chí lãnh đạo dọc một loạt kiểm thảo bọn tôi lần này thì phải bựt cười lấm đấy! "Trước kia thì nói nhẹ chúng cũng không nghe. Bây giờ thì chúng lại còn tự sỉ vả gấp triệu lần sự phê bình của lãnh đạo!"

Attention!

- Trần lê Văn bênh vực auto-suggestion là khoa học. Anh bảo: đó là phương pháp của Couet. Rất giản dị. Mỗi tối đi ngủ, thì mình tự nhắc mình 20 lần rằng "je suis meilleur à tout point de vue". Attention!

- Lê Đạt say sưa kể và bênh vực E. Triolet về lời phát biểu mới đây của bà. E.T. nói: làm avant garde thời nào cũng khó, phải trải qua bị chà dạp, đến moderne, đến trở thành classique! Nhưng thời nay làm avant-garde càng khó! Vì người ta sẽ bảo anh hoặc chống réalisme socialiste, hoặc conformiste vân vân! Rồi E.T. nói: réalisme socialiste chỉ là l' angle de vue, không phải là một phương pháp! Lê Đạt tán thành quan

điểm này.

Tôi tranh luận với Đạt, chưa ngã ngũ. Lời đi tiếng lại, Đạt hỏi tôi: "Có chủ nghĩa Staline không?" Đạt nói: "Văn nghệ phục vụ chính trị có phải là caractère spécifique của văn nghệ đâu, vì ngành nào, kinh tế, giáo dục vv... chả đều phục vụ chính trị cả!" Đạt nói nếu hiện thực là phương pháp thì bó lắm!

"Bây giờ khó lắm!"

Tôi cũng nghĩ: quả là khó!

Vì cứ lý luận của E.T. thì bản thân nó là một con dao hai lưỡi! Ai chả nhận mình là avant garde được?

Ngoài ra, còn nhiều chỗ quyết đoán. Sao lại bảo làm avant garde thời nay khó hơn xưa? Sao lại bảo chỉ là l' angle de vue?

Tôi chưa được đọc nguyên văn, mới nghe mồm Lê Đạt. Attention!

- Hoàng Cầm kể, có một học sinh gặp Cầm, nói đại ý rằng: ừ thì các anh ấy thuốc phiện, đồi trụy, vv... nhưng sáng tác hay; bây giờ chuyển thì thử sáng tác xem có hay hơn trước không?

Chắc anh học sinh đó là một thứ adepte entêtе của Nhân Văn, của tư tưởng tiểu tư sản mà thôi. Attention!

12-5

Phùng Quán

Lâu lắm cu cậu lại mò đến mình! Sau lớp học, cu cậu về nhà, nghĩ quanh nghĩ quẩn ra sao, bây giờ thấy cu cậu phản ứng!

Quán kêu nhiều nhất về việc "báo chí nó đánh mạnh quá!" Không riêng báo, mà những báo cáo mồm mới ghê hơn gấp vạn. Nào bảo Phùng Quán đã hủ hoá với Thụy An mấy lần! Nào nói sai cả hiện tượng đi, ví dụ Trương Tửu nó nói trí thức là viên ngọc, thì lại nói rằng Trương Tửu nó kích Phùng Quán là viên ngọc! Hoặc nói rằng Trần Đức Thảo nó bảo Phùng Quán trả lời báo Nhân dân về bài "Nói thật", thì theo Quán nói, "thế là oan nó", vì ý định ấy là "do mình"!

Ngoài ra, Quán còn kêu là do không khí và áp lực lớp học, nên Quán bốc. Ví dụ, đi tu đạo Ấn độ, thì mình nghĩ rằng, "các anh, ai cũng có chỗ bi quan, đi xem bói", mà bản thân mình chả lẽ không có gì, mới bịa ra cái việc tu đạo ấy!

Lại như việc "cầm cờ đi biểu tình" Quán cũng bảo là "mình nói vậy cho nó oai!" Chứ chả lẽ không có gì?

Và bây giờ thì Quán nhận định là: "mình chỉ có cái kiêu ngạo với lại vô kỷ luật! Có vậy thôi!"

Lại sụt mức đến thế nữa cơ chứ! Quán có vẻ chán nản lắm: "Không bao giờ lấy lại được!" Quán kêu là Quán ở một xóm lao động (Văn Hồ) mà người ta không muốn nấu cơm cho tên phản động Phùng Quán ăn nữa cơ chứ! Tôi nghe lạ tai, không tin, bèn hỏi:

- Thế bây giờ cậu ở đâu?

- -... Quán đáp... vẫn ở Văn Hồ...

Tôi cười, không muốn lật tẩy cu cậu: thế nghĩa là, ở Văn Hồ vẫn ở được, tất nhiên vẫn phải có ăn chứ lị!

Phùng Quán lại kêu nhiều về việc đăng "lời thú tội bước đầu" của Phùng Quán ở tạp chí Văn Nghệ số 12. Sao lại thú tội, tự kiểm thảo chứ! Sao lại bước đầu? Sao lại không hỏi ý kiến mình? Thế mà bảo rằng "không nói ra ngoài mọi việc của lớp học", mà bây giờ lại đăng cả lên vậy! Vân vân...

Tình hình

Cuộc đấu tranh cứ lộn đi lộn lại từ B sang A, lại A sang B, báo chí cứ xoay đi xoay lại mãi, cứ như một cái nồi khổng lồ của vô sản chuyên chính, ninh đi ninh lại cho nó dừ cái chủ nghĩa xét lại ra.

Tôi chịu cái hình phạt ấy, nhẫn nại và đau khổ. Hình phạt của một người bị bung dừ. Không còn cách nào. Đây không phải là một sự trừng trị cá nhân; mà đây là "chúng ta" trừng trị một phong trào, một trào lưu tư tưởng của chủ nghĩa xét lại... Tôi vừa là một tội nhân. Vừa phải cố tách mình ra, làm một dao phủ thủ, hành hạ cái chủ nghĩa xét lại có thực trong tôi và đám Nhân Văn.

Hoàng Cầm đọc số 12 tạp chí Văn Nghệ, có vẻ run, thấy bị "trích", bèn ra công khai. Anh chàng sống cảm tính quá, giác ngộ cũng chỉ là một thứ "cảm tính phức tạp"! Thấy bị bêu đầu, anh chàng đặt vấn đề: "Có phải là từ lớp học, vấn đề đã bị nêu ra quá to không? Mình vẫn ngờ ngợ ra sao ấy!"

Thanh Châu thì bơm cái chán đời của anh lên! Con người ấy, cả đến cái sự bi quan cũng lại còn "bịa" thêm ra nữa cơ chứ!

Trần lê Văn thì ngơ ngác. Một thứ ngơ ngác có lợi.

Lê Đạt kêu "bị lãnh đạo đánh giá quá cao". Anh kể là Nguyễn Sáng rất thích cái "cương lĩnh của liên đoàn cộng sản Nam Tư".

Bản thân tôi là một mớ nhiều thứ:

- tội chống đối tôi có thấy, song lại cũng thấy là "có cần phải bị bung quá dừ, quá dai dẳng trên báo chí thế này không?"

- xem xét một số tài liệu để ly khai hẳn với những cái gọi là "stalinisme", "stalino-rakonisme", "jdanovisme".

- lo nay mai, cải tạo lao động sẽ bị surménage! Còn có tương lai gì nữa được! Surménage thì tương lai tức là ở trong bệnh viện, nếu không phải là ở một nấm mồ nào đó...

Cái lo này là chỉ đạo, thời gian này, chờ "án"... Còn sự "thấy mình bị bung quá", nó lộn đi lộn lại, mờ nét, mông lung, mãi sau mới rõ hình thù ra, tức thì nó bị tôi đồn đánh ngay: nó chỉ là một biến tướng của tư tưởng làm martyr từ 3 năm nay mà thôi.

13-5
Không khí

QPhòng nói với Quang Dũng về việc đấu tranh tư tưởng kỳ này:
- Mình thấy là làm quá!
Quang Dũng xỏ lá, nháy mắt hỏi lại: "Sao?"
QPhòng giật mình, nói chữa:
- Mình nói là làm kỹ quá! Tốt! Tốt lắm!

21-5
Một cuộc hội đàm bỉ ổi
(Tử Phác kể)

Tử Phác kể về Văn Cao và Hoàng Cầm. Lắm chuyện lạ.

Hoàng Cầm từ lớp về, đâm buồn, và hối là dã tố bạn. Anh ta lại đi pum (*nghĩa là đi hút thuốc phiện- chú thích của Văn Học*), nhà người anh họ, nhưng theo anh ta nói vì "đến bất ngờ, họ kéo vào!" (Chú ý: bất ngờ mà lại bất ngờ những hai lần!)

Trong lớp, anh ta "tố" tợn, chắc tính rằng từ nay về là "dựa hẳn" lãnh đạo. Còn bạn bè cũ phen này là đi toi cả rồi. Song, trở về thì thấy khác! Sờ vào lãnh đạo cũng chưa thấy cái mấu nào mà víu cả! Mặt khác, Văn Cao lại vẫn thấy Ấđình huỳnh"! Khả dĩ vẫn có thể là một cái tay vịn. Khổ thân cái kiếp anh chàng, suốt đời cứ quẩn quanh tìm cái cọc cho cái thân thể dây leo của mình. Hoàng Cầm bèn tìm cách "trở về" với tiên chỉ. Cũng phải nói thêm, rằng ít lâu nay, thái độ của Phùng Cung (thằng Đang nó bảo: đéo mẹ thằng Hoàng Cầm, nó khai bố láo cả) hay của Hữu Loan (khi kiểm thảo trước cơ quan Hữu Loan 2 lần chửi xỏ: thằng Hoàng Cầm hèn nhát!), những cái đó làm cho Hoàng Cầm "nghĩ ngợi", nhụt cả kết quả lớp học. Vả cuộc đời, nó có cái bình thường "hồn

tạp" của nó, không giống không khí cách mạng của lớp học, cuộc đời Hà Nội đã ít nhiều làm "hả" Hoàng Cầm đi. Anh chàng một hôm viết thư cho Văn Cao, đại ý nói muốn thanh minh về chuyện lớp học, song nhà Văn Cao thì nguy hiểm, thì mời Văn Cao đến nhà mình!

Văn Cao nhận được thư ấy, không biết nghĩ sao, bèn đi gặp Nguyễn Đình Thi, đem việc ấy ra báo cáo, và xin chỉ thị "xem có nên đi gặp Hoàng Cầm hay không?"

Dĩ nhiên Nguyễn Đình Thi không thèm ngăn cản một cái việc chẳng có gì là nguy hiểm mà phải xin chỉ thị ấy!

Văn Cao đến gặp Hoàng Cầm, phố Lý Quốc Sư.

Một cuộc "hội đàm" bỉ ổi bắt đầu. Hoàng Cầm khúm núm, nhận là mình dát, bị đánh quá, mụ đi như "một con đồng", họ hỏi đâu thì cứ phun ra tuồn tuột, không còn nghĩ ngợi gì cả nữa! Thế cho nên, khi về Hoàng Cầm "không dám đi gặp anh em" nữa, sợ bị trách, ngượng mặt! Tóm lại, tức là sau khi đã thành khẩn thú tội trước Đảng trong lớp học, thì bây giờ thì Hoàng Cầm lại thành khẩn thú tội trước "tiên chỉ Văn Cao"!

Văn Cao lên mặt hách. Anh hạch tội Hoàng Cầm, chẳng hạn: - pum thì có phải là chống đối đâu, sao lại khai? Anh lại bảo là Hoàng Cầm tố điêu, để che giấu cái việc có "Đảng phái chính trị", đánh lạc lãnh đạo đi về hướng anh! Hoàng Cầm thì nói hiện tượng, Trần Dần thì nâng lên "nguyên tắc", đều là cái "âm mưu che đậy cái tổ chức chính trị ấy". Anh lại nói là việc ấy, anh đã báo cáo lãnh đạo.

Hơn nữa, anh lại còn cynique đến nước nói là: "Tao chỉ có tội chống Tố Hữu, chứ tao có chống Đảng đâu? Toàn là chúng mày làm dổ vấy cho tao! Sao không tố những điều tốt, tao đã khuyên răn chúng mày?" (Ôi chao, lại có điều tốt Văn Cao khuyên anh em nữa cơ chứ!)

Cuối cùng, Văn Cao bảo thẳng mặt Hoàng Cầm rằng tính mày hay mách lẻo thì nhớ cho kỹ nội dung cuộc gặp hôm nay đấy, có mách thì mách cho đầy đủ!

Cuộc hội đàm bỉm thỉu ấy xong rồi, không biết Văn Cao có về báo cáo lãnh đạo hay không?... Nhưng Hoàng Cầm thì có: anh ta gặp Nguyễn Đình Thi, báo cáo ra sao không rõ, nhưng cũng có thể đoán là anh ta chắc không báo cáo đúng về riêng cái phần của anh!

Tử Phác kết luận: Cả hai thằng đều như hai con dĩ rạc đĩ rời cả. Bỉm hết chỗ nói!

Hôm sau, tôi gặp Hoàng Cầm, có cả Lê Đạt, ở Hội Nhà Văn. Tôi xạc Hoàng Cầm, sao lại làm thế, Văn Cao nó khinh. Cụ thể, là khi về, Văn Cao nó có rêu rao là vì mày thấy Đảng vẫn bảo vệ nó, nên mày lại

dịnh xun xoe dựa nó! Việc gặp Văn Cao thì không sao, nhưng nội dung không thể như thế được!

Xạc Hoàng Cầm xong, tôi lại xạc Văn Cao (chắc rằng những lời đó sao cũng tới tai anh). Tôi nói: Văn Cao không có cái quyền gì đi "hạch tội" anh em như thế! Đứng trên tình bạn hay trên lập trường Đảng, đều không có quyền ấy. Mà lại còn "vu" tổ chức chính trị cho anh em, thật là một sự vu khống rẻ tiền mà bỉm thiủ!... Nếu như Văn Cao trách anh em là dã vì dát, vì hèn mà "tố" anh, lời trách ấy cũng chỉ là trách trên quan điểm vẫn đứng ở chống dối mà trách, dù sao nó còn có lý một chút! Chứ bảo là "tố điêu", là "đổ vấy" thì hoàn toàn sai!

Sau đó, tôi cũng khuyên Hoàng Cầm, thôi cái sự pum đi. Thôi cái sự láng quáng đi tìm chỗ dựa kiểu ấy! Mà bây giờ chỉ có một con đường "dựa hẳn vào lãnh đạo, còn bạn bè thì chỉ là chỗ giao du tình cảm, đứng đắn mới được! Không nên tiếp tục cái lối "thành khẩn" đó với "tiên chỉ"!

Nhân câu chuyện, Hoàng Cầm có hỏi, tôi mới nói rõ cái việc tôi đã "tố" Văn Cao, Đặng Đình Hưng là nghĩa làm sao?

Thực ra, trước khi Hoàng Cầm báo cáo, tôi dự định là giữ Văn Cao và Đặng Đình Hưng lại, như là "giữ lại một nửa thành phố, chỉ đầu hàng một nửa", để sau đây về thì sẽ còn chỗ làm ăn, sẽ cải tạo hoà bình thôi, như vậy khỏi bị bĩ thế quá. Nên báo cáo tổ, bị hỏi, bị đồn, bị truy nữa, tôi vẫn giấu quanh, không chịu thúc thủ cái một nửa thành phố đó!

Đến lúc Hoàng Cầm báo cáo, tức là Hoàng Cầm "rendre" hai ông bạn quý đó rồi. Phan Vũ lên tố thêm Văn Cao. Lê Đạt thì chỉ xác nhận, tố thêm tí tỉnh, còn bao che Đặng Đình Hưng nhiều. Hơn nữa, qua báo cáo Hoàng Cầm và Lê Đạt thì tôi "được" đưa lên mũi nhọn, "được" hội trường chờ đợi rất ghê!

Bão lúc ấy chầu chực trên đầu lâu tôi!

Tôi phải tính kế, vừa thoát thân, vừa thoát cho 4 thằng đang bị đồn đánh ghê gớm (Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt, Tử Phác), vừa để sao cho Văn Cao, Đặng Đình Hưng hiểu mình, qua cái ý ngầm của bản báo cáo!

Cụ thể, tức là tôi nghĩ rằng: "Bây giờ chỉ còn con đường duy nhất, là đầu hàng Đảng. Không có con đường khác. Mà đã hàng thì hàng thực sự, về sau mới thực sự trời êm bể lặng được. Thế nào là hàng thực sự? Hàng thực sự là: mỗi người phải ra mà gánh lấy cái phần bão, do chính trách nhiệm mình gây ra! 4 thằng đang chịu cái trận bão đó rồi, còn hai ông anh Văn Cao, Đặng Đình Hưng thì xin nhờ đến vai hai ông, mang vác lấy cái phần của các ông! Chẳng lẽ mà ai nhận vơ lấy cái phần đó được! Gọi là cái nghĩa đồng sinh đồng tử! Nếu các ông nhận được ra điều đó, thì trở về với Đảng cả, lại còn bạn còn bè. Làm ăn tử tế, thì về sau, tội

được nhoà đi, cả 6 thằng lại khá giả cả. Còn như ông anh nào không hiểu, vẫn khăng khăng ở đường cũ,mà trách oán nhau thì, đó, thôi, aurevoir, mỗi người tự chọn lấy số phận của mình!"

Đến giờ tôi vẫn cho chủ trương đó của tôi là đúng, nó có cái lương thiện và thông minh của nó. Đứng trước Đảng, trước bạn bè, tôi không có gì phải nghĩ lại cả.

Thực tế đã chứng minh cho giá trị chủ trương đó. Quả nhiên: ngay trong lớp học, bão cũng đã ngàn đi dần dần trên đầu 4 thằng, và sau khi chuyển mạnh sang đầu 2 thằng kia ít bữa, rồi nó cũng ngàn đi.

Đến sau lớp học nữa, thằng nào cũng đều được sống trong một không khí được giải vây tương đối dễ thở. Với thời gian, chắc nó sẽ càng dễ thở hơn.

Chỉ có cái là trong bộ 6 thì có một sự phân hoá của trách móc, hằn thù... Hoàng Cầm có vẻ khổ! Lê Đạt tự cho mình là oai nhất, "đúng nhất, vừa mức nhất, không vấy cho ai!", Lê Đạt cho tôi là "quá mức!", Đặng Đình Hưng thì kể cả: "Tất nhiên có chuyện đó, nhưng đã thuộc lịch sử rồi!" Tử Phác khó hiểu, vừa ghét Hoàng Cầm, vừa ghét Văn Cao mà vẫn nối lại một phần, còn đối tôi thì lại bảo là: "anh ghê nhất, anh giỏi nhất!"

Tóm lại, có một sự lục đục phức tạp và vô nghĩa lý chưa thể kết luận ra sao.

Riêng tôi nghĩ: một sự lục đục tất yếu, ở đó sẽ nẩy ra một sự phân hoá rất tốt, đồng thời cũng sẽ nở ra một sự đoàn kết lành mạnh. Bộ phận nào thực sự đi với Đảng sẽ đoàn kết nhau làm liên minh. Cá nhân hay bộ phận nào đó đi với Đảng hai mặt, hai lòng thì sẽ phân hoá, mà nên có sự phân hoá đáng mừng ấy.

7-7

Kỷ luật!

Cuộc họp ở Hội Nhà Văn, 51 Trần Hưng Đạo, anh Nguyễn Đình Thi nhân danh tổng thư ký mới Hội Nhà Văn, lên công bố nghị quyết cuộc họp Ban Chấp Hành gần đây. Giữa các mục, có mục thi hành kỷ luật những người đã tham gia NVGP:

Anh nói khá rành rọt, ít hoa mỹ. Sự thành thực có trong lời anh. Việc thi hành kỷ luật này nhất thiết phải có. Trung Ương dặn anh là khoan hồng, rất khoan hồng nữa. Thi hành kỷ luật không có nghĩa trả thù. Không có nghĩa phải công bằng theo luật Talion: "mắt trả mắt- răng trả răng!" Nó chỉ nhằm: 1) đảm bảo ngăn chặn sự phá hoại của tư tưởng

xấu, 2) thúc đẩy sự hối lỗi của những người phạm sai lầm. Còn mục đích: nêu gương trong xã hội, không thấy anh Thi nói. Tôi nghĩ đó cũng là một lẽ quan trọng, nếu không thì sự ăn ở trong xã hội sẽ trở nên impossible!

TƯ cũng có chỉ thị cụ thể: phân biệt kẻ thù địch chính trị với sai về học thuật, phân biệt người hối cải với kẻ ngoan cố, phân biệt người mắc lỗi lần đầu với kẻ chống đối có lịch sử. Liên Hiệp Hội, Tiểu Ban văn nghệ có thêm: chiếu cố đến cống hiến cách mạng.

1: Chiếu theo những điều đó thì bọn Đang, Tửu, Phan Khôi, Thụy An, vv... không được hưởng sự khoan hồng. Một số sẽ bị toà án trừng trị. Còn thì bị khai trừ hết khỏi các hội nghệ thuật. Tiền vay các quỹ các hội, đến kỳ hạn phải trả, toà án sẽ đòi. Tác phẩm họ, không in, trừ phi, một ngày nào đó họ có biến chuyển căn bản... Nghĩa là xã hội cô lập họ, trừng phạt họ. Chuyên chính vô sản làm nhiệm vụ cách mạng của mình. Tuy vậy, cách mạng một lần cuối, cũng mở cho họ một con đường: "Anh có cải tạo lao động không? Hãy thay đổi con người anh thành một người lao động thực sự! Hãy tỏ sự thiết tha tự cải tạo bằng cách ấy!"- Tính chất cách mạng của chuyên chính vô sản như thế: sự trừng trị bao giờ cũng cố gắng tối đa kèm theo một sự mở đường sống cho kẻ phạm tội.

2: Còn những người khác thì kỷ luật, một thứ kỷ luật giả mau lẹ: Tôi và Lê Đạt bị khai trừ 3 năm, vẫn là hội viên, quyền xuất bản cũng đình chỉ trong kỳ hạn đó. Do vậy, tiền nợ chưa đòi. (Đâu như Đặng Đình Hưng, Tử Phác cũng bị khai trừ có thời hạn ở Hội Nhạc- Thế là trong "bộ 6", chỉ có 2 người được phân biệt đối đãi: Văn Cao, có lẽ vì thế lực của cống hiến Tiến quân ca, và Hoàng Cầm, vì giác ngộ sớm sủa trong lớp học.)

3: Thứ nữa, đến cái mức cảnh cáo, đình chỉ quyền xuất bản 1 năm. Như: Hoàng Cầm,Trần lê Văn, Phùng Quán, Phan Vũ, Hoàng Tích Linh, TLâm, Thanh Châu, Hữu Loan, Chu Ngọc...

Hoàng Cầm từ mức trên được rút xuống mức dưới này, chắc Hoàng Cầm lại nức nở khen sự sáng suốt của lãnh đạo, sau khi anh đã bực bội phản ứng đến tuần lễ, vì việc vợ con phải đưa ra tòa án.

Những kỷ luật này thi hành từ ngày nào? Tôi quên không hỏi.

Việc đình quyền xuất bản, theo anh Thi, là nhằm đảm bảo ngăn chặn sự phá hoại của tư tưởng xấu. Anh cũng nói là, thời gian cũng có thể rút bớt, tùy theo tác phẩm đột xuất. Tốt, thì cũng có thể in, với sự đồng ý của Thường Vụ.

Thế là tôi mất 7 năm, kể từ Hoà Bình bắt đầu sinh sự, cho đến ngày xóa án. Ba năm trước là cái courbe của sự sa sút. Tôi mong 4 năm sau là cái courbe của sự phục hưng. Từ tưởng người ta, nó cũng có cái luật mouvement accéléré. Đó là là một sự an ủi không phải mơ hão. Tôi thì chỉ khoa học mới có thể an ủi tôi thực sự. Chủ nghĩa Mác đối tôi sẽ là thuốc, là an ủi, là đòn bẩy. Bảy năm trong văn học có nghĩa lý gì? Một cái chớp mắt. Nhưng 7 năm trong đời một con người thì có nghĩa lý lắm! Chớp mắt mãi không xong.

Nhưng sự tất yếu tới phục hưng thắng lợi là: sự thực tâm của tôi, cộng với sự thực tâm của lãnh dạo... Điều tất yếu đó sẽ tác động quyết định, xiên qua tất cả sự rậm rịt của bao nhiêu ngẫu nhiên: thành kiến, ghét cá nhân, nghi kỵ, đố kỵ nữa...

HÂN HẠNH GIỚI THIỆU TÁC PHẨM của **NGUYỄN KỲ PHONG**

NGƯỜI MỸ
VÀ
CHIẾN TRANH
VIỆT NAM
LIÊN HỆ QUÂN SỰ CHÍNH TRỊ 1945-1975
TẬP I

350 TRANG; 30 TRANG HÌNH ẢNH LỊCH SỬ
GIÁ $18 (kể cả cước phí)
Thư từ, ngân phiếu xin gởi về
VietnamBibliography
POBOX 230113
CENTREVILLE, VA 20120-0113
E-mail: nguyenkyphong@yahoo.com;

Thời khánh tận của đất

Ngô Nguyên Dũng

1.
năm trăm sáu mươi làm thước
cao hơn mặt đại dương
hơn hai ngàn cây số đường chim bay
liên lục địa - nhưng không phải quê hương
nơi mật độ dân cư một trăm bảy mươi chín người - nhân mãn
đồng hoa dâu vàng - nhỏ như chéo khăn tay
không còn bướm ôi di tích hoá thân
trong bảo tàng viện sinh vật học
ký ức tôi - trăm lẻ chín tuổi
người của năm hai ngàn tám mươi hai
y dược tiến bộ cứu sống mười bảy lần
hai lần nối mạch - một lần lắp tim kẻ cưỡng dâm
bị bắn chết trong ruộng bắp
và biết bao lần giải phẫu khác
tôi không còn là tôi của thế kỷ trước
bên dòng nước ửng ráng chiều
dơi từng bầy xoạc tiếng nghe như xé vải
cha tôi bảo
qua sông thôi - kẻo muộn
chuyến tàu băng ngang - băng ngang - băng ngang
ấu thơ tôi

chiếc cầu sập nhịp
tôi theo chân mẹ đôi khi
vì sao? nơi nào? tôi không nhớ
chỉ còn màu vàng bướm cải đọng ám
võng mô tiềm thức tôi
chằng chịt những hàng rào kẽm gai
trại tù binh hay tập trung sau một chín bảy lăm?

2.

tim tôi bây giờ
của kẻ cưỡng dâm bị bắn chết trong ruộng bắp
thời phục sinh những sát nhân
trên địa cầu chậm dần trục quay
niên đại của phẫu thuật nhiễm sắc thể
nhân vật tôi đánh mất bản sắc phôi thai
không còn nhớ sinh nhật mình
chỉ là một mã số trong danh bộ hộ tịch
và giấc thôi miên hồi tưởng
những dòng sông xước dọc ngang quá khứ tươm máu
lặng lẽ - lặng lẽ
dửng dưng thôi
vì trái tim tôi bây giờ...

3.

tôi thường tự vấn về sinh quán đất
cơn địa chấn bao lần chia phôi
những đại dương ngăn đôi
như tôi - kẻ mang nhiều tiểu sử
tim người bạo hành
thận người làm xiếc
ngón cái người vẽ tranh ...
bản ngã tôi là đồng hoa dầu vàng
nhỏ như chéo khăn tay
bỏ quên trong ngăn nhớ phập phồng đôi cánh bướm
và vạt áo mẹ tôi
đưa lên chặm những giọt lệ
buổi viếng thăm vội vã

cái nắng nhiệt đới khắc nghiệt - quê hương tôi
vĩ tuyến mười bảy thắt ngang lưng đất
nhịp cầu chết đuối trong dòng sông đỏ ngầu phù sa
bờ còn tấm bảng coi chừng địa lôi thời chiến tranh
ý thức hệ ba mươi năm
đêm xuống thấy lại đoàn tàu ma
xầm xập băng ngang chiếc cầu gẫy nhịp

4.

đôi khi tôi thắc mắc về ngày sinh của đất
và thời khánh tận của địa cầu
tôi sẽ về đâu?
người bác sĩ phân tâm bảo tôi có vết cứa
ngang tuỷ xương sống
ngăn tín hiệu lên não bộ
tôi biết mình như vệ tinh quanh quất ngoài mênh mông
chưa quên những lần dịch hành
cơn sốt đất
bàn tay mẹ tôi đắp khăn ướt lên trán
bầy ve đâu hạ rền trong thính giác
tiếng tôi cười như pha lê vỡ
trong ảo tưởng hành trình ngoài không gian
nghĩ mình có thể bứt lìa hấp lực địa cầu
không - sẽ có ngày
vệ tinh tôi nhập vào quỹ đạo
và rơi xuống

5.

mọi chuyện đơn giản
chỉ vậy thôi

(05.01)

Chiếc giỏ giấc mơ

Phạm Hải Anh

Người không thể với lên trăng sáng,
Trăng vẫn mãi đi theo người...
-thơ Lý Bạch

Chợ sớm. Sương còn dày đặc, cách mấy bước chân đã không nhìn rõ mặt người. Nhưng vẫn đông. Tuệ, An, Minh phải nắm tay nhau đi để khỏi lạc. Mấy cái túi xách đã nặng trĩu, lại còn bó cúc to tướng Minh khệ nệ ôm ở tay. Tuệ bảo thôi đủ rồi về nhé, vừa nói xong thì đâm sầm vào một người đàn bà chẳng biết từ đâu nhô ra. Bà ta giơ ra một cái giỏ cũ kỹ, đựng lỉnh kỉnh mấy lọ thủy tinh, sốt sắng mời: Các cô mua đie. Giọng bà ta lơ lớ, như không phải người vùng này. Mấy cái lọ nhỏ bằng ngón tay út, nút chặt, trong đựng một thứ nước màu. An nhận xét:

- Màu thực phẩm. Mình không xài mấy thứ này.

Người đàn bà bảo:

- Cô nhìn lại xem. Cái này đặc biệt lắm, cả gầm trời này không đâu có nữa...

Cả bọn cùng mắt ra nhìn. Mấy cái lọ thủy tinh có vẻ rẻ tiền, còn thứ nước đựng trong đó, có trời biết nó là cái gì. Tuệ giục:

-Thôi đi đi, có gì đâu mà xem.

Minh tò mò, hỏi:

- Bà nói xem, nó là cái gì. Bán hàng mà không nói rõ, ai biết đằng nào mà mua.

Người đàn bà ngắm nghía mấy cái lọ, giọng bà ta khao khao, rất khó nghe:

- Đây là nước mơ...

rồi nhìn vẻ mặt hơi ngẩn ra của Minh, nói pha chút giễu cợt:

- Không phải thứ nước mơ cô nghĩ đâu. Cái đó các cô ra quầy giải khát. Đây là nước-giấc-mơ. Cô nhìn đây, màu hồng- giấc mơ thiếu nữ, màu vàng- giấc mơ trung niên, màu nâu- giấc mơ đất đai, màu xanh- giấc mơ đại dương. Còn cái màu đỏ sẫm này...

Tuệ lại kéo tay An, nhưng An hơi giật tay ra:

- Để xem bà ấy nói gì. Mình có mất gì đâu.

Tuệ lầm bầm:

- Nghe mấy chuyện hão huyền. Mất thời gian chứ mất gì.

Người đàn bà liếc nhìn sang Tuệ. Mắt bà ta nhỏ, đen như mắt chim, có vẻ ranh mãnh, như dọc suốt ý nghĩ của người khác:

- Có người đặt mình xuống là ngủ, chẳng để ý đến mơ với mộng. Lại có những người sợ mơ mà vẫn phải mơ... Cái thứ nước này giúp người ta chọn và nhớ được giấc mơ mình muốn thấy.

An hỏi:

- Thế dùng nó như thế nào?

Người đàn bà giải thích:

- Vào đêm trung thu, trước khi đi ngủ, cô bôi một chút lên mí mắt. Cô sẽ mơ thấy đúng cái màu mà cô chọn và sẽ nhớ giấc mơ ấy mãi mãi.

Minh có vẻ hào hứng:

- Thế cái giấc mơ ấy có thành sự thực không? Hay là chỉ như xem xinê?

Người đàn bà nhìn Tuệ. Tại sao lại nhìn Tuệ? Giọng bà ta có vẻ xa xôi:

- Chúng trở thành sự thực theo cách của chúng.

Tuệ hơi mím môi lại, rồi đột ngột nói:

- Chúng tôi không định mua đâu, bà đừng mời nữa mất công.

Người đàn bà cười, tiếng cười của bà ta nghe như tiếng thở dài:

- Thôi được. Bán đi cũng chẳng đáng bao tiền. Tôi ngần này tuổi rồi, chẳng cần chúng nữa. Các cô đổi cho tôi cái gì cũng được, coi như làm kỷ niệm thôi.

An lục trong làn, lấy hộp bánh trung thu đưa cho người đàn bà. Bà ta đặt cái giỏ-giấc-mơ vào tay Tuệ rồi quay mình bỏ đi. Thoáng cái đã không thấy đâu nữa. Sương tan đầm.

Bữa tiệc Trung thu tàn sớm hơn mọi năm. Trời ẩm, trăng sao mờ nhạt. Cái giỏ-giấc-mơ Tuệ gác ở góc bàn từ lúc đi chợ về nằm im lìm, chưa có ai sờ tới nó. Minh mở lọ nước màu hồng, đưa lên mũi ngửi, bình

luận:

- Chả có mùi gì. Có khi chỉ là nước lã pha với phẩm màu. Mình bị bà ấy lừa cũng nên!

An tiện tay bật nút tất cả các lọ còn lại. Dưới ánh nến, màu nước trong lọ thảy đều hơi sẫm lại bí hiểm. Minh đổ lọ nước màu đỏ ra bàn, quẹt tay vào rồi bôi lên khắp mặt con Milu đang ngồi chầu chực bên cạnh:

- Để Milu thử trước. Milu mơ thấy gì sớm mai nhớ nói với các chị!

Con chó bị ướt khó chịu, bỏ đi chỗ khác, vừa đi vừa lắc đầu nguầy nguậy. Minh chợt nhận xét:

- Em thấy cái bà ấy kỳ kỳ thế nào. Giọng nói, cả quần áo nữa có vẻ người miền núi. Có khi bà ấy có bùa cũng nên. Cứ như bà ấy chờ ở đấy chỉ để đưa mình mấy lọ nước này. Nhưng mà làm thế để làm gì nhỉ?

Ba chị em săm soi mấy cái lọ đã mở nút. Chỉ cần nhúng một ngón tay, quệt nhẹ lên mí mắt, sáng mai mọi việc sẽ sáng tỏ. Nhưng không ai nhúc nhích. Cuối cùng, An rụt rè đề nghị:

- Hay là mình dẹp tất cả vào sọt rác? Như chưa bao giờ có nó. Thế là chẳng ai lừa được mình, mà cũng không sợ bùa bèn gì cả.

-...nhưng cũng không bao giờ thấy được giấc mơ mình muốn thấy. Có thể nó đẹp lắm đấy!

Minh chêm vào, rồi chợt hăng lên, bảo:

- Hay là em thử trước nhé ?

nói xong nhòm vào mặt từng người nhưng vẫn ngồi im. Tuệ thấy mình phải chấm dứt vụ này. Tuệ nút lại mấy cái lọ, đặt vào giỏ, nói như ra lệnh:

- Để đó. Giờ khuya rồi. Đi ngủ mai còn đi làm.

Qua hôm sau, không ai nhắc tới chuyện dùng thử nước-giấc-mơ. An nhận xét đêm hôm trước con Milu rền rĩ cả đêm, nhưng cũng có thể vì nó tới kỳ lấy giống. Cái giỏ-giấc-mơ nằm trên bàn suốt tuần. Có lần Tuệ để ý thấy nhện bắt đầu giăng tơ trên đó nhưng cũng không phủi đi. Rồi cái giỏ biến mất lúc nào không ai hay. Một lần nhớ lại chuyện cũ, Minh bảo:

- Có khi bà ấy là phù thủy thật cũng nên. Đêm đó em mơ thấy bà ấy vẩy nước lung tung rồi rủ em đi. Em theo bà ấy vào một con đường hoa đỏ như máu, miên man không biết đâu là tận cùng. Trên cao, trăng sáng đến rợn người. Chưa bao giờ em thấy cái gì đẹp và lạ lùng như thế...

Tuệ im lặng. Bên tai vang vẳng giọng nói xa xôi của người đàn bà: "Chúng trở thành sự thực theo cách của chúng". Và nhớ lại giấc mơ của mình đêm nào...

Độc ẩm hoài cố nhân

Trần Hồng Châu

Tửu ba động phát ức hoàng vân
Ly bôi bích nhãn khấp nguyệt trầm
Huyễn mộng hà thời quân tái lai
Yên chi nhất tiếu kinh hoa trần

Nghĩa:
Một mình men rượu bóng người xưa
Lung linh ngấn rượu tóc mây vàng
Đáy ly chìm nguyệt mắt trời xanh
Em có về không như mộng huyễn
Môi xưa phấn đỏ bụi kinh thành

Đăng Trường thành mộng Sơn Hải quan

Vạn lý trường thành vạn lý quan
Linh sơn vi sử sơ thu hàn
Trần lạc vân phi ưu phù thế
Túy mặc Trường thành mộng dáo quan.

Nghĩa:
Trên đỉnh Trường thành mộng Sơn Hải quan
Vạn lý trường thành vạn lý quan
Núi thiêng sử tích lạnh thu sang
Mây bay bụi đỏ đau thế sự
Bút say Trường thành mộng ải quan.

Ghi chú: 1998: Trên đỉnh Trường thành, hướng về phương đông, mơ tới Bột Hải và Sơn Hải quan, nơi khởi đầu của lũy thành nổi tiếng.

Giọt lệ Chelsea

Lê Hữu

...Dòng lệ thơ ngây có dạt dào
Quang Dũng

Nghĩa ghé tôi, mang theo tờ báo Mỹ. Hắn chỉ tay vào tấm ảnh trên trang nhất của tờ báo. Một đám đông người Việt vây kín ông Clinton trên đường phố Saigon.

"Đây phải là tấm ảnh đẹp nhất, gây ấn tượng mạnh mẽ nhất trong năm hai ngàn," Nghĩa nói.

Trong ảnh, tôi nhìn thấy nhiều khuôn mặt trẻ trung, háo hức, những đôi mắt mở to sáng rỡ, những miệng cười đầy vẻ thích thú, đang cố chồm người, vươn tay về phía Tổng thống Mỹ để được bắt tay ông, chạm được vào người ông. Những bàn tay bám trên vai, trên cánh tay ông. Tổng thống cao lớn, nổi bật giữa đám đông, nụ cười rạng rỡ, hai cánh tay vươn ra đón bắt những bàn tay, trông giống như một thần tượng nhạc trẻ hay ngôi sao bóng tròn được các "fan" cuồng nhiệt dàn chào.

"Bánh xe lịch sử quay nhanh thiệt, anh thấy không?" Phúc nói. "Chỉ sau một vòng hai mươi lăm năm, mọi chuyện đều đảo ngược. Cảnh chen lấn và những cái bắt tay hăm hở, vồ vập đó có ý nghĩa gì nếu không phải là: 'Rất vui mừng được đón tiếp ông. Chúng ta là bạn thôi. Hãy đến với chúng tôi! Hãy giúp chúng tôi, đứng về phía chúng tôi!...' Như vậy thì những cái ống loa tử thủ, hò hét đòi 'bảo vệ thành trì xã hội chủ nghĩa' sẽ chỉ còn là những tiếng gào thét tuyệt vọng."

Giọng Nghĩa đầy phấn khích, sôi nổi. Hắn là em của Nhân, bạn tôi. Hai anh em tính nết trái ngược nhau. Tôi lại chơi được cả anh lẫn em.

"Tấm ảnh này có ý nghĩa đặc biệt," tôi nói, "nhưng theo tôi vẫn chưa hẳn là đã gây ấn tượng mạnh nhất."

"Anh muốn nói tới cái gì khác?" Nghĩa nhíu mày hỏi. "Bài diễn văn của Clinton đọc ở Hà nội chắc?"

"Cũng chưa hẳn," tôi trả lời. "Bài diễn văn và những cái bắt tay đó có thể đoán trước được. Phải là một cái gì khác thật bất ngờ."

"Chịu. Vậy theo anh là cái gì?"

"Thực ra thì cảm xúc mỗi người có khác nhau," tôi cười. "Tôi ít đọc báo, mà chỉ xem tivi. Có một hình ảnh chỉ xuất hiện trên màn hình có mấy giây đồng hồ thôi nhưng thật là bất ngờ, và nói như cậu, đã gây cho tôi ấn tượng thật là mạnh mẽ. Đó là những giọt nước mắt trên khuôn mặt của một cô gái Mỹ hai mươi tuổi, cô Chelsea, con gái của ông bà Clinton, khi cô đứng cạnh bố mẹ tại một nơi đang được đào xới để tìm hài cốt của một phi công Mỹ. Cô gái đưa tay quệt những giọt nước mắt đang chảy dài trên má. Một tay phóng viên người Mỹ cũng đã chụp được tấm ảnh này. Một tấm ảnh có ý nghĩa gấp nhiều lần một bài báo dài."

"Em có xem tivi nhưng mà không để ý tới cảnh đó, và cũng chưa được thấy tấm ảnh ấy..."

"Hôm đó là ngày đầu của chuyến viếng thăm Việt nam. Ông bà Clinton được hướng dẫn đến một cái làng nhỏ ở ngoại ô Hà nội là nơi đang tiến hành việc đào xới để truy tìm hài cốt của một phi công Mỹ bị bắn rơi tại đây vào năm 1967. Tất nhiên đây cũng chỉ là một màn dàn dựng nặng phần trình diễn như những màn trình diễn trước đó, lần này chắc phải chu đáo hơn nhiều vì đích thân ngài Tổng thống Mỹ đến tận hiện trường xem xét. Ông Clinton đứng giữa hai người con trai của viên phi công Mỹ xấu số, đang chăm chú lắng nghe 'báo cáo' về diễn tiến khúc phim chiếc máy bay F-105D của không lực Hoa kỳ bị bắn rơi ba mươi ba năm về trước và quá trình tìm kiếm hài cốt của viên Trung tá phi công tử trận. Chỗ ông đứng là một gò đất cao, nhìn xuống phía bên dưới là khu vực đang được đào xới. Một toán công nhân người Việt và Mỹ đang 'khẩn trương' làm việc. Toán người Việt, đa số là phụ nữ, ăn mặc luộm thuộm (dù đã được chuẩn bị kỹ để quay phim và giữ thể diện quốc gia dưới mắt nhìn của một đại cường quốc), đầu đội nón lá, hai ống quần xắn cao. Vài thanh niên mặc quần áo bộ đội, áo bỏ ngoài quần, đội nón cối, đi chân không. Toán người này đứng xếp hàng ngang thành một dây chuyền và đang chuyền tay nhau những ki đất được đào lên từ một cái hố rộng, để đổ lên bờ. Chelsea và mẹ cô đứng phía sau ông bố. Trong lúc mắt cô chăm chú quan sát đám người lam lũ đang 'lao động tích cực' dưới vũng bùn lầy lội, tai cô lắng nghe những lời tường thuật khúc phim

'máy bay đế quốc Mỹ bị nhân dân và chiến sĩ ta bắn rớt' ngay tại chỗ cô đang đứng. Cô đã khóc, và đưa tay quệt những giọt nước mắt trào ra từ khóe mắt... Ống kính quay phim đã tình cờ thu được cảnh đó."

"Không phải tình cờ đâu. Mấy tay phóng viên Mỹ 'nhạy' lắm. Rồi sao nữa, anh kể tiếp đi."

"Có vậy thôi... Chẳng ai có thể biết đích xác được những ý nghĩ trong đầu cô gái Mỹ trong giây phút đó, nhưng chắc chắn là cô đã phải xúc động ghê gớm lắm. Nếu đó là những giọt nước mắt của tôi hay của cậu, hay của bất cứ người đàn ông đàn bà nào có mặt trong suốt chiều dài của cuộc chiến tranh ấy thì cũng chẳng có gì đặc biệt lắm. Thế nhưng đây lại là những giọt nước mắt của một cô gái trẻ, mà lại là gái Mỹ, năm nay vừa đúng hai mươi tuổi, nghĩa là sanh sau đẻ muộn đến năm năm sau khi cuộc chiến tranh Việt nam kết thúc. Chắc chắn là cô bé ấy đâu có hiểu gì nhiều về cuộc chiến lạ lùng đó... Cho dù là cô ta có ý định tìm hiểu và chịu khó bỏ nhiều thì giờ để làm một cái *research* về đề tài chiến tranh Việt nam đi nữa thì nhiều lắm cô ấy cũng chỉ thu thập được một ít kiến thức rất là lờ mờ qua một mớ tài liệu bao gồm sách vở, báo chí hoặc phim ảnh ở các thư viện... Đó là chưa nói những tài liệu quỷ quái này chẳng biết được viết ra từ phía nào của cuộc chiến. Khi được đi cùng với bố mẹ đến thăm lại 'mảnh đất chiến trường xưa' tại một đất nước xa xăm, nơi đã từng xảy ra trận chiến lịch sử cũng xa xăm như là trong truyền thuyết, chắc hẳn cô cũng đã bị thôi thúc bởi sự tò mò, bởi ý định đi tìm lại dấu vết của cuộc chiến tranh tại vùng đất mà hơn năm chục ngàn người lính Mỹ thuộc thế hệ cha anh của cô đã ngã xuống. Vậy mà khi chỉ mới vừa chạm mặt với một phần rất nhỏ tàn tích của cuộc chiến tranh đó, sự xúc động trong cô đã òa ra khiến cô không sao cầm được nước mắt."

Chúng tôi chấm dứt câu chuyện ở đó và như đã hẹn trước với nhau từ tối qua, Nghĩa đưa tôi đến một quán ăn quen thuộc mà hắn gọi bằng một cái tên hơi dài là "Trung tâm cung cấp mọi thông tin thời đại". Thực ra quán có một cái tên, là tên của nữ chủ nhân. "Trung tâm" này chỉ là một quán ăn nhỏ trong khu phố người Việt, thực đơn hàng ngày chỉ có café với vài món điểm tâm nhẹ, và những món này thì cũng chẳng có gì đặc sắc lắm, nhưng quán không có lúc nào vắng khách nhờ vào hai lợi điểm: thứ nhất, chỉ cần ngồi ở đây một lúc thôi là có thể nắm bắt được mọi thông tin về đủ thứ chuyện trên đời, từ mọi sinh hoạt trong cộng đồng người Việt ở hải ngoại cho đến tình hình thời sự trong và ngoài nước; thứ hai, nữ chủ nhân còn là một bông hoa hương sắc, duyên dáng và thanh lịch, sẵn sàng hầu chuyện với những thực khách hào

phóng tại những bàn đông khách hoặc tại quầy *cashier*. Bông hoa này tuy đã nở rộ, và đã có một đời chồng, những vẫn còn mặn mà, duyên dáng lắm, và lại tỏ ra am hiểu chuyện thời thế, nhờ vậy mới đáp ứng được yêu cầu của những tay ưa đấu láo và tán nhảm. Trước đây tôi cũng có ghé vào quán này vài ba lần với vài ba tên bạn, và tuy rằng cũng có chút thiện cảm với cung cách tiếp đón của nữ chủ nhân, tôi vẫn không thích cái kiểu tụ tập đàn đúm ở đây chút nào. Khi còn ở Việt nam tôi đã quá nản cái cảnh ngồi quán café cả ngày của những anh chàng vô công rồi nghề, chẳng có việc chi để làm, hay chẳng muốn làm lụng chi cả. Qua tới Mỹ lại phải chứng kiến cảnh đó tiếp tục tái diễn nữa khiến tôi ngán ngẩm. Hồi còn ở Việt nam thì còn nói là chán đời, không có tương lai, không có lối thoát, không muốn sống chung với cộng sản, thế nhưng qua tới đây rồi lại vẫn tiếp tục chán đời, vẫn tiếp tục ngồi câu giờ ở quán xá, sáng trưa chiều tối, sáng say chiều xỉn, gọi là để quên đi nỗi buồn tha hương nơi "đất khách" hay "xứ tạm dung" gì gì đó thì thực tình không hiểu nổi là những anh chàng đó muốn cái gì, hay là cũng không muốn sống chung với... Mỹ chăng (?).

Chúng tôi ngồi vào một bàn quen. Nói là quen chứ thực ra là quen với Nghĩa nhiều hơn là quen tôi. Không khí chuyện trò khá sôi nổi. Câu chuyện thời sự hàng đầu vẫn là cuộc chạy đua vào Tòa Bạch ốc giữa hai ứng viên Tổng thống Mỹ rất là gay cấn, chưa từng có trong lịch sử bầu bán của Mỹ. Sau hơn mười ngày kiểm phiếu, đếm tới đếm lui, đếm ngược đếm xuôi, đếm đi đếm lại, vẫn cứ bất phân thắng bại và nước Mỹ vẫn chưa có Tổng thống mới. Đề tài kế tiếp là chuyến viếng thăm Việt nam lần đầu tiên của một ông Tổng thống Mỹ sau hai mươi lăm năm kết thúc cuộc chiến tranh dai dẳng tại đất nước này. Những lời bình phẩm về lời lẽ ngoại giao khôn khéo và đầy ẩn ý trong bài diễn văn của ông Clinton tại Hà nội... Tôi chỉ lắng nghe mà không có ý kiến. Câu chuyện bên những tách café vẫn tiếp tục sôi nổi cho đến lúc Phượng, cô chủ quán, nhẹ nhàng đến bên cạnh bàn.

"Các anh nói chuyện gì vui thế?" Phượng hỏi, giọng Bắc kỳ ngọt lịm.

Câu chuyện tạm ngưng, mỗi người nói một câu để trả lời nàng. Phượng mỉm cười và quay sang phía tôi:

"Lâu quá không thấy anh ghé chơi?" nàng hỏi làm như đây là nhà riêng của nàng vậy chứ chẳng phải quán xá gì. Tôi trả lời lúc này bận quá, nhưng mà rất nhớ cái quán này.

"Nhớ quán và nhớ người nữa," Nghĩa thêm vào.

Phượng chỉ mỉm cười, cúi xuống nhìn bức ảnh trên trang báo Mỹ

chụp cảnh đám đông người Việt vây quanh ông Clinton trên đường phố Saigon, và nàng có ngay một câu nhận xét:

"Những khuôn mặt này trông trẻ măng. Chỉ xấp xỉ bằng tuổi cô con gái của ông Clinton là cùng."

Tôi ngước lên nhìn Phượng. Ít ra thì cũng có được một người nhắc đến Chelsea.

"Anh Hữu có thấy vậy không?" Phượng hỏi khi mắt nàng chạm ánh mắt tôi. Nàng vẫn còn nhớ được tên tôi.

Tôi không thể nào không gật đầu, và rất muốn trả lời là tôi chỉ thấy đôi mắt nàng đẹp lạ.

Ít ngày sau, Nghĩa lại mang đến cho tôi một thứ khác, lần này không phải là tờ báo mà là những trang giấy rời.

"Em có cái này cho anh," Nghĩa nói, đưa tôi một tờ. "Anh đọc thử coi."

Cầm tờ giấy Nghĩa đưa, tôi không đoán ra được là thứ gì. Đọc lướt qua ít hàng, tôi ngước lên hỏi hắn:

"Cậu lấy cái này ở đâu ra vậy?"

"Trên internet. Tìm cái khác lại gặp cái này. Em in ra cho anh."

"Thiệt hay giả đây?" tôi hỏi tiếp.

"Chịu," hắn trả lời. "Làm sao mà biết được. Chuyện ở Mỹ mà, cái gì cũng thật, cái gì cũng giả được hết. Em nghĩ là anh thích nó thì em mang lại anh coi cho vui vậy thôi. Còn đây là tấm ảnh mà anh nói. Có đúng là ảnh này không?" Nghĩa đưa thêm cho tôi một tờ khác. Tấm ảnh in lại cũng khá rõ.

"Đúng đấy. Thì cậu cứ đưa hết một lần cho tôi coi nào. Làm cái trò gì mà cứ thậm thụt vậy."

"Đâu có được," Nghĩa lúc lắc đầu, cười cười. "Những cái này tiền không, đâu có cho anh **free** được." Nói vậy nhưng rồi hắn cũng đưa hết cho tôi. Tôi nhìn những trang giấy dày đặc chữ mà Nghĩa gọi là "những trang nhật ký của Chelsea".

"Đã gọi là nhật ký thì sức mấy mà lọt ra ngoài được," tôi nói.

"Chelsea đưa cho một cô bạn đọc, và cô này sau đó đã cho phổ biến trên mạng lưới Internet. Anh cứ đọc đi rồi biết."

"Cậu cũng tài thật đấy. Đúng là chuyên viên sưu tầm tin tức."

"Tài cán gì đâu," Nghĩa nói, "một đứa bé cũng làm được. Anh chỉ cần gõ mấy chữ 'Chelsea Clinton, Vietnam visit' trong cái khung 'Search' trên màn hình *computer* là ra hết. Thời đại bùng nổ thông tin mà."

Nghĩa là tay chịu khó săn lùng tin tức về các sinh hoạt của cộng

đông người Việt ở đây, và hắn rất *enjoy* công việc này. Không rõ hắn moi được những tin tức đó ở đâu, từ những nguồn nào, hay là có ai đó cung cấp cho hắn. Thỉnh thoảng hắn lại khoe tôi một hai tấm ảnh do hắn chụp được đăng trên tờ báo Mỹ ở địa phương, đi kèm với bài phóng sự ngắn về ngày lễ lạc nào đó của người Việt. Mỗi khi cần tìm kiếm tài liệu gì, tôi thường phải nhờ tới hắn. Lâu lâu cũng phải khen ngợi hắn ít câu và tỏ vẻ thán phục thì sau đó có cần chuyện gì hắn cũng sẽ mau mắn giúp cho. Sau khi đã chán những tin thuộc loại hò hét lên đường xuống đường, treo cờ hạ cờ, hắn chuyển sang những tin tức Mỹ liên quan tới người Việt. Tôi có được trong tay sớm nhất bài nói chuyện của ông Clinton tại Hà nội cũng là nhờ hắn. Lần này hắn còn in thêm cho tôi mấy tấm ảnh đặc biệt về chuyến đi Việt nam của ông Clinton: ảnh ông duyệt hàng quân danh dự dàn chào, ảnh ông và đoàn tùy tùng ngồi trong một tiệm phở ở Saigon, ảnh bà Hillary và Chelsea tươi cười đội những chiếc nón lá, ảnh gia đình Clinton vẫy tay chào tạm biệt dân Saigon trước khi đáp Air Force One về lại Mỹ, và tất nhiên cả tấm ảnh có những giọt nước mắt của Chelsea nữa.

Tối đó trước khi lên giường ngủ tôi đã bỏ ít thì giờ để đọc những trang giấy Nghĩa đưa. Lướt qua những đoạn tả tình tả cảnh, những tên tuổi một vài người bạn trai của Chelsea, những anh chàng Matthew, Andrew và Jeremy nào đó, tôi chú ý những đoạn dưới đây:

. . . . .

Thứ Bẩy, 18/11

Mình đứng cạnh mẹ trong lúc bố đứng giữa Daniel và David, hai người con trai của Trung tá Lawrence Evert. Bố đang lắng nghe Daniel kể lại với giọng nghẹn ngào những hình ảnh cuối cùng về người cha mà ông ta vẫn còn giữ được trong trí nhớ. "Tôi còn nhớ rõ hôm ấy là một ngày hè oi ả vào cuối tháng Bẩy năm 1967, cả nhà tôi ra tận phi trường ở Phoenix, Ariz. để tiễn bố tôi sửa soạn bay đi Nam Việt nam. Ông ấy chậm rãi bước lên thang máy bay và quay lại vẫy vẫy chúng tôi trước khi bước vào lòng máy bay. Rồi bố tôi biến mất. Ông không bao giờ về lại nữa, và đó đúng là lần cuối cùng chúng tôi được nhìn thấy bố." Daniel nói khi ấy ông mới 8 tuổi và David, người em, mới 6 tuổi. "Năm ngày sau khi máy bay bố tôi bị bắn rơi, Elizabeth, đứa em gái út của chúng tôi ra đời. Trước đó, bố tôi có gọi về thăm hỏi mẹ tôi và nói là ông dự tính trở về Arizona sau phi vụ ấy để kịp có mặt trong ngày sinh của nó. Elizabeth chẳng bao giờ biết mặt bố nó."

Đến đây thì Daniel làm cho mình phải khóc thật. Mình cố kềm lòng

nhưng nước mắt cứ ứa ra không sao ngăn lại được, và cảnh vật trước mắt mình bỗng nhòa đi. Mình lau vội nước mắt, nhưng có mấy phụ nữ người Việt ở gần đó trông thấy. Họ cứ nhìn mình chằm chằm. Chẳng biết họ nghĩ gì. Trông họ có vẻ quê mùa và hiền lành quá. Vài người trong số họ đội những chiếc nón lá cũ kỹ, đi chân đất, quần áo lấm bẩn. Mình quay sang mẹ, thấy khuôn mặt mẹ lặng yên. Đôi mắt mẹ giấu sau cặp kính đen nhưng mình chắc là mắt mẹ cũng đỏ hoe. Mẹ vẫn hay đeo kính đen như vậy. Mọi người vẫn cứ tưởng mẹ là người phụ nữ cứng cỏi lắm, nhưng thực ra chỉ mình biết là mẹ rất nhạy cảm và dễ xúc động. Mẹ lại mới nhận được tin vui được bầu vào ghế Thượng nghị sĩ liên bang New York tuần trước. Bố mẹ ôm nhau mừng rỡ. Cả nhà đều vui, nhất là bố. Buddy cũng vui nữa, cứ luẩn quẩn bên mẹ, ngúc ngoắc cái đuôi. Mẹ phải trả lời nhiều cú điện thoại từ khắp nơi gọi đến chúc mừng... Chú Gore thì không biết thế nào, liệu có thắng cử nổi không, bố cứ lo cho chú ấy. Ngày mình về chắc là đã có kết quả.

Bắt chước mẹ, mình cũng lấy kính mát đeo vào. "Cô khóc à, Chelsea?" Nghe tiếng hỏi, mình quay sang và nhận ra David. Ông ta đứng cạnh mình lúc nào. "Câu chuyện không mấy vui phải không?" David nói. "Daniel không nên kể chuyện đó lúc này." Rồi ông ta bỗng hỏi: "Có phải tên của cô được lấy từ bài hát 'Chelsea Morning' của Joni Mitchell không?" Mình gật đầu, ngạc nhiên, hỏi sao ông ta biết. David mỉm cười và nói ông ta còn biết nhiều chuyện khác về mình. Mình tính hỏi còn chuyện gì nữa, nhưng thôi. David nói ông ta thích cái tên ấy và hỏi ai đặt cho mình vậy. Mình trả lời: "Không rõ, chắc là mẹ. Mẹ tôi nói đó là tên của bài hát mà bố và mẹ đều yêu thích thuở hai người mới quen nhau." David nói: "Cô phải cám ơn mẹ cô. Mẹ tôi cũng thích bài hát đó nhưng bà không nghĩ ra việc đặt tên nó cho đứa em gái tôi." Mình thấy ông ta nói chuyện vui vui. Rồi David lại hỏi: "Buổi sáng cô là Chelsea, thế thì buổi chiều, buổi tối cô vẫn là Chelsea mà không phải là người nào khác chứ?" Mình không hiểu rõ lắm ông ta muốn nói gì, nhưng cũng trả lời: "Sáng trưa chiều tối gì cũng vậy thôi, đâu có gì thay đổi." "Chắc chắn như vậy chứ?" ông ta cười và hỏi tiếp. Mình sợ câu hỏi ấy có thể là cái "trick" nên chỉ mỉm cười, không trả lời.

Bố đang nói gì đó với Daniel, chỉ tay xuống khu vực đang được đào xới, những tảng đất bùn đỏ quạch. "Cô biết không," David nói, "có một dạo, lúc còn nhỏ, hai anh em tôi vẫn cứ nghĩ là bố còn sống, và cứ bàn tính với nhau làm cách nào đến được Việt nam để giải cứu bố ra khỏi nhà tù và đưa bố về lại nhà, giống như là những chàng hiệp sĩ trừ gian diệt bạo vậy. Thật buồn cười! (Mình chẳng thấy chút gì gọi là buồn cười

cả). Chúng tôi nói với mẹ, nhưng mẹ chỉ im lặng, chẳng nói gì. Mẹ thường dắt chúng tôi đến nhà thờ cầu nguyện cho bố... Đến khi lớn lên một chút, tôi hiểu rằng việc ấy không thể nào thực hiện được, và cũng tôi hiểu được sự im lặng của mẹ tôi. Mẹ tôi đã im lặng như vậy suốt bao năm. Bà sống lặng lẽ như một cái bóng, hầu như không muốn tiếp xúc, chuyện trò với bất cứ ai về sự vắng mặt lâu năm của bố tôi, làm như là ông đã chết rồi vậy, mà đúng là ông chết thật. Mãi cho đến lúc không có mặt bố tôi trong số những người tù cuối cùng được trả về, lần lượt bước xuống thang máy bay, tôi hiểu là mọi chuyện đã thực sự kết thúc, như là chiến tranh đã kết thúc, và cũng dập tắt hoàn toàn niềm hy vọng của mẹ tôi. Elizabeth, đứa em gái út của tôi cũng ít nói ít cười giống như mẹ tôi vậy. Đôi lúc tôi không hiểu được nó." David nói với giọng đều đều như người nói một mình. Nước mắt mình lại muốn ứa ra, nhưng lúc này mình đã đeo kính mát nên ông ta không thể biết được. Mình chẳng biết nói sao nên chỉ im lặng. David trách Daniel kể chuyện buồn, nhưng câu chuyện ông ta kể nghe lại càng buồn hơn. Sau đó là những phút im lặng. David đứng yên một lúc, chăm chú quan sát đám người đang làm việc bên dưới, rồi ông hạ thấp giọng, bùi ngùi: "Thật hết sức cảm động khi nhìn những người dân quê Việt nam đang mải miết làm công việc cực nhọc là mò mẫm trong những vũng đất bùn để thu nhặt cho bằng được từng mẩu xương vụn của bố tôi lẫn trong đó. Chúng tôi muốn nói cho họ hiểu được rằng chúng tôi yêu mến họ, và thực tình là không hề giữ trong lòng chút oán hận nào đối với họ mà trái lại, chúng tôi còn cảm kích và biết ơn họ đã giúp đỡ tìm kiếm bố chúng tôi nữa." Nhìn vẻ mặt David lúc đó mình hiểu là ông ta nói thật. David nói thêm: "Tôi tin là bố tôi sẽ rất vui sướng khi mà những con trai của ông sau cùng đã tới được nơi đây để đưa ông về lại quê nhà, kề cận mẹ tôi." Thực tế, người ta chỉ đưa về được những mẩu xương vụn, mình nghĩ. "Tôi cũng tin là như vậy," mình chỉ biết nói phụ họa. Trông David có vẻ thật thà, dễ mến.

Im lặng một chút, David nói: "Tôi có vật này cho cô." Ông ta lấy ra từ trong túi áo một cái túi nhỏ, dẹp, giống như là cái bao đựng kính đeo mắt vậy, rồi ông ta từ từ rút ra một chiếc lược bằng nhôm. "Chiếc lược này được làm bằng một mảnh kim khí từ chiếc máy bay bị bắn rơi của bố tôi ngay tại chỗ này. Những người thợ thủ công Việt nam ở đây đã làm thành những sản phẩm xinh xắn là những chiếc nhẫn và những chiếc lược như thế này đây. Tôi có ý định tặng nó cho một phụ nữ nào đó trong chuyến đi này." David mỉm cười, nhìn thẳng vào mắt mình: "Khi nãy tôi thấy cô khóc vì câu chuyện của bố tôi, và bây giờ tôi muốn tặng cô chiếc lược này. Cô không từ chối chứ?" Mình ngạc nhiên: "Nhưng đây là kỷ

vật của ông và gia đình, tôi không thể..." "Cô đã chia sẻ chút kỷ niệm về bố tôi nên tôi cũng muốn cô cùng chia sẻ với chúng tôi những kỷ vật này." David nói và nhẹ nhàng đặt chiếc lược vào lòng bàn tay, xoè ra trước mặt mình trong một dáng vẻ trịnh trọng. Mình hơi lúng túng nhưng rồi không hiểu sao mình lại cầm lấy chiếc lược ấy, nói nhỏ: "Tôi sẽ giữ mãi vật này."

Sau đó David bước lại đứng cạnh Daniel, nghe bố nói chuyện. Bố ngỏ lời khen ngợi và cám ơn toán công nhân Mỹ-Việt đang làm việc ở đây. Mắt bố cũng rớm lệ, và giọng bố nghe run run, có lẽ cũng vì cảm xúc. Nghe nói ngày xưa bố từng tham gia phong trào phản chiến trong thời kỳ chiến tranh Việt nam. Mình cũng không biết là bố đúng hay sai nữa. Có lẽ bố chỉ muốn kêu gọi mọi người ngừng tay bắn giết để chấm dứt thảm họa chiến tranh. Hơn 50 ngàn người lính Mỹ đã gục chết trên vùng đất xa xăm, quạnh quẽ này, và nghe đâu tới mấy triệu người lính Việt nữa. Những con số thật khủng khiếp. Đã có biết bao nhiêu người con David mất cha, biết bao nhiêu người vợ Evert mất chồng. Những người đi rồi không về lại nữa... Mình đâu có biết gì nhiều về cuộc chiến tranh đó. Liệu có phải dốc toàn lực binh hùng tướng mạnh để đánh nhau với những con người quê mùa, lam lũ như thế này. Chiến tranh vô lý quá, tại sao người ta lại phải tìm cách giết hại lẫn nhau. Ở nước mình, muốn khép tội chết một người nào, phải qua bao nhiêu xét xử. Thế mà trong chiến tranh, người ta giết người hàng loạt, nhanh chóng và dễ dàng. Thật lạ lùng. Mình không hiểu nổi, nhưng mình chỉ nghĩ, việc đó không thể xảy ra trong một xã hội văn minh. Giết hại đồng loại là việc làm độc ác nhất trong số những việc làm độc ác. Vẫn còn hơn 1.500 người lính Mỹ mất tích nghĩa là vẫn còn những đứa con tiếp tục đi tìm dấu vết những người cha thân yêu, vẫn còn những người mẹ đang sống âm thầm như chiếc bóng. Và lại còn biết bao nhiêu người mẹ Việt nam nữa chứ. Những bà mẹ Mỹ hay bà mẹ Việt nam đều giống nhau, như mẹ mình, như tất cả những bà mẹ trên đời, mình tin là như vậy.

Những người dân quê đứng quanh đó mở to mắt nhìn chăm chăm vào đoàn người mới đến thăm ngôi làng nhỏ bé của họ như thể đang quan sát những sinh vật lạ lùng đến từ ngoài trái đất. Biết đâu lại chẳng có những người chết vì chiến tranh trong gia đình họ. Thế nhưng, trong cái nhìn tò mò của đám người đó, mình không thấy vẻ gì là oán ghét, thù hằn cả. Trông họ cũng không có vẻ gì là dữ tợn. Liệu họ có tìm cách che dấu vẻ dữ tợn trong cái vỏ hiền lành đó không? Mình không tin như vậy. Mình chú ý nhất là những đứa bé đen đủi, lem luốc, chỉ mặc độc chiếc quần cụt. Phía xa xa là những túp lều tranh lụp xụp, những thửa ruộng

xiên xẹo ngập nước và bùn. Ngoài ra chẳng có gì cả. Họ sống trong những túp lều đó sao? Họ sinh ra, lớn lên, và sống như vậy suốt đời trên mảnh đất này sao? Mình nghe nói đây là một đất nước nghèo nàn, nhưng mình vẫn không thể hình dung được cái nghèo của họ ra sao cho đến khi trông thấy tận mắt... Thực sự, chưa có chuyến đi nào làm mình phải khóc và mang cảm giác nặng nề đến vậy.

Chỉ ít tuần nữa thôi bố đâu có còn là Tổng thống nữa. Mình hiểu tại sao bố đã dành những ngày tháng cuối nhiệm kỳ để đến thăm đất nước này. Bố từng nói với mẹ và mình nhiều lần về ý định ấy, nhưng mãi đến bây giờ bố mới thực hiện được. Bố có vẻ chuẩn bị rất kỹ cho bài diễn văn đọc ở Đại học Quốc gia Hà nội hôm qua. Bố có đọc thử phần mở đầu và phần kết cho mình nghe. Mình chỉ cười, nói: "Con chỉ sợ chẳng ai hiểu gì cả khi nghe bố nói mấy câu tiếng Việt ấy." "Đây sẽ là bài diễn văn lịch sử, lần đầu tiên được đọc ngay giữa thủ đô của một nước từng là thù địch của Mỹ trong nhiều năm qua," bố nói, làm ra vẻ trịnh trọng, và nháy mắt với mẹ và mình. Bố hay dùng chữ "lịch sử" khi nói đến chuyện gì quan trọng. Mẹ chỉ cười, nhún vai, nói với mình: "Bố muốn đi vào lịch sử."

Một đoạn khác:

. . . . .

"Ông có cô con gái thật tuyệt. Cô ấy làm tôi nhớ đến Emily, cô con gái yêu quý của Norman Morison, chiến sĩ đấu tranh cho hòa bình. Emily cũng đã từng sang thăm Việt nam trước đây cùng với mẹ cô, và họ quả là biểu tượng đẹp cho tình hữu nghị thắm thiết giữa hai dân tộc." Bố kể mình nghe là trong cuộc gặp gỡ các nhà lãnh đạo ở Hà nội hôm nay, người ta đã nói về mình như vậy. Khi mình hỏi bố là giữa mình và cô Emily có người bố đã tự thiêu trước Tòa Bạch ốc năm 1965 để phản kháng chiến tranh Việt nam đó có điểm nào giống nhau thì bố chỉ cười: "Ông ấy nói chuyện chính trị ấy mà, đừng có thèm để ý." Mình ghét chiến tranh và cũng không thích chính trị chút nào hết. Thiếu gì những đề tài hấp dẫn và thoải mái hơn, như thể thao, văn chương và nghệ thuật chẳng hạn, tại sao người ta lại cứ phải đưa những lời lẽ ngoại giao và chính trị vào trong những câu chuyện tản mạn bên những tách trà. Mình thấy những lời lẽ ấy có vẻ giả dối thế nào ấy. Mình ghét sự giả dối. Đó là lý do mình sẽ chẳng bao giờ chọn con đường của bố và mẹ à...

Tính bố thì chẳng bao giờ xem việc gì là quan trọng cả và lúc nào cũng đùa được. Chẳng hạn, lúc bắt tay chào từ giã mọi người khi rời Hà nội, bố nói: "Tôi phải chạy về để coi thử ở nhà đã có Tổng thống mới

chưa."

Chủ Nhật, 19/11

. . . . .

Mình đã lo cho bố khi bố bị vây kín trên đường phố Saigon. Mẹ cũng lo cho bố, mọi người đều lo cho bố, nhưng có vẻ như bố chẳng lo sợ gì cả. Bố cứ sấn tới, mỉm cười, bắt tay từng người. Hầu hết là thanh niên. Đám đông chen lấn, xô đẩy, nhiều người cố chồm tới, vươn tay về phía bố. Có người bị té ngã, đè lên. Mình thấy những cảnh sát người Việt chạy tới chạy lui, la hét, nhưng không sao ngăn cản được họ. Những nhân viên an ninh cao lớn cũng phải chen lấn để bám sát bố. Quang cảnh gần như hỗn loạn. Mình không thể biết được tình cảm đích thực của họ đối với bố như thế nào, nhưng trông họ có vẻ thân thiện nên mình cũng bớt lo. Có người cuồng nhiệt quá như bị kích động, kêu lớn tên bố, cố ý cho bố nghe thấy. Rồi bố cũng nghe thấy, nhưng người đàn ông đứng xa quá, bố không tới gần được, bố chỉ đưa tay ngoắc ngoắc. Bố cũng đã được đón chào cách đó ở Hà nội hôm kia. Thực ra, trong những lần đi với bố trước đây, mình cũng từng chứng kiến cảnh bố được chào đón nồng nhiệt như vậy nhiều lần ở nhiều nơi khác nhau. Tuy nhiên, gần như đây là lần đầu tiên cảnh này diễn ra ở một đất nước từng là thù địch trong nhiều năm, khi mà những vết thương chiến tranh không chắc đã thực sự lành lặn, và khi mà không ai biết chắc được tình cảm và phản ứng của dân chúng sẽ ra sao. Thế nào trong đám người trẻ tuổi chào đón bố hôm nay lại chẳng có những người mà gia đình họ từng là nạn nhân của chiến tranh, của bom đạn Mỹ, vậy mà trông thái độ, cử chỉ, và mắt nhìn của họ đâu có vẻ gì là thù ghét người Mỹ. Thỉnh thoảng có tiếng gọi lớn tên mẹ trong rừng người dọc hai bên đường phố. "Chelsea!" tiếng người nào đó gọi tên mình. Giọng một phụ nữ thì phải. Đám đông nhốn nháo, những cánh tay giơ cao, ngoắc ngoắc. Mình chẳng nhận ra ai cả. "Chelsea, tôi đây. Tôi biết cô!" Tiếng gọi lớn hơn. Chắc chắn mình không nghe lầm. Mình quay qua quay lại tìm kiếm, nhưng chỉ thấy người và người. Mình chỉ biết mỉm cười, bắt chước mẹ, giơ tay vẫy vẫy về phía phát ra tiếng gọi đó...

Một đoạn khác:

. . . . .

Cái món "pho" này cũng khá ngon đấy chứ. Mọi người có vẻ ngạc nhiên và thán phục khi thấy bố sử dụng đũa một cách thành thạo. Họ đâu có biết là bố đã phải *practice* nhiều lần, không phải mới đây mà từ

chuyến đi Trung quốc năm trước. Trông bố ăn ngon lành. Bố được cái là dễ ăn và ăn khỏe, cái gì cũng gật gù khen ngon, chẳng biết khen thật hay khen giả. Bố ăn đến hai tô lớn, một phở bò, một phở gà, trong lúc mình chỉ dám ăn một tô nhỏ. Ăn xong, bố còn đòi uống thêm ly nước trái cây xay, và phải là xoài bố mới chịu, rồi lại thêm một ly café sữa nữa. Bố ăn rất nhanh, sau đó bố lấy giấy bút viết ra những ý chính cho bài nói chuyện sắp tới. Bố có cái tài là có thể làm việc ở bất cứ nơi đâu, bất cứ lúc nào, lúc ăn sáng, ăn trưa, lúc trên xe, trên máy bay, lúc trong phòng, ngoài vườn, lúc nào bố cũng có sẵn cây bút, tờ giấy trong người, lúc nào bố cũng có thể tập trung tư tưởng, ghi ghi chép chép được. Mình vẫn phục tài ứng khẩu của bố trong những lần nói trước đám đông. Mình lại không được như bố. Cứ thấy bao nhiêu cặp mắt chòng chọc nhìn về phía mình là mình đã run rồi. Trong bài diễn văn đọc ở Đại học Quốc gia Hà nội hôm kia, mình nghe loáng thoáng bố nói đến việc xây dựng một tương lai tốt đẹp hơn cho trẻ em Việt nam và Hoa kỳ của một thế hệ mới, một tương lai của sự hợp tác và tình hữu nghị giữa hai nước. Mình từng nghe bố lập đi lập lại nhiều lần ở nhiều nơi khác nhau những điều tương tự như vậy. Đó quả là những điều tốt đẹp và chắc là mọi người cũng đồng ý như thế, nhưng có thực hiện được hay không vẫn là chuyện khác. Câu mình thích nhất trong bài diễn văn đó lại là câu bố trích dẫn lời của ông đại sứ Peterson: "Chúng ta không thể thay đổi được quá khứ, nhưng chúng ta có thể thay đổi được tương lai."

Những đoạn tiếp theo là những hàng chữ rời rạc, có đoạn chỉ một hai hàng ngắn ngủi... Chắc là Chelsea chỉ ghi vội vã vì không đủ thì giờ, hay là vì không có chuyện gì đáng ghi, và tôi cũng chỉ đọc lướt qua... Mắt tôi dừng lại ở một đoạn khác:

Thứ Tư, 22/11

. . . . . .

Thật lạ lùng! Mình nhớ rõ là đã bỏ chiếc lược ấy vào trong túi xách, và mình cũng nhớ rõ ánh mắt chăm chú của David nhìn mình vào lúc đó, nhưng bây giờ mình lại không thấy nó đâu nữa. Mình đã lục lọi từng ngăn nhỏ và đốc ngược cả cái túi xách để trút hết mọi thứ ra nệm giường, tất cả vẫn còn nguyên, chỉ thiếu có chiếc lược, kỷ vật của David. Mình nhớ đến nó khi mình đang chải đầu. Mình hỏi mẹ, mẹ đưa mình chiếc lược của mẹ vì tưởng mình cần nó. "Không phải," mình nói. "Chiếc lược nhôm." Mẹ ngạc nhiên, hỏi: "Chiếc lược nhôm nào? Chiếc lược này cũng tốt vậy." Mình không muốn giải thích với mẹ. Lúc David đưa

mình chiếc lược, có mẹ đứng gần đấy nhưng chắc mẹ không để ý. Mình không hỏi bố, vì tin chắc là bố chẳng biết gì. Mình thật vô tâm quá, và có lỗi với gia đình ông ấy. Có thể là David vẫn có chiếc lược khác. Dù sao mình vẫn ân hận. Mình không chắc có dịp nào gặp lại ông ta. Liệu ông ta có hỏi mình về chiếc lược ấy? Liệu ông ta có đòi nhìn lại chiếc lược? Mình sẽ trả lời sao đây? Mình không muốn nói dối, và không quen nói dối ai bao giờ...

Tôi nhìn kỹ lại tấm ảnh chụp cảnh mà tôi đã chỉ nhìn thấy được trong một thoáng vài ba giây trên màn hình tivi. Chelsea trong một cử chỉ tự nhiên đang đưa tay quệt những giọt nước mắt lan dài trên má. Ngấn nước mắt trông khá rõ. Khác với vẻ tươi tắn thường thấy, khuôn mặt cô khi ấy trông có vẻ thẫn thờ, xa vắng. Tấm ảnh chụp cận cảnh nên chỉ thấy có một mình Chelsea. Bên cạnh cô, phía tay trái là một bên vai và mớ tóc của một phụ nữ bị chiều dọc của tấm ảnh cắt lìa. Tôi đoán nhiều phần là bà Hillary tuy chỉ thấy được có vài đường nét.

Điều may mắn cho ông Clinton không phải là ông đã mang theo được một bộ sậu hùng hậu, tả phù hữu bật, một đoàn tùy tùng đến hơn cả ngàn người với chi phí cho chuyến đi lên đến hàng trăm triệu mỹ kim, mà là ông đã mang theo được cô con gái yêu quý của ông. Những giọt nước mắt và khuôn mặt đẫm lệ của Chelsea nói nhiều hơn bài diễn văn "lịch sử" dài năm trang giấy được nhiều người khen ngợi của ông Clinton. Những giọt ngắn giọt dài ấy không phải là những giọt châu rơi thánh thót, cũng không phải là những "giọt nước mắt ngà" hay là những "giọt lệ cho ngàn sau" nhỏ xuống để khóc thương cho những cuộc tình phù phiếm. Những giọt lệ nóng ấm ấy cũng nói cho mọi người biết rằng mọi chuyện đã thực sự kết thúc. Còn gì nữa đâu, chiến tranh đã đi qua, và cả những tàn tích, những đấu vết buồn phiền cũng đã được rửa sạch, cũng đã trôi theo dòng nước mắt cô. Hai mươi lăm năm sau chiến tranh, khi nước mắt của những người vợ khóc chồng, những người mẹ khóc con hồ như đã khô cạn thì mới đây thôi, những giọt lệ tươi rói cuối mùa vẫn còn chảy ràn rụa trên má cô gái Mỹ hai mươi tuổi đến từ bên kia bờ đại dương. Có giọt nào nhỏ xuống dưới chân cô, ngay chỗ cô đang đứng, trên mảnh đất nghiệt ngã đó. Cô khóc vì cảm thương câu chuyện người phi công xấu số, vì xót thương người vợ trẻ góa bụa và đàn con nhỏ dại khi lớn lên không được trông thấy mặt bố, hay khóc vì động lòng trắc ẩn trước cảnh lao động chân tay cực nhọc của người dân quê Việt nam nghèo hèn lam lũ... Cho dù cô có khóc vì chuyện gì khác đi nữa thì những giọt lệ rưng rưng ấy cũng đã bộc phát từ một tấm lòng nhân ái, từ

một trái tim ấm áp tình người. *Mai sau, dù có bao giờ*, hồi tưởng lại những kỷ niệm về một chuyến đi xa đến tận một đất nước nhỏ bé cách xa cô mãi tới nửa vòng trái đất, bản Chelsea vẫn còn nhớ được rằng, đã có những phút giây nào đó trong đời, cô đã từng để lòng mình nghiêng xuống những nỗi bất hạnh của kẻ khác, đã từng để cho những cảm xúc tràn bờ trào ra thành những giọt nước mắt xót xa thương cảm cho những số phận rủi ro, những số kiếp hẩm hiu. Cô đã không tìm cách che giấu những dòng lệ dạt dào, những tình cảm tự nhiên, như cô cũng đã từng có những khi yêu khi ghét, có những lúc vui lúc buồn. Tấm ảnh chụp cô gái đứng khóc thật khó có thể là một tấm ảnh đẹp, vậy mà thực tình trong số những ảnh chụp về chuyến đi của ông Clinton, tôi chưa thấy tấm ảnh nào có ý nghĩa hơn.

Đây chắc chắn không phải là lần đầu Chelsea đã đánh rơi những giọt nước mắt. Cô cũng đã từng khóc những lần trước đây như cô cho biết ở một trang nhật ký khác, chẳng hạn như lần xúc động trước tin bố cô đắc cử Tổng thống năm 1992. Nhưng ngày đó cô còn nhỏ quá nên có lẽ chỉ vì thấy mẹ khóc cô bé 12 tuổi ấy cũng khóc theo. Lần khác, cô cũng đã xúc động đến trào nước mắt trong vòng tay và những lời chúc tụng của bố mẹ và bạn bè trong buổi lễ tốt nghiệp tháng Sáu năm 1997 sau khi hoàn tất học trình bốn năm tại Sidwell Friends High School. Nếu lần chia tay với anh chàng Matthew cách đây hai năm, và với anh chàng Jeremy chỉ cách đây hai tháng không làm cho cô phải sụt sùi thì quả là trước giờ nước mắt cô đã chỉ trào ra vì những cảm xúc vui sướng.

Chelsea không phải là cô gái xinh đẹp lắm. Cô có khuôn mặt hơi dài, miệng cô lại hơi rộng, nhất là khi cười trông càng rộng hơn, để lộ hàm răng trắng bóng, đều dặn. Vẻ mặt cô lúc nào trông cũng có vẻ tươi tắn, có lẽ nhờ cô hay cười. Đôi mắt thường mở lớn khi ngắm nhìn sự vật, và như có chút gì rụt rè. Mớ tóc vàng hoe của cô cũng khá đặc biệt với những lọn tóc xoăn tít thả xuống quá vai. Chừng ấy đặc điểm chắc là chưa đủ để tạo sức hút những đôi mắt nhìn ngắm. Nếu cô có được chú ý chẳng qua vì cô là "First Daughter", ái nữ duy nhất của một ông Tổng thống Mỹ đầy quyền lực. Tuy nhiên, có thể nói được là cô có một vẻ đẹp tự nhiên, không màu mè kiểu cách, và tính tình cô cũng tự nhiên, không che dấu ngụy tạo, như thể trời sinh ra cô thế nào thì cô cứ là như vậy, khiến cô dễ chiếm được cảm tình của nhiều người. Ở trường học, những bạn bè đều nói là cô dễ thương và khá thông minh.

Những đoạn nhật ký tiếp theo sau đó không thấy đề cập gì đến chiếc lược nhôm ấy nữa, chiếc lược Chelsea đã để lạc chỗ nào tìm mãi không thấy. Tôi không rõ là về sau này cô có tìm ra được chiếc lược đó,

có còn nhớ đến nó, hay cô đã quên nó như đã quên đi những dấu vết, những tàn tích của một cuộc chiến tranh đáng cho đi vào quên lãng. Có thể là cô cũng sẽ tiếc nhớ nó trong ít phút, rồi thôi, chứ không đến nỗi ra ngẩn vào ngơ. Có chuyến đi nào mà cô lại chẳng mang về những đồ vật kỷ niệm lỉnh kỉnh. Rồi cô cũng chỉ cất giữ được chúng trong một thời gian, trên đầu tủ, đầu giường, hay ngổn ngang trong những ngăn kéo, hộc tủ. Trí nhớ cô đâu có thể lưu trữ tất cả mọi thứ, mọi chuyện. Thành thử, những kỷ vật ấy có tồn tại hay biến mất cũng không mang ý nghĩa gì đặc biệt cho lắm, và chắc chắn là cũng không mảy may làm xáo trộn nếp sinh hoạt thường ngày của cô. Chiếc lược nhôm ấy, cũng như bao kỷ vật khác cô đã thu nhặt được trong những chuyến đi, cô sẽ dễ dàng quên đi thôi, như sẽ quên tất cả mọi chuyện trong những ngày ở Việt nam vừa qua. Cô còn nhiều chuyện quan trọng hơn để làm, còn nhiều vật đáng giá hơn thế nữa để tiếc, để nhớ.

Ở một tấm ảnh khác, Chelsea đang tươi cười ngồi cạnh Jeremy trong thánh lễ đón mừng tân thiên niên kỷ cử hành tại một thánh đường ở New York. Hơn Chelsea một tuổi, anh chàng Jeremy Kane trông khá điển trai không kém gì ông Clinton thời trai trẻ, là bạn học của Chelsea trong năm cuối ở Stanford, và còn là một tay bơi lội có hạng trong đội bơi của trường. Jeremy còn là một intern làm việc tại phòng soạn thảo diễn văn ở Tòa Bạch ốc từ mùa hè năm ngoái. Đây không phải là tấm ảnh mới vì hai người đã chia tay nhau vào tháng Chín vừa rồi, và một trong những lý do là sở thích đôi bên có chỗ khác biệt: anh chàng Jeremy này tỏ ra ham thích và theo đuổi ngành chính trị, trong lúc Chelsea lại chẳng có chút hứng thú gì với cái môn đó. Trong ảnh, tôi còn thấy tình yêu lấp lánh trong mắt nhìn của Chelsea hướng về Jeremy.

Tấm ảnh mới nhất của Chelsea, ít ngày sau chuyến đi Việt nam mà Nghĩa in ra được cho tôi là ảnh chụp Chelsea trong dáng điệu "phấn khởi, hồ hởi", đang hăng hái cầm dao và nĩa xẻ thịt chú gà tây trên bàn ăn trong ngày Lễ Tạ Ơn ở trại David, Maryland. Đôi mắt mở lớn, chiếc miệng rộng và nụ cười rạng rỡ, thoải mái lại nở rộ trên khuôn mặt cô. Cùng với gia đình, cô sẽ "tạ ơn" những gì đây trong ngày lễ đó. Tạ ơn bà mẹ vừa được bầu vào chức vụ dân cử mới khi sắp sửa từ bỏ danh vị "First Lady". Tạ ơn ông bố được bình yên, tai qua nạn khỏi sau hai nhiệm kỳ tám năm nhiều sóng gió. Tạ ơn sau vài chuyện lục đục giữa bố và mẹ, gia đình cô vẫn cứ là một gia đình hạnh phúc. Tạ ơn những người bạn trai dễ mến đã tạt ngang qua cuộc đời cô, đã mang đến cho cô chút tình yêu đầu đời, rồi lại lặng lẽ xa cô vì đã không đi chung được một đường với cô. Tạ ơn gia đình cô vừa trở về an lành sau một chuyến đi xa.

Nhớ lại chuyến đi ấy, liệu cô có tạ ơn đất trời về cái may mắn là gia đình cô đã không phải đính dấp và chịu đựng những hệ quả của cuộc chiến tranh nghiệt ngã đã gây nhiều thương tổn cho biết bao nhiêu gia đình người Mỹ khác. Cuộc chiến tranh nào cũng đều là mất mát, là chết chóc, là hủy diệt, là tàn bạo, dù ở phía nào của cuộc chiến. Nếu cô ra đời sớm hơn chừng một phần tư thế kỷ, hẳn cô đã nhìn thấy rõ hơn bộ mặt khó thương của cuộc chiến tranh ấy, và có khi cô sẽ phải lựa chọn đứng về phía nào của cuộc chiến. Không giống như là những lựa chọn trong tình yêu đâu. Tất nhiên trong tình yêu, cô khó có thể yêu cả hai chàng Matthew và Jeremy cùng một lúc, nhưng vẫn có thể yêu hơn yêu kém nhau chút đỉnh, nếu cả hai đều đáng yêu. Còn trong chiến tranh thì không thể nào có chuyện đó, mà chỉ có yêu và ghét, hai phía đối nghịch. Một khi cô đã yêu bên này thì cô phải ghét bên kia, và phía bên kia sẽ là thù địch. Cũng không thể có chuyện vừa yêu vừa ghét, theo kiểu "giận mà thương" được. Hoặc yêu hoặc ghét, không có sự lựa chọn nào khác.

Trong những giờ phút *enjoy* bữa tiệc gà tây cùng với gia đình, tôi chắc là Chelsea đã chẳng còn nhớ gì nữa. Sau bữa tiệc này, cô sẽ phải gấp rút trở lại với những chồng sách vở ở trường học sau khi đã nghỉ một mùa *fall quarter* để được ở gần bố nhiều hơn trong những tháng cuối cùng của nhiệm kỳ Tổng thống, và để theo phụ giúp mẹ trong mùa vận động tranh cử ở New York vừa rồi. Rất nhiều thứ đang chờ cô phía trước. Cô sẽ rất là bận rộn trong năm học cuối ở ở Stanford để chuẩn bị cho ngày ra trường mùa xuân năm tới. Rồi sau đó lại còn phải sửa soạn cho quarter đầu tiên ở ngôi trường mới Oxford University nữa chứ, ngôi trường bố cô từng theo học nhiều năm trước đây. Con đường trước mặt cô còn dài thật dài, và cô cũng sẽ còn nhiều chuyến đi xa kỳ thú khác.

Sắp tới đây ông Clinton sẽ không còn là Tổng thống nữa. Hai nhiệm kỳ tám năm rỡng rã của ông chỉ còn lại những ngày tháng phù du. Có thể là sau khi về vườn ông sẽ dành thì giờ để viết sách, viết hồi ký, hoặc sẽ đi rảo rảo diễn thuyết chỗ này chỗ kia để kiếm chút tiền còm tiêu vặt. Cũng có thể là ông sẽ làm một chuyến giang hồ đây đó, và biết đâu ông lại chẳng ghé thăm Việt nam thêm một lần nữa không chừng, để lại bắt tay thêm một lần nữa những người trẻ của một đất nước mà lớp tuổi dưới 30 chiếm đến hơn 60 phần trăm dân số. Lớp tuổi mà đối với họ, chiến tranh đã đi qua như một kỷ niệm buồn. Chẳng ai muốn gợi lại mãi những kỷ niệm buồn. Những chương sách cũ đã khép lại. Những người trẻ tuổi lớn lên sau chiến tranh, họ muốn viết tiếp những chương mới, muốn những đổi thay cho đất nước họ. Và Clinton, ông đã được đón chào nồng nhiệt, được hăm hở, vồ vập bắt tay vì ông đáp ứng được lòng

mong mỏi, khát khao của họ. Và ông cũng dễ dàng chia sẻ với họ những hoài bão, những ước mơ lớn lao làm nên những chuyện quốc gia đại sự để mang về một vận hội mới cho đất nước, cho dân tộc họ. Ông là biểu tượng của tự do và nhân quyền, và cả sự trẻ trung, tiến bộ và đổi thay nữa. Ông Clinton còn trẻ lắm khi mới đắc cử Tổng thống nhiệm kỳ đầu, và đến bây giờ trông ông cũng vẫn còn trẻ trung. Ông đã làm việc sôi nổi, đã yêu sôi nổi. Ông cũng chẳng phải tài cao đức rộng gì cho lắm, mà có đủ cả hai mặt tốt xấu lẫn lộn theo cái nghĩa "nhân vô thập toàn", chưa kể có lắm chuyện bê bối như ông cũng từng thú nhận. Người Mỹ không *care* lắm chuyện đó, miễn ông làm được việc, và quả là ông đã làm được việc. Người Việt cũng chịu ông và tỏ ra ngưỡng mộ ông, nhất là giới trẻ, vì họ cảm thấy ông gần gũi với họ, và vì họ cũng muốn được thành công như ông vậy. Ông Clinton hẳn cũng thấy được điều đó trên những đường phố ở Việt nam qua những tiếng reo hò, những cánh tay vẫy, những tràng pháo tay, những tiếng kêu lớn tên ông đầy khích động, và khi đến gần họ hơn, ông còn nhận được những bàn tay siết chặt, những ánh mắt đồng tình, những nụ cười đồng cảm. Không có ai nháy mắt hay kề tai ông nói nhỏ điều gì, nhưng mà ông thấy được, nghe được, hiểu được. Ông đã có chủ đích trong chuyến đi, đã gặp gỡ được những đối tượng cần gặp gỡ. Chuyến đi lịch sử của ông Clinton mai đây sẽ chỉ còn lại những tấm ảnh kỷ niệm; thế nhưng, nếu đó là một trong những kỷ niệm khó quên trong cuộc đời làm chính trị của ông, có lẽ ông vẫn muốn đi tìm lại những kỷ niệm ấy. Bắt tay những người trẻ thêm một lần nữa, những người trẻ xấp xỉ tuổi con gái ông, có lẽ ông Clinton cũng chỉ muốn vậy nếu còn dịp nào ghé lại Việt nam. Nếu chỉ vì muốn ăn thêm tô phở nữa, ông đâu có cần phải đi xa đến vậy. Ngay tại đây lúc nào cũng sẵn có, ngon hơn nữa là khác.

Sắp tới đây Chelsea cũng chẳng còn là "First Daughter" nữa. Nhưng điều đó cũng đâu có gì quan trọng, và chắc là cô cũng chẳng thiết tha gì với cái danh vị đó. Chắc chắn một điều là nhiều người vẫn còn nhớ đến cô, và vẫn còn nhớ đến những giọt nước mắt cô trong chuyến đi Việt nam vừa qua. Những giọt nước mắt hiếm hoi ứa ra nơi khóe mắt cô gái Mỹ đang sống giữa những tháng năm tươi đẹp nhất của một đời người. Cô đang sống những năm tuổi đôi mươi, tuổi thanh xuân, tuổi hoa bướm, tuổi mộng mơ, tuổi ngọc tuổi ngà hay tuổi gì gì đó, trên một đất nước từng được gọi là "the land of dreams". Chắc hẳn là cô cũng từng có những giấc mơ. Một trong những giấc mơ của cô, tôi nhớ ra có đọc ở đâu đó, là được trở thành bác sĩ chuyên khoa chữa trị bệnh tim cho trẻ em. Cô yêu trẻ em, và cô cũng yêu thú vật. Cô không hiểu rõ chiến tranh

Việt nam lấm như cô từng thú nhận. Cô cũng không cần biết đến chiến tranh là gì, cô chỉ thấy nó thật là vô nghĩa, như một việc làm độc ác nhất trong số những việc làm độc ác, như ở đất nước cô người ta chẳng bao giờ đánh đập thú vật cả, như cô vẫn chỉ yêu và vuốt ve chú Buddy thân thiết vẫn cứ hay luẩn quẩn bên cô, như mọi người vẫn mỉm cười và say hi với những người quen và không quen khi gặp nhau ở ngoài đường. Một người trẻ tuổi nào đó trong đám đông những người trẻ tuổi trên đường phố Saigon đã gọi lớn tên cô, cô quay đầu tìm kiếm, và cô ngoắc ngoắc tay chào tất cả. Cô cũng đã mỉm cười và say hi với họ bằng chiếc miệng rộng của cô. Chiếc miệng cô quả là có hơi rộng một chút nhưng cũng chẳng sao, vẫn cứ tươi tắn, vẫn cứ đẹp như thường vì đã được gắn lên nó nụ cười thân ái. Thế là đủ. Cô đã khóc và rồi cô lại cười. Cầu cho những bóng mây buồn bã sẽ chỉ thoáng hiện trong phút giây thôi, rồi sẽ nhanh chóng bay đi, trả lại cô bầu trời xanh ngắt trong khuôn viên đại học Stanford ngày cô trở lại trường. Hãy quên đi, quên đi nhé, Chelsea. Nhìn lại tấm ảnh cô lần nữa, nhìn lại ngấn lệ đọng trên má cô lần nữa, tôi muốn nói nhỏ với cô theo lối nói thông thường của người Mỹ: *"That's OK, Chelsea. It's over. Everything will be fine."*

Tôi cẩn thận lấy kéo cắt rời tấm ảnh mầu được Nghĩa in ra từ Internet. Chỉ là tấm ảnh cắt ra trên giấy, nhưng cũng OK, có còn hơn không. Trong bộ ảnh sưu tập của tôi vừa có thêm tấm ảnh mới, tấm ảnh mà Nghĩa đặt tên là "Giọt Lệ Chelsea".

Lê Hữu

Chúc mừng tân khoa

Chúng tôi vừa nhận được thiệp của Anh Chị **Nguyễn Kim Tường** ở Wichita, Kansas báo tin Cháu

James Kỳ Nguyễn

tốt nghiệp bác sĩ y khoa tại Đại học Midwestern Chicago.
Lễ đăng khoa được cử hành ngày 2 tháng Sáu năm 2001.

Nhân dịp vui mừng này, chúng tôi xin thành thật chia vui cùng Anh Chị Nguyễn Kim Tường, và chúc cháu James Kỳ Nguyễn được thành công mỹ mãn trên đường sự nghiệp.

Ông Bà Dương Thành Phòng

Phùng Nguyễn:
Nhà văn đi tìm hy vọng ở phía sau?

Triều Hoa Đại thực hiện

Triều Hoa Đại (THĐ): *Hứa hẹn với ông từ lâu là thế nào chúng ta cũng "phải" ngồi lại chuyện vãn với nhau một đôi điều. Vậy mà mãi đến hôm nay cơ duyên mới tới. Vậy thì, theo ông chúng ta nên bắt đầu từ chỗ nào đây?*

Phùng Nguyễn (PN): Bắt đầu từ chỗ chúng ta chưa khởi sự.

THĐ: *Thế thì cái khởi sự là xin ông một đôi dòng tiểu sử.*

PN: Tôi sinh tại Quảng Nam, dời vào Sài gòn từ năm 1964, sau đó nhập ngũ vào năm 1968. Định cư tại Hoa kỳ từ năm 1984. Hiện sống và làm việc tại California, Hoa Kỳ. Tôi bắt đầu viết lách từ cuối năm 1994 và đã cộng tác với các tạp chí Văn, Văn Học, Hợp Lưu, Thế Kỷ 21, VHNT Liên Mạng, Việt ...

THĐ: *Mới đây tạp chí Hợp Lưu có đăng một truyện ngắn của ông mang tựa đề: Dựng Truyện, người đọc thấy nó lạ lắm, "nó" lạ từ khi khởi đầu cho đến lúc kết thúc, ông có cho là lời nhận xét ấy là đúng không?*

PN: Bảo nhận xét của người đọc đúng hay sai là một điều vô cùng chủ quan. Hơn nữa, như thế nào là lạ? Cốt truyện hay cách sử dụng từ

ngữ? Là tác giả, tất nhiên tôi không cảm thấy ngạc nhiên về những điều mình viết ra. Ngay cả cái tựa cũng vậy. Có thể đặt là "Bịa Chuyện" hay ..."Chuyện Dựng Đứng" cũng không sao hết. Truyện này nằm trong loạt truyện "Nhà Cho Thuê," một trò chơi trong đó các tác giả phải tuân thủ một số quy luật nhất định khi dàn dựng cốt truyện. Tôi là một trong những người cuối cùng được mời tham dự trò chơi, và thời gian còn lại để nộp bài quá ngắn cho một người chậm chạp như tôi, nên tôi nghĩ mình nên dùng cái cốt truyện có sẵn (do những người đề xuất trò chơi "Nhà Cho Thuê" nghĩ ra), thêm thắt một vài chi tiết, làm cho ra vẻ giật gân một tí ở đoạn cuối, thế là thành truyện. Không lẽ điều này đã làm cho truyện ... lạ đi chăng?

THĐ: *Vâng, cũng vẫn trong Dựng Truyện, nhân vật chính (có lẽ là như vậy) đã nói: "đám nhà văn mấy người chỉ giỏi việc bầy trò quỷ quái", hay "nhà văn mấy người chỉ việc vẽ rắn thêm chân". Ở ngoài đời cũng có ít, nhiều người cùng nhận xét như thế. Là nhà văn ông nghĩ thế nào?*

PN: Thực ra, khi viết tôi đã xem anh chàng xưng "tôi" trong truyện là nhân vật chính. Người phát biểu những điều trên là người đàn bà chủ nhà. Và bà ta chỉ nói những điều đó trong lúc thất vọng hoặc giận dữ mà thôi. Những lúc như vậy người ta hay thất thố trong ngôn ngữ, cử chỉ, hành động. Ai nỡ chấp nhất người (hay ngay cả nhân vật hư cấu) trong hoàn cảnh đó làm chi! Ở ngoài đời ư? Nếu "trò quỷ quái" chỉ nhằm vào mục đích lòe bịp người đọc về khả năng [nghệ thuật] của mình thì tôi nghĩ là không nên, và tôi cũng hiếm thấy nhà văn (nhà thơ, nhà vẽ tranh, nhà soạn nhạc...) nào bày trò này. Còn "vẽ rắn thêm chân," nếu được hiểu như là một cung cách sáng tạo, thì nên lắm chứ. Vấn đề là "vẽ" như thế nào để thuyết phục người đọc tin là quả thực có một hay nhiều con rắn có chân.

THĐ: *Thế mỗi lần ngồi vào bàn viết ông đã nghĩ đến cái gì nào, chẳng hạn phải viết những gì của hôm nay phải khác với cái đã viết hôm qua, hay vẫn chỉ là làm đầy trang giấy,(một ngày như mọi ngày)?*

PN: Tất nhiên là để (không phải vẫn chỉ để) làm đầy trang giấy chứ. Càng nhiều trang càng .. tốt! Nhưng nhất định không phải theo kiểu "một ngày như mọi ngày." Tôi luôn khâm phục những người có khả năng làm việc theo một thời khắc biểu nhất định, phải ngồi viết hai

tiếng đồng hồ (hay hai trang giấy) mỗi ngày chẳng hạn. Tôi không làm được điều này. Có khi thức rất khuya mấy đêm liền, có khi cả tháng trời không nặn ra được một chữ. Khi viết thì nghĩ đến những điều mình muốn viết xuống, nhất là cố nhớ lại những ý tưởng đã mọc ra trong đầu trước đây khi bắt đầu xây dựng truyện. Thường thì chúng bay đi đâu mất, và tôi thì chẳng bao giờ sắm được một cuốn sổ tay và cây bút chì!

THĐ: *Trong "Tháp Ký Ức" tập truyện xuất bản vào năm 1998 ông đã "tranh luận gay gắt" và không đồng ý với cô Tố Quyên : "Hy vọng luôn luôn hướng về tương lai", ông thì: "hy vọng không nhất thiết phải hướng về tương lai". Nếu như có những độc giả cũng không đồng ý với "... cái lý luận... ba láp" ấy thì ông nghĩ thế nào?*

PN: Tôi nghĩ sẽ không có gì ghê gớm xảy ra. Tôi tin rằng độc giả đã được nhắc nhở cẩn thận về tuổi đời của "nhà lý luận" được nhắc đến ở đây.

THĐ: *Cho rằng hai anh em nhà kia đi tìm vàng là đi tìm những gì đã được cất giấu ở quá khứ, như vậy có nghĩa là họ đang đi tìm hy vọng ở phía sau. Vâng, cứ tạm đồng ý như vậy đi, vậy thì tôi xin hỏi ông: khi quyết định rời bỏ tổ quốc ra đi, phải chăng ông đi tìm : Hy vọng ở sau?*

PN: Có vẻ như "Tháp Ký Ức," một trong những truyện đầu tiên của tôi, có một duyên nợ đặc biệt với tôi thì phải. Ngay cả hai nhà văn Nguyễn Mộng Giác và Nguyễn Xuân Hoàng cũng chọn nói về truyện này khi viết lời giới thiệu cho tập truyện ngắn cùng tên. Bây giờ đến phiên nhà thơ Triều Hoa Đại. Tôi nghĩ đây là dịp tốt để chia sẻ với ông về "Tháp Ký Ức." Tôi chỉ viết xuống một kỷ niệm thời tuổi nhỏ. Cô Tố Quyên có thực. Huỳnh Quang Thước (không phải Huỳnh Bá Thước như tôi đã nhớ lầm) có thực. Truyện "Vàng Tháp Hời" của Vũ Hạnh có thực. Và những lời đối thoại giữa cô Tố Quyên và cậu bé học trò có thực, cho dù có thể không đúng từng câu từng chữ. Trước hết, tôi không nghĩ cái lý luận ngang ngược của cậu học trò tỉnh lẻ đã gây nhiều ấn tượng cho người đọc. Tôi cho rằng chính cái câu hỏi ở đoạn kết của truyện đã để lại một chút băn khoăn trong lòng một số người đọc. Xin phép được nhắc lại ở đây phần cuối truyện:

Bây giờ là sáu giờ sáng. Tôi có thói quen dậy sớm, ngồi một mình ở chiếc bàn ăn nhỏ. Trước mặt tôi là ly cà phê nóng với cái hương vị lai căng – cà phê bột của Mỹ và sữa đặc có đường hiệu Ông Thọ – và điếu

thuốc lá đầu ngày. Có lần tôi đọc một truyện ngắn, của Võ Phiến, về một ngọn đèn vàng ở một góc cầu thang nào đó đã nhắc nhở tác giả về một ánh đèn vàng ở một nơi chốn khác trong quá khứ. Ngọn đèn đã như chiếc chìa khóa thần diệu mở ra một ngăn kéo của ký ức, ở đó tác giả tìm thấy lại hình ảnh của người tình chìm khuất. Còn tôi? Chìa khóa nào đã mở ra cho tôi tuổi hoa niên, ngôi tháp Chàm đổ nát, mái trường thân yêu, những cái tên đã tưởng không bao giờ còn nhớ nổi, nụ hôn đầu đời sướng tê người, chùm hoa phượng đỏ rực, và những con sâu đo gớm ghiếc? Tôi không biết. Tôi chỉ biết cám ơn cái quyền lực huyền nhiệm nào đó đã cho tôi khả năng sống lại những kỷ niệm xa xưa. Tôi mong một ngày nào đó được gặp lại Thước để xin hắn tập thơ hắn làm cho cô Tố Quyên vào năm mười hai tuổi, nếu hắn còn sống và còn giữ tập thơ. Tôi cũng rất mong gặp lại cô Tố Quyên để hỏi cô một lần nữa "Phải chăng hy vọng chỉ hướng về tương lai?" Nếu phải thì buồn quá, bởi vì chẳng lẽ những ngăn kéo ký ức tôi mở ra cùng với ly cà phê lai căng và điếu thuốc đầu ngày chỉ chứa có mỗi một niềm tuyệt vọng thôi sao?

Thử phân tích câu kết. Câu hỏi dựa trên một luận đề nguy hiểm: cái gì không phải là "hy vọng" thì nhất định phải là "tuyệt vọng," và bởi vì hy vọng chỉ thuộc về tương lai cho nên quá khứ đồng nghĩa với tuyệt vọng. Đây là một câu hỏi có tính cách cưỡng từ đoạt lý. Hoặc vẽ rắn thêm chân. Không thể nói là tôi không cảm thấy thích thú khi một số độc giả tin rằng quả thực có một con rắn có chân.

Về câu hỏi của ông, tôi không nghĩ quá khứ chỉ là niềm tuyệt vọng. "Nó" có những giá trị nhất định mà chúng ta có thể mang theo khi hướng về tương lai. Như nhà văn Nguyễn Mộng Giác đã viết trong phần giới thiệu, "Quá khứ cũng là một kho tàng cho hy vọng, nếu chúng ta biết dùng quá khứ." Tôi không đi tìm hy vọng ở phía sau, tôi chỉ muốn lấy làm chắc là mình không quên mang theo những gì nên mang theo.

THĐ: *Lại nữa, trong truyện ngắn mang tựa đề: Cành Lê Hoa Mùa Đông (vẫn trong Tháp Ký Ức) ông đã viết: "những chiếc lá non lại uốn éo, chen lấn, xô đẩy nhau trên cành. Những chiếc lá non của mùa xuân, của hy vọng..." Nếu quả đúng như ông viết thì rõ ràng hy vọng chỉ có thể tìm thấy ở tương lai. Vậy thì, nếu thật lòng nghĩ lại (đôi khi) ông có thấy là mình đã mâu thuẫn với chính mình không?*

PN: Hoàn toàn không. Thứ nhất, "Cành Lê Hoa Mùa Đông" và "Tháp Ký Ức" là hai truyện ngắn độc lập. Thứ hai, ngay cả khi hai nhân

vật này được nằm trong một truyện, phát biểu/suy nghĩ của họ cũng không khiến tôi cảm thấy mâu thuẫn với chính mình. Tôi tin rằng có một khác biệt lớn về kinh nghiệm và tư tưởng giữa một cậu bé nghịch ngợm mười hai tuổi và một người đàn ông trung niên vừa trải qua những biến động tình cảm to tát trong đời sống. Tôi cũng tin rằng người viết, nếu có thể, nên cố gắng đặt mình vào vị trí của nhân vật, không phải điều ngược lại.

THĐ: *"Nhà văn là kẻ mơ mộng giữa thế gian phàm tục và thời thế phàm tục", ông hiểu câu nói này như thế nào. Và, ông đã "mơ mộng" ra sao mỗi khi ngồi vào bàn viết?*

PN: Hoàn toàn không hiểu. Chỉ cảm thấy người nói/viết câu này có vẻ đặt mình lên trên thế gian [phàm tục] và thời thế [phàm tục]. Một "thế ngoại cao nhân" chăng?

Mơ mộng? Tôi có thể mơ mộng bất kể nơi chốn và giờ giấc. Như vậy đời sống có vẻ dễ chịu hơn. Trước khi viết, tôi mơ mộng mình sẽ viết một truyện ngắn hay vô cùng, giấc mơ tàn lụi dần khi ngồi vào bàn, và tan vào hư vô khi viết xong!

THĐ: *Ông và tôi, hai ta đang ngồi chuyện vãn về văn chương, thế sự. Nhưng có điều rất ư là sơ sót nếu như chúng ta không "đả động" gì đến mảnh đất nghèo khó ở bên kia đại dương đã sinh ra mình. Thế thì tôi xin hỏi thực, có khi nào ông nghĩ là bằng vào ngòi viết và tài trí một ngày kia ông sẽ làm thay đổi được vận nước suy tàn, đạo đức con người mỗi một chênh vênh?*

PN: Tôi hở? Tôi thực không dám! Ngay cả Cao Hành Kiện xem ra cũng không đương nổi câu hỏi này. Saramago cũng không. Jean Paul Sartre hoặc Albert Camus thì may ra. Nhưng họ đã trở về với cát bụi, và trái đất vẫn quay. Tôi nghĩ người ta hay thổi phồng khả năng "cải tạo thế giới" của văn chương.

THĐ: *Ông có cho rằng: "đất nước của chúng ta có thể khá được nếu như không có quá nhiều nhầm lẫn"?*

PN: Tôi nghĩ ai cũng có thể trở nên khá hơn nếu không lầm lẫn.

THĐ: Muốn tránh đi những "nhầm lẫn" ấy thì theo ông đất nước

của chúng ta phải làm những gì?

PN: *Tôi quả thực không biết. Tôi cho rằng tôi đã có nhiều lầm lẫn trong đời sống, và vẫn còn đang loay hoay chưa biết làm sao để khắc phục những hậu quả của chúng và để tránh né những lầm lẫn mới trong tương lai. Nói chi tới chuyện nước non. Câu hỏi này thích hợp cho một chính khách hơn là cho một người viết không chuyên như tôi.*

THĐ: Theo nhà văn Nguyễn Mộng Giác thì:" viết truyện ngắn hay dài, tác giả mặc sức "giả dạng vô danh". Ông thấy "vấn đề" này như thế nào?

PN: Nhà văn Nguyễn Mộng Giác, trong Lời Vào Tập của cuốn tùy bút "Đó Đây" của nhà văn Trúc Chi, quả thực có viết như thế. "... tác giả mặc sức 'giả dạng vô danh' núp đằng sau các nhân vật để nói cho đã miệng mà không phải chịu trách nhiệm gì hết." Tôi sẽ cảm thấy nhận định này hơi khắt khe nếu chúng ta cố tình tách nó ra khỏi toàn bộ bài viết. Tôi nghĩ chủ ý của tác giả chính là để làm nổi bật sự khó khăn của thể tùy bút khi so sánh với các thể loại văn xuôi khác. Dù sao thì nhà văn Nguyễn Mộng Giác cũng đã đưa ra một vấn đề: trách nhiệm của người viết về những điều do mình viết ra. Đây là một đề tài lớn, theo ý tôi, dễ gây tranh luận và khó đưa đến một kết quả có thể làm hài lòng mọi người. Cũng theo ý tôi, người viết chỉ nên chịu trách nhiệm với chính mình mà thôi. Cảm nhận và suy diễn của độc giả thường bị ảnh hưởng bởi các yếu tố chủ quan và khách quan ở ngoài khả năng kiểm soát của tác giả. Tôi đã không cảm thấy mâu thuẫn khi cho phép những nhân vật của mình có cách nhìn khác nhau về từ "Hy Vọng" trong Tháp Ký Ức và Cành Lê Hoa Mùa Đông. Và tôi không nghĩ là mình vô trách nhiệm. Và có thể là ông sẽ không đồng ý với tôi.

THĐ: *Nhà văn là những người "đi trên mây", vậy hôm nay ông hãy vì tôi mà, "đi trên mây" một lần. Ví như trong một giấc mơ (một giấc mơ mới toanh) ông đang đứng giữa thủ đô Hà Nội hùng hồn nói chuyện về văn chương, nghệ thuật với hàng trăm, ngàn độc giả mến mộ. Có người sẽ hỏi về những sinh hoạt như: chính trị, văn hóa ở bên ngoài tổ quốc mà ông đang góp phần trong đó. Ông sẽ trả lời với họ như thế nào, (bao nhiêu phần trăm là sự thực và bao nhiêu còn lại là hư cấu).*

PN: Đây là một đề nghị vô cùng quyến rũ. Chỉ mới nghĩ đến thôi là

đã cảm thấy ... lâng lâng như người đi trên mây rồi! Trong một khung cảnh như thế, tôi còn có thể nói gì khác hơn là những sinh hoạt vô cùng tốt đẹp đã và đang xảy ra bên ngoài tổ quốc. Tất nhiên những điều đó phải là một trăm phần trăm sự thực, bởi vì nếu không, việc "đứng giữa thủ đô Hà Nội hùng hồn nói chuyện về văn chương, nghệ thuật với hàng trăm, ngàn độc giả mến mộ" làm sao có thể xảy đến cho tôi, ngay cả trong giấc mơ kinh hoàng nhất.

THĐ: *Nữ văn sĩ Spôjmai Zariab của A Phú Hãn thì cho rằng: " khi một người rời bỏ xứ sở của mình, trước hết, đó là một mối nhục...", chúng ta cũng phải rời bỏ tổ quốc mà đi, ông thấy "mối nhục" ấy "nó" lớn, bé như thế nào?*

PN: Đây là một câu hỏi gây khó khăn cho tôi rất nhiều. Bởi vì nó buộc tôi phải chấp nhận câu nói/viết của một người A Phú Hãn mà tôi chưa hề quen biết như là một chân lý! Không những vậy, ngay cả khi tôi [tạm thời] chấp nhận như thế, không có điều gì trong câu hỏi giúp tôi xác định được "mối nhục" có từ lúc nào, trước hay sau khi phải rời bỏ tổ quốc. Đó là chưa nói đến "hình thù" của nó. Đành phải giả định là có một "mối nhục" được mang theo từ tổ quốc và kích thước của nó có thể thay đổi trong cái quá trình bỏ nước ra đi. Trong khi không thể hình dung một cách chính xác mối nhục này lớn bao nhiêu, tôi cho rằng nó nhỏ hơn những mối quan tâm khác của người ra đi, sinh mệnh bị đe dọa, tài sản bị trấn lột, tự do cá nhân bị chà đạp chẳng hạn. Khi những mối quan tâm này không còn nữa, kích thước của "mối nhục" có thể có được cơ hội tốt để phát triển cũng không chừng. Về phần mình, nếu quả thực tôi có mang theo một "mối nhục" lớn nhỏ nào đó, tôi đã không cho phép nó lớn thêm tí nào hết. Có nhiều tủi nhục phía trước mà những người tỵ nạn phải gánh chịu khi đặt chân lên xứ người. Những hàng rào ngôn ngữ, văn hóa không thể vượt qua. Những đánh giá tiêu cực về người tỵ nạn do ảnh hưởng của cách nhìn mà tôi cho rằng thiếu công bằng của các sử gia và giới truyền thông thế giới, đặc biệt là tại Hoa Kỳ, về cuộc chiến tranh VN. Có vẻ như không có mấy ai trong giới cầm bút chia sẻ hoặc quan tâm đúng mức đến những điều này.

THĐ: *Vậy thì "đám" nhà văn như các ông phải làm gì để rửa "mối nhục" ấy?*

PN: Ông có vẻ tin rằng những người có chút liên hệ đến công việc

sáng tác phải có một sứ mạng ghê gớm nào đó... Tôi chỉ thỉnh thoảng viết xuống những điều tôi muốn viết, và tôi không cảm thấy mình có đủ khả năng để "tải" những điều trọng đại nào hết. Nghĩ cho cùng, những bài văn bài thơ hào hùng bi tráng nhất nói về những điều lớn lao nhất được viết ra ở mười ngàn dặm bên ngoài biên giới quê hương lắm khi nghe phảng phất âm hưởng khúc Hậu Đình Hoa.

THĐ: *Đọc bài Tựa và Bạt của hai nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng và Nguyễn Mộng Giác trong Tháp Ký Ức, người ta nhận ra ngay là cả hai nhà văn ấy đã đặt và tin tưởng rất nhiều nơi ông. Nhưng cho đến nay ngoài tập truyện đã xuất bản cách đây ba năm, ông chưa xuất bản thêm một tập truyện nào khác, hình như sự viết lách của ông có vẻ chậm lại. Thiếu đề tài hay vì một hay nhiều lý do khác?*

PN: Nếu quả thực hai nhà văn ấy đã có chút hy vọng nào ở tôi, điều này không phải là cá biệt. Là người chịu trách nhiệm một tạp chí văn học, tôi nghĩ rằng họ luôn mong mỏi và khuyến khích những người mới xuất hiện tiếp tục công việc sáng tác và học hỏi để bổ sung vào cái "kho dự trữ" ngày mỗi cạn đi của thế hệ đi trước. Nếu phải làm họ thất vọng, tôi sẽ áy náy lắm. Nhưng có câu 'lực bất tòng tâm'...

Riêng về việc không có thêm tập truyện nào khác sau "Tháp Ký Ức," điều chính yếu vẫn là tình hình trì trệ trong việc tiêu thụ sách của độc giả hải ngoại đã làm tôi cảm thấy ngần ngại. Có lẽ tôi sẽ ra thêm một tập truyện ngắn nếu tôi có thể thuyết phục mình là in sách không phải chỉ để ... bán nó đi để lấy lại vốn.

Đúng như ông nghĩ, tôi quả thực có viết chậm lại, nhất là trong khoảng thời gian gần một năm nay. Chỉ cảm thấy không viết được trong lúc này, vậy thôi.

THĐ: *Hình như nhân vật tiểu thuyết của ông và ngay cả chính ông nữa không mấy có cảm tình với những nhà thơ, bằng chứng là trong truyện Quán Đêm ở phần kết ông đã viết" Em ghét hết những người cắt cỏ. Em sẽ để cỏ nhà em mọc ngập lối, cao đến vai người, cho mấy người cắt cỏ...thất nghiệp luôn, phải bỏ nghề mà đi... làm thơ hết trơn".*

Ông trả lời ra sao thì tùy sức ông, nhưng tôi đoan chắc là sẽ giữ bí mật không tiết lộ ra ngoài. Nào, xin mời ông ...

PN: Nhận xét của ông quả thực là bất ngờ! Tôi không thấy điều gì trong câu nói [có phần nũng nịu] của cô bé học trò có thể giúp bất cứ ai

đưa đến một kết luận như thế. "Quán Đêm," không nhiều thì ít, là một truyện tình, và tôi chỉ muốn người đọc nghĩ đến những điều như "Yêu em, yêu em, anh làm thơ..." mà thôi. Có vẻ như tôi đã thất bại thê thảm trong "mưu đồ" này. Nếu phải phân trần, tôi chỉ có thể nói rằng nếu quả thực tôi có hoặc không có cảm tình với một ai đó, nhất định phải là vì họ đáng yêu hay đáng ghét trong cách nhìn của tôi, không phải vì họ làm hay không làm thơ. Nếu ông còn chưa yên tâm, tôi đành phải tiết lộ điều này, chỉ xin ông vui lòng giữ kín cho: Tôi trước đây cũng năm thì mười họa [tập] làm thơ, có điều dở quá nên giấu biệt. Chẳng lẽ "thi sĩ" Phùng Nguyễn lại đi ghét bỏ chính mình?

THĐ: *Thế còn những người cắt cỏ họ đã làm gì nên tội để ông và nhân vật tiểu thuyết của ông "thâm thù" họ đến như thế?*

PN: Ông gán cho tôi và nhân vật của tôi cái tội nặng quá. Giả dụ như cô bé trong truyện nói "Em ghét hết những người thợ máy. Em sẽ để chiếc xe cà tàng của em nằm han rỉ trong nhà chứa xe để cho những người thợ máy thất nghiệp luôn, phải bỏ nghề mà đi... làm thơ hết trơn." Hoặc "Em ghét hết những người bác sĩ/kỹ sư/thiền sư/doanh gia..., v.v..." thì tôi và cô ấy sẽ "trở nên" thâm thù tất cả những người ấy hay sao? Có vẻ như ông cho rằng một người cắt cỏ thì không nên làm thơ chăng? Hoặc giả ông cho rằng cô bé đã chạm đến phẩm giá của thi sĩ khi liên kết họ với người cắt cỏ? Tôi không biết người ta phải làm gì trước khi trở thành thi sĩ, tôi chỉ cảm thấy có một sự gần gũi giữa người cắt cỏ và người làm thơ: làm dẹp cái mà họ mó tay vào. Tôi không có lý do "thâm thù" những người như thế, thưa nhà thơ Triều Hoa Đại.

THĐ: *Hai ta nãy giờ nói chuyện cũng đã lâu, trời chiều đã "bảng lảng bóng hoàng hôn" rồi đấy, thôi phiền ông giúp tôi kết thúc cho buổi nói chuyện hôm nay.*

PH: Xin cám ơn ông đã tạo cơ hội để chúng ta trao đổi với nhau một cách thú vị hôm nay.

THĐ: *Xin cám ơn nhà văn Phùng Nguyễn.*

Thơ Nguyễn Nam An

Nguyễn Vy Khanh

Thơ Nguyễn Nam An đã đến với người đọc từ nhiều năm nay; riêng với tôi, những Hòa Ninh, Nam Ô... trong thơ anh đã khơi dậy ở tôi một thời rất tiềm thức xa xôi từng có mặt ở những nơi chốn đó, v.v.; những hình ảnh phượng tím, những hàng khuynh diệp của Irvine đã trở nên gợi hình đến làm ray rứt người sống đời tha hương; những tiếng đạn pháo của cuộc chiến, những chuyến hành quân ở nhiều địa danh quen thuộc của Vietnam War, ... làm sống lại những sống sót rùng rợn, hiểm nghèo trong tâm khảm ký ức tôi - những kỷ niệm đã có người muốn quên, đã xem như tiền kiếp! Qua thơ Nguyễn Nam An - cũng như thơ truyện một vài cây viết trẻ khác, người đọc có thể đọc cho mình, cảm cho chính mình. Tình tứ, tư duy, hình ảnh, nơi chốn của Nguyễn Nam An có thể đã thân thiết với người đọc! *Tôi Chim Ngủ Dậu Cành Xanh, Thức, Buồn Chi* rồi *Biển Thuở Chờ Ai* và *TiCi* đã để lại nơi tôi nhiều ấn tượng và cảm xúc tôi sẽ thử ghi lại ở đây !

Trước hết, tôi có cảm tưởng Nguyễn Nam An và tôi tuổi tác có gần gũi và có cái tương đồng đã sống một cuộc đời chưa... đủ trên đất nước quê hương, nói cách khác, sống ở xứ người lâu dài hơn trên quê hương mình! Bốn tập thơ của Nguyễn Nam An là những bản «đông dao» vừa là «tuyên ngôn» của một thế hệ bị... nướng, không tiếng nói, thế hệ «bất trẻ đồng xanh» - nếu có thể dùng lại ý và chữ của J.D. Salinger ở đây (Thật ra *Catcher in the Rye* là những va chạm thế hệ và với phái nữ trong hành trình đời của anh chàng Holden Caufield, ở một nước Mỹ nhiều

độc đoán ý thức hệ và luân lý thời sau thế chiến hai):

«(....) *Ước gì tuổi xanh xa đó*
Trở về anh chạy theo chơi...» (Theo Chân Xuống Phố).

Tuổi xanh, tháng xanh, cành xanh,... chiếm nhiều trang thơ của Nguyễn Nam An nhất là trong tập *Tôi Chim Ngủ Đậu Cành Xanh*. *"Trả lại cành xanh tháng ba thức dậy / Còn lại gì trời đất rộng, chân đi"* (Trả Lại Cành Xanh); *"Nhớ trăng trên cành xanh / Đẫm sương thành phố lạ"; "Neo tình trên những cành xanh"* hay *"Nghênh ngang đầu núi cành xanh nhớ gì"*, v.v.

1

Hành trang vào đời thường bắt đầu bằng tình ái. Thật vậy, tình yêu chiếm nhiều trang nồng nàn sự sống của Nguyễn Nam An, và chắc đã chiếm hết trang tiểu sử, hết cả chỗ riêng của bản thân nhà thơ. Tình suốt đời, suốt ngày tháng, nơi mái trường, trên đường hành quân, trên đường đi, ở ngọn đèn đỏ lưu thông cuối đường, những con đường một chiều, hai chiều, khi đổ xăng, khi ngoài bãi biển, ... Tình khởi từ Quế Sơn, Đà Nẵng, Phước Tuy, Xuân Lộc,... rồi theo chân lữ thứ đến những San Jose, Santa Ana, ... Tình tháng hai, tháng ba, tháng sáu, nghĩa là luôn luôn, bốn mùa. Ngày nhiều mưa, ngày thì mưa bụi, nghĩa là mưa mãi trong thơ :

"Tháng sáu trời mưa tay vừa hai vòng sắt
Tháng sáu nỗi nhớ thừa ngày cách biệt rồi đây
(...) Tháng sau có bàn tay thon gọi mỏi mòn, cứu rỗi
Từ tháng hai xanh về, tủm tỉm miệng xinh cười" (Tháng Sáu)
"Mưa rớt trên nhành khuynh diệp" (Mưa, Có Chi Mà Lạ).

Không lạ, vì mưa nhiều ở Huế, những cơn mưa không còn tìm thấy ở Irvine, Cali, nơi mưa hiếm nên đất khô cằn và những con sông phơi lòng xi-măng, nhưng ở đó cũng có những hàng khuynh diệp thẳng tắp như ám ảnh đời:

".. Đêm bầy chim ngủ trên hàng cây khuynh diệp
Sáng hát gọi bầy về, tôi huýt gió tên quen..."
(Đêm Nhìn Trăng ở Irvine)
"Xanh, xanh tóc của mùa trăng con gái
mướt hàng cây, đêm cuối xuống nhìn nhau
(...) hàng khuynh diệp nghiêng che hồn bỡ ngỡ
chạnh lòng quỳnh mi khép nhẹ tình đưa..."
(Khi Trở Lại Irvine)

"Đêm về chào lại Irvine
Chào con phố đứng chào ai đèn vàng
Đêm về chào tiếng xe vang
Trăng hàng khuynh diệp trăng vàng hiên em..."
(Đêm Về Trở Lại)

Vẫn Cali, nơi có những hàng phượng thắm, thắm một màu tím nơi xứ người, nhưng vẫn đỏ thắm trong trí nhớ, trong tim, trong từng bước đi nơi xứ người:

"Phượng ở công viên nở toàn hoa tím
Phượng xưa đỏ cành đã bỏ đi đâu
(...) Phượng ở Mỹ Châu, Phượng sầu hoa tím
Trống vắng lòng xe, trống vắng hiên che..."
(Phượng)

Phượng cũng là tên một người nữ! Của một thời trẻ đi vào tình yêu với những nụ cười, những liếc mắt đẩy đưa:

"Ở Lú có dấu bàn chân
Có tay thon ngón nợ nần gì nhau?
(Ở Lú).

Những người nữ một thuở nào ở Nam Ô, Xuân Lộc. Người "tóc demi-garcon ơi xinh, về nghênh ngang / Ngày đi ngày đi kệ ngày đi vội..."*(Một Ngày)*. Hay những Nga ở Sài Gòn: "Nga, mai ai mất ai còn / Vài tuần ứng chiến Sài-Gòn, chỉ em" (Đêm Rời Sài-Gòn Hành Quân Xuân Lộc).

Tình sẽ buồn khi phải nhớ, phải nhắc từng kỷ niệm :

"Hình như đã lâu em không còn tới
Cũng hình như mưa ướt đất ướt trời
Tôi về bên sông làm chân cầu cỗi
Quàng thả tay người những sợi rong trôi..."
(Hình Như).

Nhắc chi chuyện tình năm năm "Năm năm về qua đó / Quán trưa thuở hẹn hò / Chim xưa nằm giấu mỏ / Ngày xưa nằm co ro / Góc nào trong tim đó / Chốn nào chân đường trưa / Bụi nào trong mắt ngó / Thăm

thảm buồn cây dưa.." (Trở Về Theo Mơ Qua). Những vần thơ tình đẹp. Và đẹp vô cùng những gì đã qua, đã mất, những hình ảnh dấu yêu!

Nhà thơ cũa chúng ta đa tình, nhiều sắc thắm của tình. Trong khi những cô gái ca dao tỏ tình qua đuôi mắt, thì sao các cô lại cứ nghinh...nhà thơ:

"Chạy về đâu gót chân xinh
Đường xa nắng lửa mà nghinh nhau hoài
Ngày dài đôi mắt trên vai..."
(Những Ngày Dài Mùa Hạ)
"Cô nương này cô nương ơi!
Sao quên sách vở sao ngồi lặng thinh!
Sao buồn bỏ tập mà nghinh!
Sao! Sao! Không biết ! Một mình đó đây.."
(Một Đôi Mắt Nhớ Về Nghinh Tôi Hoài)

Rồi nhà thơ thú *"Nhưng em, em ạ! Vì nghinh! Nhớ hoài»* (Cao Nguyên).

Hết mắt qua bàn tay, với những ngón tình nương thêm nỗi nhớ da thịt:

"Tay của tình em đỏ hồng trên lưng dã
Níu kéo anh bước xa trở lại khóc, chan hòa..."
(Tiếng Cu Gáy Bên Hàng Hiên)

Nếu nhà thơ Hoàng Lộc (*Qua Mấy Trời Sương Mưa*) có lúc tìm đến người xưa Chiêu Quân, Quỳnh Như, ... để trút tâm tình, thì thế hệ Nguyễn Nam An quen hơn những chuyện kiếm hiệp. Nhà thơ xin Cho anh trốn đời sống này đôi lúc dùng truyện kiếm hiệp để tỏ tình hôm nay:

"Khi Lệnh Hồ Xung cầm tay Doanh Doanh hỏi
Sao em không nhắc nhớ giùm để tôi nói yêu em
... Cô nương cô nương ơi tháng hai rồi tháng sáu
Tủm tỉm nụ cười xinh xin nương náu thêm lần
Anh tẩu hỏa nhập ma từ lần xa gặp mặt
Nên đời mình còn, xin đổi, để thương thôi...".

Những tinh nghịch với tình của Nguyễn Nam An khiến thơ anh rất trẻ:

«Quần jean và áo T-shirt
Em thay áo lụa vào thơ cũng ngầu...» (Theo Nhau)
«Cô nương đôi lúc cô nường
Hôm nay cô giận cô buồn cô nương» (Cô Nương Hai)
«Em mặc jean phố phường trẩy hội
Xe bóp kèn Phước Lộc Thọ vênh... « (Thức)
Đẹp cũng đồng nghĩa với thử tháchá:
«Em, con gái đẹp thường lỗi hẹn
Vì yêu em, anh đang học «leo cây»... (Chiều Đứng Đợi)

TiCi, người nữ được tặng cả tập thơ, cũng là cô nương nhỏ được chàng trân trọng, đa diết trong nhiều trang thoá:

«Em-Bắc-Kỳ sinh trong Namá
Hành anh khốn khó thành hoang mang tìm
Em cười tủm tỉm và quên
Ngày đôi khi nặng đá mang qua đời...» (Lục Bát Đầu Năm 2000).

Tình yêu với cô nương nhỏ có danh TiCi rõ nét qua những bài nhung nhớ cuối tuần mưa hay những bài hành đi về phương Nam, về lại Irvine,... ! Lời tình nhỏ nhẹ, ngây ngô á:

«Khi em vui núp vào thơ
Núp quanh núp quẩn núp vừa ngực anh
Để khi chân nhỏ về hành
Anh còn đôi mắt lộng quanh tiếng cười... « (Em Nhỏ, Thời Anh Thương)

Khi phải ... kể lể hay ... *xuống nước, nhà thơ xảo thuật với chữ nghĩa, với «từ» chẳng hạn:*

«Từ tôi bỏ phố đi đâu đó... « (Từ đêm Trở Giấc Nghe Cây Lá)
«Từ trăng núi trăng sông rồi trăng biển... « (Từ Em)
«Em từ Walnut mưa bay»,
... Em từ dáng nhỏ cô nương» (TiCi)

Lời thơ tình như những bài đồng dao, những điệu ru tình. Nhiều bài thơ của Nguyễn Nam An dễ khiến người đọc hình dung anh thật nhiều hệ lụy với tình, có khi nhút nhát với tình, khi khác lớn tiếng với người tình, nhưng nói chung thơ anh đưa người đọc đến một chân trời dịu mát, nhiều hy vọng, nhà thơ tỏ nhiều lạc quan, kiểu thua mà không bao giờ nản, lại vui sống, tận hưởng cuộc đời !

2

Như với bao viễn khách hoặc kẻ lưu đày, quê nhà luôn là những ám ảnh khôn nguôi, trong đó có tuổi nhỏ đã mất - mà nếu chưa phải xa quê hương đã không quay quắt đến thế. Từ ngày *"Tôi bỏ tôi đi xa trường xa lớp / Xanh lá kiền kiền rợp bóng sân chơi .. . / Chào Đà Nẵng dấu yêu tình gởi lại / Chân về đâu ai biết được ngày sau"* (Đà Nẵng 73). Những hàng kiền kiền là ám ảnh quá vãng lớn của Nguyễn Nam An, vì chàng đã bỏ trung học Phan Châu Trinh, bỏ khung cảnh yêu dấu để nhập ngũ. Bóng cây sẽ theo chàng trên dặm đường lữ thứ: *"... Hàng kiền kiền ngày cúi xuống ưu tư"*. Thành thử nơi xứ người, nhớ nhung dễ khởi từ cây kiền trường xưa:

"Gởi cây kiền kiền năm xưa
Bây giờ nhớ lại trời vừa chớm thu
Ước gì đời nhẹ nhàng ru
Để không thấy chú vào thu cúi đầu"
(Gởi Cây Kiền Trường PCT)

Tuổi nhỏ cũng có nghĩa là thế giới hoa mộng, với những người bạn nhỏ: Thành "cò", Từ Tâm, Trung Hậu,

... "Đà Nẵng của tôi ngày mới lớn xa xôi
biển, nắng, gió, tóc bay nghiêng vầng trán
những chân đất, bãi cát vàng, bè bạn
đêm tối nhìn trời mở rộng ngàn sao...»
(Đà Nẵng)

Hay xa xôi hơn những kỷ niệm ngây thơ:

"Ngày xưa thơ dại trời mưa
Bạn bè lối xóm tuổi vừa lớp năm
Rủ nhau lội nước mưa dầm
Chen chân máng xối tồng ngồng tắm mưa..."
(Ướt Mưa)

Những người bạn mà nếu có những tái ngộ bất ngờ, cũng có nghĩa là thời hoa mộng đã xa xôi thật rồi theo thời gian:

"Ngày xưa Đổng-Trác-con-con

Hiên ngang đứng ểnh bụng tròn rốn sâu
Mười mấy năm gặp lại nhau
Thằng em Đồng-Trác bỗng dâu Thành cờ.."
(Biệt Danh)

Cái nhớ nhung quê nhà qua con người, kỷ niệm, qua cả những địa chỉ mà tên đường đã đổi. Nhiều bài hay, để lại nhiều dư âm, thường là những bài nhớ quê hương và tuổi trẻ học trò. Bài Viết Tay Trái tiêu biểu, mang đủ tình mẹ, tình bạn cũng như tình yêu, từ những ngày đi học, đã là quốc gia nghĩa tử cha chết trận:

"Cha bỏ không về con Quốc Gia Nghĩa Tử
Nhìn lại đơn từ mẹ nhờ người ta điền cho con ngày xưa
Cha: Tử trận, bỏ con mẹ bơ vơ
Con: Lớn lên chỉ còn nhớ chiếc xe Dodge nhà binh chạy gập ghềnh trên đường thành phố
Màu cờ vàng phủ quan tài, mùi khói nhang, màu khăn chế mẹ chúng con mang
...Tôi viết thơ tình hôm nay bằng tay trái nhưng không ngại không ngần
Nét chữ ngược với anh em nhưng viết, cần gì? Ai thắc mắc?..."

3

Chiến-tranh và đời lính trở về nhiều lần trong thơ Nguyễn Nam An. Nhập ngũ ở lứa tuổi 18, những ngày tác chiến đưa chàng đến nhiều vùng đất quê hương dù đời quân ngũ chỉ hơn 2 năm. Đoạn đường chiến binh, nhiều lưu động, đi theo những pháo giặc:

"Tháng hai Hòa Ninh, tháng ba Nam Ô
Những ngày quân qua miền Trung cằn khô
Một bước quê hương một vùng đất khổ..."
(Vài Ba Tháng Chân Đi)

Những tháng cuối của binh nghiệp và cũng là của một đất nước chung, chàng đi khắp, tháng hai, còn ở vùng địa đầu, tháng ba đã vô Đà Nẵng, Quảng Nam:

"Chào xa Đà Nẵng tháng ba
Đêm âm u thở đời qua một lần

...Chào xa Đà Nẵng âm thầm
Khi bài "Hạ Trắng" đã thành mây bay»
(Chào Xa Đà Nẵng)

Rồi tiếp xuôi Nam vô Sài Gòn, Trảng Bom, Xuân Lộc, qua Bình Giả, về Bà Rịa ở những ngày cuối của một cuộc chiến: *"Tháng tư món nợ da vàng / Dân tôi trả nốt bàng hoàng xuôi nam"* (Phước Tuy 4,75). Đoạn đường khổ hạnh cuối, nhà thơ có mặt ở quốc lộ 15, ở Phước Tuy, ở cầu Cỏ May sau Xuân Lộc "không lộc xuân, nghe chuông hồi xa xăm"

Đời lính không dài, toàn là hành quân, chuyển quân, ứng chiến - một nhập cuộc hết mình! Thành ra với những người bạn đồng đội cũ, sẽ bồi hồi cảm động khi tái ngộ, dù có khi chỉ mới qua điện thoại viễn liên:

"...Hai mươi năm sau nghe lại tiếng mày
trên điện thoại, tha phương
Nhận rõ không, giấy bút đâu ghi địa chỉ
Tọa độ hôm nay là những thành phố Mỹ
Chi chít trên bản đồ đại pháo bắn hụt hơi!
Thằng lính thân thương ơi
(...) Kỳ lạ quá sao tao mày ở Mỹ?"
(Gởi Trung Hậu).

Nỗi sững sờ như sau một cuộc bể dâu! Nỗi nhớ bạn trong cái buồn chung:

"...Gảy đàn mà hát chiều xuống đôi bờ
Có khuôn mặt xa chưa nhòa trong trí nhớ
Có đứa ở gần nhưng vẫn rất xa
Tao gởi nén hương vọng quê nhà, vọng mày thằng bóng rổ
Có thằng nào xưa hô hô bảo mày mạng "Trường Lưu Thủy" hở
Mạng cái con mẹ gì thì cũng nước mất nhà tan
Thằng chết thằng di tản, giờ thằng nào đàn thằng nào hát
Tan nát cả bạn ấu thời ta!"
(Nén Nhang Cho Thằng Bạn Chết)

Có những người bạn khác ít may mắn hơn, đã chết trong cuộc chơi chết người trên cạn, những trò đùa bất trẻ đồng xanh:

"Mày chết! Xác không mang về được

Hồn vất vưởng dâu, đất lạ Tuy Hòa!
Tháng của đời nhau mở những đường xa
Đâu biết tuổi xanh mày tàn như lá
... Hương trầm giỗ người chết tuổi hai mươi
Thau rượu xưa tiễn mày làm chuẩn úy sữa thôi
Đàn vọng bồi hồi buồn vui đưa lối
Ba lô mày mang đi hoài không tới..."
(Giỗ Chín Năm Mày Bạn Ấu Thời Ơi!)

Tưởng niệm bạn hữu cũng là lúc phẫn uất, tiếc nuối sống lại khi đã nhủ lòng nên quên, nên chôn vùi quá khứ để mà sống, sống cho tương lai!

4.

Những đứa con tinh thần của Nguyễn Nam An có khuynh hướng sanh đôi: năm 1996 nhà Nhân Văn ở San Jose xuất bản một năm hai tập *Tôi Chim Ngủ Đậu Cành Xanh* và *Thức, Buồn Chi*; năm 2000 mới đây, thêm hai tập *TiCi* và *Biển Thuở Chờ Ai* do hai nhà Tân Thư và Văn xuất bản. Nguyễn Nam An mê làm thơ hơn là "ngồi viết procedures", nên "Giữa C language khô cằn giọng lục bát viết bơ vơ" (Thứ Ba). Anh sống với thơ và sống đẹp cái quá khứ. Thơ anh hiền hòa như con người chân chất Quảng- Đàvà người thơ Quảng-Đà thì không ai giống ai: Hoàng Lộc cổ kính, kỹ xảo, Thái Tú Hạp nhẹ nhàng thiền vị, Phan Xuân Sinh nhiệt thành trong cái dư vang của quá khứ, Đặng Hiền tha thiết lãng mạn, riêng Nguyễn Nam An da diết với tình khiến thơ đa dạng mà cảm động! Thơ Nguyễn Nam An không quá cầu kỳ trong thi pháp và kỹ thuật, dù đã có vài cố gắng làm mới. Đến với Nguyễn Nam An xin đừng tìm dấu vết hậu-hiện-đại, tiền phong hay tân-hình-thức,... vì người đọc chỉ tìm thấy những điệu ru điệu nhớ, mà quê hương, tuổi trẻ và tình yêu luôn sống động, thường trực, ở từng ý thơ, ở từng trăn trở ngôn từ, ở những thử nghiệm diễn từ.

Nguyễn Nam An làm thơ mạnh, nhiều hoa tay và đều đặn ra tay. Trong số những người sung túc thơ ở hải ngoại, Nguyễn Nam An thuộc về những hiếm hoi không làm người yêu thơ thất vọng.

Nguyễn Vy Khanh
12-2-2001

Trí tuệ

Nguyễn Hoài Phương

Trông mặt mà bắt hình dong
Con lợn có béo cỗ lòng mới ngon
(Ca dao cổ)

Chẳng hiểu tại sao tự nhiên gã lại có suy nghĩ rằng: Nếu trí tuệ tập trung vào những người kỳ hình dị tướng thì đúng đại hội kỳ này của bọn gã là đại hội tập trung trí tuệ của đất nước. Gã là người được tổ chức phân công đón đưa các vị đại biểu cũng như khách mời từ khắp nơi đến dự đại hội. Đây là một lợi thế lớn của gã. Thật vậy, nếu không ngoan ngoãn nhận làm cái chân loong toong này thì làm sao mà gã có cơ hội biết tuổi biết tên hầu hết những vị tai to mặt lớn của thời đại.

Tối thứ bảy vừa rồi gã phải ra sân bay Berl... để đón vị khách thứ... trong ngày. Tất nhiên, như mọi lần, để người được đón dễ nhận ra người đi đón, gã phải chuẩn bị một tấm biển để đeo ở trước ngực. Tấm biển làm bằng giấy bìa này khá lớn, trên đó gã nắn nót kẻ mấy hàng chữ bằng bút dạ màu đen thật đậm: Đại hội Hội bảo vệ động vật quý hiếm lần thứ 9 - Berl... ngày - tháng - năm... bằng năm thứ tiếng Việt Nam, Anh, Pháp, Đức và Tây Ban Nha. Lại vốn có hoa tay, gã không quên trang trí thêm một dàn gồm toàn cá sấu, cá mập, hươu cao cổ, voi ma mút, sư tử, ngựa vằn, khổng long, và nói chung là chim, bướm, hổ, báo, cáo, cầy... vào những khoảng giấy còn trống.

Đúng giờ, gã có mặt ở cổng sân bay phía Bắc. Ai cũng biết là sân

bay Berl... có đến bốn năm cổng, nhưng rút kinh nghiệm các lần đại hội trước, ban tổ chức đã ghi hẳn vào giấy mời của các vị khách phải đi chuyến bằng máy bay rằng chỉ ra bằng cổng này để khỏi ảnh hưởng đến công việc đón rước của gã.

Gã đeo tấm biển lên ngực và chờ chừng một nửa tiếng thì thấy ông khách thứ... xuất hiện. Phải nói ngay là ông rất to béo. Gã đã gặp nhiều người Việt rất to béo nhưng chưa thấy ai như ông này. Ông vừa béo, vừa đen, lại vừa rất cao, mái tóc lượn sóng, cằm bạnh, râu quai nón, và đặc biệt là cặp mắt có mầu xanh lơ như mắt mèo.

Vốn tính lơ đãng nên lúc đầu gã cứ nghĩ ông khách này là người Ấn Độ. Cho mãi tới khi thấy ông cứ nhìn chằm chằm vào ngực mình và chợt thấy tấm giấy to bằng bàn tay bọc mica ở trên ngực ông có in mấy dòng chữ mầu đen rất đậm: Mr... Hội bảo vệ động vật quý hiếm quốc tế - Chi nhánh Đại Tây Dương thì gã mới sực nhớ đến nhiệm vụ.

Lúc ấy, Mr... đã đứng trước mặt gã. Ông mấp máy môi, chắc sắp định hỏi gã cái gì đó nhưng gã đã đon đả:

- Thưa chú. Chú về dự đại hội động vật quý hiếm ạ?

Đáng lẽ phải nói một cách đầy đủ là "Đại hội lần thứ chín của Hội bảo vệ động vật quý hiếm", nhưng vì vội vội vàng vàng nên gã nuốt biến mất mấy chữ. Tuy nhiên Mr... vẫn hiểu. Tự nhiên gã thấy có cảm tình với ông khách và quý nhất ở chỗ là Mr... không vặn vẹo hoặc chỉnh đốn như một số ông khác mà tỏ ra rất dễ dãi. Gã thấy ông cười, một nụ cười rất dễ thương làm mấy chiếc răng vàng lóe lên trong ánh chiều Berl... mới vào xuân. Rồi ông xác nhận:

- Ừ, đúng... Tớ có giấy mời về chỗ cánh động vật quý hiếm ở Berl... đây. Thế cậu là....

Gã đỡ lời ông:

- Dạ thưa chú... Cháu là lái xe. Các chú ở Berl... cử cháu ra đón các chú ạ.

Dù chẳng có lý do nào nhưng Mr... vẫn lại cười nữa. Đúng là người Việt Nam có tính hay cười. Bây giờ thì gã lại nhận thấy ông có giọng nói rất không giống ai. Nó không thấp, không cao mà ngang ngang, phè phè, khàn khàn như phát ra từ một cái ống bơ rỉ mà mấy bà nhà quê vẫn hay dùng để đong cám lợn:

- Mấy thằng động vật quý hiếm Berl... bảo cậu ra đón tớ à?

- Vâng ạ.

Gã đáp thế. Nhưng Mr... làm như không nghe thấy nên cái giọng rè rè vẫn tiếp tục:

- Vẽ chuyện... Từ đây về đấy có bao nhiêu thời gian mà phải đón

với rước.

Vì không muốn dính vào chuyện của mấy ông trong ban lãnh đạo nên gã định bụng là sẽ im lặng trước vẻ khó chịu của ông khách này. Nhưng lại nghe ông hỏi:

- Mấy thằng động vật quý hiếm Berl... vẫn ở chỗ cũ hả?

Mới gia nhập cái hội này được ít lâu, tuy không biết trụ sở cũ của nó chỗ nào song gã vẫn trả lời bừa:

- Vâng ạ.

Rồi nói thêm:

- Các chú ấy vẫn ở đằng phố...

Gã tưởng ông khách hỏi thế để rồi sẽ chui xuống tầu điện ngầm hay leo lên xe buýt. Biết đâu trước đây ông cũng đã từng sống ở đây. Biết đâu tự nhiên ông nổi hứng muốn ôn lại những cảm giác được chen lấn trên các phương tiện giao thông công cộng. Gã vẫn nghe người ta nói rằng phố xá Berl... phải ngắm từ cửa sổ xe buýt hoặc cửa sổ tầu điện ra mới thấy đẹp chứ còn qua cửa kính xe con thì chán chết. Thế nhưng, Mr... lại hỏi:

- Vậy hả? Thế xe của cậu đâu.

- Dạ, ở đằng kia ạ.

Gã trả lời, vẫn không đoán được hết ý của ông.

- Có xa không?

- Không xa lắm đâu ạ. Khoảng chừng ba bốn trăm mét là cùng.

- Vậy thì cậu xách hộ tớ cái valy này tí... Ta đi thôi.

Gã thấy hơi ngạc nhiên về thái độ của Mr... Không hiểu tại sao mà ông khách này lại cứ một mực gọi mấy vị lãnh đạo cao nhất của hội bọn gã là súc vật. Nghĩ vậy nên lúc cái xe tàng tàng của mình đã hòa được vào dòng xe cộ tấp lập của Berl... gã mới tìm cách gợi chuyện ông. Đầu tiên, gã hỏi:

- Chắc ngày trước chú đã có thời kỳ ở Berl...?

Mr... ầm ừ:

- Tớ hả? Ừ... Có...

- Lâu chưa ạ?

- Cũng tương đối...

Rồi chừng như không muốn đóng vai người bị thẩm vấn, ông bèn hỏi lại gã:

- Chắc cậu cũng ở Berl... này hả?

-Dạ! Vâng ạ. - Gã ngoan ngoãn trả lời.

- Lâu chưa?

- Dạ... cũng được ba bốn năm rồi chú ạ.

- Chắc cậu cũng mới tham gia hội động vật?

- Dạ... Mới được hơn một năm.

- Chắc thằng ... vẫn làm chủ tịch hội.

- Dạ... Vâng ạ.

Vẫn biết là các vị lãnh đạo không làm việc với nhau bằng tình cảm, vậy mà chẳng hiểu tại sao lúc ấy gã lại hỏi một câu rất ngớ ngẩn:

- Chắc chú với chú... thân nhau lắm.

Để rồi được nghe Mr... trả lời một câu rất sẵng:

- Thân thiết gì... Thằng súc vật.

- Thế ạ. - Giật mình, tự nhiên gã đệm theo Mr... như một thằng ngây thơ nhất trên đời để rồi lại được nghe một câu rất sẵng của ông nữa :

- Thằng xỏ lá. Đồ hổ thọt. Điên điên khùng khùng...

Gã thấy thật khó hiểu... Nhưng đúng là ông chủ tịch Hội của các gã có hơi điên điên khùng khùng và dáng đi thì hơi bị chấm phẩy thật. Ngày còn ở bên Tiệp Khắc, nghe đâu ông cũng tham gia băng đảng tương đối khét tiếng. Khi xung trận toàn đeo mặt nạ, áo giáp. Và vũ khí thì thật kinh khủng, toàn axid đậm đặc, mỏ vịt US, carbin cưa nòng, lê AK với lại mã tấu. Trong một trận đụng độ, ông bị đối phương bắn cho một phát vào ống đồng. May mà không bị tháo khớp. May mà còn nối được xương nhưng chân trái của ông tự nhiên bị ngắn hơn chân phải đến ba bốn centimet.

- Dạ... - Gã đáp, trong thâm tâm cảm thấy hơi bất bình vì lãnh tụ của mình bị xúc phạm.

Như không để ý tới cách vâng... dạ cầm canh của gã, Mr... lại hỏi tiếp:

- Còn thằng... chắc vẫn làm phó chủ tịch.

- Dạ... Vâng.

- Thằng súc sinh. Con chó biển mặt trơ trán bóng.

Ông nói như mắng. Còn gã, vì không dám phạm thượng nên im lặng. Của đáng tội, cách ví von của Mr... có hơi quá một tí nhưng đúng là ông phó cối của cái hội mà các gã đang sinh hoạt thuộc loại mặt trơ trán bóng thật. Cứ như chính mồm ông phó kể lại thì ngày còn ở Việt Nam tóc của ông cũng rậm lắm. Sang Đức ông vẫn để tóc dài đến vai. Ông... làm trong nhà máy sửa chữa phanh ô tô. Một lần máy móc bị trục trặc, ông đang lúi húi xem xét thì cái mũ bảo hộ lao động rơi xuống làm mái tóc mà ai cũng khen là dẹp, là giống nghệ sỹ bị cuốn ngay theo dây cua roa. Ông bị lột hết da đầu và ở trong bệnh viện người ta phải lấy một khoảng da đùi để vá lại.

Có lẽ Mr... sau một hồi nghĩ lại thấy rằng gã không thể hiểu được ngọn nguồn mấy câu chửi đổng cộc lốc như thế thì tìm cách giải thích.

- Cậu biết không? - Ông hỏi.

- Dạ.... - Gã tỏ vẻ sẵn sàng nghe.

- Cả tay... và tay... đều là mấy con chó đói...

Rồi không cần nghe gã dạ, ông thống kê ngay một số đức tính của giống chó:

- Dữ dằn, tham lam, phàm ăn tục uống, không biết điều.

Gã nghĩ trong bụng, đã là chó thì chắc chắn phải tham ăn tham uống rồi. Còn chuyện biết điều thì đến người cũng còn ít khi làm nổi... nói gì chó. Nhưng ngoài miệng thì gã vẫn:

- Dạ...

- Không có tớ thì làm chó gì mà chúng nó về được cái đất Berl... này mà làm vương làm tướng.

- Thế ạ...

- Ngày tớ ở Berl... này thì thằng... còn ở .... và thằng... còn ở... (Mr... nói tên mấy cái làng nhỏ ở đâu đó mà gã mới chỉ nghe qua) Cả hai thằng sống trong hai cái trại khổ như lợn, đã ăn paket mà lại còn sấp sửa bị trục xuất về nước nữa chứ.

- Thế ạ.

- Cậu biết không? - Ông hỏi lại.

- Dạ... - Còn gã thì lại đáp.

- Số tớ may lắm. Lúc nào tớ cũng có quý nhân phụ trợ. Thằng nào muốn xỏ cũng không thể xỏ được tớ đâu.

Cảm thấy Mr... hơi đi lạc đề, sao tự nhiên lại có số phận với quý nhân nào vào đây, lại còn xỏ xỏ xiên xiên gì nữa chứ, nhưng gã vẫn:

- Dạ...

- Số tớ là số làm sếp. Trong môi trường nào tớ cũng phải làm sếp. Mà sếp quan trọng hẳn hoi chứ không phải sếp làng nhàng đâu nhé.

- Dạ...

- Tuy ở xa nhưng công việc gì cũng phải có ý kiến của tớ.

- Dạ.

- Thí dụ như cái đại hội này của các cậu, không có tớ đến thì không thể xong được.

- Dạ...

- Ngày ấy, tất cả mọi công việc chính của tớ đã xong xuôi hết cả rồi. Xe pháo nhà cửa đàng hoàng với một cái quán Tàu gần hai trăm chỗ ngồi. Một cửa hàng bán thực phẩm Châu Á. Hai cửa hàng bán quần áo... Trừ tất cả các khoản chi phí, mỗi tháng tớ vẫn còn đút túi vài ba chục

nghìn ngon lành.

Càng lúc càng thấy Mr... đi xa đề, nhưng gã vẫn một mực:

- Thế ạ...

Để rồi lại nghe ông cà kê chập vào chuyện của hai ông chủ tịch với phó chủ tịch hội:

-Chẳng biết nghe ai giới thiệu, hai thằng này mới lần đến chỗ tớ lạy van, khẩn khoản xin tớ cứu. Vốn thương người, thấy hoàn cảnh hai thằng khốn nạn quá, tớ mới chỉ cho vài đường...

- Thế ạ...

- Tớ bảo chúng nó phải làm cái gì thật mạnh. Mấy cái trò hội thảo, biểu tình, làm quầy thông tin, xin chữ ký... xưa hết rồi. Bây giờ muốn người ta để ý tới, chúng nó phải làm cái gì thật gây ấn tượng.

- Dạ...

- Thí dụ như tuyệt thực, tự thiêu, mổ bụng...

- Dạ...

- Hai thằng cứ thế mà tuân theo răm rắp... Nhằm đúng ngày sinh nhật Bác Hồ mười chín tháng năm... chúng nó kéo nhau đến trước sứ quán Việt Nam ở... nhịn đói mấy ngày liền. Tớ lại chuyên gia thêm cho rằng: Đừng có giả vờ. Cứ nhịn thật. Đất nước này chứ có phải Việt Nam nhà mình đâu mà sợ người ta để cho chết đói. Y như rằng, đến hôm thứ ba, khi cả hai thằng đều sủi bọt mép như hai con chó điên, đều quỵ cả xuống như hai con chó sắp chết vì đã đói lả, thì quả nhiên mấy ông mấy bà cảnh sát đứng canh ở đấy phải gọi điện cho xe cấp cứu tới chở chúng nó vào bệnh viện đấy.

- Thế ạ...

- Chỉ có thế mà chúng nó được công nhận tỵ nạn chính trị.

- Dạ...

- Sau khi chúng nó đều đã có giấy tờ, tớ mới gọi cả hai thằng lên đây cùng làm ăn. Cậu biết đấy, có giấy tờ mà không làm ăn thì phí lắm.

- Dạ.

- Tớ để một thằng đứng bán ở cửa hàng bán quần áo với bà xã còn một thằng thì giúp việc trong quán. Lương lậu tử tế. Chỗ ăn chỗ ở đàng hoàng. Cứ tưởng chúng nó trung thành, ai ngờ cả hai thằng đều là giống chó giở mặt.

- Thế ạ...

- Đúng là một lũ chó đểu.

-Dạ...

- Được đúng nửa năm, tớ bắt quả tang thằng bán quần áo ngủ với con vợ tớ trên xe.

- Thế ạ...

- Tớ có cái mini Bus ngày trước chuyên đi đánh thuốc lá.

- Dạ...

- Còn sau này thì để đi lấy hàng.

- Thế ạ....

- Một hôm, gần tối tớ có việc gọi điện thoại ra cửa hàng nhưng không thấy chúng nó đâu.

- Dạ...

- Cả con vợ tớ lẫn thằng chó chết.

- Thế ạ.

- Nghi ngờ, tớ mới phóng ngay ra kiểm tra thì thấy cả hai đứa trần truồng như nhộng đang ôm nhau trên xe.

- Dạ...

- Còn thằng chó con kia thì trong một buổi nghỉ giải lao tớ cũng bắt quả tang đang quần nhau với con bé rót nước trong quán

- Dạ...

- Mà con bé rót nước chính là con cháu ruột gọi tớ bằng cậu

- Thế ạ.

Gã nghĩ trong bụng rằng nếu ông chủ tịch và ông phó chủ tịch hội mà phản trắc và đối bại như thế thì đúng các ông là giống súc vật thật. Thế nhưng gã không dám nói ra. Mà có dám thì cũng chẳng biết nói như thế nào. Sau câu *thế ạ* của gã, im lặng một lúc, Mr... lại hỏi tiếp:

- Chắc thằng... vẫn còn làm thư ký hội?

- Dạ...

- Thằng ngưu ma vương.

- Thế ạ

Gã đáp mà không khỏi cười thầm. Vì những lúc vắng mặt ông thư ký mấy thằng hội viên bọn gã vẫn trộm vía mà gọi ông bằng cái tên khác là Trâu Điên.

- Thằng chó thiến sót. - Mr bồi thêm.

- Dạ... - Còn gã thì vẫn đáp và vẫn càng không nín được cười. Chẳng gì thì ông khách cũng đã gợi cho gã nhớ lại một câu chuyện cũ. Ngày còn ở Việt Nam, hưởng ứng phong trào sinh đẻ có kế hoạch, vì không vận động được vợ mà ông thư ký hội đã tình nguyện đến bệnh viện làm phẫu thuật thắt ống dẫn tinh. Chẳng biết là vì mấy thằng cha phẫu thuật viên non tay nghề hay là vì ông bị cấm sừng mà một thời gian sau vợ ông lại ôm một trái bầu to tướng.

Mr... tiếp tục:

- Còn chắc thằng... vẫn làm trưởng ban hành động?

- Dạ. Gã đáp.

- Một con tê giác ngu xuẩn.

- Dạ... - Gã không dám khẳng định ông trưởng ban hành động của hội mình là ngu xuẩn, mặc dầu ông rất hay húc bừa. Có điều trông ông trưởng ban rất buồn cười. Trên đỉnh đầu ông có một cái chốc trông y như sừng của một con tê giác vậy. Cái chốc này có một đặc tính rất lạ là không thể khỏi được. Hay nói cách khác là cứ chữa khỏi được mấy hôm thì nó lại mọc lại ở ngay chỗ cũ. Và lần sau bao giờ cũng to hơn lần trước một ít. Chính vì căn bệnh quái gở này mà ông... được lưu trú vĩnh viễn tại đây. Gã nghe người ta đồn rằng, giới y học nước này muốn nghiên cứu, tìm hiểu rõ ngọn ngành của căn bệnh lạ lùng nên đã kiến nghị giữ ông lại.

Mr... vẫn tiếp tục:

- Còn thằng... chắc vẫn làm trưởng ban tuyên truyền?

- Dạ...

- Con khỉ đột biết nói tiếng người.

- Thế ạ.

- Còn con... chắc vẫn giữ chân nữ công?

- Dạ...

- Con hồ ly tinh.

- Thế ạ.

- Con rắn độc.

- Dạ.

Gã vừa vâng vâng dạ dạ vừa nghĩ thầm trong đầu rằng không biết ông khách to béo này là cái quái gì mà biết cơ cấu nội bộ Hội của mình rõ mồn một như vậy. Thật cứ y như là một thứ ma xó. Nhưng gã không nói ra mồm. Tuy chỉ mới đi với Mr... một đoạn đường nhưng gã cũng đã kịp rút ra một kinh nghiệm rằng, muốn nghe ông nói nhiều thì phải mình phải ít lời. Kẻ nói phải có người nghe. Mà ông lại toàn nói những chuyện thâm cung bí sử trong hội của gã thì lại càng đáng phải nghe lắm. Gã vốn không có điều kiện tiếp xúc nhiều với mấy ông lãnh đạo. Và lần gặp mặt nào gã cũng toàn thấy các ông quá đạo mạo. Đạo mạo đến khó gần. Nếu đúng như những lời đánh giá của ông khách này thì quả là mấy ông lãnh đạo hội của các gã quá giỏi giang khéo léo trong việc che giấu bộ mặt thật của họ. Còn ngoài ra, các vị chẳng có tư cách quái gì.

Mr... móc trong túi áo khoác bằng dạ ra bao thuốc lá chìa về phía gã, mời:

- Hút điếu, cậu...

Nhưng gã lắc đầu:

- Cảm ơn chú.

Ông cũng không quá nài. Và sau khi châm lửa rít một hơi dài, ông vừa lẩm bẩm:

- Đồ con lợn! Toàn một bọn khốn kiếp...

- Dạ.

Gã lại dáp thế và yên chí rằng mấy chữ đồ con lợn và khốn kiếp kia của ông là dành để chỉ mấy ông trưởng ban hành động, trưởng ban tuyên truyền và bà nữ công của hội.

Mr... vừa yên lặng hút thuốc vừa nhìn ra đường. Phố xá ở thành phố này như có vẻ quen thuộc với ông lắm. Gã không biết Mr... hút loại thuốc gì mà khói thơm ngào ngạt. Lúc ông hút được mấy hơi, ngoài mùi thơm gã còn thấy hơi hơi ngây ngất. Chết thật! Hay là ông tẩm thuốc phiện vào thuốc. Thế này thì bỏ mẹ. Gã lo lắng đoán già đoán non. Nhưng một lát sau gã lại nghĩ có lẽ không phải thuốc phiện. Vì cảm giác ngây ngây ấy chỉ thoáng qua một tí rồi hết ngay.

Không cần phải để ý lắm gã vẫn thấy Mr... hút thuốc có vẻ say sưa lắm. Ông tóp má vào, rít, làm đầu điếu thuốc đỏ lừ lên như một hòn than vừa lấy từ trong lò. Sau đó ông nuốt khói một lúc lâu mới thở ra. Vậy mà lúc đầu gã cứ nghĩ là ông không không phải dân nghiện.

Thỉnh thoảng liếc mắt sang, gã lại thấy Mr... cười cười cái gì đó một mình. Bộ râu quai nón rậm rạp, hàng ria xén phẳng, đen nhánh như bôi sáp trên mép và mấy cái răng vàng vừa to vừa lấp lánh càng làm ông có nụ cười giống hệt một người Pakistan. Gã vẫn thường nhầm giữa người Ấn Độ và người Pakistan. Ở trại, có mấy thằng thanh niên người hai nước này nhưng gã không thể phân biệt được thằng nào với thằng nào.

Hội bọn gã có một trăm năm mươi lăm thành viên, đại hội khóa tám năm ngoái, mười một vị trúng cử vào ban lãnh đạo. Ngoài sáu vị vừa được Mr... điểm danh xong, hãy còn năm vị nữa. Gã chắc thế nào ông cũng biết. Và gã căng tai ra để nghe. Quả nhiên, khi vừa nuốt hết khói của hơi thuốc cuối cùng ông đã quay sang hỏi:

- Chắc thằng... vẫn làm trưởng ban phát triển lực lượng?

- Dạ...

- Một con bò điên.

- Thế ạ...

- Còn thằng... chắc vẫn làm trưởng ban dân vận?

À - Không... chú ấy chuyển sang ban địch vận rồi ạ.

- Một con lợn nòi bị gẫy răng.

Gã phục quá. Cái nhà Mr... này tài thật. Làm sao mà ông ta biết được ông... trưởng ban dịch vận của bọn gã gẫy hai cái răng cửa. Một đêm cách đây chưa lâu lắm, ông... đưa người yêu đi disco, say bia, say rượu, gây gổ rồi đấm nhau. Nhưng gã không nói gì, vì Mr... đã hỏi tiếp:

- Còn thằng... thì lại chuyển sang ban dân vận?

- Đúng ạ.

- Đúng là đồ con lừa cụt tai

- Dạ... - Gã không hiểu sao Mr... này lại biết tường tận đến vậy. Đúng là ông trưởng ban dân vận hiện tại của chúng gã trước đây có hai cái tai vểnh như tai lừa. Và cũng đúng là ông mới bị cắt một tai. Nghe người ta đồn thì đây là hậu quả của một vụ ghen tuông. Ông... chuyên lái xe chở hàng cho một bà cũng bán quần áo. Chuyện lửa gần rơm... Một hôm mát trời, ông và bà rủng mỡ lên mới đưa nhau vào khách sạn. Chẳng biết nghe ai báo mà đang đến đoạn mùi mẫn nhất của hai người thì ông chồng bà kia xuất hiện. Và, để cảnh cáo, ngoài chuyện bắt thôi việc, cúp lương, ông ta chỉ xin ông trưởng ban có một bên tai.

Mr... lại tiếp:

- Chắc thằng... vẫn làm trưởng ban đối ngoại.

- Không ạ. Chú ấy chuyển sang giữ chức trưởng ban đối nội rồi ạ - Gã đính chính.

Kỳ đại hội trước, hội chúng gã có một số thay đổi về cơ cấu tổ chức. Như gã vừa nói với Mr..., ngoài chuyện hai ông trưởng ban dân vận và dịch vận đổi vị trí cho nhau thì ông trưởng ban đối ngoại cũng chuyển sang giữ chỗ của ông trưởng ban đối nội và ngược lại. Gã đoán thế nào Mr... cũng đoán ra, quả nhiên ông hỏi:

- Thế còn thằng... lại chuyển sang đối ngoại.

- Đúng thế ạ. - Không một phút đắn đo, gã công nhận ngay.

Và, cũng như ngay lập tức Mr... phán luôn:

- Hai con bò sát.

Gã thầm công nhận là Mr... có con mắt quan sát. Đúng là hai ông trưởng ban đối nội và đối ngoại của chúng gã đều có nước da rất khô. Khô và mốc... trông chẳng khác gì da kỳ đà. Ngoài điểm chung ấy ra, tuy chẳng phải anh em gì nhưng hai người lại rất giống nhau. Mà giống nhất là cặp mắt của cả hai đều trơ trơ, ráo hoảnh như mắt rắn ráo.

Bản tính gã vốn hay tò mò, thích nghe những chuyện lạ đó đây. Ngoài mười một vị trong ban lãnh đạo kỳ này ra, chắc Mr... còn biết chuyện riêng tư của nhiều người khác. Như chuyện của chín vị trong ban cố vấn chẳng hạn. Hoặc là chuyện của mười bảy vị trong ban tham vấn. Nghĩ thế nên gã định lái xe đi vòng vèo thêm một lúc nữa để nghe ông

Dòng đầu ngày
THẬN NHIÊN

Ba mươi chín năm trước
Giờ này
Chắc mẹ đang đớn đau
Giờ này
Chắc mẹ đang vui
Con ra đời.

Con lớn lên chọn chữ làm cuộc chơi
Chưa dám viết một dòng về mẹ
Những sinh nhật con vui niềm vui ra đời
Có bao giờ nhớ đến cơn đau của mẹ
Khi tận cùng đau khổ
Ai cũng bật khóc:
-Mẹ ơi !

Có lúc phải chôn những dòng chữ tận đáy lòng
Có lúc nước mắt trào ra không kềm giữ.

9/1/01

nói hết. Nhưng, Mr... quả là một con ma xó. Sắp đến một ngã tư, đáng lẽ phải đi thẳng thì gã lại bật đèn xi-nhan xin queo trái. Nhưng gã không thực hiện được âm mưu của mình, vì Mr... đã nhắc vội:

- Phải đi thẳng chứ cậu. Sao lại rẽ?

Mà đi thẳng thì có nghĩa là chỉ không đầy năm phút sau gã và Mr... đã có mặt ở địa điểm tổ chức đại hội. Đúng Mr... là một vị khách quý. Vì, ngay ở cửa ra vào, ông được cả mười một vị trong ban lãnh đạo của hội bảo vệ động vật quý hiếm dàn hàng ngang ra mà đón rất trịnh trọng. Mười một con quái vật kỳ hình dị dạng. Mười một cái đỉnh cao trí tuệ của thời đại.

Con đò ma

Ngô Viết Trọng

Nhà tôi ở Huế đã thâm căn cố đế nhiều đời nhưng quê mẹ tôi thì lại ở Trung Lương. Tôi còn nhớ nhà ngoại tôi ở bờ nam cách cầu Hiền Lương bắc qua sông Bến Hải chừng ba cây số. Chính ở cái cầu định mệnh này, cha mẹ tôi đã gặp nhau. Cũng chính ở cái dòng sông lịch sử này, dòng sông mà người ta vẫn cho là luôn có hai màu nước, đã cho tôi một kỷ niệm nhớ đời.

Năm tôi mười bốn tuổi, vì người tôi vốn chậm phát triển nên trông vẫn như đứa trẻ mười một mười hai. Thời kỳ đó cũng là lúc thanh bình nhất của đất nước sau ngày chia cắt. Vùng quê ngoại tôi đã trở thành vùng phi chiến. Bên ngoài nhìn vào người ta thấy người dân vùng giới tuyến thoải mái làm ăn mà không sợ dạn lạc tên bay bất ngờ. Cha tôi sau thời gian trấn đóng trên cầu Hiền lương thì cưới mẹ tôi rồi giải ngũ về làm ăn ở Huế. Con đường từ Huế ra Bến Hải trong thời chiến tranh rất nguy hiểm, nhất là đoạn qua Gio Linh mà chỗ nổi danh là Cồn Mã Đỏ. Người ta hay truyền miệng về những trận phục kích, đột kích hãi hùng mà Việt Minh đã thực hiện ở đây. Người ta cũng hay nói về những hồn ma, những đơn vị quân đội Pháp hay hiện lên vào lúc hoàng hôn, nhất là vào những chiều có mưa giông, lũ ma hay lao xao tập trận bên đồi hoang đồng vắng. Nhiều người nói họ đã nghe mơ hồ tiếng nhịp bước quân hành và tiếng hô "ắc đơ ắc đơ" trong gió. Bấy lâu vì nguy hiểm, vì cách trở, nên gia đình tôi rất ít khi về thăm bên ngoại. Chỉ có bà ngoại tôi, tuy tuổi khá già hay lặn lội vào Huế thăm con cháu thôi.

Năm đó họ ngoại tôi làm đám chay lớn. Nhằm vào lúc thanh bình,

cha mẹ tôi quyết định đưa cả gia đình về dự một chuyến. Chúng tôi về đến quê ngoại với sự đón tiếp niềm nở thân mật của toàn họ hàng ở đây. Riêng tôi thì được anh Tập, con cậu Kế tôi, nhỏ hơn tôi một tuổi nhưng lại lớn xác hơn tôi, quấn quít săn sóc như một đứa em nhỏ sau nhiều năm xa cách. Cũng từ lúc đó, ở đâu hai đứa tôi cũng như hình với bóng.

Buổi tối, trong lúc mọi người đang bận rộn công việc thì anh Tập hỏi tôi :

- Danh ưng ăn ổi không ?

- Ưng, lấy ở đâu ?

Anh Tập ra dấu bí mật :

- Ổi và có thể có cả mít nữa. Im lặng mà đi đừng để ai biết !

Thế là tôi nhẹ nhàng thoăn thoắt đi theo anh Tập. Đến một cái vườn kia, Tập và tôi chun hàng rào để vô trong. Vườn rậm, nhiều loại cây, có mấy cây ổi rất nhiều trái. Chúng tôi cùng leo và tha hồ hái. Một chốc là cả hai đứa đều hết chỗ đựng. Đứa nào cũng dùng vạc áo để bọc thêm một số. Ra khỏi vườn một đoạn tôi bị trật tay cầm vạt áo và ổi rớt lăn đi lung tung. Tôi lượm lại gần hết nhưng nhiều trái bị dính đất cát. Sợ đem về rửa ở nhà thì bị lộ chuyện, anh Tập dắt tôi ra phía sông. Chúng tôi men theo một đường chun của những người đi câu mà xuống nước. Anh Tập không muốn xuống bến chính vì sợ gặp người ta. Trời tối, chỗ ngồi rửa khá khuất, chúng tôi vừa rửa vừa ăn. Bỗng chúng tôi nghe tiếng nước khua động gần đó. Cả hai đứa hoảng hốt cùng đảo mắt nhìn. Rồi chúng tôi run lên cầm cập muốn rụng cả tim. Một chiếc đò không người chèo, không có một người bên trong tự động nhẹ nhàng lướt từ bờ nam qua bờ bắc. Sao lạ lùng thế nhỉ! Thì đúng là ma rồi chứ còn gì nữa? Chúng tôi lặng người đi một lúc mới lấy lại được bình tĩnh. Hết ham ăn uống gì nữa, chúng tôi đầu óc căng thẳng, tim đập thình thịch, theo lối tắt để về nhà. Cả khu vực này về đêm không hề có một tiếng chó sủa. Nhiều nhà bây giờ vẫn không có người ở. Theo cậu Kế tôi kể, trước đây những người nuôi chó đều bị cảnh cáo, trừng trị rất nặng nên đến bây giờ vẫn chưa ai dám nuôi. Hai đứa tôi đang đi xăm xăm thì bỗng có hai bóng đen xuất hiện chặn lại :

- Tụi bây đi đâu đây?

Tôi sợ quá lúng túng lại để rơi mấy trái ổi xuống đất. Lúc này tôi đã nhận rõ hai bóng đen là hai người trẻ một nam một nữ. Người đàn ông lại hỏi :

- Tụi bây ăn cắp ổi ở vườn ông Lựu phải không? Nói thật tao tha cho, còn nói dối tao đem bắn bỏ liền! Có phải bây vừa ở vườn ông Lựu về không? Nếu không thì bây hái ở vườn nào?

Người đàn bà nói giọng dịu dàng hơn:

- Đây chắc là các em hái trộm ở vườn ông Lựu rồi. Lần sau không được ra đó nữa nghe chưa!

Anh Tập gật đầu dạ một tiếng nhỏ. Người đàn ông dữ tợn hăm dọa:

- Cút về nhà! Từ rày về sau nếu tao gặp lại thì bây chết!

Về nhà hai đứa tôi giấu tất cả ổi vào một cái vịm bể nắp rồi đậy lên trên một miếng vải. Chúng tôi yên chí rằng không ai biết được chuyện này. Đêm đó tôi nằm với anh Tập, chúng tôi nói chuyện nhiều trước khi ngủ. Anh kể cho tôi nghe về những việc người ta nhờ anh làm mà từ trước tới giờ anh không kể cho ai. Nào là chuyện đem mấy tờ giấy gì đó lén dán trước cửa mấy nhà kia (anh Tập không đọc được chữ.). Nào là đem gói đồ gì đó lén bỏ vào gầm giường nhà nọ. Có khi lại đem lá thư trao cho một người nào ... Mỗi lần như thế anh Tập đều được thưởng con chim hay gói kẹo, có khi có cả tờ bạc. Nhưng đó là chuyện mấy năm về trước. Bây giờ những người hay nhờ cậy anh đó đi đâu mất hết. Anh nhớ họ có cái gì giống giống như hai người chận đường hồi hôm.

Buổi sáng hôm sau mọi người thức dậy đều ngạc nhiên nghe mùi thơm ổi chín tỏa lừng nhà. Bà ngoại tôi lục tìm và hỡi ôi tức cười khi thấy được cả một vịm đầy ổi. Anh Tập đành thú thật chuyện hai đứa đi ăn cắp hồi hôm. Tôi hồi hộp nhìn lén cha tôi nhưng chỉ thấy ông hơi cau mặt mà không nói gì. Trong bữa cơm trưa, có mặt nhiều người bà con mà tôi chưa bao giờ biết, mọi người lại đem chuyện đó ra kể để cười với nhau. Cha tôi nhìn tôi nói:

- Sao mày to gan thế! Mày không nghe xứ này nhiều ma à?

Trong lúc bất ngờ tôi buột miệng thốt lên:

- Khi đêm con cũng có gặp ma!

Mọi người nhìn tôi cười òa. Tôi thấy quê quá chừng. Một người đàn ông, bà ngoại tôi biểu tôi gọi bằng cậu, diễu cợt:

- Chắc mày thấy con ma le cái lưỡi đỏ như lửa chứ gì?

Nhiều người lại cười. Trước những ánh mắt chế diễu tôi không chịu nổi, phải thật tình đem chuyện tận mắt thấy con đò không người lướt trên sông ra kể. Khi ấy mọi người mới chịu ngưng cười. Vài người đảo mắt nhìn nhau như có vẻ gì nghiêm trọng. Có một người hỏi tôi rất kỹ về việc con đò xuất phát từ bến nào, đi nhanh hay chậm, đi về hướng nào. Dĩ nhiên cái chỗ con đò xuất phát chỉ có anh Tập nói được. Khi ấy tôi nghĩ rằng họ đã thật tin chuyện con đò ma mà tôi kể. Nhưng cả hai đứa tôi không nói gì đến chuyện gặp hai người chận đường sau đó.

Mấy hôm liền đến tối là mọi người canh chừng không cho chúng tôi đi đâu hết. Đến đêm thứ năm tính từ khi tôi ra Trung Lương, giữa buổi

khuya tôi đang ngon giấc bỗng bị đánh thức bởi mấy loạt súng nổ dồn. Sáng hôm sau thì nghe nhiều người rủ nhau lên xã xem 9 xác chết của bọn côn đồ khuấy rối trị an. Cha tôi không cho tôi đi xem. Ông bảo tôi phải ở nhà để chuẩn bị về Huế. Tôi phải nghe lời cha tôi nhưng trong lòng ấm ức lắm.

Mãi đến bữa cơm chiều, lúc ấy cũng có nhiều bà con tới để chào gia đình tôi ngày mai về Huế, tôi mới nghe biết chuyện gì đã xảy ra. Thì ra có vài người bà con với tôi lại làm việc trong ngành Cảnh sát Bến Hải. Họ tìm hiểu thăm dò mấy đêm liền mới tổ chức được cuộc phục kích thắng lợi vẻ vang. Toàn bộ 9 người cả nam lẫn nữ mang khí giới và những đồ đạc lỉnh kỉnh thu nhặt đâu đó vừa bước lên chiếc đò còn chòng chành không bắn lại được một phát súng thì đã ngã rạp hết. Có một người bị thương nhẹ phải bắt sống. Theo lời khai của y thì lâu nay họ vẫn vượt sông hoạt động đều đều như thế. Trước đây thì vẫn có một anh du kích nằm vùng kiểm soát an toàn trước khi ra ám hiệu gọi toán công tác sang. Nhưng đã quá lâu ngày không gặp trở ngại nên họ chểnh mảng bỏ dần đi sự đề phòng. Người ta đã theo dõi con đò do toán người từ bên kia Bến Hải chèo sang. Đò đến bến thì tất cả mọi người đều lên bờ đi lo công việc. Chiếc đò thì đã buộc sẵn sợi dây đầu mũi để người bên kia kéo về liền khi toán công tác đã lên hết. Mấy người bàn với nhau có lẽ người bên kia đề phòng trường hợp bị tấn công giữa dòng sông, nếu người cần tránh đạn hoặc bị thương không chèo được đều có thể nằm lọt vào đò là được kéo về. Khi toán người lo công việc đã trở lại đầy đủ, họ ra ám hiệu bằng những tiếng chim thú nghe rất rùng rợn. Thế là chiếc đò bên kia đã đợi sẵn chèo sang rước họ về. Nhưng lần này họ đều mang số phận Kinh Kha.

Khi gia đình tôi sắp về Huế, vì muốn ở lại chơi với anh Tập, tôi năn nỉ với ngoại tôi. Ngoại tôi cũng muốn giữ tôi ở lại chơi một thời gian nữa vì tôi còn nghỉ hè. Nhưng ngại tính tôi hay lêu lổng, cha tôi không chịu. Thấy thế, anh Tập lại xin theo vô nhà tôi ở chơi một thời gian. Cậu Kế đồng ý cho anh đi nhưng bà ngoại tôi bảo chờ ba ngày nữa anh sẽ cùng đi với bà.

Trong ba ngày chờ đợi, tôi đã chuẩn bị nhiều món quà cho anh Tập. Tôi cũng chuẩn bị tiền để dắt anh đi xem phim, xem hát bội....

Nhưng đợi mãi cả tuần chẳng thấy bà ngoại dắt anh Tập vô, tôi sốt ruột lắm.

Mãi mười ngày sau mới có người từ Trung Lương ghé lại báo cho gia đình tôi một tin hãi hùng: anh Tập đã bị giết. Số là sau ngày tôi trở lại Huế, anh Tập đi chơi đâu đó rồi không thấy về. Qua ngày sau cả nhà

phải đổ đi tìm. Cuối cùng người ta thấy xác anh ở một đám ruộng hoang. Hai cánh tay anh bị cắt lìa khỏi thân. Cái mặt bị nhiều dấu rạch dấu chém và hai miếng thịt môi bị xẻo vứt đâu mất. Trên ngực anh người ta gắm một tờ giấy đề mấy chữ "xử tử Việt gian". Bên cạnh anh có một cái liềm cắt cỏ dính máu cả cán lẫn lưỡi. Bấy giờ tôi thật sự chưa hiểu rõ nghĩa chữ Việt gian là gì.

Cả nhà tôi còn hú vía hơn nữa khi nhớ tới chuyện bà ngoại tôi muốn giữ tôi ở lại chơi thêm một thời gian. Tôi rùng mình hình dung ra cảnh vùng vẫy, sự đau đớn của anh Tập khi người ta cắt từng cánh tay, xẻo từng miếng thịt môi, rạch từng vạch trên mặt anh.... Nếu như cha tôi không nghiêm khắc mà chìu tôi một tí không biết bây giờ tôi sẽ ra sao! Tôi cứ bị những cơn ác mộng hành hạ suốt mấy đêm liền.

Cái chuyện con đò ma từ đó chiếm hẳn một ngăn trong ký ức tuổi nhỏ của tôi. Nhưng mãi tới khi ra đời tôi mới nghiệm ra nổi ý nghĩa tiếng Việt gian vào thời điểm ấy. Nó có thể dành cho bất cứ người Việt nào từ đứa trẻ dại khờ cho đến bà già lú lẫn có hành động vô tình hay cố ý làm phương hại đến người Cộng sản.

Phân ưu

Nhận được tin buồn: Nhạc phụ của nhà thơ Phan Xuân Sinh

Cụ Nguyễn Ngọc Nghĩa

Cựu Đại tá Quân lực VNCH, Thuộc Bộ Tư lệnh Quân đoàn I
Đã từ trần hôm 27 tháng Tư năm 2001 tại Philadelphia, Hoa Kỳ, hưởng thọ 71 tuổi.
Trân trọng chia buồn cùng Anh Chị Phan Xuân Sinh, và cầu chúc cho linh hồn Cụ sớm tiêu diêu Miền Cực Lạc.

Bùi Trần Tuấn, Dư Mỹ, Dàm Quang Vinh, Đức Phổ, Hà Kỳ Lam, Hà Nguyên Du, Hoàng Chính, Hoàng Lộc, Hoàng Ngọc Liên, Hoàng Xuân Sơn, Hồng Khắc Kim Mai, Lâm Chương, Luân Hoán, Lương Thư Trung, Lưu Nguyễn Từ Thức, Nghiêu Minh, Nhật Nguyễn, Hữu Việt, Nguyễn Khánh Hòa, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Trọng Khôi, Nguyễn Trung Hối, Nguyễn Văn Sâm, Nguyễn Vĩnh Long, Nguyễn Vy Khanh, Nguyễn Xuân Hoàng, Phạm Ngọc, Phạm Ngọc Vinh, Phạm Ngũ Yên, Quan Dương, Song Vinh, Thu Thuyền, Trần Doãn Nho, Trần Hoài Thư, Trần Quán Niệm, Trần Trung Đạo, Triều Hoa Đại, Tường Vy, Nguyễn Đức Thanh.

Margarita

Ninh Hạ - Nguyễn Đức Tâm

Margarita đi xa mới hai ngày mà Lâm cơ hồ muốn sụm. Xác thân thì sờ sờ ra đó. Cười cười nói nói đi đi đứng đứng theo bản năng. Hồn thì bị hớp bị cuốn bị hút theo người yêu. Lâm nhớ đến lụn người. Trước khi đi, ái ngại, Margarita đã dặn Lâm cố tìm khuây. Tìm khuây? Chịu. Chịu thua vô điều kiện. Trấn áp? Thất bại. Cái nhớ như con ngựa chứng bất kham. Càng ghìm cương càng lồng lên. Chồng vó đậm liên hồi bất tận vào khối tim mềm sũng yêu thương. Cái nhớ quay quắt tra tấn Lâm trừ sáng đến chiều. Từ khuya đến sáng. Khổ vì nhớ. Cho dù đang yêu, được yêu và có một người yêu đáng được cái nhớ xoáy dục tâm can, Lâm không thể cho đây là cái thú. Thú đau thương. Đau thương mà thú thì có dở hơi. Có thể một lúc nào đó cô đơn, bồi hồi nghĩ lại, nhớ lại những đau thương đã qua trong cuộc đời trong cuộc tình để thấy ràng, thà chịu đau thương còn hơn kéo rề rề ngày tháng rỗng tuếch trống trơn vô vị. Nói thế thì may ra còn hiểu được.

Trước khi đi Margarita vỗ về dịu ngọt. "Em dâu đi xa. Chỉ cách 4 giờ lái xe. Vả lại chỉ mấy ngày thôi mà. Trông anh thảm não cứ làm như em đi mãi không về". Nói thế mà nói được!

Nhớ là vì khoảng cách không gian. Dù xa hàng vạn dặm. "Cách xa ngàn vạn dặm...vẫn nhớ đến trăng thề". Hay dù chỉ đầu sông cuối sông. "Quân tại Tương giang đầu, thiếp tại Tương giang vĩ". Hoặc chỉ cách nhau "Một dậu mồng tơi xanh rì". Không khác. Nhớ quay nhớ quắc như nhau.

Nhớ là vì khoảnh khắc thời gian không gặp nhau. Để vui để giận để lẩy để hờn. Một giờ. Một tháng. Hay chỉ mới hai ngày như Lâm giờ đây cũng như ngồi trên lửa than đỏ rực. Khác gì.

Nhiều lúc ngồi cạnh nhau. Cầm tay Margarita nựng nịu mà Lâm đã thấy nhớ vì khoảnh khắc và khoảng cách tâm lý, nghĩ đến lúc chia tay. Chẳng thế mà Nguyễn Tất Nhiên đã viết "Có nhau mà như xa." Hay Thanh Tâm Tuyền "Ôm em trong tay mà nhớ em ngày sắp tới". Tuyệt! Không yêu thì hiểu đếch thế nào được.

Càng nhớ, Lâm càng thấy cô đơn. Nhớ. Cô đơn. Hai vế của phương trình phản ứng thuận nghịch. Nhớ nên cô đơn. Cô đơn nên mới nhớ. Trước đây thì Lâm cũng hiểu cũng biết. Nghĩa là có thông nhưng không cảm. Cảm chỉ có được qua kinh nghiệm của bản thân. Đẻ đau. Ai mà không biết. Nhưng cảm cái đau kinh thiên động địa đó thì chỉ riêng người làm mẹ. Cho mấy ông chồng đẻ một lần cho biết thế nào là lễ độ. Tởn tới già. Chẳng còn dụ khị vợ sinh con năm một. Lâm đang kinh nghiệm cái chẳng muốn mà hứng. Khổ vì nhớ. Có lần Margarita thấy bệnh nan y của Lâm, sốt ruột cần nhằn. Lâm cười toét ba hoa. "Em biết không, nhớ là thứ tình cảm dễ thương trong veo trong vắc chẳng lụy ai. Vui chung với người. Buồn chia với người, có khi làm khổ người. Nhớ chỉ khổ mình. Cô đơn ôm trọn. Nhớ là được sống hai lần. Phải không? Em đừng lo. Hôm nào em không còn dáng để anh nhớ, thì có muốn cũng chẳng được." Nghe nói thế Margarita bỉu môi nguýt dài.

Từ ngày hai đứa yêu nhau, Lâm không những đã ngộ đạo nhớ, mà còn ngộ đạo yêu. Trước đây nghe nhạc đọc văn đọc thơ, xem xi nê xem kịch đông tây kim cổ, tàu ta đủ loại. Những buồn đau đứt ruột hay niềm vui vời vợi của Hàn Mặc Tử, Xuân Diệu, Nguyễn Tất Nhiên về tương tư, tuyệt vọng và về tình yêu. Lâm thấy hay và thích, có khi say mê, vì lạc vào một thế giới không thực. Một cõi mơ. Thực tế làm gì có những tình yêu tuyệt vời hy sinh tất cả cho nhau. Chết cho nhau, chết cùng nhau như Romeo & Juliet, Lương Sơn Bá & Chúc Anh Đài, chuyện tình Jack và Rose trên con tàu Titanic. Làm gì đến nỗi thất tình phải tự tử hay cạo đầu đi tu. Nghệ sĩ nhạy cảm, lãng mạn, mơ mộng, nhiều tưởng tượng nên cường điệu. Người thưởng ngoạn say mê sảng khoái vì vươn tới cái chẳng hề có thực trong cuộc sống thông tục.

Đúng. Đúng. Bây giờ Lâm đã biết nếu họ không sống thực, không trải qua, thì không thể có được những vần thơ, những áng văn, những nhạc khúc bất tử như thế. Họ đã nghiệm được đau thương tận cùng, cũng như hạnh phúc tuyệt vời mà người thường chưa qua, chưa nếm.

Lâm cũng đã có nhớ, có thương có yêu, hay tưởng rằng yêu,. Nhưng cũng vừa vừa. Luôn tự chủ. Vênh vênh tự đắc là chẳng có người nữ nào trên cõi ta-bà này có thể làm cho mình tương tư tới tấp tưng bừng. Gặp Margarita mọi chuyện thay đổi ngạc nhiên. Bảy mươi chưa què, chớ khoe mình lành. Chân lý.

Hai đứa đã hưởng những thời khắc tuyệt vời ngất trời hạnh phúc. Tình yêu kỳ diệu. Cuộc sống quả thật đáng sống vì được sống gấp đôi gấp ba. Yêu nhau mới thấy đơn vị đo thời gian như giây phút giờ ngày là thứ không có tiêu chuẩn đáng tin. Dãn thun tùy tiện. Một ngày cạnh nhau chỉ thoáng qua là hết. Một ngày dài bằng một giờ. Khi chờ nhau, khi nhớ nhau thì một ngày dài hơn một tháng.

Tình yêu tuôn tràn triền miên vô hạn dành cho Margarita, đối mặt với cái hữu hạn lạnh lùng của thực tế làm cho Lâm luôn đau khổ về một tương lai mong manh. Hạnh phúc, khổ đau là hai mặt tương phản nhưng lại biến thiên cùng chiều, cùng hiện hữu trong chiếc nôi tình yêu.

Những ai yêu nhau vừa đủ để sống với nhau sinh con đẻ cái, hưởng cái hạnh phúc bình thường thì khổ đau cũng chẳng có chi đáng nói. Những ai như Lâm, có được tình yêu ngút ngàn trời xanh, tặng phẩm kỳ diệu của trời đất thì cũng sẽ cưu mang nỗi dau vời vợi. Yêu nhau đậm kẹo rồi chia ly cách trở là một quả phạt ghê gớm.

"Một phút huy hoàng rồi chợt tắt" hay "buồn le lói suốt năm canh"? Không phải muốn là có. Chọn mà được. Nghiệp. Huy hoàng hay le lói. Đều là nghiệp. Cho huy hoàng được huy hoàng. Bắt lói le phải chịu phần lói le!

Margarita đi xa, Lâm có cơ hội cân đo đong đếm xem mình yêu nàng đến chừng nào. Vào ra. Đứng ngồi. Nóng ruột nóng gan chịu hết nổi.

Lái xe chạy ra bờ hồ. Bãi vắng. Nước xanh vắt. Sóng êm. Cảnh đẹp yên bình mà sao trống lạnh. Lâm hét lớn gọi tên người yêu. Thơ thẩn. Ngẩn ngơ. Soãi chân, ngồi ngã người trên ghế Lâm nghĩ về những ngày có nhau.

Tình yêu của Lâm và Margarita bắt đầu từ một buổi sáng bình thường như mọi buổi sáng, bắt đầu từ một ngày đầy đủ như mọi ngày nhưng chỉ thiếu một chữ "nếu". Nếu một trong hai đứa không ghi danh lớp học này. Nếu. Nếu. Nếu...thì cuộc kỳ ngộ có duyên không kiếp đã không xảy ra.

Một buổi sáng. Nên có hay không nên có? Mãi sau này Lâm cũng không tìm được câu trả lời cho mình.

"Tìm lớp của Doctor Harkin?"

Đang chăm chú dọc mảnh thông cáo nhỏ trên cánh cửa lớp học đóng kín, nghe giọng nói tiếng Mỹ trong trẻo phát âm đúng phảng phất Á châu. Lâm quay đầu. Một cô gái không trang điểm. Giản dị trong chiếc áo lạnh cũ dài quá gối màu cánh sen nhạt phai màu. Đường chỉ may chằng hình quả trám, tương tự như áo bông trấn thủ của bộ đội Bắc Việt. Làn tóc đen thẳng ngang vai, mái trước cắt thẳng ngang tầm đôi lông mày đẹp. Nét mặt, đôi mắt hơi xếch sau cặp kính cận, cách ăn mặc, Lâm nghĩ nhanh cô ta là người Hoa. Không thể nhầm lẫn được.

Ánh mắt cô gái linh động, tự tin và vui. Lâm ngẩn ngơ, bị cuốn hút bất ngờ. Trước cái nhìn xao xuyến kỳ lạ của Lâm, cô gái cũng thoáng bối rối. Chưa kịp hoàn hồn để trả lời, cô gái tươi cười để lộ chiếc răng khểnh.

"Lớp học của mình đã chuyển lên lầu ba".

Lấy lại bình tĩnh, Lâm đưa tay bắt, giới thiệu.

"Tôi là Lâm".

"Margarita".

Ngạc nhiên với cái tên tiếng Mẽ của cô ta. "Hoa cúc. Ta thích cái tên này". Liên tưởng đến tựa một phim Pháp đã coi từ lâu, *En effeuillant la marguerite*. Ngắt cánh hoa cúc. Nghĩ đến trò chơi bói ngắt từng cánh hoa. Em yêu anh. Em không yêu anh. Cánh hoa còn lại cuối cùng chắc chắn sẽ là..."Em yêu anh!"

"Anh là người Đại Hàn?".

Mãi suy nghĩ trời đất, nghe hỏi, Lâm giật mình cười lớn:

"Không. Không. Tôi người Việt".

"Oh! Sorry. Anh cười vì tôi đoán sai".

Sợ bị hiểu lầm mất lịch sự, Lâm phân bua:

"Tôi cười vì không phải chỉ mình cô. Người Mỹ đã đành không phân biệt ai là Hoa,Việt, Đại Hàn. Như mình khó đoán ra ai là Nga, Lỗ, Balan. Các bạn Á châu cũng thường đoán nhầm về tôi. Có lẽ...vì đôi mắt mí sụp ti hí của tôi thôi".

Margarita thân mật trêu:

"Oh ! No. Mắt anh đâu có ti hí. Nhưng...nhưng cũng giống người Korean thật".

"Cô là người Trung hoa lục địa?"

Cô gái chưng hửng. Nhướng mắt.

"Sao hay quá vậy! Quê tôi ở Quảng đông. Mà sao..sao anh biết?".

"Nét mặt. Đôi mắt. Ừ. Đôi mắt của cô."

"Mắt mí sụp. Mắt một mí ti hí. Mắt lươn."

Cô gái tuôn ra một hơi. Cười hăng hắc. Lâm vui lây với thái độ tự nhiên của cô gái mới quen.

"Không! Cô có đôi mắt như diễn viên Hồng Kông Lý Lệ Hoa."

Nhíu mày suy nghĩ cố nhớ. Thích thú. Gật gù.

"Oh! Li Li Hoa. I Know. Bà đó già và đã chết lâu lắm rồi. Anh nỡ so sánh tôi với một bà già!"

Lâm chống chế:

"Đâu có. Đâu có. Ý tôi muốn khen cô có đôi mắt đẹp. Đôi mắt phụng đặt biệt của người Trung hoa."

Nói xong Lâm ngạc nhiên về sự bạo dạn chưa hề có của mình. Lần đầu tiên trong đời Margarita được người lạ khen cũng đỏ mặt e thẹn.

"Anh biết nịnh đầm quá há!".

Cả hai cùng bật cười lớn thoải mái tự nhiên. Thân mật như đã thân quen từ lâu. Vui. Lôi cuốn. Lần đầu tiên Lâm gặp một cô gái ăn nói tự tin, lý sự và làm cho mình bị động lúng túng chống đỡ.

Sực nhớ, Margarita quay mặt hỏi:

"Nhưng sao anh biết tôi đến từ lục địa mà không là Đài Loan, Hồng Kông, Singapore hay Chợ lớn?".

"Dễ! Cái áo lạnh và mái tóc."

Tròn xoe đôi mắt khâm phục, Margarita đưa tay, Lâm bắt. Rung động xao xuyến giữ lâu bàn tay nhỏ ấm. Margarita chợt sững, lúng túng.

"Thật thông minh. Sherlock Homes. Ngày mai tôi phải thay cái áo lạnh và uốn đổi mái tóc để che giấu tung tích. Như thế này thì nguy quá!"

Hai đứa cười đùa đi vội đến lớp. Không hẹn mà cùng nấn ná để ngồi vào hai ghế trống gần nhau cuối lớp. Chẳng ai chịu tách ra để ngồi riêng ở những chỗ trống đơn lẻ rải rác ở mấy hàng ghế đầu. Mấy năm ở đại học, đây là lần đầu tiên Lâm ngồi hàng ghế cuối. Buổi gặp gỡ đó đã để lại cho Lâm một cảm giác ấm áp nôn nao lạ lùng chưa hề kinh nghiệm.

Hôm sau Lâm đến lớp sớm. Trên đường nuôi hy vọng vô căn cứ. "Biết đâu Margarita cũng đã có mặt?". Tự cười về cái ngớ ngẩn trẻ con của mình. Lớp trống vắng. Lâm lấy cặp và sách giành hai chỗ cạnh nhau cuối lớp như ngày hôm qua. Tự thẹn, cười thầm. Vội vã ra hành lang tới lui nơm nớp, ngóng mong Margarita. Đám đông đã ồn ào. Nàng vẫn biệt tăm. "Đổi lớp. Bỏ lớp?". Giáo sư đến, lớp học bắt đầu. Chưa thấy bóng dáng nàng. Lâm nôn nóng, tới lui. Dùng dằng muốn vào, muốn đợi.

Giữa lúc lưỡng lự thì Margarita xuất hiện tất tả cuối hành lang. Lâm

vui, lẻn nhanh vào lớp. Hơi ngượng vì thấy cả lớp quay nhìn. Tưởng chừng như ai cũng thấy rõ những điều thầm kín đang hiện rõ trên nét mặt si tình luống cuống mất tự nhiên của mình. Margarita đảo mắt tìm, vui thấy Lâm. Nhanh nhẹn đến ngồi cạnh. Thì thầm chào và lí nhí cám ơn đã giữ chỗ.

Hai đứa thân nhau, cần có nhau, lấp khoảng trống cô đơn cho nhau những ngày sau đó. Lâm như đã yêu trước khi thân. Hành trình tâm lý nghịch chiều tiền định. Những giờ học, những lúc rong chơi ăn uống la cà đây đó. Những lúc trò chuyện luận bàn nghiêm túc. Những khi đấu láo tán gẫu. Tâm sự, tâm tình. Tri kỷ, tâm đầu. Lâm và Margarita thấy đời vui và ấm. Quí từng ngày trước mặt. Hối tiếc những ngày đã qua đã mất, vô vị rỗng buồn.

Hoàn cảnh và bổn phận hai đứa cũng tương tự. Những ngày cuối tuần túi bụi làm tiền. Tiền làm được Lâm chỉ giữ đủ chi dùng, phần lớn gửi về nước nuôi gia đình. Từ ngày qua Mỹ, Lâm chỉ có việc học và làm tiền, chán đời chán người, Lâm gần như xa lánh tự cô lập. Bạn bè chỉ còn vài người thật thân. Margarita vất vả hơn. Du học sinh phải tự túc không có được trợ cấp tài chánh như Lâm. Mỗi thứ sáu, sau giờ học kéo nhau đi ăn trưa. Vội vã đưa Margarita ra trạm xe lửa lên tận toa tàu. Quyến luyến chia tay. Mất hai tiếng mới tới nhà hàng ăn của ông chú. Ở đó Margarita "xông pha khói lửa..xì đầu". Đứng bếp suốt ngày cho đến quá nửa khuya. Tiền làm cũng đủ trả tiền học, tiền ăn ở, gửi về nước. Còn lại chút đỉnh dành dụm gửi vào trương mục tiết kiệm phòng thân.

Sáng thứ hai đón nàng. Từ trên toa tàu bước xuống, mặt mũi bơ phờ. Mắt sưng vì khói vì thiếu ngủ. Lâm thương xót ruột xót gan. Lâm cầu trúng số *big game*. Xong lớp sáng, nàng vội về nhà ngủ bù. Lâm ước gì được theo về để săn sóc, để ru nàng ngủ. Sau này khi nói được với Margarita ý nghĩ của mình, Margarita cười lớn bảo Lâm cứ như sống trên mây, mơ ước hão huyền. Lâm bảo. Ai cấm được mình mơ. Không được mới mơ. Được thì đã làm rồi.

Margarita sống với chú ruột Liu Qi-Lưu Quỳnh. "Chú thay mặt cha!". Ông hay nhắc đi nhắc lại bùa yếm này mỗi khi thấy cháu phản ứng chống đối. Phép tắc lễ giáo nghiêm ngặt cứ như đang ở bên Tàu thời Mãn Thanh cạo đầu bín tóc. Về khuya tuyệt đối không. Phôn đi phôn tới cũng phiền. Margarita bực bội nhiều lần than với Lâm. Lâm nói: Sao không dọn ra ngoài?. Nàng lắc đầu. Lâm không hiểu rằng: gấp mấy lần người Việt mình, tinh thần gia tộc của người Trung hoa ăn sâu vào huyết

quản, đường gân thớ thịt cho nên Margarita không hề nghĩ đến chuyện đọn ra. Ít ra ở đây Margarita tìm được sự an toàn và tình gia đình trầm cặn thiếu vắng.

Qua mấy tháng gần gũi cùng học cùng chơi, Lâm biết mình đang yêu. Yêu ghê gớm. Lâm biết mình yêu vì sự nhớ nhung quay quắt không kềm hãm, không giải khuây được khi xa mặt, sự bồn chồn lo lắng bấn xúc xích khi Margarita đau ốm hay gặp điều bất trắc. Rõ hơn hết là niềm vui sướng hạnh phúc đầm ấm khi được gặp nhau, gần bên nhau.

Bên cạnh niềm vui tuyệt vời kỳ diệu của tình yêu, Lâm lo âu vì sự mong manh bất trắc. Tình yêu nào không mong đi đến hôn nhân. Điều này còn là bài toán chưa có lời giải. Vấn đề không phải chỗ khác chủng tộc, khác tiếng nói. Cái khó là vì hoàn cảnh riêng. Bao đêm mất ngủ trằn trọc, bao lần ngồi bên nhau, khi tình yêu thương đâng tràn không thể kềm chế được Lâm định thổ lộ, nhưng nghĩ đến Margarita, nghĩ đến tương lai chưa nắm bắt được, Lâm nén lòng giữ kín.

Cho đến...

Một buổi sáng.

Ngồi ăn trưa với nhau trong một tiệm mì bình dân ở phố Tàu. Lâm không tự chủ được, rưng rưng xúc động nâng bàn tay Margarita hôn nhẹ, thổ lộ tình yêu. Lời tỏ tình vượt thoát tỏa phong của hàng rào ý thức, của dấn đo vướng bận hệ lụy trần gian. Và mơ hồ vọng lại từ vùng vô thức nguyên sơ không vẩn bụi đục. Từ cõi tiềm thức sâu lắng tích đọng âm thầm những ước mơ ôm ấp. Margarita lặng yên. Mắt rưng, siết nhẹ tay Lâm. Tình yêu trao và nhận.

Lúc bộc lộ tình yêu với Margarita Lâm mới lúng túng nhận ra sự hạn chế của khác biệt tiếng nói. Ngôn ngữ Anh giao tiếp thông thạo hàng ngày trở nên khô cứng tắt nghẹn. Không mang đủ hồn tinh tế diệu vợi cho Lâm trải lòng mình, diễn cảm tình yêu của mình.

Muốn nói với Margaita. "Anh yêu cưng! Anh yêu mình!". Câu nói bình thường đơn sơ mộc mạc mà dường như đã được ấp ủ chắc chiu rất đậm rất sâu rất cô đọng mùi bùn non của ruộng đồng, khói thốc rê của dượng Ba, vị trầu cau của mẹ, mùi nước mắm, mắm ruốt, mắm nêm. Tiếng nói không phải chỉ nghe từ lúc nằm nôi mà ngay từ thuở nằm co gối, ngủ ngon trong bụng nghe tiếng thì thầm của mẹ. Câu nói của hồn của phách của máu xương da thịt không thể dùng một câu ngoại ngữ tương tự để thay thế được.

Lấy tờ giấy *napkin* trên bàn ghi mấy vần thơ bằng tiếng mẹ đẻ đưa

cho Margarita. Lâm giải thích lý do và dịch thoát ý thơ. Xúc động cầm lấy. Không cảm hết nhưng Margarita biết được tấm lòng của Lâm. Nàng cũng ở trong tâm trạng như vậy nên bật lên một tràng tiếng Hoa, giọng run run nhìn Lâm. Hai đứa cùng cười. Nước mắt tràn. Hạnh phúc.

Một sự sắp đặt lạ lùng, hai đứa có những ý thích, ý hướng giống nhau đến sửng sốt.

Lâm triết lý.

"Cùng ý thích như thế này chúng mình được sống gấp đôi. Khác sở thích khác chí hướng thì đời chỉ còn...một phần ba".

"Tại sao? Tại sao không là một nửa?"

"Một phần cho mình. Một phần chìu người!"

"Phần còn lại?"

Lâm cười nói tiếp

"Gây nhau tranh phần được cho mình"

"Anh nói sai rồi. Nếu mình đi nhà hàng kêu một món mà hai đứa đều thích thì bị chia đi một nửa. Nhiều khi không tới một nửa vì...vì em ăn...ăn chậm hơn Lâm. Lâm không những ăn nhanh mà còn ăn nhiều như cọp. Nếu Lâm không thích thì em được ăn trọn. Đúng không"

"Tham ăn"

" A ha! Nói như vậy em nổi giận bất tử là anh lỗ nặng đó nghe".

Hì hì "Xin lỗi"

Có lần Margarita nói.

"Chúng mình có cái may mắn là cùng mang nhiều nét văn hóa phong tục tập quán gần gũi nên có sự thông cảm bẩm sinh. Ngày tết ngày lễ, thờ cúng ông bà, không khác. Em cầu QuangYin anh khấn Quán Thế Âm"

Lâm phụ họa.

"Hai đứa đều thích hủ tiếu, mì xào đòn, hoành thánh, chảo phảnh. Cùng ghiền phở, bún bò...giò...giò cho quẩy...Phải không?".

"Em nói chuyện đàng hoàng anh chỉ nói chuyện ăn. Hư quá. Để em nói hết."

Margarita không nhớ mình đang nói đến đâu.

"Đang nói anh cắt ngang làm em quên mất đang nói chuyện gì"

"Chưa già mà đã lẫn rồi đó."

Lâm trêu.

"À nhớ ra rồi!à Anh thuộc làu thơ Thôi Hiệu, Lý Bạch còn nhiều hơn em. Chỉ tiếc không cùng tiếng nói để có thể cảm được cái hồn riêng.

Đọc một truyện hay chúng mình có thể kể cho nhau để cùng hiểu những ý tưởng chứa đựng. Nhưng khi muốn nói với nhau những tình cảm tinh tế, khi gặp một bài thơ hay thì dù thâm hậu cách mấy cũng không thể dịch qua một ngôn ngữ khác. Dịch cái ý mà không chuyển được cái hồn"

Lâm cười an ủi.

"Trời cho sao thì hưởng vậy. Được như vầy là quá tốt. Được voi đòi tiên. Nhưng này em. Khác tiếng nói cũng có điều lợi."

"Điều gì?"

":Khi giận nhau thì không đủ chữ cay đắng để chửi nhau, sỉ nhục nhau như khi dùng tiếng mẹ đẻ!".

"Anh nói bậy. Chúng mình sẽ không khi nào nặng lời với nhau. Em bảo đảm."

"Chắc không?".

"Bất đồng ý kiến, tranh luận hay cãi nhau chí chóe cũng có. Sỉ nhục thì không. Tuyệt đối không."

"Trong tình yêu, bây giờ và sau này trong cuộc sống vợ chồng, có giận có hờn. Có khi tóe lửa. Lắm khi vô cớ và rất ư vô lý. Tất cả đều thường tình. Nhưng xúc phạm nhau, sỉ nhục nhau thì tình yêu cho dù có nặng như núi Thái sơn cũng sẽ tan nhanh như tuyết xốp."

Tiếng nói của Lâm như dội lại từ một kinh nghiệm đắng cay tồn đọng.

"Đồng ý. Đồng ý."

Giơ hai tay lên trời Margarita cười lớn. Ôm choàng. Hôn nhau. Ngất ngư.

"Hôn anh thích thật!". Margarita bẽn lẽn.

Tên thật của nàng là Liu Yin Xue. Khi nghe nàng nói, Lâm đòi Margarita viết ra chữ Hoa xuống giấy. Chạy tìm người bạn gốc Chợ lớn dọc ra âm Việt là Lưu Tố Anh. Lâm gọi tên người yêu theo âm Việt. Margarita thắc mắc. Lâm nói. Nghe hay hơn. Rồi tập cho nàng nói theo. Nàng cười thích, giọng lơ lớ ngòng ngọng, dễ thương. Gia đình ở Quảng đông. Mẹ yếu bệnh từ khi sanh đứa con gái thứ hai và mất sớm. Từ đó cha nàng gánh vác hết mọi vất vả nuôi con.

Con trai trưởng của giòng họ, ông không những nuôi con mà trách nhiệm cưu mang cả gia đình các em. Con cháu anh em gần hai chục người cùng sống trong khu nhà rộng hương hỏa. Trách nhiệm gia trưởng đã nhạt nhòa vai trò của người cha. Lo cho con đầy đủ nhưng nghiêm và thiếu gần gũi. Điều này ở thế hệ ông cha và xã hội chung quanh chỉ là

chuyện bình thường. Có một điều không bình thường là các đứa trẻ khác trong nhà có mẹ để vỗ về âu yếm, để cân bằng với cái nghiêm khắc của cha. Còn hai chị em nàng cô đơn cô độc. Những lúc buồn tủi chỉ biết tìm trốn vào một nơi xa lánh mọi người. Thói quen đó thành nếp sống cho đến bây giờ.

Ông Liu Qi, Lưu Quỳnh, dạy tại trường đại học Quảng đông. Phong trào cách mạng văn hóa bùng nổ ở Trung quốc. Năm đó Tố Anh tốt nghiệp cao trung. Liu Qi nghiêm nhưng hiền lành ốm yếu là một trong những nạn nhân đầu tiên bị sinh viên thân yêu của mình bạo hành, sỉ nhục.

Trong thời gian cha bị đày ở trại lao cải gần Hengvan, Margarita liên lạc với cô ruột Lưu Ân giàu có ở Mexico. Cô móc nối lo được cho cháu vượt thoát khỏi nước trên một con tàu sắt rỉ sét, chở hàng trăm người nhét đầy trong những thùng chứa hàng, mấy người chết ngạt. Một đêm tối mưa gió tàu đổ bộ lén lút lên bờ biển Mexico.

Khi nghe Tố Anh kể lại những ngày cơ cực căng thẳng này Lâm thấy mình tuy cũng vượt biên vượt biển nhưng khó khăn so với nàng chưa đầy một nửa. Mình chỉ lo sao ra được hải phận quốc tế là đã thấy tương đối an toàn. Đến đảo thì coi như được chấp nhận tỵ nạn. Tố Anh cho biết đoạn đường khó, nguy hiểm nhất là khi đổ bộ và sống bất hợp pháp ở xứ người. Nhờ truyền thống bao che giúp đỡ của đồng hương Hoa kiều nàng mới thoát được sự truy lùng của chính quyền.

Hơn bốn năm làm mọi việc nhọc nhằn lam lũ trong nhà hàng ăn đông khách sang trọng của vợ chồng cô Lưu Ân. Năng động, tháo vát. Thông minh, nhanh nhẹn. Chịu khó và nghị lực. Từ chân rửa chén, nhặt rau, bồi bàn và sau cùng trở thành phụ bếp tín nhiệm. Tố Anh hoàn lại đủ mười ngàn đô la phí tổn mà cô đã ứng trả cho chủ tàu. Chắt chiu dành dụm tháng tháng gửi tiền về nuôi cha, nuôi bà nội, nuôi đứa em gái đã vào đại học.

Buổi sáng Tố Anh theo học tiếng Mễ và tiếng Anh tại trường đại học. Vì năng khiếu bẩm sinh, một phần khác vì nhu cầu sinh tồn, Tố Anh nghe và nói thông thạo hai ngôn ngữ mới như đã từng ở đây lâu. Học hỏi tìm tòi, Tố Anh say sưa cuốn hút trong kho tàng kiến thức nhân loại. Thích thú đọc và đọc. Giấc mơ của Tố Anh là được đến học và sống ở Mỹ. Sau một thời gian, cô Lưu Ân lo lót giấy tờ để Tố Anh trở thành người cư trú hợp pháp ở Mễ với tên Margarita.

Giấc mơ đến Mỹ được thực hiện sớm hơn, ngoài dự tính của Margarita.

Chồng của cô Ân trông đạo mạo và hiền lành lại là một tên cuồng dâm ẩn ức. Ánh mắt khát khao dục vọng nhìn trộm thân hình cân đối, đôi vú no căng của đứa cháu vợ. Khi vắng người, lợi dụng Margarita bận hai tay xào nấu, ông nhanh nhở thô bạo chụp vào đôi vú hay nơi phần kín. Margarita đã chống đỡ. Có lần quá giận suýt tạt cả chảo dầu sôi vào ông. Lo sợ tai họa, nhưng không biết cách nào để nói cho cô mình biết.

Một đêm cuối tuần. Khách đông. Tiệm đóng cửa muộn hơn. Cô than mệt về trước, giao cho chồng và cháu dọn dẹp thu xếp khóa cửa. Vừa tắt đèn xong, định ra khóa cửa ngoài thì đột nhiên ông xuất hiện. Margarita cứ ngỡ ông đã ra chờ ở ngoài. Trong ánh sáng lờ mờ của bóng đêm, ông ôm choàng và cuồng nhiệt đè ngửa Tố Anh, giựt rách quần áo. Lõa lồ, Margarita chống cự, kêu cứu. Chẳng ai nghe. Đuối sức, bất lực buông xuôi. Tưởng đã khuất phục được, ông lơi tay. Phản ứng, Margarita đạp mạnh ông ngã ngửa. Thoát chạy ra cửa. Giật vội chiếc khăn bàn quàng che thân thể gần như lõa lồ, Margarita chạy vội về phía xe, ông không dám đuổi theo.

Đập cửa phòng của cô. Thấy cháu, bà đã hiểu ra sự việc. Ôm cháu. Khóc. Cô khóc vì giận. Cháu khóc vì nhục và tủi. Trước sự việc xảy ra không còn thể giữ lại đứa cháu thân yêu tin cậy. Trong thời gian ngắn, cô liên lạc với ông em ở Chicago, làm mọi thủ tục để Margarita được đến Mỹ theo diện du học sinh. Margarita hứa với cô là giữ kín chuyện xấu xa của gia đình.

Đến Mỹ là niềm vui thật sự đầu tiên Margarita có được từ khi khôn lớn. Báo tin cho cha ngay đêm đầu tiên đến Chicago. Ông mừng. Giọng nói của ông đã yếu đi, phều phào khuyên con phải hoàn tất việc học. Phải thoát ra khỏi nghiệp dĩ cha truyền con nối nấu nướng phục vụ như hầu hết người Hoa sinh sống xứ người. Ông dặn đi dặn lại là bằng cách nào cũng phải ở lại Mỹ. Ngay tối hôm đó ông tắt thở. Từ ngày được tha về với gia đình, suy sụp tinh thần kiệt quệ thể xác ông chết dần trên giường bệnh. Cả nhà không cho Margarita biết. Mừng quá, xúc động mãn nguyện với ước mơ của mình dành cho đứa con gái long đong, ông nhắm mắt lìa đời trong niềm hối tiếc đã khô cằn trong tình thương với các con những ngày thơ ấu thiếu mẹ.

Bất an, cô đơn. Những biến cố xảy ra trong chuỗi ngày đời làm cho Margarita trưởng thành trước tuổi. Do bản năng sinh tồn tự lập, nàng thường chế ngự tình cảm . Những ngày ở Mỹ, nhiều người đồng hương đem lòng thương yêu hoặc giới thiệu mối lái. Chưa ai cho nàng một rung động của yêu thương. Có khi tinh thần mệt mỏi, Margarita định

buông xuôi tìm an thân bằng cách thuận lấy một người giàu hay có địa vị. Tâm hồn khoáng đạt Margarita hiểu được, vợ chồng lấy nhau vì bất cứ lý do đưa đẩy nhất thời giai đoạn mà không dựa trên tình yêu chân thật thì sớm muộn đời sẽ là những ngày cô đơn buồn nản. Gặp phải người ích kỷ chỉ biết nghĩ điều mình mất, gia đình là vỏ bọc ẩn ức, thủy chung chỉ là miễn cưỡng.

Gặp Lâm, cảm giác đầu tiên là sự tin cậy và một cảm tình rất đỗi đằm ấm dễ chịu. Tuy thế nàng giữ cho mình một khoảng cách an toàn. Hạn chế bộc lộ những tình cảm nẩy chồi xanh tươi. Thiếu vắng bàn tay vuốt ve âu yếm, những lời nói dịu ngọt, những lo toan vụn vặt ủ ngập thương yêu của mẹ từ khi chập chững, lớn lên Margarita thiếu những thứ đó cho người và ngỡ ngàng nhận được từ người. Sau này Lâm là người hứng chịu những hậu quả tâm lý đó của Margaita với một lòng thương vô bờ, với thông cảm và kiên nhẫn. Margarita xúc động bất gặp ở Lâm cả tình thương lo lắng của mẹ từ lâu thiếu vắng và một tình yêu nồng nàn tận tụy vô điều kiện. Giờ đây nàng mới nhận ra mình là một người mất đi hay thiếu đi những tình cảm yêu thương tự nhiên.

Xưa trong gia đình đông đúc và sau này chồng chỏi với đời nàng lo cho mọi người và cố sống cho vừa lòng mọi người tất cả cũng nặng về cái lý. Hầu như chưa có ai thật sự lo cho nàng. Lâm là người duy nhất. Với Lâm nàng dã sống thật. Được biểu lộ giận hờn bực bội. Có thể nhỏng nhẽo, tuy rằng hiếm hoi. Những điều chưa hề có. Trong tình cảm như thế, lần đầu tiên Margarita thoát ra khỏi vỏ bọc lý trí để sống thật với mình, với bản chất được giấu kín, ngụy trang. Gặp được tình yêu đẹp nhất, thuần khiết nhất. Nàng yêu Lâm và nhận lời tỏ tình. Không nghĩ xa hơn.

Chiều nay gặp nhau. Ngồi bên nhau trên chiếc ghế gỗ công viên nhìn ra mặt hồ trong xanh phẳng lặng. Những ngày đẹp trời như hôm nay hai đứa thích đến nơi nầy. Nơi mà vào một buổi tối lạnh ngày Valentine hai đứa lần đầu tiên trao cho nhau chiếc hôn và lần đầu tiên biết sự kỳ diệu của tình yêu và của một nụ hôn.

Margarita có điều gì muốn nói, thái độ khác lạ. Tình yêu đã cho Lâm đủ nhạy cảm để đoán được cái lo cái buồn, cái mệt mỏi căng thẳng thoáng qua trên gương mặt trong ánh mắt của người yêu.

"Em có điều gì vậy?"

"Em...em có chuyện muốn nói"

Nhìn thẳng Lâm

"Anh...Anh yêu em không?"

"Nhảm nhí"

"Chỉ trả lời em"

"Yêu. Yêu kinh khủng"

Lâm ngạc nhiên, lần đầu tiên nghe nàng hỏi như vậy. Lâm thì bộc trực không kềm hãm được tình cảm mình nên thường nói nhiều, nói mấy cũng thấy không đủ cho Margarita hiểu mình thương yêu nàng đến độ nào. Yêu nàng, thương nàng Lâm lo cho nàng. Đến nổi Margarita cằn nhằn. "Anh cái gì cũng *over*!"

Ngược lại, Margarita ít khi biểu hiện tình yêu thương bằng lời nói. Có lần Lâm hỏi "Em có yêu anh không?" Margarita chỉ ngắn gọn. "Không yêu anh mà như thế này à". Thời gian đầu Lâm thấy thiêu thiếu buồn buồn. Có ai trên thế gian này và cả trên cõi thiên thai không thích nghe lời nói yêu thương, thích nhận cử chỉ yêu thương của người mình yêu dấu. Lâu dần gần nàng, hiểu ra chỉ là cá tính nhào nặn bởi sự thiếu mẹ. Vỏ bọc lịch sự đôi khi lạnh lùng xa cách bên ngoài chứa đựng một trái tim nồng nàn.

Margarita hỏi thẳng:

"Nếu chúng ta lấy nhau, có hạnh phúc không"

"Còn phải hỏi! Cam đoan sẽ yêu em săn sóc em bù cho em những gì em thiếu. Yêu em ngợp trời mây."

"Thôi đừng quảng cáo. Em biết lấy anh, em sẽ sung sướng"

"Có em là vợ anh cũng là người trúng số vậy. Đúng không?"

Cầm lấy hai tay Lâm, Margarita nghiêm trọng

"Mình cưới nhau đi anh"

Mối lo canh cánh về tương lai của mối tình đã làm cho Lâm nhiều đêm mất ngủ. Lâm hoảng hốt linh cảm tai họa đó đang đổ sập xuống đầu. Linh cảm sẽ mất Margarita. Linh cảm sẽ mất tình yêu mà đối với Lâm không có gì có thể đánh đổi được. Qua chiến tranh tù đày, Lâm đã đối diện và không sợ cái chết cái đói cái khổ. Lâm cũng chẳng quan tâm thiết tha nhiều với danh vọng và tiền bạc và thờ ơ với cả tình yêu. Có cũng được không có cũng chẳng sao. Không quí nên không sợ mất. Lâm như người đã đạt đạo không vướng bận. Cho đến ngày gặp và yêu Margarita. Lâm không dám tưởng tượng nếu không có Margarita, không có tình yêu của nàng thì những ngày đời còn lại sẽ ra sao.

Lâm giật mình thảng thốt nghe Margarita nhắc

"Anh chưa trả lời em"

"Bây giờ... chưa...chưa thể được em ạ. Chúng mình chờ thêm hai năm nữa được không?"

Margarita ngạc nhiên, ngoài dự tính.

"Tại sao? Anh yêu em và vẫn mong mình sống với nhau mà!. Chúng mình yêu nhau, cần có nhau. Sao phải đợi chờ. Em...em không thể chờ lâu hơn...hai tháng"

Ấp úng, Lâm nói không ra lời

"Anh kẹt..vợ... con"

"Em biết. Anh đã kể hết cho em nghe. Anh đã bỏ lại Việt nam để trốn qua đây chỉ vì bị vợ làm nhục và khinh rẻ sau khi tù dày, đã đuổi anh ra khỏi nhà"

Lâm tuyệt vọng phân trần:

"Đúng. Nhưng qua tới đảo Bidon anh đã khai có vợ hai con và đang xúc tiến thủ tục bảo lãnh. Gia đình sẽ qua đây vào năm tới. Đợi lúc đó sẽ tính chuyện của chúng mình"

Margarita lặng yên. Lâm vớt vát:

"Ngay ngày mai chúng mình sẽ cưới nhau. Anh chỉ mong chừng đó. Nhưng...nhưng thong thả làm hôn thú sau."

Margarita nghẹn ngào:

"Chính vì tờ hôn thú đó mà em muốn chúng mình cưới nhau gấp. Nếu không cứ yêu nhau như thế này em mãn nguyện. Dầu sao trời cũng đã cho chúng ta gặp nhau yêu nhau và biết được sự kỳ diệu của tình yêu"

Lâm lịm người hiểu ra được

"Em hết hạn cư trú ở Mỹ phải không? Em có thể xin gia hạn như mấy lần trước mà"

"Lần nầy không được. Mấy tháng nay không cho anh biết, không muốn anh lo. Đã tìm mọi cách nhờ nhiều người mà không được. Em xa anh mấy ngày là đi nhờ người. Trở về Mexico thì không bao giờ. Bản thân em không thể, không muốn trở về. Vả lại em đã hứa với Ba em trước ngày người mất là sẽ ở lại đây"

Lâm biết chỉ có cách làm hôn thú với người có thẻ xanh hay có quốc tịch Mỹ thì Margarita mới được đương nhiên lưu trú.

Lâm chới với bất lực. Trớ trêu. Hạnh phúc mơ ước rất gần, như nắm như bắt mà vụt chốc tan biến mất tăm.

Lâm bật khóc

"Trời. Làm sao đây?"

Margarita yêu Lâm quá đỗi. Hiểu được nỗi đau của Lâm của mình và đối diện với khó khăn thực tế. Khi tuyệt vọng hay khổ đau tận cùng như bây giờ với bản năng sinh tồn mạnh mẽ Margarita có được cái lì, cái trầm tĩnh, tự chủ. Margarita thường chê Lâm. Anh không *cool* bằng em!

Lâm cười, phản công. Ngoài mặt anh không cool nhưng trong lòng

anh tĩnh. Còn em ngoài cool nhưng trong bụng động loạn.

Margarita âu yếm ôm đầu người yêu, ghì chặt vào ngực, như sợ sẽ chẳng còn cơ hội. Nâng mặt Lâm hôn tới tấp. Đấm đuối. Lần đầu tiên từ ngày yêu nhau Margarita bộc lộ nồng nàn tình thương yêu không kềm giữ.

Buông Lâm

"Thôi mình về"

Margarita khẽ nhắc.

Ra xe Lâm phân vân chưa biết đi đâu, Margarita trầm tư xa vắng, nói nhỏ:

"Mình về nhà đi anh"

Lâm hiểu Margarita muốn về với mình. Về nơi ở của Lâm. Nơi đã ghi dấu bao kỷ niệm của hạnh phúc yêu thương. Từ ngày quen nhau đến giờ chưa có lần nào Lâm được phép đến thăm nàng tại nhà. Có mấy lần Margarita bị bệnh, Lâm nóng ruột làm liều đấm cửa ghé thăm. Ông chú bà thím xuống thấy mặt người lạ, xỗ một tràng tiếng Tàu rồi đóng sầm cửa. Sau đó còn bị Margarita lên lớp vì phạm điều cấm kỵ. Cuối thế kỷ 20, trên đất nước tự do, sống tự do mà yêu nhau gặp nhau tính từng phút cứ như thời Đông Châu liệt quốc, khó ai mà tin được. Có lần Lâm cần nhằn. Ai cần gì một ngày em cũng bỏ. Còn với mình em bủn xỉn từng giây. Khổ anh!

Vào nhà, quen thuộc, Margarita mở tủ lạnh quan sát.

"Anh đói không?"

"Anh chẳng thiết tha gì ăn uống"

Margarita cố cười vui

"Phải ăn để...còn sức mà sống. Em cũng thấy đói."

Hai đứa như nhau, dễ nuôi. Khi có thì giờ thì thưởng thức món ăn, phụ nhau nấu nướng. Kéo nhau đi nhà hàng ăn thử mọi thức ăn để tìm cái lạ. Bình thường ăn gì qua loa cũng xong. Thoải mái. Như thường lệ Margarita nhanh nhẹn xào rau muống với chao. Nấu một nồi cháo cá. Sườn non đậu hủ nấu tay cầm ăn với cơm còn lại. Margarita không bao giờ phung phí thức ăn. Lâm gắng gượng để phụ Margarita nhưng ruột gan tơi bời, sững sờ.

Những lần trước đây khi cùng nhau như thế này là những lúc vui vẻ hạnh phúc. Ăn xong Margarita dành luôn phần rửa chén. Lâm cự nự đòi làm. Margarita nhượng bộ, đứng nhìn Lâm rồi càu nhàu cho là rửa ẩu không sạch không đúng methode. Lâm nói. Cái gì cũng ôm lấy. Ai làm cũng không vừa ý. Thiên hạ lấy cớ trút cho làm rồi than việc gì, ở đâu,

lúc nào cũng cực. Cực từ trong nhà cho đến ngoài xã hội. Nếu sai methode thì chỉ cho anh làm. Anh phải rước bớt cho em. Anh làm nhanh chứ không phải ẩu. Sai methode chỉ vì vị trí vòi nước nóng nước lạnh ngược chiều nhà nàng.

Thường thì Lâm là người nói Margarita làm người nghe. Hôm nay ngược lại. Cơm nước xong đã quá khuya. Margarita nói. "Tối nay mình ở với nhau". Lâm như trên trời rớt xuống. Ngày thường chắc Lâm sẽ mừng lắm. Điều mơ tưởng chưa bao giờ hiện thực. Bây giờ lại lo lắng cho người yêu. "Mai về chú thím có rắc rối không". "Mặc kệ".

Lần đầu tiên từ ngày yêu nhau hai đứa gần gũi. Ngất ngây hòa nhập bềnh bồng khung trời diệu vợi. Đam mê yêu dương. Trước đây những lúc nằm với nhau, ôm nhau hôn nhau Lâm và Margatita cũng nhiều lần bối rối vì những thôi thúc ham muốn. Không phải không có lúc đã chịu hàng buông xuôi. Nhưng chính trong lúc như vậy thì một trong hai đứa gồng mình dừng lại khi nghĩ đến tất cả những khó khăn rắc rối hệ lụy sẽ đến cho Margarita. Lâm chưa thể có con với Margarita vì chưa cưới Margarita được. Những khi qua cơn khói lửa như thế, Lâm nói. "Tình yêu của mình trong trắng nhất thế giới đông tây kim cổ. Khó ai mà tin được." Tất cả gìn giữ tối nay đổ sập.

Ôm người yêu trong đôi tay, rù rì đến gần sáng. Nghe tiếng Margarita thở đều nhè nhẹ, Lâm thiếp đi trong giấc ngủ muộn.

Thức giấc không thấy Margarita, linh tính, Lâm quàng dậy ra khỏi phòng. "Margarita. Margarita." Khắp nhà yên ắng. Áo quần không còn. Có khi nàng xuống đi bộ. Margarita có thói quen chạy bộ khi rỗi rảnh. Lâm hy vọng. Lo lắng mặc vội áo quần xuống đường chạy quanh tìm kiếm.

"Trời! Em đi thật rồi sao. Làm sao đây trời?"

Gọi phôn về nhà nàng, không ai trả lời. Lâm lấy xe đi về phía khu phố Tàu nơi nàng ở cách xa. Giờ cao điểm kẹt xe. Lâm nóng ruột muốn xuống xe chạy bộ. "Trời hại ta rồi" . Gần hai giờ sau mới đến nhà nàng. Lâm chẳng còn e dè, bấm chuông gọi.

Bà thím xuống mở cửa. Nét mặt hôm nay trông rất dịu. Đã đoán ra mối tình hay thấy bộ mặt thảm não của Lâm?

"Cho tôi gặp Margarita.".

"Nó đi rồi".

"Đi đâu thím biết không?".

"Chồng tôi chở nó đi Ohio".

"Khi nào về?".

"Ở luôn chưa biết chừng".

"Thím có số phôn hay địa chỉ không, làm ơn cho tôi. Tôi là bạn thân của Margarita".

"Tôi biết. Tôi còn biết anh tên Lâm. Thôi anh về đi.".

Nài nỉ ỉ ôi, biết không làm được gì khác hơn, đau khổ cùng tận Lâm thất thểu ra xe về nhà.

Ít lâu sau ngày Margarita bỏ đi, Lâm nhận được thư nhà báo tin đã được Mỹ phỏng vấn và thủ tục đang ở giai đoạn cuối. Nhớ thương Margarita đứt ruột, Lâm chẳng còn lòng dạ nào để học. Lại thêm nhu cầu việc làm để nuôi vợ con ngày sắp tới, Lâm bỏ dở năm cuối kỹ sư kiếm việc làm với đồng lương khiêm nhượng nhưng đầy đủ bảo hiểm cho vợ cho con.

Gần một năm. Sau những ngày khắc khoải chờ mong hỏi thăm tin tức, có lúc Lâm đã nhắm mắt đi liều lên tận Cleveland, nơi trước đây có lần Margarita nhắc tới. Để cả tuần lễ kiếm tìm khắp các nhà hàng ăn người Hoa nhưng vô vọng. Một buổi trưa Lâm bất ngờ nhận được thư Margarita. Không có địa chỉ người gửi. Nhận ra thư của người yêu qua nét chữ thương quen. Mừng đến chảy nước mắt. Run run xé vội phong bì. Không có thư, chỉ có tấm thiệp báo tin sinh con gái Steffany đầu lòng. Bên dưới vỏn vẹn một chữ "Forever" và chữ ký quen thuộc. Lặng người nhìn tấm hình đứa nhỏ còn đỏ hỏn nhắm mắt trong nôi, Lâm có linh cảm đây chính con ruột của mình, kết quả của kết thúc dành đoạn một mối tình trắc trở.

Không kềm được, Lâm khóc tức tưởi. Réo gọi người yêu. Một cơn đau xé ngực, Lâm ngạt thở, cố gượng đứng nhưng không được, mắt hoa choáng váng ngã sầm xuống sàn, môi mấp máy thì thào cố gọi tên người yêu Margarita. Tiếng kêu không thành tiếng, đứt đoạn, nửa chừng. Đứt đoạn nửa chừng. Lịm ngất.

Chicago April 2000

Sẽ phát hành trong tháng Bảy 2001

d ặ m t r ư ờ n g

tác phẩm thứ năm của *Trần Doãn Nho* xuất bản ở hải ngoại
Mỗi tác phẩm là một Trần Doãn Nho *khác*.
Dặm Trường, truyện dài, 584 trang, Văn Mới xuất bản

Chứng nhân lửa luyện tội

Đỗ Tử Hậu

Những nắm đất khô khan cuối cùng được ném xuống. Những lời kinh sốt sắng cuối cùng vừa rầm rì đọc xong. Các cha và các thầy lặng lẽ rảo bước về hướng nhà Chung trong khi thầy An Phong cùng ba thầy khác nhanh tay cuốc đất lấp cái huyệt chôn cha Đôminicô. Cơn giông hướng Đông đang cuồn cuộn kéo đến. Bốn thầy không ai bảo ai nhưng đều muốn lấp đầy nấm mồ trước khi Thượng đế tưới cơn mưa chấm dứt cho buổi chiều ảm đạm và thê lương này. Thầy An Phong là người gần gũi nhất với cha Đôminicô. Chẳng gì cha cũng là cha Linh hướng của thầy ngay từ hôm đầu thầy mới đặt những bước chân dè dặt vào chủng viện. Cha Bề Trên Giôan đã cử ngay cha Đôminicô giúp đỡ cách riêng cho thầy. Có thể cha đã nhìn thấy được một điểm gì đó nơi người thanh niên trẻ này đã dốc lòng chọn cuộc sống tông đồ làm hướng đi cho mình trong một thời buổi thác loạn và đầy nhiễu nhương bởi chiến tranh này. Chỉ một lát nấm mồ đã được vun lên khá cao. Các thầy đã thấm mệt. Ai nấy đều nhẹ nhãi mồ hôi. Các thầy vừa kịp quảy cuốc xẻng lên vai thì cơn mưa đổ ập xuống. Thật đúng với câu ca dao : "Cơn đằng Đông vừa trông vừa chạy!". Trước khi rẽ vào tu viện thầy An Phong còn tạt qua thửa vườn cà chua mà cha Đôminicô đã bỏ biết bao nhiêu công lao thu vén. Cha Đôminicô trồng bằng giống cà chua do một cha bạn học cùng lớp Thần học bên Ý gởi tặng. Cái giàn cha cắm bằng những que tre chụm đầu vào nhau theo hình chóp nón. Những cây cà chua xanh tốt được cha tưới bằng phân Bắc ủ đủ chín đêm sương, nay đây rẫy những quả cà xinh xắn đang vươn mình trổ mã. Thầy nhìn những

giàn cà trồng thẳng tắp mà nao nao tấc ruột mường tượng đến bóng dáng cha Đôminicô cắm cúi bên những luống cà. Thầy gạt những giọt nước mắt đang rơi từ lúc nào trên má bước nhanh vào nhà Chung. Rửa vội chân tay thầy bước vào phòng ăn và nhập bọn với các thầy cùng khóa cho bữa ăn chiều. Tiếng thầy trưởng khóa Phanxicô bắt giọng đọc kinh:

- Xin Cha ban phép lành cho những của ăn Cha ban cho chúng con...

Các thầy cất giọng đọc ăn nhịp theo rất đều nhau cho đến xong bài kinh và cùng kéo ghế ngồi ngay sau tiếng *amen* thật ngắn gọn. Thầy trưởng khóa đọc Sách Thánh trong khi các thầy ăn uống thật im lặng. Tháng này là tháng Mân Côi nên thầy Phanxicô đọc bài Đức Mẹ đi viếng bà Thánh Isabela. Thầy An Phong không chú ý gì lắm đến bài đọc. Thầy thầm đọc kinh cầu nguyện cho Cha Đôminicô. Bữa ăn kết thúc. Các thầy về phòng riêng học bài và đi ngủ. Thầy An Phong thay áo trắng và qùy gối nơi chân giường mình đọc kinh trước giờ ngủ như thường lệ. Thầy đọc đến ba lần kinh Ăn năn tội. Thầy đọc một trăm kinh Kính Mừng để cầu nguyện cho linh hồn cha Đôminicô chóng được về hưởng dung nhan Thiên Chúa. Thầy cảm thấy mệt hơn mọi ngày. Chắc là vì vụ đào huyệt. Những hôm khác thầy cũng đánh luống trồng khoai và trồng dậu thì cũng đâu thấy mệt như hôm nay. Có thể là thầy đã quá nghĩ ngợi về sự ra đi đột ngột của cha Đôminicô. Thầy lên giường kéo chăn phủ lên đến cằm tay vẫn còn nắm chặt xâu chuỗi. Thầy dã đi vào giấc ngủ thật nhanh. Bỗng thầy cảm thấy căn phòng nóng bừng. Cha Đôminicô đứng ngay nơi chân giường. Thầy run lẩy bẩy và ấp úng:

- Thưa cha...

Cha Đôminicô cất giọng nhân từ vẫn như mọi ngày:

- Chúc thầy luôn được bằng an. Thầy hãy cố gắng học hành để làm sáng danh Chúa.

Thầy An Phong vẫn ấp úng:

- Thưa cha... cha đã...con đã...ch...ôn cha rồi mà...

- Thầy cứ yên tâm. Chẳng qua ta muốn đến gặp thầy để báo tin thôi..

- Thưa cha chắc là.. tin mừng..

- Thầy hãy cầu nguyện cho tôi. Thầy có còn nhớ hôm thầy mới vào nhà Chung thì tôi cũng mới đi học bên Rôma về. Thầy bình tĩnh chưa nào! Làm gì mà run rẩy dữ vậy.

- Thưa cha con đã.. bình tĩnh rồi!

- Lúc tôi mới xuất ngoại du học về tôi cảm thấy tôi biết nhiều điều mới lạ quá. Tôi cảm thấy tôi thông thái hơn các cha trong chủng viện

này gấp bội. Tôi còn dám nghĩ rằng tôi hiểu biết hơn cả cha Bề Trên nữa!

- Thưa cha con quả tình thấy cha biết hơn nhiều cha khác trong chủng viện này.

- Đúng vậy đó thầy nên tôi đã quá kiêu ngạo mà xúc phạm vào điều tôi đã khấn hứa với Thiên Chúa trong ngày chịu chức Linh mục.

- Con thấy cha đâu có kiêu ngạo quá đáng gì đâu.

Thầy An Phong tiếp chuyện một cách bình tĩnh hơn lúc nãy và chưa hề cảm thấy rằng trong phòng hiện đang nóng thật bất thường.

- Hôm ấy trong một buổi hàn huyên với cha Bề Trên, không ngờ đã trở nên một cuộc tranh luận. Tôi có gợi ý một số sự kiện trong Thánh Kinh mà theo tôi thì không hoàn toàn đúng sự thật.

Thầy An Phong lộ vẻ kinh ngạc:

- Có chuyện ấy sao thưa cha?

- Tôi có nói với cha Bề Trên rằng Chúa Giêsu không phải sinh ra vào năm 1 mà đúng ra là vào năm 43 Tây lịch. Lý do là lịch chúng ta dùng hôm nay là do Giáo hoàng Grégoire làm ra và ấn định ngày Chúa sinh ra là năm 1 nhưng các nhà Thiên văn học thì lại mới cho biết vào khoảng năm 43 Tây lịch có xuất hiện một sao chổi được xem rõ nhất là ở vùng Trung Đông đến hơn một tháng trời. Sự kiện này trùng hợp với chuyện ngôi sao sáng dẫn đường cho ba vị thông thái phương Đông.

- Vậy cha Bề Trên nói sao, thưa cha? Thầy An Phong ngắt lời cha Đôminicô.

- Cha Bề Trên trách tôi rằng tôi được sang Rôma học để về giúp các thầy trong chủng viện mở mang trí óc hầu làm sáng danh Chúa chứ đâu có phải là để tìm cách sửa chữa những sự sai sót trong Thánh Kinh. Tuy nhiên còn nhiều điều khác còn làm tôi tin rằng tôi đang đi đúng con đường tìm chân lý. Chẳng hạn như chuyện trận Hồng thủy. Thánh Kinh chép rằng cơn Hồng Thủy đã dâng nước làm lụt trên toàn mặt đất đến một trăm năm mươi ngày sau một cơn mưa kéo dài bốn mươi ngày. Trong khi bản báo cáo của một Cơ quan khảo cứu về Địa dư toàn cầu trụ sở đặt tại Ba lê đã nêu lên những bằng chứng có một trận lụt lớn, vào khoảng mười ngàn năm trở lại, mà chỉ xảy ra ở vùng Lưỡng Hà Địa thôi tức là vùng đất giữa hai con sông Êu Phờ Rát và Tích Ra trong khi đó không hề tìm thấy những chứng tích nào về một trận lụt tương tự như vậy ở các lục địa Phi Châu hay Á Châu cả.

Thầy An Phong bắt đầu cảm thấy thích thú về cái chuyện lạ kỳ di ra ngoài Thánh Kinh này. Thầy lại hỏi tiếp:

- Thưa cha, vậy cha Bề Trên có đồng ý chăng?

- Không! Cha Bề Trên vẫn trước sau như một không thèm đếm xỉa gì đến những điều tôi trình bày. Cha Bề Trên tin rằng Thánh Kinh là điều căn bản tất yếu cho việc học hỏi cho các thầy ở chủng viện này và cho mọi giáo hữu nữa trong đó có cả các linh mục với nhiệm vụ hướng dẫn và rao giảng lời Chúa trong Thánh Kinh. Ngoài ra tôi còn thấy khó giải thích về chuyện tháp Babel nữa. Tôi muốn tìm được chứng minh rằng tháp Babel chỉ là một huyền thoại thôi chứ không phải là một giai thoại như trong Thánh Kinh đã ghi.

- Cha có cách nào để nêu được chứng minh ấy...thưa cha..

Thầy An Phong chưa kịp nói hết câu thì tiếng gà gáy sáng vọng đến. Bóng cha Đôminicô mờ dần và biến mất. Căn phòng trở lại lạnh lẽo như thường lệ. Chủng viện không hề có một lò sưởi nào hết trong tất cả các phòng. Thầy An Phong giật mình tỉnh giấc. Thầy ngồi nhổm dậy dụi mắt cố nhìn về chân giường để tìm một dấu tích gì còn sót lại của cha Đôminicô. Chẳng thấy gì khác lạ, thầy vội vã đi làm vệ sinh và thay áo để lên nhà nguyện cho kịp lễ buổi sáng. Sau lễ thầy đến gặp cha Bề Trên ngay để trình bày chuyện cha Đôminicô đã hiện về gặp thầy đêm qua. Cha Bề Trên tỏ vẻ chú ý đặc biệt và bảo:

- Thầy hãy góp lời cầu nguyện cùng các cha và các thầy trong chủng viện để cầu nguyện cho linh hồn cha Đôminicô.

Thầy cáo từ cha Bề Trên và ra nghĩa địa bên hông chủng viện. Mộ cha Đôminicô tuy đất không bị cuốn trôi sau cơn mưa nhưng thầy cũng xúc thêm đất và dùng xẻng vỗ mạnh cho đất bám chặtvào với nhau. Thầy thầm thì đọc kinh và nói với cha Đôminicô:

- Thưa cha con sẽ đốc lòng cầu nguyện cho linh hồn cha sớm được về hưởng dung nhan Chúa. Kính mừng Maria đầy ơn phúc. Đức Chúa Trời ở cùng Bà...

Trưa hôm ấy các thầy đang dùng bữa ở phòng ăn. Thầy trưởng khóa đang đọc Sách Thánh. Các thầy ăn một cách yên lặng. Bỗng thầy An Phong cảm thấy phòng ăn từ từ nóng ran. Bên ngoài hành lang như có tiếng chân ai chầm chậm bước từng bước một. Thầy nhìn sang các thầy bên cạnh. Không thấy ai có phản ứng gì cả. Tiếng chân bước lại gần hơn và sức nóng hừng hực hơn. Các thầy vẫn ăn. Thầy trưởng khóa vẫn đọc. Tiếng chân bước như đã đi qua phòng ăn. Cơn nóng như đang đi theo tiếng chân ấy. Bữa ăn chấm dứt. Các thầy xì xào nhỏ to về một chuyện gì thật lạ mới xảy ra.

- Thầy có cảm thấy nóng hẳn lên hồi lúc nãy không?

- Tôi thấy bỗng dưng nóng hẳn lên một chặp rồi từ từ nguội đi.

- Thầy có nghe thấy hình như có tiếng chân ai bước nhẹ ngoài hành

lang không?

- Tôi không nghe rõ lắm. Còn thầy có nghe không?

- Tôi có nghe nhưng không chắc là có đúng như tai tôi đã nghe.

Thầy An Phong lên gặp cha Bề Trên sau bữa ăn và trình bày cái hiện tượng lạ mới xảy ra mà các thầy cùng cảm thấy.

- Thưa cha Bề Trên vào lúc giờ ăn một số chúng con có nghe tiếng chân ai bước nhẹ ngoài hành lang và đi qua phòng ăn.

Cha Bề Trên nhướng chân mày im lặng chờ đợi. Thầy An Phong tiếp:

- Cùng lúc ấy chúng con cảm thấy một luồng hơi nóng đi theo tiếng chân ấy và giảm nóng dần khi tiếng chân ấy xa đi.

Cha Bề Trên gọn gàng nói:

- Các thầy hãy cầu nguyện sốt sắng hơn nữa!

Trong bữa cơm chiều hiện tượng lạ ấy lại xảy ra. Hơi nóng đã đến ngay trước cửa phòng ăn. Các thầy cảm thấy thật ư là nóng. Thầy trưởng khóa nhanh chân bước ra ngoài hành lang nhìn dáo dác về hai phía. Các thầy đều ngưng nhai dán mắt nhìn theo lưng thầy trưởng khóa. Hành lang vẫn hun hút và vẫn trống trơn. Cơn nóng nguội đi theo tiếng chân xa dần. Thầy trưởng khóa đi vào dọc tiếp tục phần Sách Thánh còn dở. Các thầy cúi đầu yên lặng ăn vội cho xong bữa ăn. Sau bữa ăn thầy An Phong cùng theo các thầy lên nhà nguyện đọc kinh đến khuya. Hiện tượng hơi nóng kéo dài mỗi ngày vào giờ ăn mà các thầy tụ tập đông đủ trong phòng ăn đến cả một tuần lễ. Các thầy rất hoang mang. Cha Bề Trên chỉ biết khuyên các thầy đọc kinh cầu nguyện thôi chứ chưa có một thái độ hay hành động nào khác cả. Hôm Chủ Nhật chủng viện dâng Thánh Lễ để cầu nguyện cách riêng cho linh hồn Đôminicô. Tất cả các cha và các thầy cố gắng sốt sắng hết lòng hết sức mình dâng lời cầu nguyện. Hình như ai cũng muốn cha Đôminicô báo mộng gì thêm nữa để họ sẽ làm mà giúp cha khỏi đau khổ. Tuần lễ thứ hai sau khi cha Đôminicô qua đời đã chậm chạp đến. Thầy An Phong lâu lâu cũng khẽ rỉ tai cho các thầy cùng khóa về cơn mộng gặp cha Đôminicô. Chuyện cha Đôminicô muốn xét lại Thánh Kinh ấy làm nhiều thầy lo lắng. Các thầy không khỏi hoang mang về niềm tin của họ đối với Thiên Chúa. Những bàn tán tuy chỉ thì thầm nhưng cũng đã đến tai cha Bề Trên. Trong buổi tụ họp đọc kinh tối hôm ấy cha Bề Trên đọc riêng một bài giảng với các thầy trong chủng viện để thêm sức về tinh thần cho các thầy đặt trọn niềm tin về Thiên Chúa như trước đây. Các thầy cũng bày tỏ thật lòng ý nghĩ của mình qua những chuyện lạ vừa xảy ra nhưng nay thì vẫn dốc lòng tin Thiên Chúa và Thánh Kinh. Bữa ăn trưa hôm nay

vừa bắt đầu thì các thầy đều nghe tiếng chân ngoài hành lang bước mạnh hơn. Kèm theo tiếng chân còn nghe thấy tiếng xích sắt kéo lê trên hành lang lát đá vang lên xoáy mạnh vào óc. Các thầy có cảm tưởng như óc mình đang sắp vỡ tung ra. Tiếng xích sắt đến gần thì hơi nóng càng dữ dội. Thầy trưởng khóa không còn khả năng tập trung để đọc nữa. Thầy bật miệng lên câu kinh cầu khẩn Đức Mẹ. Kính mừng Maria đầy ơn phúc... Các thầy cùng đồng cất tiếng theo liền. Đức Chúa Trời ở cùng Bà... Tiếng xích sắt nghe nhỏ dần. Hơi nóng như dịu theo và tắt hẳn. Hàng lang trở lại lạnh lẽo như thường lệ. Thấy sự kiện này càng ngày càng trầm trọng cha Bề Trên bèn liên lạc với Tòa Giám Mục Địa Phận Hà Nội. Tòa Giám Mục hứa sẽ cử đại diện xuống chủng viện để quan sát và điều tra hư thực sau đó sẽ báo cáo sang Tòa Thánh Rôma. Hơi nóng hừng hực, tiếng xích sắt loảng xoảng cùng tiếng chân bước đi vang vọng...những hiện tượng lạ lùng ấy đã làm đảo lộn mọi sự sinh hoạt thường nhật của chủng viện Thánh Tâm ở Giáo xứ Bùi Chu. Các cha và các thầy nay chỉ còn dốc lòng vào việc cầu nguyện cho linh hồn cha Đôminicô và lờ hết những sinh hoạt khác như học tập hay trồng trọt. Dãy vườn cà chua của cha Đôminicô vẫn chưa héo. Những luống cải, luống lang vẫn tốt tươi nhờ những cơn mưa rỉ rả cả tuần nay. Chỉ có cỏ mọc hơi cao và các thầy chưa thiết ra làm cỏ. Các thầy còn chú tâm lo lắng về cha Đôminicô. Bữa cơm tối Thứ Sáu đã bắt đầu. Các thầy đã cầm đũa. Thầy trưởng khóa đã bắt đầu đọc Sách Thánh. Không ai bảo ai nhưng tất cả các thầy ai cũng ngầm mong đợi sự xuất hiện của tiếng chân bước ngoài hành lang, tiếng xích kéo lê với hơi nóng hừng hực. Họ không còn thấy sợ hãi nữa. Mà họ mong đợi như là một sinh hoạt thường lệ của chủng viện. Họ mong đợi như là dấu hiệu của cha Đôminicô đến với họ. Song sự mong đợi của các thầy vẫn còn dang dở kéo dài. Thầy trưởng khóa đã đọc sắp xong chuyện: Ông Lazarô chết đã chôn bốn ngày trong huyệt được Chúa Giêsu cứu sống lại. Các thầy cũng ăn sắp xong bữa. Các thầy bắt đầu lộ nét mặt thất vọng khi hơi nóng và tiếng xích chắc hình như sẽ không đến nữa. Bỗng cửa phòng ăn bị một sức mạnh vô hình đẩy mở bật tung ra. Đèn trong phòng ăn tắt phụt. Hơi nóng hừng hực tàn bạo bỗng cảm thấy ngay trước mặt các thầy. Các thầy vội cúi đầu tập trung và rì rào cầu nguyện. Hình như có tiếng nói của cha Đôminicô vang lên trong đầu các thầy.

- Hãy cầu nguyện cho tôi.. chóng...thoát khỏi lửa ...quá nóng...này...

Đúng lúc ấy trong bóng tối đen thăm thẳm của phòng ăn các thầy chợt nghe thấy tiếng gỗ cháy sèo và mùi gỗ cháy khen khét. Sau đó một lát thì hơi nóng yếu dần và tắt hẳn. Một vài thầy chạy ra ngoài mang nến

vào. Các thầy soi sáng tìm đến chỗ mùi gỗ cháy khét. Các thầy rùng mình run lên bần bật. Có thầy bật lên tiếng: Giêsu Ma... lạy Chúa tôi! Có thầy khác đọc kinh Ăn năn tội thật lớn tiếng. Nhiều thầy rút vội sâu chuỗi trong túi ra cầm chặt hai tay mà vẫn run lập cập mồm thì lớn tiếng lẩy bẩy đọc kinh. Thầy trưởng khóa chạy đi tìm cha Bề Trên. Các thầy túm tụm lại chỗ cái góc bàn ăn bằng gỗ sồi cứng. Các thầy dán mắt vào dấu một bàn tay người cháy đen đốt lõm sâu vào gỗ. Khói đã tan nhưng mùi cháy khét vẫn còn nồng nặc trong bầu không khí phòng ăn. Các cha được báo tin lạ cũng chạy vào xem dấu bàn tay cháy trên góc bàn. Cha Bề Trên đến xem mặt lộ vẻ rất lo lắng một cách chưa hề thấy bao giờ trên mặt người. Tuy nhiên cha vẫn cố gắng điềm nhiên bảo các thầy giải tán và lên nhà nguyện đọc kinh. Hôm sau cha Bề Trên được tin báo rằng sẽ có phái đoàn gồm năm cha thuộc Tòa Giám mục Hà Nội sẽ xuống thăm chủng viện vào tuần tới. Chủng viện chưa kịp đón các cha thuộc Tòa Giám mục thì chỉ vài hôm sau đó Giáo xứ bị Việt Minh tấn công thật nặng nề. Chủng viện Thánh Tâm bị đốt cháy rụi. Các cha và các thầy bỏ chủng viện chạy tứ tán. Cái bàn ăn có dấu bàn tay người cháy đen bị thiêu hủy tiêu tan không còn dấu tích. Nghĩa trang giờ nằm chênh vênh lẻ loi. Chủng viện đồ sộ nay chỉ còn lại mấy cái nền nhà. Hành lang lát đá đã từng vang lên tiếng xích và hừng hực hơi nóng trong mấy tuần qua nay thấy thật tình cờ rằng đã được xây hướng nhìn thẳng ra phía mộ cha Đôminicô. Bia đá trên gò mả vẫn còn khắc dậm chữ :

R.I.P.
Đô-Mi-Ni-Cô
Nguyễn văn Hoàng
Về Nước Chúa Ngày
01 - 05 - 1951

Tìm mua ba tác phẩm mới nhất của nhà xuất bản Thời Văn

Quán Ven Sông, tập truyện ngắn của *Hoàng Khởi Phong*, dày 220 trang, giá 14 Mỹ kim.
Cây Tùng Trước Bão, tập truyện ngắn tái bản lần thứ nhất, của *Hoàng Khởi Phong*, dày 260 trang, giá 15 Mỹ kim.
Đi Vào Cõi Vô Cùng, biên khảo về thiên văn học viết cho độc giả không chuyên của *Hoàng Dung*, bằng một bút pháp giản dị và nhiều lúc rất văn chương, sách dày 176 trang, giá 12 Mỹ kim.

Tin Văn

Thế Quân

Chuyện dài "Cuốn theo chiều gió"

Như đã đưa trong "Tin Văn" số trước, tổ hợp Mitchell đã đệ đơn tại tòa án Liên Bang Hoa Kỳ đòi nhà xuất bản Houghton Mifflin ngưng phát hành truyện *The Wind Done Gone* (TWDG) của Alice Randall vì tác phẩm này đã đạo văn *Gone With the Wind* (GWTW) của Margaret Mitchell. Nhận thấy có nhiều chi tiết thú vị, chúng tôi tiếp tục chuyển tới độc giả một số tin tức mới liên quan đến "vụ án văn học" này.

+ *Nhiều tác giả lên tiếng ủng hộ Alice Randall:* vào ngày 12 tháng 4/2001, 20 tác giả nổi tiếng Hoa Kỳ đã đệ nạp tại tòa án Liên Bang US District Court ở Atlanta một bức thư ủng hộ Alice Randall. Trong số các tác giả nói trên, chúng ta nhận thấy có các nhà văn Harper Lee, John Berendt, Charles Johnson, Pat Conroy và Ward Just, nhà báo Ben Bagdikian, các sử gia Catherine Clinton, Nell Painter và Shelby Foote, nhạc sĩ Steve Earle. Bức thư có đoạn viết: "Bởi vì vị trí nổi bật của *Cuốn Theo Chiều Gió* trong nền văn học Hoa Kỳ, chúng tôi tin rằng việc cấm xuất bản tác phẩm của Alice Randall không mang lại lợi ích chung nào". Ngoài ra, nhà văn Pat Conroy và Henry Louis Gates Jr., chủ tịch Ban Nghiên Cứu Mỹ-Phi trường đại học Harvard, đệ nạp thêm một bản cam kết riêng biệt khác ủng hộ Alice Randall.

Tony Morrison, nhà văn Hoa Kỳ đoạt giải Nobel, cũng lên tiếng mạnh mẽ ủng hộ Alice Randall.

+ *Tuy thế, trong vụ xử diễn ra hôm 20/4*, quan tòa liên bang Charles

Pannell đã phán quyết ủng hộ tổ hợp Mitchell, ra lệnh cho nhà xuất bản Houghton Mifflin ngưng phát hành tác phẩm của Alice Randall. Pannell cho rằng *The Wind Done Gone* chủ yếu là kể lại câu chuyện *Gone With the Wind* từ một cái nhìn khác trong khi sử dụng lại cùng những nhân vật và nơi chốn hư cấu của GWTW. Randall đã dùng lại quá nhiều chất liệu của tác phẩm trước. Ông viết: "Khi một độc giả lật đến trang cuối cùng của GWTW, anh ta không khỏi bâng khuâng tự hỏi cái gì sẽ xảy ra cho những nhân vật yêu dấu và thế giới lãng mạn nhưng bi thảm của bà Mitchell. Bà Randall đã tìm cách trả lời những câu hỏi không thể trả lời này qua quan điểm riêng của bà...Tuy nhiên, cái quyền trả lời những câu hỏi này cũng như viết một tác phẩm tiếp theo, về mặt pháp lý thuộc về những người thừa kế của bà Mitchell, chứ không phải của bà Randall".

Theo Pannell, Randall đã "mượn" đến 15 nhân vật cũng như "mượn" nhiều cảnh trứ danh và một số đối thoại từ tác phẩm của Mitchell. Như thế, Randall đã vượt quá mức cần thiết trong mục đích nhái lại để chế giễu (parody). Hơn nữa, theo Pannell, đối tượng phê phán của cuốn sách là chế độ nô lệ và sự kỳ thị chủng tộc, chứ không phải là truyện của Mitchell. Nhiều nhà văn, kể cả nhà văn Morrison, đã từng tìm ra nhiều cách khác để phê phán chế độ nô lệ mà chẳng cần phải lấy GWTW làm chất liệu. Vấn đề trước toà án không phải là vấn đề ai viết lịch sử và lịch sử như thế nào, mà là vấn đề Randall đã sử dụng hầu hết những nhân vật và cốt truyện vốn đã là bản quyền của GWTW.

Kết quả của phiên xử tất nhiên làm cho những người ủng hộ Randall hết sức thất vọng. Wendy Strothman, phó giám đốc nhà xuất bản Houghton Mifflin, phát biểu sau khi nghe phán quyết: "Chúng tôi hết sức thất vọng về quyết định của tòa án. Xuất bản sách dựa trên hai nguyên tắc bản quyền và Tu Chính án Số Một. Nhà xuất bản chúng tôi đã mạnh mẽ hỗ trợ những tác giả và bảo vệ những nguyên tắc này kể từ khi được thành lập vào năm 1832. Chúng tôi sẽ tiếp tục làm như thế".... "Phán quyết hôm nay sẽ có một hậu quả ghê gớm trên tất cả những ai tìm cách sử dụng quyền tự do phát biểu và nhại văn để làm tan vỡ những huyền thoại và dẫn đến những suy nghĩ mới. Tổ hợp Mitchell đang đe dọa muốn tái-định nghĩa quyền nhại văn chế giễu của người Hoa Kỳ". Houghton Mifflin cho biết họ sẽ kháng án lên toà trên về phán quyết vừa rồi.

Sử gia Arthur Schlesinger Jr., một trong 20 tác giả ký tên hỗ trợ Randall, cho rằng "Tôi không tin rằng cuốn sách sẽ bị cấm. Tổ hợp Mitchell đã làm một công việc tuyệt vời là quảng cáo không công cho nhà xuất bản Houghton Mifflin"

Nhân đây, cũng cần ghi lại một chi tiết khá lý thú. Một trong những điều kiện mà tổ hợp Mitchell đưa ra cho các tác giả muốn viết "hậu GWTW" để được cấp giấy phép là: viết thế nào đó thì viết nhưng không được để cho nhân vật Scarlett O'Hara chết. Ấy thế mà, trong tác phẩm của Randall, nhân vật Scarlett O'Hara lại đã chết!

Biết đâu đây chẳng là lý do chính khiến tổ hợp phải dùng mọi cách để ngăn cản sự ra đời của "The Wind Done Gone"?!

+ *Cuốn sách cấm đã được phóng lên Net:* Lệnh cấm của quan toà liên bang đến sau khi một công ty chuyên môn bán đấu giá trên mạng lưới Internet gọi là "e-Bay" đã đưa lậu lên mạng để bán ít nhất là ba ấn bản của *The Wind Done Gone*. Giá cao nhất của một trong ba ấn bản là 125 đô la. Một người bán đã dụ những người mua bằng một câu quảng cáo khá khêu gợi: "Tác phẩm này có thể không bao giờ có ấn bản đầu tiên" (nghĩa là có thể không được in ra). Không rõ ai đã bán những bản thảo cho "eBay". Riêng nhà xuất bản Houghton Mifflin thì cho biết họ đã gửi một số ấn bản cho các nhà điểm sách nhưng không nói rõ là họ gửi bao nhiêu và gửi cho ai.

Martin Garbus, một trong những luật sư đại diện cho tổ hợp Mitchell cho hay ông đã đòi hỏi "eBay" phải rút những cuốn sách khỏi Net đồng thời yêu cầu nhà xuất bản Houghton Mifflin phải rút lại những bản đưa trước cho các nhà điểm sách. Ông nói rằng tổ hợp chưa quyết định là có nên kiện các nhà bán đấu giá trên mạng hay không.

+ *"eBay" rút sách khỏi Net:* Thi hành quyết định của tòa án, bốn ấn bản của *The Wind Done Gone* đã được eBay rút khỏi mạng lưới bán đấu giá hôm 25/4 sau khi giá mặc cả đạt đến 485 đô la cho một ấn bản. Matthew Budman là người bán đấn giá đầu tiên trên eBay. Ông ta cho biết ông ta đã mua cuốn sách với giá 97 cents trong một tiệm sách ở khu Manhattan sau khi việc kiện cáo đăng tải trên báo chí khêu gợi trí tò mò của ông. Ông nói: "Khi mua cuốn sách, tôi không nghĩ là nó có thể có giá trị gì. Tôi chỉ nghĩ là nó hay và tôi nghĩ là tôi có thể thích đọc nó một ngày nào đó"

Cũng lại "hậu...."

Trong lúc đó thì ở bên kia bờ đại đương, một tác phẩm mới xuất bản cũng đã lập tức gây nên một cuộc tranh cãi trong dư luận Pháp.

Đó là tác phẩm đó viết tiếp theo *Les misérables* của Victor Hugo do nhà xuất bản Plon ấn hành. Tức là "Hậu những người khốn khổ". Như chúng ta biết, *Les misérables*, một trong những kiệt tác của Hugo đã

được viết ra cách đây 139 năm, là tác phẩm được đọc nhiều nhất ở nước Pháp cũng như ở nước ngoài trong hơn một thế kỷ qua. Bộ "hậu" *Les misérables* đầu tiên có tựa đề là *Cosette ou le temps des illusions*, dày 500 trang, giá 139 đồng quan Pháp (chừng 20 đô la) đã được đưa ra bán vào ngày 3/5/2001 với 65.000 ấn bản. Ngân sách dành cho quảng cáo ước tính 2 triệu quan. Bộ thứ hai có tựa đề là *Marius ou le fugitif* sẽ xuất hiện vào tháng 9/2001. Tác giả của hậu *Les misérables* là Francois Cérésa, ký giả của tờ *Nouvel Observateur*. Theo nhà xuất bản, Cérésa, tác giả của 9 tác phẩm khác, đã không tìm cách bắt chước Hugo nhưng mà kể lại phần kế tiếp của bộ tiểu thuyết trứ danh, qua đó, người ta có thể tìm thấy lại nhân dáng của những nhân vật đã đi vào kho tàng tưởng tượng của quần chúng: cô gái Cosette, anh chàng Marius, tay thám tử Javert. Như chúng ta đã biết, Victor Hugo đã kết thúc câu chuyện của mình với cái chết của ông già Jean Valjean vào mùa hè năm 1833. Và Javert tự sát còn Thénardier thì đi Hoa Kỳ. Nhưng cái thi thể tìm thấy dưới giòng sông Seine có đúng là xác của Javert hay không và Thénardier có thật đã vượt Đại Tây Dương chưa? Trả lời phỏng vấn của *Le Figaro*, Cérésa cho biết "Hoàn toàn có lý khi cho rằng nhiệt độ của sông Seine hôm đó không có gì ghê gớm lắm. Một ai đó có thể vớt Javert lên và cứu sống anh ta". Theo tác giả, Javert "có lẽ không đến nỗi quá tệ như chúng ta nghĩ. Tôi muốn tìm biết thêm về nhân vật này"

Có nên viết tiếp một tác phẩm như thế không? Đó có phải là một điều phạm thánh không? Cuộc tranh cãi đã bắt đầu bằng những câu hỏi như thế. Trong số ra ngày 24/4/2001, báo *Le Figaro* đã công bố những câu trả lời của ba tác giả tiếng tăm Pháp. Trước hết là người chuyên viết tiểu sử các nhân vật văn chương Pierre Assouline. Ông cho rằng "Điều đó trái ngược với văn chương. Đó chỉ là một sản phẩm, không phải là một tác phẩm" (un produit, pas d'un livre). Những nhân vật của một tác phẩm lớn thuộc về tất cả mọi độc giả, nhưng chúng không thuộc về bất cứ một nhà văn nào khác ngoài người đã hư cấu nên chúng". Nhà văn Max Gallo thì cho rằng "Chúng ta đang phải đối phó với tình trạng bắt chước làm ăn theo kiểu quảng cáo tiếp thị hiện đang phát triển ở Mỹ. Nó y như là tác phẩm của một danh họa bậc thầy bị người ta làm giả. Kẻ trình diễn múa may có thể là rất có tài, nhưng đó chỉ là một trò giả tạo". Còn đối với nhà văn Patrick Rambaud, "đó chỉ là một loại nhại văn, một thứ đồ giả. Điều đó khiến tôi khó chịu. Nhưng tôi tin chắc rằng *Les Misérables* sẽ biết cách tự bảo vệ mình".

Ngày 10/5/2001, luật sư Emmanuel Pierrat, đại diện cho Pierre Hugo - một người cháu ba đời (arrière-arrière-petit-fils) của nhà văn - chính

thức nộp đơn kiện nhà xuất bản Plon, dòi bồi thường 4 triệu rưỡi quan (chừng 612.000 đô la) thiệt hại vì đã vi phạm luật về bảo vệ tác quyền của Pháp. Một trong những lý do nêu ra trong vụ kiện là tác phẩm *Cosette ou le temps des illusions* đã đặt lại vấn đề vụ tự sát của Javert. Tác giả không những đã cho javert sống lại mà còn tô vẽ anh ta thành một nhân vật kiểu mẫu. Trong một lá thư chung gửi cho tổng thống Pháp Jacques Chirac, bộ trưởng văn hóa và giáo dục Pháp và Nghị Viện Âu Châu, những người hậu duệ của Hugo kêu gọi họ lên tiếng chống đối việc xuất bản tác phẩm này và lên án sự lạm dụng các tác phẩm văn chương cổ điển. "Sự lạm dụng một tác phẩm của gia tài văn hóa chúng ta cho những mục tiêu thương mại nên vị cấm cản hoặc bị loại bỏ trong bất cứ cộng đồng con người nào còn quan tâm đến việc bảo vệ và làm giàu nền văn hóa của nó", lá thư có đoạn viết. Trong lúc đó, Hội Nhà văn cũng lên tiếng ủng hộ đòi hỏi của những người thừa kế Victor Hugo vì theo họ, một "tác phẩm đã hoàn tất của Victor Hugo không thể bị sửa đổi hay kéo dài ra mà không có phép của những người liên hệ".

Đề cập đến chuyện kiện cáo, giám đốc nhà xuất bản Plon, ông Olivier Orban tuyên bố với hãng thông tấn Reuters rằng "Đó là một điều hoàn toàn ngớ ngẩn. Những tác phẩm của Hugo không phải là một lăng tẩm để người ta im lặng kính cẩn viếng thăm. Chúng gợi ra nhiều ý tưởng". Bất chấp vụ kiện, ông cho biết Plon sẽ tiếp tục xuất bản tập kế tiếp của Cérésa vào mùa thu này.

Chuyện cũng khôi hài: bên này đại dương, người ta kiện vì một tác giả đã dám giết chết một nhân vật: Scarlet O'Hara; trong lúc bên kia đại dương, người ta kiện vì có kẻ đã dám hồi sinh một nhân vật: Javert. Ai bảo nhân vật chỉ là "nhân vật tiểu thuyết"! Và ai bảo nó chỉ là huyền thoại?

Mang thơ vào đời thường.

Hội Đồng Nghệ Thuật tiểu bang Alaska vừa có một quyết định khá lý thú: mang thơ vào sinh hoạt đời thường bằng cách dùng vỏ chai bia và các hóa đơn nước và cống rãnh để phổ biến thi ca. Ông Shannon Planchon, phó giám đốc của Hội đồng Nghệ thuật cho biết: "Chúng tôi cố gắng phá bỏ cái huyền thoại cho rằng tất cả mọi nghệ thuật chỉ để dành cho tầng lớp ưu tú".

Để hiện thực hóa ý tưởng này, vào trung tuần tháng 4/2001 vừa rồi, một cuộc hội thơ đã được tổ chức tại hãng bia Borealis Brewry, Alaska gồm những bà con bạn bè thân thuộc để chọn ba bài thơ sẽ được in trên

nhãn chai bia nhằm mục đích làm đẹp thêm các nhãn này. Đây là một phần trong dự án mang những bài thơ nhỏ vào cuộc sống hàng ngày của người dân Alaska trong Tháng Thi Ca Quốc Gia (National Poetry Month) tổ chức vào tháng tư. Một trong những bài thơ được chọn là "The Beer Ballad" của Ethan Fode. Bài thơ là một lời chào mừng gửi đến thi sĩ trứ danh vùng bắc cực Robert Service có bốn câu cuối như sau:

...So cheers to Service, Yukon Bard
Who told us tales of the fearless.
I'll take a book and frosty beer
Instead of dying, cold and beerless.

Karen Compton, phát ngôn viên của hội đồng nghệ thuật, khi đề cập đến các nhãn chai bia, đã cho biết "Nói cho thẳng thắn ra, chúng tôi đang cố gắng bán ra một cái gì đó. Chúng tôi đang cố gắng bán cho quý vị cái ý tưởng nên đọc một bài thơ".

Hội đồng đã dành ra một ngân sách 2.000 đô la chi phí cho việc quảng cáo thương mại, trong khi cùng hợp tác với Hội Thơ Alaska. Hội thơ này đã cùng bàn thảo với nhà máy bia Borealis Brewery để tìm ra cách nâng cao các cuộc thi thơ hàng tháng, nơi mà các nhà thơ tài tử trình diễn các tác phẩm của họ và khán thính giả đóng vai trò bình thơ.

Ngoài ra, thơ còn được chuyển đến quần chúng qua các hóa đơn. Bắt đầu từ tháng tư/2001, khi 250.000 cư dân Alaska, tức 40 phần trăm dân số toàn tiểu bang, mở các hóa đơn điện thoại và nước ra, họ tìm thấy một bài thơ kèm theo trong đó. Bài thơ có tựa đề "Beluga" nói về những con cá voi trắng do nhà thơ từng đoạt giải thi ca tiểu bang Tom Sexton sáng tác. Sexton phát biểu "Tôi cho rằng thật là một ý tưởng tuyệt diệu khi tìm ra được một cách để mang thơ ca đến với nhiều người như thế"

Hoạt động nghệ thuật mới lạ này lập tức có tiếng vang. Từ Toronto, Canada, đài phát thanh CBC, tiết mục "As It Happens" do Mary Lou Finlay chủ trì đã thực hiện một cuộc phỏng vấn với Shannon Planchon. Trả lời về việc in thơ trên nhãn chai bia, ông cho biết "Địa phương chúng tôi có rất nhiều hãng làm bia. Chúng tôi muốn mang hai loại người đến với nhau: những người muốn đọc thơ và những người thích uống bia"

Hóa đơn thì không nói làm gì, nhưng không biết những bài thơ trên các nhãn chai bia có khiến cho thêm nhiều người đi vào con đường say sưa nghiện ngập không?

Lại chuyện bản quyền

Cũng là chuyện bản quyền của tác phẩm văn chương, nhưng lần này chuyện xảy ra ở nước Nga và dính líu đến một nhân vật tiểu thuyết khác, Lara. Lara là nhân vật nữ chính trong bộ tiểu thuyết nổi tiếng *Doctor Jivago* của Boris Pasternak, đồng thời cũng là một người có thật: Olga Ivinskaya. Nhà văn Nga đoạt giải Nobel văn chương này đã đưa người tình 14 năm của mình tên là Olga Ivinskaya vào trong tiểu thuyết với cái tên Lara. Hai người gặp nhau vào năm 1946, lúc đó, Ivinskaya 34 tuổi, còn Pasternak 56 tuổi và đã có vợ. Trung thành với người yêu, Lara "thật" đã thu giấu và cất giữ tất cả bản thảo của nhà văn cho đến khi ông mất vào năm 1960. Các bản thảo này sau đó bị tịch thu bởi cơ quan mật vụ khét tiếng Liên Xô KGB. Riêng bà thì bị bắt giữ và bị kết án 8 năm tù. Mãi đến năm 1998, ba năm sau khi chết, bà mới được chính thức phục hồi danh dự.

Tình yêu như thế, công lao như thế nhưng gia đình của Ivinskaya đã thua trong một vụ kiện về bản quyền các bản thảo của nhà văn để lại. Trong phiên xử tháng 4 rồi, một tòa án tại Mạc Tư Khoa đã ra phán quyết giao bản quyền toàn bộ bản thảo của nhà văn cho con dâu của nhà văn là bà Natalya Pasternak và cháu nội Yelena. Gia đình của Ivinskaya cũng đã thua vụ kiện này ở một tòa án thấp hơn tháng 8 năm rồi (2000). Được biết, Ivinskaya đã bắt đầu kiện vợ của người con trai nhà văn tên là Yevgeny về bản quyền các bản thảo của nhà văn ngay sau khi chế độ Cộng sản sụp đổ tại Liên Xô vào năm 1991. Sau khi bà chết, gia đình bà tiếp tục vụ kiện cho đến nay.

Có một chi tiết không mấy vui. Vào năm 1997, trong lúc vụ kiện cáo đang tiến hành, thì gia đình cô con dâu Natalya đã cho phổ biến một lá thư của Ivinskaya gửi từ trong tù ra cho Krushchev xin được giảm án vì bà đã "đóng góp một cách kín đáo" vào việc thuyết phục Pasternak thôi chống đối nhà nước Liên Xô.

Hai người con gái của Olga Ivinskaya là Dmitri Vinogradov và Irina Yemelyanova cho biết họ sẽ tiếp tục kháng án lên tòa trên.

Mario Vargas Llosa: hãy cứu lấy văn chương

Phát biểu trong buổi lễ nhận chức giảng sư giảng dạy về văn chương Mỹ-Tây Ban Nha tại đại học Georgetown, thủ đô Hoa Thịnh Đốn vào ngày 22/4/2001, nhà văn Colombia Mario Vargas Llosa đã dành phần lớn bài diễn văn của mình "Văn chương và cuộc sống" để cập đến cuộc

đấu tranh cho một nền "văn chương thực sự" đang bị đe dọa bởi sự nổ bùng của kỹ thuật.

Mario Vargas Llosa, một trong những khuôn mặt lớn của nền văn chương thế giới đương đại, tưởng tượng đang trải qua một cơn ác mộng: một thế giới kỹ thuật phát triển mạnh mẽ, trong đó việc thưởng thức văn chương chỉ còn tồn tại trong một thiểu số bị xem như là lạc hậu. Ông nói cái thế giới ấy "dã man, không còn cảm xúc, tàn nhẫn trong ngôn từ, ngu dốt và thú tính, không còn đam mê và tình ái, cái thế giới phi văn chương của cơn ác mộng này mang những nét chính yếu của chủ nghĩa hình thức và sự khuất phục toàn diện dưới các thế lực lớn (...) Những bản năng căn bản sẽ điều khiển cuộc sống hàng ngày, không còn chỗ cho sinh hoạt tinh thần". Mục tiêu chính yếu mà nhà văn nhắm đến là ông "khổng lồ" Bill Gates, chủ nhân ông của đại công ty vi tính Microsoft. Llosa cho biết ông không hề chống đối Internet. Ông ca ngợi Bill Gates về việc ông này đã thiết trí tiếng Tây Ban Nha trên bàn phiếm computer. Điều nhà văn cực lực phản đối là mưu toan của Bill Gates trong việc thay thế sách vở bằng màn hình. Ông tuyên bố "Tôi sẽ không bao giờ đọc trên màn hình một bài tiểu luận của Octavio Paz. Tuy rằng chưa thể chứng minh được rõ ràng, nhưng tôi tin rằng, nếu những cuốn sách biến mất, thì văn chương chắc chắn sẽ chịu một cú đánh chết người".

Trong một cuộc phỏng vấn với AFP, ông ghi nhận một hiện tượng rất đáng buồn: hiện nay, có nhiều cuốn sách được in ra, nhiều người đọc hơn, nhưng quần chúng văn chương thì giảm dần. Hoa Kỳ, nơi mà ông đến đạy hàng năm vào mùa thu, không có cùng một truyền thống văn chương như ở các xã hội Âu Châu. Không phải chỉ ở Pháp, nơi mà văn chương cho đến gần đây vẫn là trung tâm của cuộc sống, mà ở khắp Âu Châu, ngay cho dù người ta không đọc đi nữa, thì văn chương cũng là một thành phần của giáo dục, của xã hội. Ông tỏ ý tiếc là ở Hoa Kỳ, mặc dù có một nền văn học rất phong phú, "cái xu hướng thiên về văn chương giải trí và việc chế tạo những cuốn sách ăn khách nhất (best-sellers) được xem trọng hơn là sự sáng tạo". Theo ông, văn chương là "khí cụ độc nhất của tri thức con người"... "Văn chương làm cho chúng ta hiểu biết những hoàn cảnh của thân phận con người mà người ta không thể đạt được bằng khoa học và kỹ thuật". Ông nói thêm, những tác phẩm của Tolstoy, Shakespeare, Flaubert hay Cervantes "làm giàu không những cho độc giả, mà còn cho quan hệ nhân quần".

Mario Vargas Llosa, năm nay 65 tuổi, đồng hương với Gabriel Garcia Marquez, là tác giả của nhiều tác phẩm văn chương ngoại hạng, nhiều tiểu luận và nhiều vở kịch viết bằng tiếng Tây Ban Nha như *La ville et*

les chiens, Conversation à la cathédrale, Tante Julie et le scribouillard, La guerre de la fin du monde. Các tác phẩm của ông được dịch ra 20 ngôn ngữ trên thế giới.

Nhà văn đoạt giải Nobel văn chương bị kết án kỳ thị

Vào trung tuần tháng 4/2001, những viên chức thuộc tỉnh Gauteng, Cộng Hòa Nam Phi, đã ra lệnh dẹp bỏ tác phẩm *July's People* của Nadine Gordimer ra khỏi danh mục sách trong thư viện nhà trường đồng thời loại ra khỏi chương trình học trong một số trường học vì lý do tác phẩm này "hết sức kỳ thị". *July's People* được xuất bản vào năm 1981 là một trong những tác phẩm chính đưa bà được chọn trao giải Nobel văn chương năm 1991. Tác phẩm kể lại câu chuyện của một gia đình da trắng trú ẩn tại ngôi nhà của người đầy tớ da đen cũ của họ khi sự xung đột chủng tộc ở Nam Phi đang nổ ra thành chiến tranh. Trong một bản tường trình về danh sách các tác phẩm dùng cho những học sinh có trình độ A, các viên chức giáo dục nhà nước diễn tả cuốn sách không thích hợp để sử dụng trong nhà trường bởi vì " đề tài có tính cách đáng ngờ...ngôn ngữ sử dụng không thể chấp nhận được, vì nó không khuyến khích sự thực hành văn phạm...sự lên án kỳ thị chủng tộc khó tìm ra, bởi thế câu chuyện vô tình có tính cách hết sức kỳ thị, trịch thượng và kẻ cả".

Điều mỉa mai ở đây là Nadine Gordimer là người đã tranh đấu trong suốt 40 năm không mệt mỏi chống lại sự kỳ thị chủng tộc. Bà là người vận động tích cực cho phong trào Đại Hội Dân Tộc Phi (ANC) của Mandela. Tất cả các tác phẩm của bà đều bị cấm dưới chế độ "apartheid". Khi nghe tin trên, bà đã phản ứng một cách giận dữ: "Gọi là kỳ thị một người da trắng Nam Phi, người đã từng trụ tại đây xuyên qua một giai đoạn tệ hại nhất, người đã từng xem mình gắn liền với cuộc tranh đấu, quả là một điều hết sức sỉ nhục" ... "Nếu những người chọn lựa truyện đi tìm những bài học luân lý chống kỳ thị chủng tộc, thì ít có tác phẩm nào nói được về điều đó nhiều hơn trong tác phẩm này". Theo bà, bản tường trình của những viên chức tỉnh Gauteng nghe như "lập lại một cách lạ lùng ngôn ngữ và thái độ của thời kỳ kiểm duyệt dưới chế độ kỳ thị chủng tộc cũ".

Ngoài tác phẩm *July's People* của Nadine Gordimer, một số các tác phẩm của Shakespeare cũng bị loại bỏ khỏi thư viện và chương trình học tại tỉnh này, trong đó có *Anthony and Cleopatra, Othello* (bị xem là kỳ thị chủng tộc), *Julius Cesar* (bị xem là khiêu dâm) và *King Lear*. Chỉ có *Romeo & Juliet* là còn được chấp nhận.

giới thiệu sách mới

THƠ

📖 Cung Trầm Tưởng, ***Lời viết hai tay,*** tập thơ, tác giả và một nhóm thân hữu tù nhân chính trị từng đi cải tạo ở trại Hà Tây xuất bản, bìa của họa sĩ Nguyên Vinh, bạt của Viên Linh, Hà Thượng Nhân, nhạc phổ thơ Cung Trầm Tưởng của Đoàn Thi, sách dày 188 trang, không thấy ghi giá bán. Trong lời vào tập, tác giả viết: "Người thơ xưa nói lên tâm thức bộ lạc. Người thơ tù "cải tạo" bây giờ, một nạn nhân kiêm chứng nhân, nói lên tâm thức cộng đồng của những người tù cải tạo. Cái tâm thức sâu thẳm, lên men từ khổ đau, thúc trướng bởi bản năng tập quần, xúc tác ra một nhân gian thuần nhất, nền cộng hòa của những người anh em đồng cảnh, những người tù cùng khổ. Thơ trong tù vỗ về, an ủi, động viên kích phấn, xoa dịu, chữa bệnh, chống đói, cõng bạn sang sông, đưa đôi vai cho những mảnh đời phế tật nương vịn, làm tên phu đòn biết khóc, đào huyệt, chôn quan, truy tiễn bạn bằng một cây lau phất thay cờ hiệu. Thơ trong tù, một dòng thơ trực tiếp, một tiếng hát cất từ trái tim đến thẳng trái tim, một hàm ca xoáy sát đáy đời, một kinh cầu cho hồn ngoại dạo, một mò mẫm Khải Huyền, một thách đố Thần Chết và tôn vinh Sự Sống".

Bạn đọc lứa tuổi trung niên từng biết Cung Trầm Tưởng qua những bài thơ tình với "ga Lyon đèn vàng", "tóc vàng sợi nhỏ", "đưa em chín đỏ trái sầu" thời cũ, chắc chắn sẽ kinh ngạc với một Cung Trầm Tưởng hoàn toàn đổi khác, một thơ Cung Trầm Tưởngkhông lãng mạn thơ mộng mà đẫm nước mắt khổ đau. Thơ quằn quại theo thân phận của cá nhân nhà thơ cùng thân phận dân tộc, đất nước. Tiếng thơ như bật ra từ những

rên siết đớn đau của đời sống người tù, nên sức truyền cảm lan xa và bền lâu. Đọc xong mỗi bài, cảm giác bồn chồn ray rứt như còn mãi trong lòng, buộc người đọc phải đặt câu hỏi: Tại sao? Tại sao như thế?

📖 Cung Trầm Tưởng, ***Bài ca níu quan tài***, tâm sử thi, một trong bộ ba thơ nói về thảm họa mà người Cộng sản Việt Nam đã gây ra cho dân tộc trong nửa thế kỷ qua. Hai tập kia là "Lời viết hai tay" và "Thi bá, con Thạch sùng và bà Góa phụ".

Như vậy, Bài ca níu quan tài là câu trả lời cho câu hỏi Tại sao? do Thơ viết hai tay đưa ra.

Về ba chữ "tâm sử thi" trên bìa sách, Cung Trầm Tưởng giải thích: "Vì được viết bằng cái Tâm nên Sử thi này không thể không là một bản cáo trạng về tội ác của cộng sản. Nghệ thuật, nghĩ cho cùng, chủ yếu là lấy cảm quan của cái tâm để từ những kinh nghiệm sống cụ thể tạo hình cho những ý niệm trừu tượng về Chân, Thiện và Mỹ. Vì thế là một thiếu sót đáng trách nếu nghệ thuật dửng dưng khi nói đến cái ác. Sử thi không phải là sử học.

Muốn có hai thi tập kể trên, liên lạc về:
Ly Cung
308 Thomas Ave., Saint Paul, MN 55103-1737
Email: Lycung@SprintMail.com
Phone: 651-222-3395

📖 Trần Hoài Thư, ***Tháng Bảy hành quân xa***, tập thơ do Thư ấn quán xuất bản, tác giả tự thực hiện ấn hành hạn chế theo phương pháp Desktop Publishing, phụ lục có bài của Cao Vy Khanh viết về thơ Trần Hoài Thư và bài Trần Hoài Thư viết về thơ Nguyễn Nam An.

Như những tác phẩm khác của Trần Hoài Thư, tập thơ viết về đời lính VNCH. Sách dày 86 trang, giá 7 Mỹ kim.

Liên lạc: Trần Hoài Thư
PO Box 58 S. Boundbrook, NJ 08880
Email: tht5@juno.com

📖 Đào Nguyễn Song Yên, ***Những giọt sương rớt muộn***, tập thơ do bút nhóm Đào Nguyễn Song Yên ở Houston Texas thực hiện, với sự góp mặt của 15 tác giả: Giáng Hạ, Hải Âu, Hàn Song Tường, Lan Anh Nguyễn ái Khanh, Lan Cao, Lưu Nguyễn Từ Thức, Mộng Thùy, Nguyễn Kim Long Phụng, Nguyễn Nguyệt Ánh, Thu Nga, Trần Thiện Hiệp, Từ Lê Ngô, Từ Yên, Vĩnh Tuấn, Yên Sơn. Mỗi tác giả đóng góp một số bài

thơ do chính mình chọn và kèm hình ảnh, một bản tiểu sử ngắn. Đây là hình thức phổ biến thơ của những người tạm gọi là "làm thơ tài tử", một phương cách đang phổ biến trong cộng đồng người Việt hiện nay.

Thi tập dày hơn 400 trang, in đẹp. Không thấy đề giá bán.

Địa chỉ liên lạc: DNSY 3502 Echo Mountain Dr.
Kingwood TX 77345
Phone: 713.777.8878 hoặc 281.495.4469.

📖 Lê Phong Sơn, ***Thương ca***, tập thơ, Anh Em (Na Uy) xuất bản, Nguyễn Hữu Nhật trình bày bìa và chăm sóc ấn loát, dày 170 trang, giá 22 Mỹ kim.

Hầu hết thơ trong Thương Ca là những bài tứ tuyệt lục bát, hai thể thơ gần như đối chọi nhau nhưng lại kết hợp được khá tự nhiên trong thơ Lê Phong Sơn. Cái kết tinh của tứ tuyệt đi được với cái dàn trải của lục bát. Nhiều chủ đề được tác giả khai thác rất khéo chỉ qua bốn câu thơ ngắn.

Địa chỉ liên lạc của tác giả: Lê Đình Tài
Barnstensgt 51A
25361 Helsingborg Sweden
Phone: 0046 73 648 2574 hay 0046 42 29 7785

📖 Nguyễn Tư, ***Niềm yêu dấu còn hoài***, tập thơ, Trầm Lặng (Úc) xuất bản, tranh bìa và phụ bản của tác giả, sách dày 150 trang, không thấy đề giá bán.

Liên lạc: Nguyễn Tư
PO Box 799 Liverpool Business Center 1871
Australia.
Phone: (02) 9601 8119

📖 Mộng Lan, ***Song of the Cicadas***, tập thơ viết bằng Anh ngữ, University of Massachusetts Press xuất bản, phụ bản minh họa của tác giả, sách dày 84 trang.

Tác giả vừa là nhà thơ, họa sĩ vừa là vũ công. Sau khi Sài Gòn sụp đổ, theo gia đình di tản sang Mỹ lúc tuổi còn nhỏ. Hiện nay đang là thành viên của tổ chức tài trợ văn hóa Wallace E. Stegner của Đại học Stanford. Tác phẩm thi ca đầu tay này cũng được trao giải thưởng thi ca Junipernăm 2000 do nhà xuất bản Đại học Massachusetts cấp hàng năm cho những thi phẩm mang tính cách độc đáo.

Robert Creeley nhận xét như sau về thơ Mộng Lan: "Mộng Lan is a

remarkably accomplished poet. Always her poems are deft, extremely graceful in the way words move, and in the cadence that carries them. One is moved by the articulate character of "things seen", "the subtle shifting of images, and the quiet intensity of their information. Clearly she is a master of the art".

Mua sách qua các hiệu sách Mỹ hoặc qua amazon.com

📖 Vi Khuê, ***Poems in Rain & Flowers***, Thơ trong Mưa và Hoa, tuyển tập thơ Vi Khuê in song ngữ (dịch ra Anh ngữ và Pháp ngữ), do các dịch giả Hồ Trường An, Chử Nhất Anh, Chử Nhị Anh, Bernard Detrez, Nguyễn Ngọc Bích, Cao Biền, Nguyễn Huỳnh Điệp, Võ Đình, Vũ Đức, Trần Nhã Hoa, Vi Khuê, Tường Minh, Thanh Thanh, Huỳnh Sanh Thông, Nguyễn Phương Viên. Sao's Publications xuất bản năm 2001. Sách in đẹp, dày 206 trang, giá 20 Mỹ kim.

Liên lạc: Sao Publications
5649 Mt. Burnside Way, Burke, VA 22015

KHẢO CỨU, TRUYỆN

📖 Nguyễn thị Thảo An, ***Bức phù điêu khắc cạn***, Tập truyện ngắn, Văn Mới xuất bản, sách dày 210 trang, giá 12 Mỹ kim.

Đây là tác phẩm đầu tay của một nhà văn nữ từng được bạn đọc Văn Học yêu mến qua những truyện ngắn đăng trên Văn Học như Xóm hưu, Đỉnh trời tròn, Mrs Jeans, Tên thị nữ Xứ Đàng Trong. Tác phẩm gồm 12 truyện ngắn và bài trả lời phỏng vấn của tạp chí Phố Văn

Mỗi truyện ngắn trong tập là một khung cảnh riêng, đề tài khác nhau. Hình như tác giả muốn thử sức tưởng tượng và dựng truyện của mình, nên ít khi có tình trạng đồng dạng trong tập truyện đầu tay như trường hợp các tác phẩm đầu tay của những nhà văn khác. Và Nguyễn Thị Thảo An đã chứng tỏ cho bạn đọc thấy nội lực vững vàng của mình qua Bức phù điêu khắc cạn. Truyện được chọn làm nhan đề cho sách cũng là truyện dài nhất, sưu tập tài liệu sử học công phu, cấu trúc truyện vững mà không gò bó. Nói chung, day là một tập truyện đầu tay thành công.

Địa chỉ liên lạc: Nhà xuất bản Văn Mới
1528 S. La Cienega Blvd.
Los Angeles, CA 90035
Tel: (310) 559-0413.

📖 Ngô Viết Trọng, ***Vết hằn mùa xuân***, tập truyện, tác giả tự xuất bản, sách dày 284 trang, giá 12 Mỹ kim.

Tác giả nguyên là một sĩ quan ngành Cảnh sát Quốc gia, gốc Huế, sau 1975 phải đi tù cải tạo nhiều năm, gia đình phải đi kinh tế mới, và may mắn tìm được lối thoát nhờ chương trình HO. Thân thế của tác giả cứ tuần tự theo thời gian mà "chảy" vào trong truyện, mặc dù nhiều truyện là chuyện người khác, một số do hư cấu từ sử sách. Lối "kể chuyện" của Ngô Viết Trọng rất chân phương, không hoa hòe hoa sói một cách không cần thiết

Liên lạc: 8283 Summer Falls Cir.
Sacramento, CA 95828
Phone: (916) 682-6404

📖 Lê thị Huệ, ***Văn hóa trì trệ nhìn từ Hà nội đầu thế kỷ 21***, ký, Văn Mới xuất bản, sách dày 284 trang, giá 14 Mỹ kim.

Tác giả về ở hẳn Việt Nam suốt một năm, ghi danh học ở một trường đại học tại Hà nội, sống giữa lòng đất nước nên những lời ký tất nhiên có giá trị hơn những ghi nhận chủ quan của một du khách Việt kiều "cưỡi ngựa xem hoa". Và kinh nghiệm sống khá đầy đủ này khiến Lê thị Huệ bi quan về đời sống văn hóa của Việt Nam, ở mọi ngành. Trong bi quan có sự thao thức cho tương lai một thế hệ đang lớn lên, cũng như có sự giận dữ trước những trì trệ tiêu cực của guồng máy công quyền.

Xin liên lạc với nhà xuất bản Văn Mới theo địa chỉ đã ghi.

📖 Vĩnh Phúc, ***Đối thoại***, (13 văn thi sĩ nói về mình và văn học), Văn Nghệ xuất bản, sách dày 210 trang, giá tại USA 13 Mỹ kim, ngoài USA 16 Mỹ kim.

Năm 1992, Vĩnh Phúc, biên tập viên uy tín của Đài BBC thực hiện một cuộc phỏng vấn một số văn nghệ sĩ hải ngoại cho chương trình phát thanh của Đài, và được thính giả VN trong nước thích thú theo dõi. Sáu năm sau, Vĩnh Phúc lại liên lạc với những người được phỏng vấn để cập nhật những chuyện đã hỏi trước đây, từ các cuộn băng ghi âm soạn thành bản thảo cho cuốn "Đối thoại" này. Mười ba người viết trả lời phỏng vấn của Vĩnh Phúc là (xếp theo thứ tự ABC): Nguyễn thị Thanh Bình, Nhã Ca-Trần Dạ Từ, Lê Tất Điều, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Trần Long Hồ, Vi Khuê, Du Tử Lê, Lãng Nhân, Hà Thượng Nhân, Võ Phiến, Nguyên Sa.

Liên lạc nhà xuất bản & nhà sách Văn Nghệ.

hộp thư

Thư từ liên quan việc mua báo, gia hạn:

Anh Hồ (San Diego CA), Ngô Nhựt Tân (Gloucester Canada), Trung Việt Bookstore (Montreal Canada, thanh toán tiền báo từ 176-179), Nguyễn Lê Tiến (Cupertino, CA, gia hạn hai năm), Đỗ thị Ngọc (Westminster CA), Lan Nguyen (Lynnwood WA), Huỳnh thị Hạnh DDS (Westminster CA), Trần Như Tráng (Malden MA), Vi Khuê (Burke VA), Nguyễn Xuân Sinh (Annandale VA), Fung Ngo (Oakland CA), Nguyễn Đức Bạn (Oak Lawn IL), James Meyers (Florissant MO) Dr. Nguyễn Thanh Lan (Fountain Valley CA), Anh Ha Doan (Stanton CA), Trần văn Điền (Westminster CA), Trần thị Nhung MD (Dorchester MA), Lâm Anh Tú (Sammamish WA, dổi địa chỉ), Thái Trang (Norman OK), Vũ Côn (Plainsboro NI, chuyển tiền của Anh LTL), Dong Tran & Chi Pham (Smyrna, Ga, mua báo cũ), Hoài Ziang Duy (Annadale VA), MaiAnh & Thu Nguyen (Las Vegas NE), Dien T. Phan (Wichita KS, quảng cáo), Đào Minh Châu (Fontana CA), Nguyễn Đức Mai (San Jose CA), Tuyet B. Vo MD (Downsview Ontario Canada), Peter Phung (El Paso TX), Yen Doan (San Diego CA, mua báo cũ), Hồ Đăng Định (Renton WA, đổi địa chỉ), Library of Congress D.C. USA, Nguyễn văn Dũng (Lethbridge Alberta Canada), Trung Q. Nguyễn (Plano TX), Ho Huu Lam (Dorchester MA), Dr. Bùi Xuân Nhiếp (Toronto Canada), Nguyễn Khuất Liên (Punchbowl NSW Australia), Nguyễn văn Mẫn (Moorbank Australia, ngưng mua từ tháng 7.2001), Tạ Thanh Minh (Villiers le Bel France), Binh V. Ngo (Annadale VA, gia hạn 3 năm) , Tâm Nguyễn (Vienna VA), Fountain Valley Branch Lib (Fountain Valley CA), Westminster Branch Lib. (Westminster CA).

Bài nhận được qua bưu điện.

"Độc chiêu" gửi từ Sacramento CA, "Bài ca đời bất tận" gửi từ Saudi Arabia, "Con dò ma, Chú Hụi, Chim ơi vĩnh biệt sao đành" gửi từ Sacramento CA, "Văn tế Giỗ Tổ Hùng vương" "Văn tế thím..." gửi từ Anaheim CA, "Như không" gửi từ Chomedy Canada, "Đi tìm" gửi từ Ontario Canada, "Thưa mẹ" gửi từ Garden Grove CA, "Trịnh công Sơn, những ngày nằm bệnh" gửi từ San Jose CA, "Southeast Asia Archive", UCI California; Thông báo của UBCTVCSTBWA gửi từ Kirland WA.

Gửi quí độc giả dài hạn mua hạng surface ở các nước Úc, Pháp, và Đức.

Như thông báo trên hai số báo vừa qua, Tòa soạn Văn Học bắt buộc phải hủy bỏ hạng surface gửi báo đi ngoại quốc. Thay đổi này khiến nhiều bạn đọc ở các nước Úc, Pháp, Đức không có điều kiện tài chánh tiếp tục mua báo. Nay Tòa oạn Văn Học đã nhờ được một số văn hữu có thiện chí ở các nước trên, sẵn sàng nhận báo gửi theo hạng priority với số lượng lớn rồi dùng bì thư gửi tiếp đến từng bạn đọc tại địa phương. Làm như thế, thời gian từ lúc gửi báo đến lúc nhận báo chỉ lâu độ hai tuần (gửi priority thường một tuần thì đến, gửi prioriy + gửi lần nữa theo hệ thống bưu diện địa phương thêm một tuần nữa).

Do đó, Văn Học vui mừng báo tin cùng quí bạn đọc ở Úc, Pháp và Đức: những bạn từng mua báo theo hạng surface có thể gia hạn theo hạng priority + printed matter địa phương với giá biểu 75 dollars. Trân trọng kính báo cùng quí bạn.

Thư thanh minh của nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường:

Vừa qua trong một cuộc tiếp xúc với các thân hữu tại quận Cam (Mỹ), hoạ sĩ Trịnh Cung có công bố một số thông tin lệch lạc về tôi, và về mối quan hệ giữa Trịnh Công Sơn, lúc ấy vừa mới qua đời, và tôi. Buổi nói chuyện sau đó được phổ biến qua hai bài: "Bài nói chuyện của Trịnh Cung" và "Bi kịch nhỏ giữa bi kịch lớn của đất nước", mà tôi hiện có trong tay.

Vì thấy cần trân trọng sự quan tâm của nhiều bạn hữu, và tôn trọng sự thật, tôn trọng tối thiểu đối với nhân cách tôi, tôi xin phép đính chính lại những thông tin của Trịnh Cung và khẳng định như sau:

1. Nhiều điều trong tư liệu nói trên, từ miệng Trịnh Cung, là không đúng với sự thật và xúc phạm đến danh dự của tôi.

Ví dụ cụ thể, Trịnh Cung đã nói rằng: Vào thời điểm 1975, Trịnh Công Sơn đã phải làm kiểm điểm nộp cho Hoàng Phủ Ngọc Tường, tôi không bằng lòng, và đã ra lệnh cho Trịnh Công Sơn phải đi học tập cải tạo.

Đây là chuyện hoàn toàn bịa đặt. Về thời điểm 1975 tại Huế, Trịnh Công Sơn đã kể lại với phóng viên báo Đất Việt tại Canada là Vĩnh Xương, bút danh của Lương Châu Phước hiện ở Montréal:

Khi giải phóng tôi ở Huế, được thư và điện của bạn bè ở chiến khu và miền Bắc, như các anh Hoàng Phủ Ngọc Tường, Nguyễn Khoa Điềm. Cùng các anh em đó tôi lập ra Hội Văn Nghệ ở Huế, (Đất Việt, tháng 6.1986, *tr.* 22, cột 2).

Nghĩa là Trịnh Công Sơn không phải đi học tập cải tạo, hiểu theo nghĩa chính xác. Nhưng cũng như nhiều người khác, kể cả công nhân viên nhà nước, anh ấy đã đi "thâm nhập thực tế" làm "nghĩa vụ lao động theo xã hội chủ nghĩa"

theo danh từ hồi đó. Cụ thể là đi trồng khoai, trồng sắn trên những mảnh đất còn mìn, vùng Bình Trị Thiên.

Điều này Sơn đã nhiều lần kể lại với ký giả ngoại quốc, như J.C. Pomonti đã tường thuật trên nhật báo lừng danh của Pháp là *Le Monde* (Thế Giới, ngày 2/3/1995, và lập lại sau khi TCS qua đời, báo đề ngày 4/4/2001). Cả thế giới đều đã đọc, đều đã biết, nay sao Trịnh Cung lại ứng khẩu, phát hiện ra điều ngược lại?

Ngoài ra, tôi, Hoàng Phủ Ngọc Tường, là người viết văn viết báo, suốt đời chưa bao giờ có chút quyền hành gì, thậm chí cũng chưa thừa hành điều gì đáng kể, làm sao "ra lệnh" được cho ai?

2. Cũng không hề có việc anh Trịnh Công Sơn phản ứng lạnh nhạt với tôi, bằng cách đóng cửa không thèm tiếp tôi trong một thời gian dài như Trịnh Cung đã nói.

Bằng chứng là tập nhạc đầy dặn của Trịnh Công Sơn "Em còn nhớ hay em đã quên", (nxb Trẻ TPHCM 1991), là do tôi đề tựa. Nếu Trịnh Công Sơn giận hờn tôi thì sao lại nhờ tôi đề tựa?

Về sau, nghe nói nhà xuất bản Hồng Lĩnh ở Mỹ đã in lại tập nhạc với cả bài tựa của tôi, nhưng lại đục bỏ tên tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường. Sao đời tôi lại nhiều oan khiên như vậy?

Nhưng cho dù, trong muôn một, Trịnh Công Sơn, lúc nào đó, có lạnh nhạt với tôi, hay với ai đi nữa, thì cũng là chuyện giữa bạn bè với nhau, đem ra nói làm gì .

3. Cuối cùng, tôi thật tình không hiểu tại sao Trịnh Cung lại chọn thời điểm tang tóc này để bịa đặt ra những chuyện lẻ tẻ trong khi ngoài mặt vẫn thân thiện với tôi?

Phải chăng vì bài tựa của tôi quá dở, không đáp ứng được với yêu cầu trí thức và tâm tình cao cả của Trịnh Cung? Hay là vì từ ngày tôi bị bệnh tai biến mạch máu não, sống sót nhờ sự cứu trợ của bạn đọc, bạn hữu trong và ngoài nước, vợ con nheo nhóc, tôi không còn khả năng thù tạc với Trịnh Cung? Chả nhẽ vì vậy?

4. Hiện nay Trịnh Cung đang tập hợp những bài viết của bạn bè thân thiết với Trịnh Công Sơn để in thành sách, ông ấy xin tôi bài. Tôi vui lòng đóng góp vì nghĩ rằng không gì quý bằng tình người, cụ thể hơn là tình bạn, mà tôi đã nhiều lần cảm thấy trong những cơn gian nguy, cùng khổ, bệnh tật, chết chóc.

Do đó, sau những dòng thanh minh này, tôi bỏ qua chuyện Trịnh Cung đã vu oan giáng hoạ cho tôi, xem như chưa bao giờ xảy ra.

Chỉ nên giữ lại cho nhau những gì tốt đẹp.

Còn những thị phi, rồi "cũng sẽ chìm trôi", như ai đó, một lần đã hát.

Hoàng Phủ Ngọc Tường

Huế, ngày 5 tháng 5, 2001

NHÀ XUẤT BẢN AN TIÊM

Sách mới

TÔ ĐÔNG PHA
Những Phương Trời Viễn Mộng

của Tuệ Sỹ. Ấn bản mới, với nhiều sửa đổi
và chú thích của tác giả. 250 trang, 14 MK.

CÁI CHẾT CỦA...
Truyện của Dương Nghiễm Mậu
Bản in mới, có tăng bổ.
180 trang. Giá 10 MK.

QUÊ HƯƠNG VÀ QUẢ ĐẤT

Bản dịch của Nguyễn Hồi Thủ
Cuốn sách đề cập đến những vấn đề bức xúc của Thời
Đại 300 trang. Giá 15 MK.

TRẦM TƯ CỦA MỘT TÊN TỘI TỬ HÌNH
Luận thuyết của Hồ Hữu Tường.

Sách tái bản. 108 trang, 08.MK.

Mua sách xin liên lạc:
Nhà Sách Văn Nghệ
P.O.Box. 2301
Westminster, CA 92683
(714) 934-8574

NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI

1528 S. La Cienega Blvd.
Los Angeles, CA 90035 - USA
Tel: (310) 559-0413 Fax: (310) 659-2627

***

NHỮNG SÁCH MỚI CỦA NHÀ XUẤT BẢN:

Cồn Mây
Truyện dài Hồ Minh Dũng, giá $17

Loanh Quanh Những Nẻo Đường
Ký Trần Doãn Nho, giá $10

Kẻ Giật Dây
Tiến Sĩ Công Pháp Lê Đình Chi, giá $10

Cảm Nhận
Võ Phiến, giá $10

Bay Đi Cánh Chim Biển
Tập truyện Hoàng Nga, giá $10

Tuyển Tập Thơ Văn Hải Ngoại Năm 2000
67 tác giả, giá $20

Cõi Người Trong Văn Chương Bình Dân
Huỳnh Văn Phú, giá $10

Lời Tỏ Tình Đã Cũ
Tập truyện Hoàng Chính, giá $10

Truyền Thống Văn Hóa Dân Tộc Việt Nam Trong Văn Chương Đối Liễn
Minh Chánh Học Sĩ TrầnCông Định, giá $15

Dì Thu
Tập truyện Trang Châu, giá $10

Chữ Nghĩa Bề Bề
Chuyện văn chương Đặng Trần Huân, giá $12

Hạnh Phúc Có Thật
Tập truyện Bùi Bích Hà, giá $10

Phía Bên Kia Mặt Trăng
Tập truyện Trần Thị Diệu Tâm, giá $10

Văn Hóa Trì Trệ Nhìn Từ Hà Nội Đầu Thế Kỷ 21
Ký của Lê Thị Huệ, giá $14

Bức Phù Điêu Khắc cạn
Tập truyện Nguyễn Thị Thảo An, giá $12

PHIẾU MUA / GIA HẠN BÁO

Họ và tên:.....
Địa chỉ:.....
Thành phố.....Tiểu bang.....Zip.....
Quốc gia.....
Đồng ý ☐ Mua
☐ Gia hạn báo Văn Học
Thời hạn:.....năm, từ số.....đến số.....
Gửi theo hạng:
USA: ☐ First Class
☐ Bookrate

Ngoài USA: ☐ Global Priority

Đính kèm chi/ngân phiếu với số tiền US$.....

GIÁ BIỂU BÁO DÀI HẠN

áp dụng từ 1 tháng 4 năm 2001

HOA KỲ / MỘT NĂM

Hạng bookrate : ☐ 50 Mỹ kim
Hạng First Class: ☐ 60 Mỹ kim

CANADA / MỘT NĂM

Chỉ gửi duy nhất một hạng Global Priority:
☐ 80 Mỹ kim

ÂU CHÂU, Á CHÂU, ÚC CHÂU / MỘT NĂM

Chỉ gửi duy nhất một hạng Global Priority:
☐ 100 Mỹ kim

Giá bán lẻ tại các hiệu sách: 5 Mỹ kim

Đã tái bản hạn chế
hai bộ trường thiên của nhà văn

NGUYỄN MỘNG GIÁC

(ấn bản có sửa chữa & bổ sung)

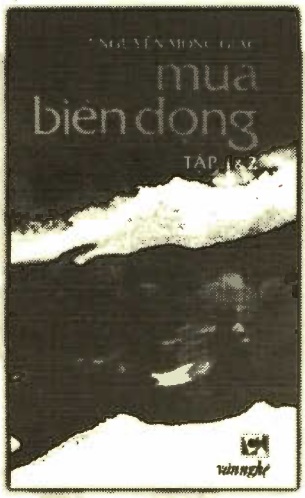

Mùa Biển Động (5 tập)
Giá 65 MK
(Người USA thêm 5MK)

Sông Côn Mùa Lũ (4 tập)
Giá 65 MK
(Người USA thêm 5MK)

Thư từ, chi phiếu xin gửi về:

Nguyễn Khoa Diệu Chi
P.O. Box 1359
Garden Grove, CA 92842

Phone: (714) 894-8535
E-mail: nmg@vinet.com

SÁCH MỚI, SÁCH MỚI!

- NHAN SẮC — 10MK
  truyện dài (tái bản) *Dương Nghiễm Mậu*
- GIAI THOẠI THIỀN SƯ — 10MK
  Lâm Thanh Huyền, Phạm Huê dịch
- BÔNG HỒNG VÀNG — 15MK
  Konstantin Paustowsky, Vũ Thư Hiên dịch
- CHIẾN TRANH ĐÔNG DƯƠNG 3 — 13MK
  Cuộc chiến Miên Việt, Hoa Việt 1997
  Biên khảo *Hoàng Dung*
- NHẬN DIỆN CHÂN DUNG NHÀ VĂN — 16MK
  Xuân Sách "vẽ" bằng thơ, *Lý Hồng Xuân* luận bình
- TRẦM TƯ — 7MK
  danh ngôn *Võ Hồng*
- KHUNG RÊU, *Nguyễn Thị Thụy Vũ* — 15MK
  truyện dài giải thưởng văn chương toàn quốc 1970
  (tái bản để giúp tác giả còn ở Việt Nam trên rừng Lộc Ninh)
- THE LOVER'S GIFT - Tặng Vật Của Tình Nhân — 8MK
  Rabindranath Tagore, bản Việt ngữ *Bùi Bảo Trúc*
- VĂN HỌC VÀ THỜI GIAN, *Nguyễn Vy Khanh* — 15MK
- BINH BIẾN 11-11-60 — 18MK
  hồi ký *Vương Văn Đông*
- CỬU LONG CẠN DÒNG, BIỂN ĐÔNG DẬY SÓNG — 25MK
  tiểu thuyết *Ngô Thế Vinh*
- VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ ĐIỂM NHÌN H(ậu h)IỆN ĐẠI — 17MK
  phê bình, tiểu luận *Nguyễn Hưng Quốc*
- ĐỔI MỚI, NIỀM VUI CHƯA TRỌN — 14MK
  hồi ký *Trần Độ*
- BÈ BẠN GẦN XA — 22MK
  bút ký *Phan Lạc Phúc* (ký giả Lô Răng)
- SUỐI NHỎ ÊM DỊU — 8MK
  kịch *Nguyễn Huy Thiệp*
- ĐỐI THOẠI, 13 VĂN THI SĨ NÓI VỀ MÌNH VÀ VĂN HỌC — 13MK
  Vĩnh Phúc

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301
WESTMINSTER, CA 92683
(714) 934-8574
Email: vannghe@pacbell.net

Giá 5 Mỹ kim